

làng văn

84
8.1991



Bổ-túc thư-mục 1991

LÀNG VĂN PHÁT-HÀNH

(dùng kèm *Thư-mục Làng Văn 1991*)



ẢO-THUẬT

Biên-khảo, Vũ Thành
9MK—12GK

ẢO-THUẬT KHÓ MÀ DỄ

Biên-khảo, Bình Sơn
8MK—11GK

BĂNG NHI

Truyện dài, Quỳnh Dao, Ngô Quân dịch
10MK—13GK

BẦY CON TRAI

Truyện dài, Chàng Nguyễn
5MK—7GK

BẮT CHIẾN TỰ NHIÊN THÀNH

Hồi-ký, Nixon, Phạm Ích Tổng dịch
17MK—22GK

CÁC THỂ VÕ DÀNH CHO PHÁI NỮ

Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà & Phan Chấn Thanh
6MK—8.50GK

CẨM-NANG CHO NGƯỜI SỬ-DỤNG XE HƠI

Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Việt
10MK—13GK

CẨM-NANG TRỊ-LIỆU

Kiến-thức phổ-thông, V.N. Hoàng
8MK—11GK

CÁNH CHIM TRONG GIỒNG BÃO

Truyện dài, Liêu Quốc Nhĩ
6.50MK—9GK

CHÍNH-TRỊ, THỦ-ĐOẠN VÀ MUU-KẾ

Biên-khảo, Vũ Tài Lục
20MK—26GK

CHỌN BẠN TRĂM NĂM

Kiến-thức phổ-thông, Nguyễn Tử Quang
6MK—8.50GK

CHÚA CHỐM BA MUOI SÁU TÁN VÀNG

Truyện dài dã-sử, Hoài Khanh
7MK—10GK

CHUYỆN QUÊ NAM

Truyện ngắn, Hồ Trường An
10MK—12GK

CỐI ĐÊM

Truyện dài, Nguyễn Ngọc Ngạn
18MK—22GK (giá tái-bản)

CỐI KÝ-ỨC TRẮNG XANH

Tạp-bút, Hồ Trường An
10MK—12GK

CON RẮN LỬA HUYỀN-DIỆU TRONG NỀN TRIẾT-HỌC ĐÔNG-PHƯƠNG

Triết-học, Thịnh Quang
14MK—18.50GK

CƠ MUA ĐẦU MÙA

Truyện ngắn, Diệu Tần
10MK—12GK

DU-HÀNH TRONG LÒNG ĐỊA-CẦU

Truyện dài giả-tưởng, Jules Verne, Lê Quang Nghĩa dịch
6.50MK—9GK

ĐẠI VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-THU

Kiến-thức phổ-thông, Ngô Sĩ Liên, Nhượng Tống dịch
14MK—18.50GK

ĐIỆP-VỤ SAU CÙNG

Truyện dài, Hùng Sơn
13MK—16GK

EM HÁT EM VUI

Tập nhạc thiếu-nhi, Nguyễn Hữu Nghĩa & Phan Ni Tấn sáng-tác, sưu-tập
6MK—8GK

GIÁ TỰ-DO

Truyện dài, Nguyễn Ang Ca
15MK—19.50GK

GIẢNG-LUẬN VỀ CA-DAO VÀ DÂN-CA

Biên-khảo, Huy Phong & Nguyễn Thùy
10MK—13GK

GIÒNG ĐỜI XUA VÀ NAY

Truyện ngắn, Tuyết Minh
10MK—12GK

HẢI-ĐẢO THẦN-TIÊN

Truyện dài, Đặng Trần Huân dịch
7MK—10GK

HỒI-KÝ PHẠM DUY, THỜI THƠ-ẤU VÀO ĐỜI

Hồi-ký, Phạm Duy
17MK—22GK

HƯỚNG-DẪN TÂM-SINH-LÝ TUỔI TRƯỞNG-THÀNH

Kiến-thức phổ-thông, Duy Nhiều và Phạm Đình
7MK—10GK

KỸ-THUẬT NHIẾP-ẢNH TỪNG ĐIỂM MỘT

Kiến-thức phổ-thông, Michael Langford, Đặng Phương Kiệt dịch
10MK—13GK

LỊCH-SỬ NỘI-CHIẾN Ở VIỆT-NAM

Biên-khảo
15MK—29GK

MÙA XUÂN CHIẾN-THẮNG

Truyện ngắn, Hoàng Minh Thúc
7MK—10GK

NGHỆ-THUẬT CẨM HOA NHẬT-BẢN

Kiến-thức phổ-thông, Minh Hùng
8MK—11GK

NGÔI NHÀ BÀ GIÁO

Truyện dài, Huyền Châu
10MK—13GK

NGƯỜI LÍNH CÒN LẠI

10MK—13GK

NGƯỜI YÊU NƯỚC MỸ

Tạp-bút, Khải Sơn
12MK—15.50GK

làng văn



P.O. Box 310, Station "W" Published 12 times a year
Toronto, Ont., M6M 5B9, Canada Second Class Mail Reg. No 8040
Tel. (416) 249-4195 Fax. (416) 240-0342 ISSN 0832-1922 — LDN 310578

Volume 8 — Number 84 — August 1991

TRONG SỐ NÀY:

Về bản sơ-thảo "Tự-do văn-hóa", Nguyễn Hữu Nghĩa	2
Tin văn	4
CSVN họp xong đại-hội Đảng, trở lại đường lối cứng-rắn	4
Trong làng	9
Ngoài ngõ	10
Tin tị-nạn	12
Các phong-trào tranh-đấu của phụ-nữ VN 1926-1933, Hứa Hoành	14
Thơ Thanh Lê	16
Hương sắc quê mình: Cát vù rút ruột, Lãng Nhân	19

VU-LAN, THƠ VĂN MÙA BÁO HIẾU:

Áo vải bút lông, Võ Đình	20
Thơ Nguyễn Mạnh An Dân, Trần Văn Lệ, Nguyễn Huy Phước	23
Chiếc áo của thầy tôi, Phan Lạc Tiếp	24
Thơ Hồ Trường An	25
Hình-ảnh người mẹ, Hồ Trường An	26
Thơ Dương Như Nguyễn	28
Thơ Nguyễn Sĩ Long	31
Nội, Võ Hoài Nam	36
Thơ Phạm Quang Ngọc	38
Thơ B.H.T.	42
Ngày mẹ bệnh, Ngô Nguyễn Dũng	42
Thơ Hoàng Chính	43
Giấc mơ, Ngô Du Trung	44
Thơ Nguyễn Tài Ngọc	46
Thơ Việt Phương, Lâm Nam Triều	47

BÀI-VỞ THƯƠNG-XUYỀN:

Khúc quanh đổi mới, Nguyễn Ngọc Ngạn	48
Xóm cũ: Món ngon miền Nam, Xuân Tước	58
Thơ Phạm Tâm Phổ	61
Khám lớn Sài-gòn, An Khê	61
Thơ Ngử An	63
Thơ Cao Hoàng Nhân	66
Huyền-thuật và các đạo-sĩ Tây-tạng, Nguyễn Phong	69
Thơ Bắc Phong	73
Chân quang, Tự tỉnh	75
Thơ Dương Hoài Ninh	78
Al Capone, Lê Xuân Nhị	79
Chính-khách, Nguyễn Ngọc Ngạn	91
Thơ Cao Xuân Tứ	93
Thơ Tô Giang	96
Thơ Phan Thịnh	101
Độc-giả thác-mác	104
Đầu làng cuối xóm:	
Mồ (Làng Văn), Định-Tĩnh sư-thái, thơ chùa Hồ Công Tử	106
Nhận được giới-thiệu	110
Nhắn tin tị-nạn	110
Thư đi tin lại	112

Tranh bìa: Xuân nữ, thủy thái họa của Vũ Thái Hòa

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyễn Nghĩa

Ban biên-tập:

Bạch Thái Hà—Bút Chì—Cao Tiêu—Cung Vũ
Diệu Tần—Dương Thượng Ngã—Đan Quế
Đào Trường Phúc—Đào Huy Đán—Đỗ Khánh Hoan
Hà Huyền Chi—Hoàng Du Thụy—Lãng Nhân
Lâm Hào Dũng—Lê Văn Lân—Luân Hoàn
Mai Kim Ngọc—Mồ Làng Văn—Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Phong—Nguyễn Nghĩa—Nguyễn Đức Bạt Ngàn
Nguyễn Văn Ngọc—Nguyễn Ngọc Ngạn
Phạm Quang Ngọc—Phạm Thăng—Tự Tình
Thái Văn Kiểm—Trần Mộng Tú
Trường Sơn Lê Xuân Nhị—Tuệ Nga
Trần Thiện Hiệp—Trần Văn Tích—Võ Đình

Cộng-tác:

Bắc Phong—Bào Chấn—Cao Bình Minh—Cao Xuân Lý
Dương Hoài Ninh—Đặng Thị Quế Phương—Đoàn Tam
Đỗ Quý Toàn—Đông Nghi—Hàn Song Tường
Huỳnh Liễu Ngạn—Hoài Châu—Hoàng Xuân Sơn
Kha Huyền—Lưu Nguyễn—Ngọc Hân—Ngọc Khôi
Như Chi—Nguyễn Đức Lập—Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Tất Nhiên—Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà—Nguyễn Việt—Nguyễn Tấn Hưng
Nguyễn Trung Tâm—Nguyễn Thị Vĩnh
Nguyễn Hữu Nhật—Phạm Hoàng Hộ—Phan Ni Tấn
Quỳ Hương—Phùng Nhân—Thái Tú Hạp
Thế Uyên—Trần Quang Hải—Trần Văn Lê
Trịnh Gia Mỹ—Vân Nương—Võ Phiến

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Trình-bày: Cung Vũ

Góp tranh:

Babui—Nguyễn Khai—Nguyễn Đồng
Nguyễn Thị Hợp—Nguyễn Tường Quý—Thái Tuấn
Vet—Vi Vi—Võ Đình—Vũ Thái Hòa

Nhiếp-ảnh:

Lê Quang Xuân—Trương Trọng Trác

Đại-diện tại Âu-châu: Bạch Thái Hà

Đức: Ngô Việt Dũng—Hòa-lan: Hồ Thị Chiến

Pháp: Bạch Thái Hào—Anh: Hoài Châu

Đại-diện tại Á-châu: Đỗ Thông-Minh

Đại-diện tại Úc-châu: Ngọc Hân

GIÁ BÁO BÁN LẺ:

Gia-nã-đại & Hoa-kỳ: \$4 — Pháp: 30 quan
Anh: 2 bảng — Đức: 8 đức mã — Hòa lan: 8 gulden
Úc: 8 úc kim — Nhật: 500 yen

GIÁ BÁO DÀI HẠN VÀ QUẢNG-CÁO:

Xem trang 119

Làng Văn 1

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Vài Điểm Nhận-Xét Bản Sơ-Thảo “Nhận-Định Tự-Do Văn-Hóa” của Nhóm “Hợp-Lưu”, California

Nguyễn Hữu Nghĩa

Nhóm “Hợp-Lưu” ở California với chủ-trương giao-lưu văn-hóa (không minh-định đối-tượng giao-lưu) đã phổ-biến đi nhiều nơi bản sơ-thảo *Nhận-định về tự-do văn-hóa*, yêu-cầu mọi người góp ý và ký tên.

Nhận thấy đây là một vấn-đề chung, tôi xin góp ý (những chữ nghiêng trong ngoặc kép là nguyên-văn của bản nhận-định).

Mở đầu, bản sơ-thảo viết:

“Trước cao-trào Tự-do và Dân-chủ của thế-giới, trước sự sụp-đổ liên-tục của các chế-độ độc-tài, chúng tôi, những người cầm bút ký tên dưới đây xác-tín rằng:”

Nhận-xét: Cộng-sản sụp-đổ thì nói thẳng là “Cộng-sản” sụp-đổ, tại sao lại phải kiêng “hủy”, né-tránh lòng-vòng là “các chế-độ độc-tài”?

Riêng chữ “xác-tín”, tôi không hiểu người soạn bản sơ-thảo dùng theo nghĩa nào. *Xác-tín* là danh-từ (không phải động-từ), chỉ có nghĩa là tin-tức chính-xác (không phải là *thật lòng tin rằng*). Phải chăng người soạn muốn nói là *xác-định* (nêu lên một cách đúng-đắn, rõ-ràng) hoặc *xác-minh* (nói rõ sự thật qua thực-tế và chứng-cớ hiển-nhiên)?

“1.—Ngày nay chỉ có một lần ranh duy nhất, là lần ranh giữa đảng CS cầm quyền và đa-số nhân-

dân bị áp-bức. Đối-diện với thực-tại đó, rất nhiều văn-nghệ-sĩ trong và ngoài nước dù với quá-khứ và vị-trí khác nhau, đã nói và viết lên được những tiếng nói trung-thực và khát-vọng của đồng-bào.”

Nhận-xét: trong nhóm chữ “đảng Cộng-sản cầm quyền”, người soạn văn-bản có bao gồm các tổ-chức, phong-trào ngoại-vi như Mặt Trận Tổ-Quốc, cao-trào “văn-nghệ phản-kháng” và những người hoặc còn sợ-sệt cái bóng huyền-thoại kháng-chiến, hoặc có cảm-tình với CS hay không?

Câu thứ hai trong đoạn này không sáng-tỏ. *“Rất nhiều văn-nghệ-sĩ trong và ngoài nước dù với quá-khứ và vị-trí khác nhau...”* là những ai? Chúng ta chấp-nhận *quá-khứ*, nhưng phải xác-định vị-trí của họ. Có gì bảo-đảm rằng một nhà văn ở bên kia *lần ranh*, nghĩa là thuộc về đảng CS cầm quyền lại viết lên tiếng nói trung-thực và khát-vọng của đồng-bào? Nếu các nhà văn đảng-viên cũng đứng cùng một phía với nhân-dân, thì làm gì còn có *lần ranh* phân-biệt, và như vậy chúng ta cần gì phải tranh-đấu nữa!

“2.—Những tác-phẩm trên đều thuộc vào tài-sản văn-hóa dân-tộc. Không một thế-lực nào, trong hoặc ngoài nước, có thể mập-mờ qui-chụp những tác-phẩm đó là tài-sản của đảng cầm quyền.”

Nhận-xét: không phải tác-phẩm của bất cứ ai dù ở *“vị-trí khác nhau”*, nghĩa là kể cả tác-phẩm của nhà văn đảng-viên viết theo lệnh Đảng, đều có thể xếp vào “tài-sản văn-hóa dân-tộc” được. Tác-phẩm của đảng-viên CS tự nó đã là sản-phẩm của đảng CS, không cần phải “mập-mờ qui chụp.”

Ở đây, cần phải xác-định rõ thế nào là “tài-sản văn-hóa dân-tộc” và thế nào là sản-phẩm tuyên-truyền của đảng cầm quyền. Một bài thơ loại *Giết giết nữa bàn tay không phút nghỉ* (Tố Hữu) hay một thiên anh-hùng-ca xung-tụng bộ-đội xâm-lăng như *Dấu chân người lính* của Nguyễn Minh Châu, nó thuộc về “tài-sản văn-hóa dân-tộc” hay “tài-sản của đảng cầm quyền”?

Cũng trong đoạn 2, người soạn văn-bản đề-cập ít nhất hai “thế-lực” (trong và ngoài nước) có thể “mập-mờ qui-chụp.” Xin xác-định rõ, chỉ có đảng CS trong nước mới có “thế-lực” để “qui chụp”, bẻ bút, bắt-bớ, tra-tấn, giam-cầm, thủ-tiêu văn-nghệ-sĩ. Nhân-dân trong nước và đồng-bào hải-ngoại không có quyền bắt ai, cấm ai; họ chỉ có thể chống-đối tiêu-cực bằng cách không mua, không đọc, không ủng-hộ những loại sách-báo tuyên-truyền nhằm bảo-vệ chế-độ cộng-sản, cho nên không thể “qui-chụp” họ mập-mờ qui-chụp được.

“3.—Chúng tôi đòi hỏi, nhà cầm quyền Việt-nam phải chấp-thuận cho lưu-hành các tác-phẩm in từ hải-ngoại, và ngược lại người Việt hải-ngoại có quyền lưu-hành các tác-phẩm quốc-nội nói trên.”

Nhận-xét: một khi chính-quyền VN cho phép gửi sách ca-ngợi dân-chủ về nước, và quốc-nội tự-do xuất-bản sách báo nói lên “khát-vọng của đồng-bào” ra ngoài, tất-nhiên chính-quyền cộng-sản không còn là cộng-sản nữa.

Đối-phó với một chế-độ độc-tài, nếu chỉ đòi-hỏi suông mà không có biện-pháp đi kèm, thật chẳng khác nào tay không mà bảo thẳng ăn cướp buông súng.

Chúng ta “đòi hỏi”, nhưng nếu CS không nghe thì làm sao, có biện pháp chế-tài nào không? Giả-sử như chúng ta gom được vài trăm chữ ký để “đòi hỏi”, dán tem gửi về Hà-nội, CS vẫn lơ đi, nhóm Hợp-Lưu sẽ phản-ứng cách nào? Tạm-thời để yên cho đồng-bào tẩy-chay sách cộng-sản, hay vẫn tiếp-tục “lưu-hành” bằng cách in lại và phổ-biến tác-phẩm của các nhà văn đảng viên?

Trong tinh-thần dân-chủ, tôi nghĩ rằng đồng-bào ở hải-ngoại sẵn-sàng trao-đổi sách với CS trong nước. Việc trao-đổi phải có tính cách *hai chiều* và *đồng-thời*. Trong khi Hà-nội chưa cho sách hải-ngoại vào, chúng ta vẫn phải ngăn không cho sách trong nước ra. Hành-động ngăn-chặn đó không phải là bóp nghẹt tự-do văn-hóa, mà là phản-công tự-vệ, đồng-thời để làm giá thương-lượng với CS.

“4.—Chúng tôi đòi hỏi, nhà cầm quyền Việt-nam phải chấp-thuận cho người Việt trong nước được quyền tự-do như người Việt hải-ngoại, đọc và nghiên-cứu văn-học quốc-tế.”

Nhận-xét: câu này chỉ lập lại ý của đoạn 3. CSVN chưa bao giờ tuyên-bố cấm dân đọc sách, mà chỉ chọn sách để xuất-bản cho dân đọc.

“5.—Tất cả mọi hành-động dù xuất-phát từ đâu, chống lại các điều trên đều làm cản-trở bước tiến dân-chủ và quyền tự-do văn-hóa của đồng-bào.”

Nhận-xét: cho tới bây giờ, tôi vẫn tin rằng sau Tần Thi Hoàng, chỉ có các chính-quyền độc-tài, cộng-sản mới chủ-trương bóp chết tự-do tư-tưởng. Người soạn-thảo văn-bản và nhóm Hợp-Lưu chỉ cần nhấm thặng vào chính-phủ Hà-nội mà tranh-đấu là đủ. Tại các nước tự-do không ai có quyền cấm ai ...đọc sách, và cũng không ai có quyền cấm người khác tẩy-chay một cuốn sách mà họ không thích đọc. Đó là “quyền” tự-do căn-bản, tiêu-cực và nhỏ-nhoi nhất của con người mà không ai có thể tước-

đoạt được.

Trong giai-đoạn hiện-tại, trong khi chưa có sự trao-đổi sách vở về nước một cách công-khai, đồng-bào phải giữ thế bằng cách đóng cửa, rút cầu, không mua sách báo của CS để buộc CS phải mở cửa trao-đổi. Quyền tẩy-chay của người đọc, như vậy, chẳng những không “cản-trở” mà còn thúc đẩy “*bước tiến dân-chủ và quyền tự-do văn-hóa của đồng-bào.*”

SỰ RA ĐỜI MUỘN MÀNG

Thực ra, vấn-đề “tự-do văn-hóa” đã được nhân-loại bênh-vực, bàn-cãi và đưa vào văn-bản từ lâu. Quyền tự-do tư-tưởng, tự-do sáng-tác, tự-do thông-tin ngôn-luận, hội-hợp đã được minh-định trong bản hiến-chương Văn Bút quốc-tế, trong bản Tuyên-ngôn Quốc-tế về Nhân-quyền và Dân-quyền, trong điều-lệ các tổ-chức văn-hóa quốc-tế và quốc-gia, trong hiến-pháp các nước, kể cả các nước cộng-sản, v.v.

Sự lên tiếng quá sức muộn-màng của nhóm “Hợp-lưu” khiến người ta phải đặt ra nhiều nghi-vấn...

Không cần nhắc chuyện xa-xôi, chỉ nhìn lại thời-gian 15 năm nay thôi. Từ năm 1976 tới 1980, CSVN đốt sách, hủy-hoại văn-học miền Nam, bắt-bớ giam-cầm hàng loạt văn-nghệ-sĩ khi ấy các ông ở đâu mà không lên tiếng? Nhà văn Hiếu Chân chỉ vì gửi bản dịch *Liêu-trai chí-dị* ra ngoài mà bị mất mạng trong khám Chí-hòa, sao các ông không nói tới? Từ 1981 tới nay CSVN bắt rồi tha, tha rồi bắt bao nhiêu văn-nghệ-sĩ, thậm chí bức tử nhà văn Dương Hùng Cường trong tù; trước bao nhiêu biến-cổ, tai-họa giáng xuống đầu người cầm bút trong nước, sao các ông không hé môi? Gần đây nhất, tháng 4 năm 1990, CSVN lại bắt một loạt văn-nghệ-sĩ nữa, các ông cũng không hề có một phản-ứng nào. Tại sao phải đợi tới khi Văn Bút Ontario kêu-gọi bãi-trừ sách tuyên-truyền của Hà-nội, rồi cộng-đồng Việt-nam tại California đốt các loại sách quảng-cáo cho cộng-sản, các ông mới hợp

lại soạn sơ-thảo đi vận-động chữ ký?

Đọc kỹ bản sơ-thảo, không cần tinh ý lắm, người ta cũng thấy đối-tượng tranh-đấu của nhóm “Hợp-lưu” không phải là Cộng-sản Hà-nội, mà chính là anh em trong văn-giới và đồng-bào hải-ngoại.

Kêu-gọi “giao-lưu văn-hóa” mà không có biện-pháp tích-cực buộc cộng-sản phải “giao-lưu” thực-sự, chẳng khác nào trói tay anh em, buộc họ đơn phương buông bút, y hệt như phong-trào phản-chiến trước 1975 từng tranh-đấu đòi các chiến-sĩ VNCH đơn phương buông súng.

Bản sơ-thảo luôn luôn đề-cao các danh-từ “tự-do, dân-chủ”. Những chữ tốt-đẹp ấy phải áp-dụng đồng-đều cho mọi người, trong hay ngoài nước. Tự-do văn-hóa đôi khi bao gồm cả tự-do tuyên-truyền; nhưng chống lại một cuốn sách tuyên-truyền không có nghĩa là phủ-nhận tự-do văn-hóa, mà là hành-động tự-vệ chính-đáng, thể-hiện tinh-thần tự-do dân-chủ.

Khi phủ-nhận quyền tẩy-chay một tác-phẩm văn-hóa, chính những người chủ-trương “giao-lưu” một chiều chẳng những đã “*cản-trở bước tiến dân-chủ và quyền tự-do văn-hóa của đồng-bào*” mà còn góp sức củng-cố chính-sách khống-chế tư-tưởng con người, đi ngược lại trào-lưu tiến-hóa của nhân-loại.

Trong giai-đoạn chót của cuộc tranh-đấu cam-go này, không ai có quyền nhân-danh bất cứ một điều gì để giải vây, đánh tháo cho những kẻ bạo-tàn.

Trên mặt trận văn-hóa ở thế cải-rãng lược, những người đốc tâm tháo-gỡ khó-khăn cho bạo-quyền, dọn-dẹp chướng-ngại để cộng-sản tuôn sách tuyên-truyền ra ngoài, đã tự xác-định điểm đứng của họ. Điểm đứng ấy không phải là điểm đứng của những người cầm bút chân-chính, thực-sự yêu lẽ phải và tự-do dân-chủ, dù họ có núp kỹ sau những tấm bình-phong dân-chủ.

tin văn



ĐỨC TĂNG THUẾ, LẤY TIỀN TRẢ NỢ

Sau khi thống-nhất đất-nước, chính-phủ Đức đã bắt buộc tăng thuế để lấy tiền trang-trải nợ-nần cho nước Đông Đức cũ. Các loại thuế sẽ tăng gồm thuế tư-sản và doanh-thương. Ngoài ra, còn có thuế phụ thu 7.5% đánh vào những người lợi-tức cao. Ngoài ra, chính-phủ còn tăng giá xăng và nhiều mặt hàng khác.

Chính-phủ nước Đức thống-nhất phải trả nợ đây cho nước Đông Đức cũ. Số nợ này lên tới 300 tỉ đức-mã, ngoài ra còn phải cứu-vãn những khu-vực môi-sinh bị tàn-phá. Đức dự-trù phải trả từ 10 tới 20 năm mới hết nợ.

Về mặt chính-trị, chính-phủ Đức đã ra lệnh phong-tỏa toàn bộ các chương-mục ngân-hàng trong và ngoài nước có liên-quan tới đảng Cộng-sản Đông Đức. Kể từ nay, ban chấp-hành trung-ương đảng CS Đức, và các cấp chính-quyền vùng Đông Đức cũ chỉ được rút tiền khi có giấy phép chấp-thuận của chính-phủ liên-bang. Biện-pháp này nhằm ngăn chặn việc chính-phủ Đông Đức cũ tẩu-tán tài-sản, chuyển-giao cho đảng CS Đức.

IRAQ MUỐN GIẤU VŨ-KHÍ NGUYÊN-TỬ

Trong suốt tháng 6 và tuần-lễ đầu tháng 7.1991, Iraq đã cố-gắng ngăn-cản không cho các toán kiểm-soát vũ-khí nguyên-tử của Liên-hiệp-quốc tới gần các kho nguyên-liệu và công-binh xưởng chế-tạo vũ-khí của quốc-gia này. Saddam Hussein đã ra lệnh cho binh-sĩ Iraq dùng vũ-khí kháng-cự và đe-dọa nhiều lần, khiến các toán chuyên-

viên của Liên-hiệp-quốc phải rút về Bá-đạt, phúc-trình cho Hội-đồng Bảo-an.

Hội-đồng Bảo-an LHQ đã lên tiếng cảnh-cáo Saddam Hussein, và Tổng-thống Bush của Hoa-kỳ sau khi họp Hội-đồng An-ninh Quốc-gia, tuyên-bố rằng "biện-pháp quân-sự sẽ được tái sử-dụng nếu các nghi-thức ngoại-giao không có hiệu-lực" vì "đã có bằng-chứng hiển-nhiên Iraq vi-phạm hiệp-định ngưng bắn."

Cuối cùng, Saddam Hussein đã phải hạ lệnh cho binh-sĩ ngưng làm khó dễ, để các chuyên-viên của LHQ hoàn-thành công-tác khám-xét.

BUSH—GORBACHEV HỌP RIÊNG

Ngày 17.7.91, TT Hoa-kỳ George Bush và TT Liên-sô Maikhaïl Gorbachev đã họp riêng trong 2 giờ đồng hồ, bên lề Hội-nghị G-7 của 7 nước tiên-tiến kỹ-nghệ tổ-chức tại Luân-đôn, thủ-đô Anh-quốc. Hai ông "trùm" bàn về vấn-đề vũ-khí chiến-lược, gợi ý trước về những vấn-đề lớn sẽ thương-thảo trong chuyến công-du của tổng-thống Hoa-kỳ tại Mạc-tư-khoa vào cuối tháng 7.1991 này.

1000 NGƯỜI NGA RỬA TỘI THEO CHÚA

Nội trong ngày 19.7 vừa qua, 1000 người Nga đã nhận lễ rửa tội theo Thiên-chúa giáo ngay trên sông Volga ở Yaroslavi, một thành-phố kỹ-nghệ cách Mạc-tư-khoa 260 cây số về phía tây bắc.

Buổi lễ rửa tội tập-thể này được tổ-chức nhân ngày lễ thánh Sergi Radonezhski của Nga.

NGUYỄN VĂN LINH: XHCN LÀ CON ĐƯỜNG DUY NHẤT

Ngày 24.6.1991, đảng Cộng-sản Việt-nam làm lễ khai-mạc trọng-thể Đại-hội Đảng kỳ 7 tại Hà-nội, qui-tụ 1176 đại-biểu, thay mặt cho 2.155.022 đảng-viên trên toàn-quốc và hải-ngoại.

Chỉ có 4 đoàn đại-biểu CS ngoại-quốc được cử tới quan-sát Đại-hội gồm: Liên-sô (do Bí-thư Trung-ương Đảng hướng-dẫn), Lào (Tổng Bí-thư), Cao-miên (Tổng Bí-thư) và Cuba. Không kể các Cộng-đảng Đông Âu đã hoặc đang tan-rã, các Cộng-đảng Trung-hoa, Bắc-hàn không cử phái-đoàn tham-dự và cũng không gửi điện văn chúc mừng như thường-lệ.

Trong diễn-văn khai-mạc, tổng bí-thư Nguyễn Văn Linh tuyên-bố: "*Chúng ta xác-quyết một lần nữa về ước-mơ tiếp-tục theo-đuổi con đường xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa dưới sự lãnh-đạo sáng-suốt của Đảng. Xã-hội chủ-nghĩa là con đường đứng-đắn độc nhất.*"

Cũng trong bài diễn-văn, Linh thú-nhận sự khủng-hoảng trầm-trọng trong "lý-thuyết cũng như thực-hành" của xã-hội chủ-nghĩa, điển-hình là sự phá-sản của chủ-nghĩa CS tại Liên-sô và Đông Âu.

Nguyễn Văn Linh, viên tổng bí-thư từng đứng ra phát-động phong-trào văn-nghệ cởi trói, kêu-gọi đổi mới tư-duy và phát-triển dân-chủ, nay xác-định lại rằng Việt-nam sẽ không theo con đường dân-chủ-hóa đó. Linh tổ-cáo "*các thể-lực đế-quốc đứng đằng sau mọi khủng-hoảng và phá-sản của chủ-nghĩa cộng-sản Đông Âu*" và khẳng-định rằng mọi thay-đổi chính-trị sẽ đưa đất nước vào tình-trạng hỗn-loạn, tạo thêm khó-khăn.

Nguyễn Văn Linh đề-cao tuyệt-đối vai-trò lãnh-đạo độc tôn của đảng Cộng-sản: "*trong điều-kiện hiện-tại của đất nước, chúng ta không có nhu-cầu thiết-lập một nền móng chính-trị đa-nguyên và một guồng máy chính-quyền đa-đảng.*"

Cộng-Sản Việt-Nam

Họp Xong Đại-Hội 7, Xác-Định Đường Lối Cứng Rắn Bảo-Thủ

- Nguyễn Văn Linh mất chức
- Võ Chí Công, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Cơ Thạch, Hoàng Bích Sơn, Mai Chí Thọ, Huy Cận, Trần Độ, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Thị Định, Cao Đăng Chiếm,... bị loại khỏi Trung-ương Đảng.
- Đỗ Mười, đệ tử thuần thành của chủ-thuyết Staline lên ngôi tổng bí thư Đảng

Vài tháng trước ngày khai-mạc Đại-hội 7, giới quan-sát thời-sự Việt-nam đã nhìn thấy sự yếu thế và chuyển hướng rõ-rệt của phe chủ-trương "đổi mới" kiểu Liên-sô. Đồng tiền viện-trợ của Liên-sô đã cạn, tất-nhiên ảnh-hưởng ảnh-hưởng của Mạc-tư-khoa cũng hết. Bài diễn-văn cứng-rắn và thái-độ thụt lùi của Nguyễn Văn Linh xác-định sự thắng-thế toàn diện của phe bảo-thủ. Đảng CSVN lại tuân-phục và thay-đổi để phù-hợp đường-lối chính-trị của lân quốc vĩ-đại Trung Cộng. Linh tuyên-bố từ-chức, và Đại-hội đã bỏ phiếu hợp-thức-hóa người thay-thế: Đỗ Mười.

NGHỊ-TRÌNH

Nghị-trình của Đại-hội 7 gồm các đầu-đề chính:

- Kiên-trì con đường XHCN là sự lựa-chọn duy-nhất đúng-đắn.
- Về những định-hướng lớn trong chính-sách kinh-tế.
- Về đổi mới hệ-thống chính-trị và vấn-đề dân-chủ XHCN.

**DANH-SÁCH 13 CÁN-BỘ
TRONG "BỘ CHÍNH-TRỊ"
ĐẢNG (CUỐP) CSVN KHÓA 7:**



Đỗ Mười



Lê Đức Anh



Võ Văn Kiệt



Đào Duy Tùng



Đoàn Khuê



Vũ Oanh



Lê Phước Thọ



Phan Văn Khải



Bùi Thiện Ngộ



Nông Đức Mạnh



Phạm Thế Duyệt



Nguyễn Đức Bình



Võ Trần Chí

- Về vấn-đề Đảng.
- Kết-quả bước đầu của công-cuộc đổi mới và những phương-hướng, nhiệm-vụ chủ-yếu trong 5 năm tới.

CÁC THÀNH PHẦN LÃNH ĐẠO ĐẢNG CSVN

Ngày 26.6, Đại-hội 7 bầu xong ban Chấp-hành Trung-Uương Đảng gồm 146 ủy-viên (trước kia có 173 ủy-viên): Nguyễn Văn An, Lê Đức Anh, Đỗ Văn Ân, Nguyễn Bá, Nguyễn Đức Bình, Lê Đức Bình, Nguyễn Thới Bung, Nguyễn Mạnh Cầm, Nguyễn Kỳ Cầm, Huỳnh Văn Cẩn, Nguyễn Văn Chi, Võ Trần Chí, Nguyễn Văn Chiêu, Đỗ Chính, Nguyễn Chơn, Đặng Vũ Chư, Nguyễn Nhiều Cốc, Trần Quang Cơ, Vũ Đình Cự, Huỳnh Cương, Nguyễn Cảnh Dinh, Nguyễn Tấn Dũng, Phạm Thế Duyệt, Hà Quang Dự, Đỗ Bình Dương, Lê Văn Dỹ, Hà Đăng, Nguyễn Đệ, Trương Quang Được, Trần Thị Đường, Nguyễn Bình Giang, Hồng Hà, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Ngô Hai, Vũ Ngọc Hải, Nguyễn Thị Hằng, Cù Thị Hậu, Nguyễn Văn Hiệu, Trương Mỹ Hoa, Trần Đình Hoan, Nguyễn Đức Hoan, Trần Hoàn, Vũ Tuyên Hoàng, Nguyễn Thị Kim Hồng, Nguyễn Văn Hớn, Vũ Quốc Hùng, Phạm Hưng, Nguyễn Đình Hương, Lê Minh Hương, Đặng Hữu, Phạm Văn Hy, Phan Văn Khải, Nguyễn Khánh, Nguyễn Nam Khánh, Hà Thị Khiết, Vũ Khoan, Đoàn Khuê, Cao Sỹ Kiêm, Lê Văn Kiến, Võ Văn Kiệt, Đặng Xuân Kỳ, Nguyễn Xuân Kỳ, Mai Thúc Lân, Trịnh Văn Lâu, Phạm Tâm Long, Ngô Xuân Lộc, Nguyễn Duy Luân, Trần Lum, Đào Đình Luyện, Trần Đức Lương, Bùi Danh Lưu, Nông Đức Mạnh, Vũ Mão, Nguyễn Thị Minh, Đỗ Mười, Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Phạm Thanh Ngân, Hoàng Đức Nghi, Lê Huy Ngộ, Bùi Thiện Ngộ, Đàm Văn Ngụy, Lê Thanh Nhân, Nguyễn Trọng Nhân, Võ Hồng Nhân, Thái Bá Nhiệm, Huỳnh Văn

Niêm, Nguyễn Niêm, Nguyễn Dy Niêm, Nguyễn Thái Ninh, Vũ Oanh, Tráng A Pao, Nguyễn Hà Phan, Lê Khả Phiêu, Nguyễn Minh Triết, Đỗ Phụng, A Ma Pui, Lò Văn Puồn, Trần Hồng Quân, Nguyễn Duy Quý, Chu Văn Ry, Đỗ Quốc Sam, Trương Tấn Sang, Phạm Song, Nguyễn Đình Sở, Bùi Xuân Sơn, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Công Tạn, Hoàng Thanh, Phan Minh Tấn, Nguyễn Thị Tâm, Trần Trọng Tân, Nông Hồng Thái, Trần Thị Thanh Thanh, Tạ Hữu Thanh, Đỗ Quang Thắng, Vũ Thắng, Nguyễn Thị Thân, Đặng Văn Thân, Phạm Văn Thọ, Lê Phước Thọ, Hữu Thọ, Phan Thu, Đặng Quân Thụy, Phan Văn Tiêm, Nguyễn Trung Tín, Phạm Văn Trà, Hà Học Trạc, Lê Văn Triết, Nguyễn Đức Triều, Lê Xuân Trinh, Nguyễn Tấn Trinh, Trương Vĩnh Trọng, Đỗ Quang Trung, Lê Văn Tu, Đào Duy Tùng, Lê Xuân Tùng, Nguyễn Văn Tư, Nguyễn Đình Tứ, Phan Ngọc Tường, Nguyễn Thị Hồng Vân, Bùi Thanh Vân, Đậu Ngọc Xuân, Nguyễn Trọng Xuyên và Lê Danh Xương.

Ban Chấp-hành Trung-ương cử ra ban Cố-vấn gồm ba người:

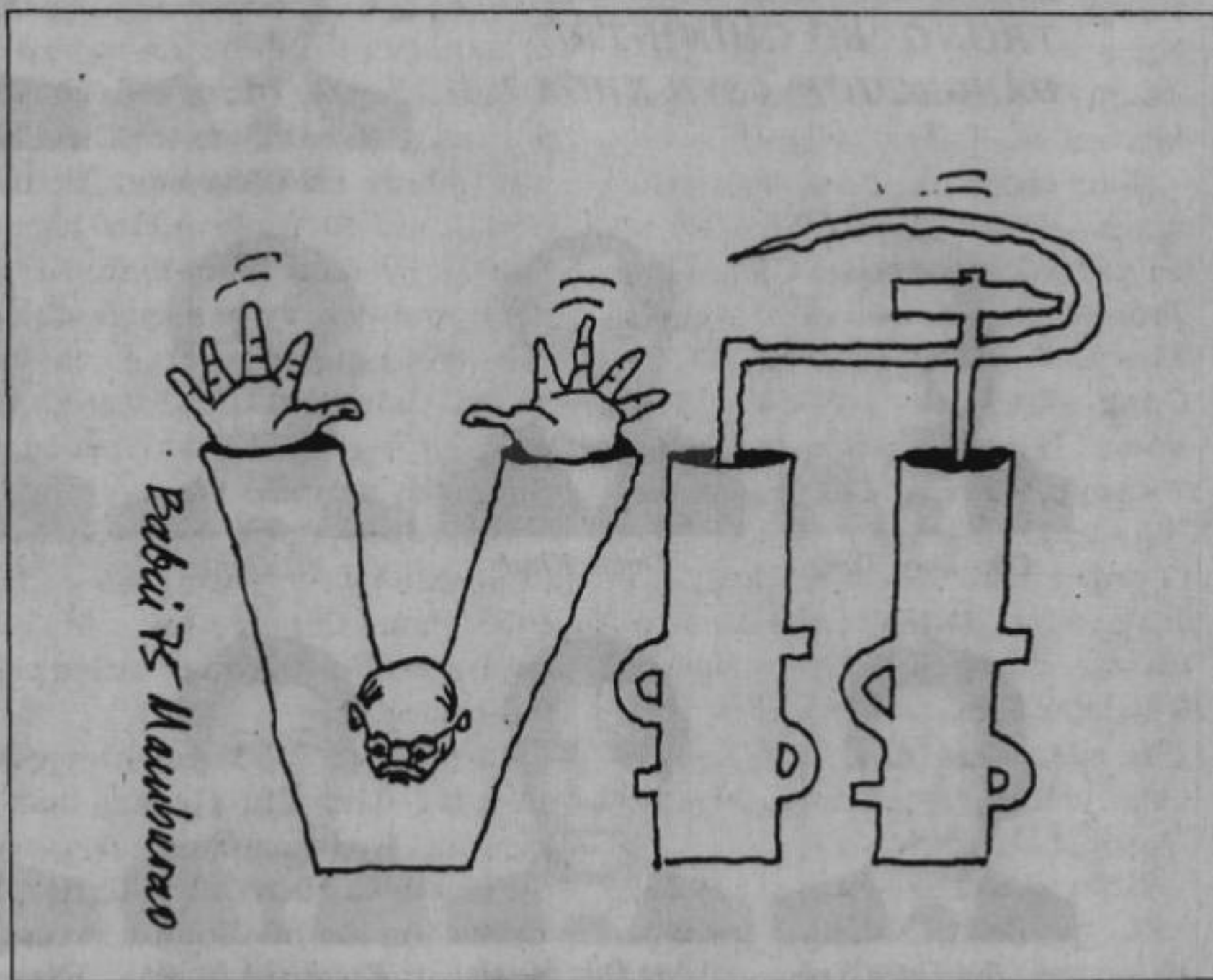
Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và Võ Chí Công; và bầu Bộ Chính-trị, cơ-quan quyền-lực tối-cao của của Đảng gồm 13 người (5 cũ, 8 mới).

Những người cũ là:

- Đỗ Mười (CT Hội-đồng Bộ-trưởng),
- Lê Đức Anh (Đại-tướng, bộ-trưởng Quốc-phòng),
- Võ Văn Kiệt (đệ PCT Hội-đồng Bộ-trưởng),
- Đào Duy Tùng (Bí-thư Trung-ương đảng, phụ-trách công-tác Tư-tướng),
- Đoàn Khuê (Đại-tướng, Thứ-trưởng Quốc-phòng kiêm Tổng Tham mưu trưởng Quân-đội Nhân-dân)

Và 8 người mới là:

- Vũ Oanh (Bí-thư Trung-ương đảng, phụ-trách công-tác Dân-vận, người nhiều hi-vọng thay Nguyễn Cơ Thạch và Trần Quang Cơ nắm bộ Ngoại-giao sau này),
- Lê Phước Thọ (Bí-thư Trung-ương Đảng, phụ-trách công-tác Nông-nghiệp),
- Phan Văn Khải (54, Chủ-nhiệm Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước, cựu chủ-tịch UBND thành Hồ),
- Bùi Thiện Ngộ (Trung-tướng,



Thứ trưởng bộ Nội-vụ, người có thể sẽ thay Mai Chí Thọ nắm bộ Nội-vụ).

- Nông Đức Mạnh (Trưởng ban Dân-Tộc Trung-ương, PCT Hội đồng Dân-tộc Quốc-hội),

- Phạm Thế Duyệt (55, Bí-thư Thành-ủy Hà-nội),

- Nguyễn Đức Bình (Giám-đốc trường đảng Nguyễn Ái-Quốc),

- Võ Trần Chí (Ủy viên Trung-ương Đảng, Bí-thư Thành-ủy thành Hồ).

Ban Bí-thư Trung-ương gồm 9 người: Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Đào Duy Tùng, Lê Phước Thọ, Nguyễn Hà Phan (CT UBND tỉnh Hậu-giang), Hồng Hà (Chánh Văn-phòng Trung-ương đảng), Nguyễn Đình Tứ (Ủy viên Hội đồng Nhà nước, Viện-trưởng Viện Nghiên-cứu Nguyên-tử Quốc-gia), Trương Mỹ Hoa (PCT Hội Liên-hiệp Phụ-nữ) và Đỗ Quang Thắng (Bí-thư Tỉnh-ủy Quảng-ngãi).

Ngày 27.6, Đại-hội bầu Đỗ Mười, đương kim chủ-tịch Hội đồng Bộ-trưởng (thủ-tướng) vào chức-vụ tổng bí-thư Đảng.

Ủy ban Kiểm-tra Trung-ương đảng gồm: Đỗ Quang Thắng (chủ-nhiệm), Lê Văn Kiến, Trương Vĩnh Trọng, Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Nguyễn Đức Triều, Vũ Quốc Hùng, Trần Hữu Đắc, Nguyễn Anh Liên và Hà Tuấn Trung.

Nhìn qua các danh-sách trên, người ta nhận thấy có nhiều cán-bộ tên tuổi bị loại khỏi ban Chấp-hành Trung-ương đảng, gồm Nguyễn Văn Linh (Tổng Bí-thư), Võ Chí Công (Chủ-tịch Hội đồng Nhà nước), Nguyễn Cơ Thạch (Ngoại-trưởng), Mai Chí Thọ (bộ-trưởng Nội-vụ), Nguyễn Đức Tâm (Trưởng ban Tổ-chức Đảng), Cù Huy Cận (Khối công-tác tư-tướng), Đồng Sĩ Nguyên, Nguyễn Thị Định (chủ tịch Hội Liên Hiệp Phụ-nữ), Trần Độ, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Bích Sơn, Nguyễn Quyết, Trần Quyết, v.v.

Nhìn qua thành-phần 1176 đại-biểu tại Đại-hội đảng, người ta nhận thấy có 134 phụ-nữ, 125

người thuộc các sắc dân thiểu-số, 743 người có trình-độ đại-học, người trẻ nhất 29 tuổi đời, và người già nhất 61 tuổi đảng.

Trong số 146 ủy-viên BCH Trung-ương, có:

- 18 tướng-lãnh.

- 3 bí-thư thành-ủy, 28 bí-thư tỉnh-ủy và 12 phó bí-thư tỉnh-ủy.

- 14 bộ-trưởng và 9 thứ trưởng.

DIỄN-VĂN BẾ-MẠC CỦA ĐỖ MƯỜI

Ngày 27.6, tân tổng bí-thư VC Đỗ Mười trong bài diễn-văn bế-mạc, tuy kêu-gọi tiếp-tục cải-thiện kinh-tế nhiều thành-phần, nhưng vẫn quyết-tâm theo-đuổi con đường xây-dựng chủ-nghĩa xã-hội.

Trong cuộc họp báo quốc-tế ngay trong chiều 27.6, Đỗ Mười kêu xin thế-giới tự-do viện-trợ kinh-tế để giúp đảng CSVN thoát khỏi cơn nguy-biến hiện-tại. Về quyền-lực chính-trị, Đỗ Mười khẳng-định ngôi vị độc-tôn của đảng CS, tuyên-bố không chia-sẻ cho bất cứ thế-lực nào khác.

Đỗ Mười, 74 tuổi đời, 52 tuổi đảng, hiện là chủ-tịch Hội đồng Bộ-trưởng (thủ-tướng), người huyện Thanh-trì, Hà-nội, thuộc giai-cấp bần cố nông, theo cộng-sản từ năm 19 tuổi, được kết- nạp năm 21 tuổi, từng bị giam tại Hỏa-lò Hà-nội trong 10 năm, leo tới chức bí-thư tỉnh-ủy Hà-đông năm 28 tuổi (1945), sau đó lần-lượt làm bí-thư tỉnh-ủy Hà-nam, Nam-định, Ninh-bình, chủ-tịch ủy-ban quân-chính Hải-phòng (1955), từng chủ-trì nhiều cuộc đấu-tổ khủng-khiếp nhất trong giai-đoạn cải-cách ruộng đất tại miền Bắc.

Đỗ Mười được bầu vào ban Chấp-hành Trung-ương đảng năm 1960, làm thứ trưởng rồi bộ-trưởng bộ Nội-thương, sau lên phó thủ-tướng.

Sau 30.4.75, Đỗ Mười được giao công-tác đánh "tư-sản mại bản", tiếp-thu tài-sản của các thương-gia, địa-chủ miền Nam. Từ 1982, họ Đỗ được chọn vào Bộ Chính-trị Trung-ương, làm Thư-ký Ban Bí-thư

Trung-ương Đảng.

Năm 1988, sau khi Phạm Hùng chết, Đỗ Mười được cất nhắc lên làm chủ-tịch Hội đồng Bộ-trưởng.

Ngày nay, với vai-trò tổng bí-thư Đảng, người ta tin rằng Đỗ Mười sẽ mở đầu một giai-đoạn tàn-khốc nhất lịch-sử đảng CSVN, giai-đoạn dấy chết của một con thú dữ. Bài diễn-văn bế-mạc Đại-hội và những lời tuyên-bố của Mười trong buổi họp báo ngày 27.6 đã xác-định điều này.

AI SẼ LÀ THỦ TƯỚNG?

Ngôi vị thủ-tướng, tức chủ-tịch Hội đồng Bộ-trưởng, chức-vụ hành-chánh cao nhất trong chính-phủ VC có thể sẽ về tay Võ Văn Kiệt.

Cộng sản VN hi vọng rằng, Đỗ Mười với đặc-tính của một hung-thần ác-sát, sẽ trấn-áp được các cuộc nổi dậy và hỗn-loạn, thì với Võ Văn Kiệt, một "kinh-tế gia" sáng nước nhất trong hàng ngũ cán-bộ cao-cấp, có thể cứu vãn phần nào nguy-cơ sụp-đổ của nền kinh-tế xã-hội chủ-nghĩa, sao cho dân-chúng tạm tạm sống được qua ngày, không đến nỗi liêu-linh đứng lên cướp chính-quyền.

Tuy-nhiên, với tài của Võ Văn Kiệt và sức xin cơm của Vũ Oanh, CSVN sẽ không làm sao nuôi nổi 62 triệu dân để khỏi hỗn-loạn. Thêm vào đó, sự tàn-ác của Đỗ Mười sẽ dập-tắt những mầm hi-vọng nhỏ-nhỏi nhất về một sự "cải-cách" tối-thiểu. Không còn trông-chờ vào sự thay-đổi nào khác, nhân-dân Việt-nam sẽ chỉ còn một con đường sinh-tồn duy nhất: nổi dậy.

CSVN CÁCH CHỨC TỔNG BIÊN TẬP BÁO "TUỔI TRẺ"

Báo Tuổi Trẻ số ra ngày 18.5.91 tại thành Hồ đã cho phổ-biến một bài báo nói rằng Hồ Chí Minh có vợ Tàu, dẫn-chứng một bức thư của Lý Thụy (HCM) viết năm 1928 bằng Hán văn, gửi cho vợ. Bài báo

dẫn cả bản dịch Pháp-văn của sở mật-thám Đông-dương. Sau khi báo đã phát-hành, tòa-soạn *Tuổi Trẻ* bị chỉnh-huấn và ký-giả Kim Hạnh bị cách chức tổng biên-tập (chủ-bút).

Điều đáng ghi-nhận là bài báo "nổ" này trước đó đã được phổ-biến trên báo *Nhân-dân chủ-nhật* (do tòa-soạn *Nhân-dân*, cơ-quan thông-tin của đảng CSVN chủ-trương), và tờ *Nhân-dân chủ-nhật* không hề bị than-phiền một lời nào!

NÚI LỬA Ở VN

Sau khi các núi lửa cổ tại Phi-luật-tân hoạt-động trở lại gần Manila, các nhà địa-chất-học của VC như Nguyễn Chung Tú, Trần Kim Thạch đã lên tiếng trấn-an

đồng-bào trong nước rằng hầu hết các miệng núi lửa ở VN đã tắt từ 2 tới 3 triệu năm trước, và không có khả-năng phun trở lại, chỉ có nhóm núi lửa Sóc Lu nằm ở phía tây quốc-lộ 20 mới tắt được 600.000 năm, có thể phun trở lại vào khoảng năm 2500 tới năm 3000. Sóc Lu là ngọn núi đầu-tiên trên đường từ Sài-gòn lên Đà-lạt, thuộc loại núi đá huyền-vũ.

Ngoài ra, ngoài khơi Phan-rang cũng có một miệng núi lửa nhỏ còn hoạt-động ngầm dưới đáy biển cho tới năm 1923. Miệng núi này đã tạo nên hòn Tro, đã được ghi-nhận vào bản-đồ Việt-nam.

ĐỪNG MUA "HÀI-CỐT MỸ"

Trong thời-gian gần đây, phong-

trào mua bán "hài-cốt Mỹ" lên cao tại VN. Lợi-dụng sự quan-tâm tìm kiếm hài-cốt của người Mỹ mất-tích tại VN, một số cán-bộ VC hợp-tác cùng bọn bắt lương khác tổ-chức lòng-kiếm, đào xới và bán lại những bộ xương to lớn hoặc thẻ bài làm giả theo thẻ bài lính Mỹ.

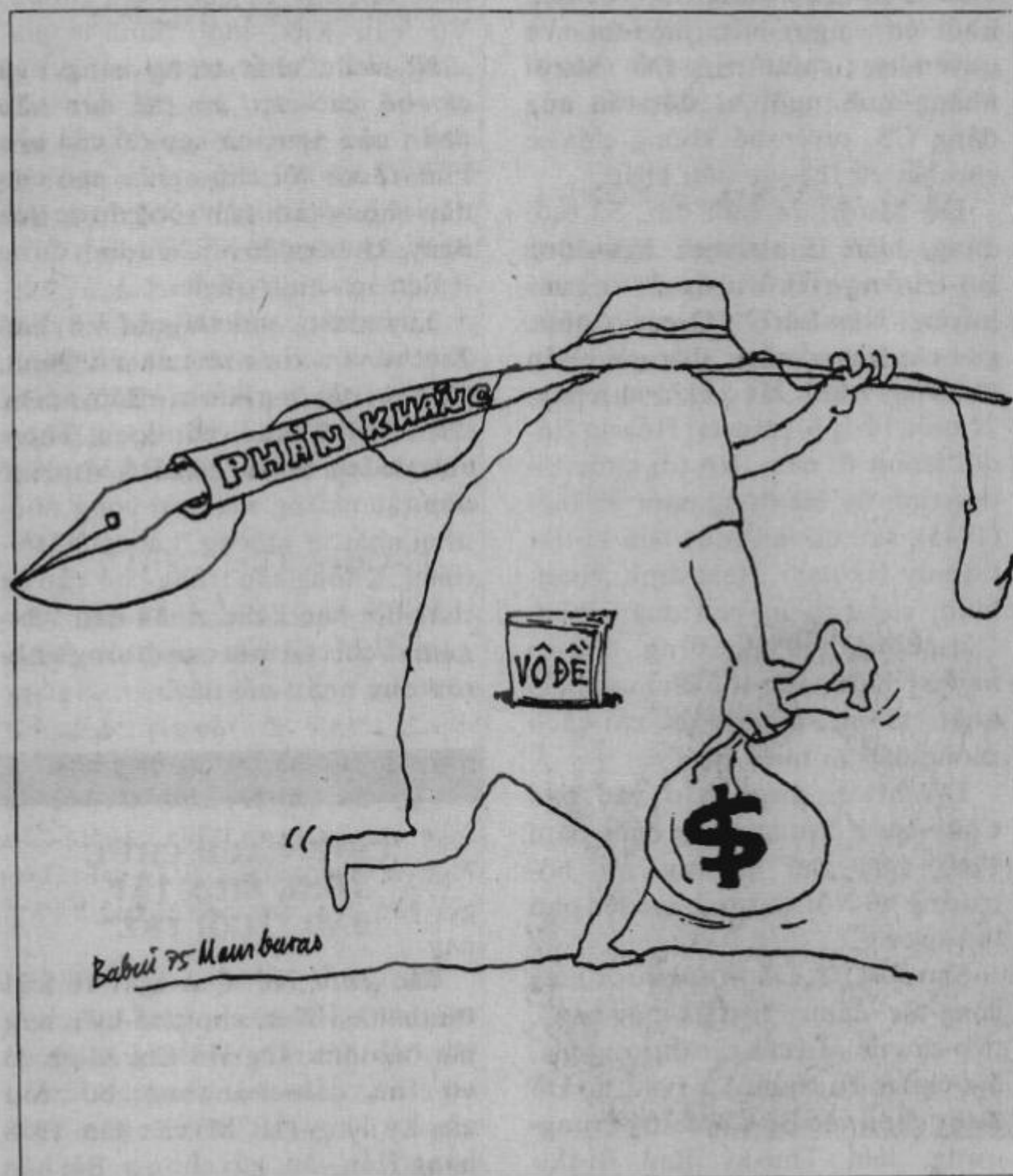
Bọn bắt-lương phao tin rằng ai giữ được hài-cốt, thẻ bài lính Mỹ sẽ được xuất-cảnh sang Hoa-kỳ để lãnh thưởng. Tin này đã bị ông Ngô Kỳ, đảng-viên Cộng-hòa, phủ-nhận sau khi phối-kiểm với bộ Quốc-phòng Hoa-kỳ.

Ông Charles F. Frowbridge Jr., Phó Giám-độc Văn-phòng đặc-trách tù-binh Mỹ mất-tích, thuộc bộ Quốc-phòng Hoa-kỳ xác-định: "*Chính-phủ Hoa-kỳ quan-niệm vấn-đề tìm kiếm tù-binh Mỹ mất-tích là một cố-gắng có tính-cách nhân-đạo. Những ai biết tin-tức liên-quan đến tù-binh Mỹ mất-tích nên thông-báo cho các cơ-quan hữu-trách chính-thức của chính-phủ Hoa-kỳ, trong tinh-thần nhân-đạo. Những lời hứa-hẹn tưởng-thưởng của các tổ-chức tư-nhân, không được chính-phủ Hoa-kỳ ủng-hộ và thừa-nhận. Tóm lại, những người nào biết tin về tù-binh Mỹ mất-tích sẽ không được hưởng ân-huệ đặc-biệt nào, và sẽ không nhận được bất cứ phần thưởng hay sự giúp-đỡ nào.*"

VC CHUẨN-BỊ HỢP QUỐC-HỘI

Báo *Nhân dân* ngày 3.7 loan-báo, Hội-đồng Nhà nước VC đã họp và quyết-định chuẩn-bị khóa họp thứ 9 của Quốc-hội, triệu-tập trong cuối tháng 7 này để bàn về việc sửa-đổi hiến-pháp 1980 và thông quá các dự-luật về rừng, luật phổ-cập giáo-dục cấp 1, sửa-đổi và bổ-sung luật hình-sự, nông-nghiệp, thuế nhà đất, v.v.

Trong khóa họp này, VC sẽ đưa ra danh-sách thủ-tướng, bộ-trưởng ngoại-giao, nội-vụ các chức-vụ quan-trọng trong chính-phủ.





Trong Làng

“THẠCH KIỂM I, II”

“Thạch kiếm”, bộ truyện dài gần-bó với tạp-chí *Làng Văn* trong bảy năm nay đã ra mắt giới hâm-mộ thiền-học và kiếm-đạo Nhật-bản trong tháng 7 này.

Thạch kiếm là bộ sách 4 cuốn nói về cuộc đời một nhân-vật lỗi-lạc trong thiền-kiếm của Nhật: Thạch-điền Đạt-lang, tức Miyamoto Musashi, thế-kỷ 17. Tinh-thần thiền và kiếm của Musashi đã được người Nhật áp-dụng thành-công vào thương-trường, đưa kinh-tế Nhật-bản tiến lên hàng bá-chủ hoàn cầu hiện nay.

Về văn-chương, giá-trị tuyệt-vời của *Thạch kiếm* đã vượt qua biên-

giới quốc-gia, trở thành áng văn bất-hủ của nhân-loại. Bộ sách vạch ra con đường cam-go của thiền-học và kiếm-đạo, khuyến-khích trau-dồi nghị-lực nội-tâm bằng sự tiết dục, phát-huy tình-yêu thiên-nhiên.

Nhân-vật chính trong truyện, Miyamoto Musashi là một người có thật, kiếm-thủ vô-địch của nước Nhật. Vào những năm cuối cuộc đời, Musashi sống trong một hang đá, viết cuốn *Ngũ đại kỳ thư*, trở thành ánh-sáng soi đường cho võ-sĩ-đạo thế-kỷ 18, các chiến-lược-gia thế-kỷ 19 và thương-gia, kỹ-nghệ-gia của thế-kỷ 20.

Thạch-kiếm được dịch-giả Tự Tĩnh (Nguyễn Nhật Tân) phóng-tác, vẫn tiếp-tục đăng từng kỳ trên *Làng Văn*. Cuốn I và II là phần đầu của bộ truyện, giá mỗi tập 15 mỹ-kim (18 gia-kim). Quý độc-giả yêu sách thiền-học và kiếm-đạo đã đọc trên báo, và muốn đọc lại trên một cuốn sách ấn-loát trang-nhã và mỹ-thuật, có thể gửi chi-phiếu về làng làng.

“MÁU HẬN” ĐÃ IN XONG

Máu hận, tập truyện ngắn thứ hai của Nguyễn Trung Tâm, phó chủ-tịch Văn Bút VN Ontario, đã in xong và ra mắt độc-giả bốn phương. Sách dày gần 200 trang,

bìa của Cung Vũ, phụ-bản Nguyễn Nhật Tân, giá 10 mỹ-kim (12 gia-kim), Làng Văn xuất-bản và phát-hành.

“VĂN XÃ” 4 CHUẨN-BỊ RA MẮT

Sau gần một năm chấn-chỉnh, tạp-chí *Văn Xã* sẽ tục-bản trong mùa thu này, như đã loan-báo từ trước, với số 4 mang chủ-đề “*Vũ Hoàng Chương*”, bìa dày, trình-bày như một cuốn sách, bao gồm nhiều tài-liệu văn-học giá-trị chưa từng công-bố, cùng nhận-định của các ngòi bút phê-bình tên tuổi.

Tiếp theo, ngay trong mùa đông 1991, *Văn Xã* 5, chủ-đề *Tục-ngữ ca-dao Việt-nam* cũng sẽ ra mắt độc-giả bốn phương.

ĐÀN TRANH VIỆT-NAM TẠI NHẠC-HỘI MỸ

Nhạc-sĩ đàn tranh Ngọc Lam và cô con gái Quế Lam đã trình-diễn đàn tranh 16 và 26 giây trong ban Full Moon Fair tại chương-trình nhạc-hội ở số 1111 Addison St., Berkeley hôm 10.7 vừa qua.

Ban ca-nhạc Full Moon Fair ngoài hai mẹ con bà Ngọc Lam chơi đàn tranh còn có bốn nhạc-sĩ Hoa-kỳ chơi tây-ban-cầm, đã tạo nên sắc-thái cá-biệt với sự hòa-âm tuyệt-diệu của tranh cầm và tây ban cầm.

“NGHĨA TÌNH” TÁI BẢN

Thi-sĩ Khải Chính đã giao cho *Làng Văn* tái-bản tập thơ *Nghĩa tình* của ông, với bản chữ mới có sự nhuận chính của tác-giả, nhiều bài mới và một số thơ xướng họa.

Tập thơ *Nghĩa tình* tái-bản in tuyệt đẹp với tranh bìa và phụ-bản Nguyễn Nhật Tân, sẽ ra mắt độc-giả yêu thơ vào cuối tháng 8 năm này.

Tác-giả Khải Chính, tên thật Phạm Kim Thư, tổng thư-ký Trung tâm Văn Bút VN tại Ontario, còn là một nhà giáo-dục từng góp công xây-dựng nhiều thế-hệ trẻ ở Việt-nam.



Họa-sĩ, dịch-giả Nguyễn Nhật Tân



Ngoài Ngõ

VĂN-NGHỆ QUÂN-LỰC TẠI GIA-NÃ-ĐẠI

Liên-hội Cựu Quân-nhân Quân-lực VNCH tại Gia-nã-đại, với sự hỗ-trợ của Cộng-đồng Người Việt Ottawa-Hull, vừa tổ chức thành công chương-trình văn-nghệ mừng ngày Quân-lực, hôm 6.7.91 vừa qua tại thính-đường thành-phố, qui-tụ 400 đồng-bào tham-dự.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, cựu đại-tá Hải-quân Vũ Xuân An, trưởng ban tổ-chức và cựu Trung-



Nhạc-sĩ hưng ca Nguyệt Ánh trong buổi sinh-hoạt kỷ-niệm Quân-lực VNCH

tá Đào Ngọc Thọ, Chủ-tịch Liên Hội CQN đã nhắc lại sự hi-sinh chiến-đấu bảo-vệ tự-do của người lính VNCH, và kêu-gọi các chiến-hữu tiếp-tục nêu cao tinh-thần đó.

Cùng góp giọng trong chương-trình văn-nghệ có các nhạc-sĩ Nguyệt Hữu Nghĩa (từ Toronto), Nguyệt Ánh (từ Virginia), ca-sĩ Đoàn Chính (Montreal). Chương-trình do nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn (Toronto) điều-khiển.

Trong buổi sinh-hoạt này, Phong-trào Hưng Ca Việt-nam đã công-bố lời kêu-gọi phát-động chiến-dịch *Ngày Sài-Gòn Quật-Khởi*, được đồng-bào và chiến-sĩ VNCH hoan-nghênh và ủng-hộ mạnh-mẽ.

CHIẾN-DỊCH "NGÀY SÀI-GÒN QUẬT-KHỞI"

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam, tổ-chức văn-nghệ quần-chúng có tầm hoạt-động trải rộng khắp các châu Mỹ, Âu, Á và Úc vừa phát-động chiến-dịch mệnh-danh *Ngày Sài-Gòn Quật-Khởi*.

Mục-tiêu trước mắt của chiến-dịch này nhằm hô-hào quần-chúng trong nước và đồng-bào tị-nạn hải-ngoại ráo-riết tranh-đấu để đòi lại tên "Sài-gòn", thay cho "Thành-phố Hồ Chí Minh" như hiện nay.

Sau khi đạt được mục-tiêu thứ nhất, lấy lại tên "Sài-gòn" xong, chiến-dịch sẽ chuyển sang giai-đoạn 2, đấu-tranh để lấy lại *đất* Sài-gòn; đồng-thời bước nhanh sang giai-đoạn ba, lấy lại *trọn quê-hương*, tái-lập nền độc-lập, tự-do dân-chủ cho một nước Việt-nam thống-nhất.

Tại hải-ngoại, anh em Hưng Ca bắt đầu thu-góp các sáng-tác-phẩm (gồm thơ, văn, nhạc, họa) nói về Sài-gòn, xưng-tụng tự-do dân-chủ để thực-hiện các tập sách, tập nhạc, băng nhạc và tập-trung phổ-biến vào quốc-nội bằng các đường giây và phương-tiện riêng của Phong-trào.

Quý văn-hữu và đồng-bào muốn góp bài-vở cho chiến-dịch này có thể gửi về:

PT Hưng Ca VN (VP/TTK)
P.O. Box 5626
Springfield, VA 22150
U.S.A.

Trước đây, Phong-trào Hưng Ca cũng đã gửi các bài hát đấu-tranh mới nhất của Nguyễn Hữu Nghĩa, Nguyệt Ánh, Việt Dzũng, Khúc Lan,... về quốc-nội, và được giới sinh-viên học-sinh đón-nhận nồng-nhiệt. Một số con em các gia-đình quân-nhân ra đi trong *Chiến-dịch nhân-đạo* (H.O.) đã liên-lạc với các đoàn Hưng Ca tại hải-ngoại, hát lại các bài hát hưng-ca mà các bạn trẻ này đã hát được từ trong nước. Ca-khúc *Vùng dậy anh em ơi* (của NHN) và *Bài ca dân-chủ mới* (của VD) đã trở thành các bài hát gần như chính-thức của phong-trào sinh-viên tại các trường kỹ-thuật và công-nghệ ở Hà-nội, Hải-phòng và Sài-gòn.

SINH-HOẠT HUNG-CA TẠI ĐỨC

Đoàn Hưng Ca Việt-Nam tại Bremen, Đức-quốc, vừa thực-hiện xong các tập bài hát đấu-tranh, kèm băng hướng-dẫn tập hát đi kèm. Quý bạn ở Đức và Âu-châu muốn có các băng và sách này xin liên-lạc: Đinh Quang Phước, Helsingborg Str. 85, 2800 Bremen (Germany).

HỘI CỰU QUÂN-NHÂN TẠI N.S.W., ÚC

Hội Cựu Quân-nhân QLVNCH vùng New South Wales, Úc-đại-lợi, đã bầu xong ban chấp-hành nhiệm-khoá mới, thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: Ô. Phạm Quang Ngọc
- PCT Nội-vụ: Ô. Trương Thanh Việt
- PCT Ngoại-vụ: Ô. Lê Đức Ái
- TTK: Ô. Nguyễn Minh Triền
- Thủ-quy: Ô. Lê Hiền.

TRẠI THANH-NIÊN VỀ NGUỒN II

Thanh-niên, sinh-viên Việt-nam tại các tiểu-bang ở miền trung Hoa-kỳ sẽ tổ-chức trại văn-nghệ, thể-thao và hội-thảo *Về Nguồn II* vào

các ngày 7 và 8.9.1991 sắp tới tại Big Ridge State Park (Bắc Knoxville, tiểu-bang Tennessee).

Trại-phí 20 mỹ-kim mỗi người (gồm ẩm-thực và chi-phí thiết-trí, thuê đất trại). Trại-viên có thể ở lều (mang theo túi ngủ) hoặc thuê cabin gần đất trại (trả thêm từ 45 tới 55 mỹ-kim cho hai ngày thứ sáu, thứ bảy).

Ghi-danh và hỏi chi-tiết: ông Lâm Văn Trung hay Lâm Diễm Hồng, số 615-694-8632.

LIÊN MINH DÂN CHỦ VN LÀM LỄ TUỞNG NIỆM GS NGUYỄN NGỌC HUY

Liên-minh Dân-chủ VN làm lễ tưởng-niệm (giỗ đầu) GS Nguyễn Ngọc Huy tại thành-phố Toronto, Gia-nã-đại, lúc 2 giờ trưa Chủ-nhật 28.7.

Trong dịp này, Liên-minh sẽ hội-thảo về tình-hình đất nước. Cựu Dân-biểu Lê Tấn Trạng, thành-viên Ủy Ban Chấp-hành Trung-ương LMDCVN nói về đề-tài *Sau Đại-hội Đảng kỳ 7, VN sẽ về đâu?*, và ông Lê Phát Minh, Chủ-nhiệm nguyệt-san *Tự-do Dân-bản*, thành-viên UBCHTU, nói về *Vai trò người Việt hải-ngoại trong công-cuộc đấu-tranh giải-phóng Việt-nam*.

Ngoài ra, Liên-minh sẽ tiếp-tân vào lúc 6 giờ chiều ngày Chủ-nhật 28.7.1991 tại Nhà hàng South Vietnam của cựu Dân-biểu Nguyễn Văn Tiết, số 444 Spadina Avenue, Toronto.

LỚP ANH NGỮ CẤP TỐC MIỄN PHÍ

Hội-đồng Đa văn-hóa Parkdale (Toronto) sẽ khai-giảng khóa Anh-ngữ sơ-cấp cấp-tốc vào đầu tháng 9.91 này. Giờ học: 9 giờ sáng tới 1 giờ trưa, từ thứ hai tới thứ sáu. Địa-điểm học: 1303 Queen St. West, Toronto (ĐT: 536-4420, cô Bích Phương). Lớp học hoàn-toàn miễn-phí, có người giữ trẻ miễn-phí, học-viên được cấp vé xe buýt đi về. Xin ghi danh và khảo-sát xếp lớp trước ngày 12.8.91 này.

TỔNG HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ CSVN

Tổng hội cựu tù-nhân chính-trị CSVN đã họp đại-hội hôm 5 và 6.7.91 tại Houston, Texas, rút ưu khuyết điểm, thảo-luận chương-trình hoạt-động và bầu ban chấp-hành mới.

Danh-sách ban chấp-hành nhiệm-khoá 1991-1993 gồm có:

- Chủ-tịch: Ô. Huỳnh Công Ánh
- PCT Nội-vụ: Ô. Đào Văn Bình
- PCT Ngoại-vụ: Ô. Nguyễn Tiến Ích
- TTK: Ô. Phạm Quốc Dzũng
- Thủ-quy: Ô. Đào Ngọc Hồng.



Nhạc-sĩ hưng ca Huỳnh Công Ánh,
Chủ-tịch Tổng hội cựu tù-nhân chính-trị

Đại-hội cũng đã bàn cãi và thông-quá bản Cương-lĩnh chính-trị với các điểm chính tóm-lược như sau:

1. Cuộc cách-mạng dân-chủ đòi hỏi phải xóa bỏ chính-quyền cộng-sản.
2. Cuộc cách-mạng dân sinh đòi hỏi phải tư-hữu-hóa người dân, từ đó phát-triển kinh-tế, nâng cao đời sống toàn dân.
3. Cuộc cách-mạng xã-hội đòi

hỏi xóa bỏ hận-thù, đấu-tranh giai-cấp.

MISSISSAUGA: BẾ GIẢNG LỚP VIỆT-NGỮ

Cộng-đồng Việt-nam tại Mississauga đã bế-giảng khóa Việt-ngữ hôm 8.6 vừa qua, trao phần thưởng cho học-sinh các lớp tín-chỉ và trung-cấp do các nhà giáo Vương Thế Đức (ông bà) và Huỳnh Thị Tuyết phụ-trách.

TORONTO: LỄ VU LAN

Hội Phật giáo A-Di-Đà và chùa Di Đà sẽ tổ chức đại lễ Vu Lan tại thánh đường OISE, số 252 Bloor St. W., Toronto từ 1 giờ trưa tới 6 giờ chiều ngày chủ nhật, 18.8 sắp tới, với sự chứng-minh của Hoà-thượng Thích Tâm Châu.

Chương-trình văn-nghệ *Quê-hương và đạo-pháp* do đoàn Phật-tử Thiện-Sinh phụ-trách, với sự tham-dự của các giọng ngâm Lê Ba, Vân Khanh, vũ-đoàn Tây-tạng, ban vũ Lạc Việt, v.v. Vào cửa tự-do.

LỚP ANH NGỮ CHO CÁC CỤ CAO NIÊN

Hội Cao-niên VN Toronto đã khai-giảng lớp Anh-ngữ cao-niên hôm 13.7 vừa qua tại trụ-sở Cao-niên, số 2001 Dundas St. West, Toronto. Lớp học kéo dài 10 tuần, mỗi tuần một buổi sáng thứ bảy, từ 10 giờ sáng tới 12 giờ 30 trưa, hoàn-toàn miễn-phí. Ghi danh: 588-8532 (ông Thăng) hoặc 896-2052 (John Chu).

TRIỂN LÃM SÁCH BÁO VN TẠI STRASBOURG

Liên-Hội Người Việt Quốc-Gia tại Pháp, Trung-Tâm Văn Bút VN Âu-Châu cùng Hội Người Việt tại Strasbourg đã tổ-chức triển-lãm sách báo và văn-hóa VN lúc 11 giờ sáng thứ bảy 6.7 tại Trung-tâm Hành-chánh Cộng-đồng Ngoại-ô Strasbourg.

Buổi lễ khai-mạc đặt dưới sự đồng chủ-tọa của các nghị-sĩ Marcel Rudloff, Daniel Hieffel và dân-biểu Catherine Trautmann,

thị-trưởng Strasbourg.

ĐÊM TRỌNG NGHĨA TẠI MONTREAL

Trung-tâm Văn Bút VN Québec, Hội Phụ-nữ và Cộng-đồng người Việt quốc-gia Montréal đã tổ-chức thành-công đêm ca-nhạc thân-hữu đón mừng nhạc-sĩ Trọng Nghĩa từ California trở lại thăm Montréal. Buổi sinh-hoạt qui-tụ khoảng 400 người dự trong không-khí ấm-áp, thân-mật.

LỄ DỰNG CỜ VNCH TẠI BẮC CALI

Khoảng 4500 đồng-bào đã tham-dự lễ dựng cờ hôm 23.6.1991 tại kỳ-đài VNCH xây tại công-viên Văn-hóa ở góc Lone Bluff Way và Capitol Express Way, San Jose.

Lễ dựng cờ được sự tham-gia của hầu hết các hội-đoàn VN trong vùng, với các sinh-hoạt rước đuốc, giữ lửa, rước Đất thiêng lịch-sử theo nghi-thức cổ-truyền từ triều Lý, rước quốc-kỳ VNCH và Hoa-kỳ. Cuối cùng là lễ thượng-kỳ. Lá cờ vàng ba sọc đỏ tượng-trưng cho nền dân-chủ tự-do Việt-nam treo ngang lá cờ sao sọc của đồng-minh Hoa-kỳ, trong tiếng hát quốc-ca hùng-tráng của Đoàn Hưng Ca Bắc Cali, ban tam-ca Quyết Thắng và ban hợp-xướng Cộng-đoàn Công-giáo Việt-nam.

GIÚP TRẺ TỊ-NẠN ĂN TẾT TRUNG THU

Hàng năm, ở Thái-lan, ban Xã-hội Cộng-đoàn Công-giáo vẫn tổ-chức tết Nhi-đồng (Trung-thu) cho trẻ tị-nạn sống trong trại. Để chuẩn-bị cho dịp Trung-thu năm nay (22.9.1991), ban Xã-hội xin đồng-bào hải-ngoại tiếp-tục giúp-đỡ tổ-chức như hàng năm.

Ngân-phiếu, chi-phiếu xin đề và gửi cho liên-lạc viên của Cộng-đoàn tại hải-ngoại là: Trần Văn Nhã, 1350 Rue Ontario, Sherbrooke, P.Q. J1J 3S3, Canada.

tin tị-nạn



THUYỀN-NHÂN BỚT DỪNG TỚI HƯƠNG-CẢNG

Trong tháng 5 và 6 vừa qua, số thuyền-nhân dờn tới Hương-cảng đã giảm bớt vì lý-do thời-tiết xấu.

Từ đầu năm 1991 tới giữa đầu tháng 5, trung-bình mỗi ngày có 200 thuyền-nhân tới Hương-cảng, kỷ-lục cao nhất từ 1976 tới nay.

Từ ngày 1.1 tới 20.6.1991, có tất cả 12.291 Thuyền-nhân cập bến Hương-cảng, nâng số người tị-nạn (*asylum seekers*) lên tới 54.565, tất cả bị giam trong 11 trại tù, chờ thẩm-vấn thanh-lọc và phân-loại. Ngoài ra tại Hương-cảng còn có 6.304 được hưởng qui-chế tị-nạn, chờ ngày lên đường định-cư. (Trần Thìn)

LẠI ĐÂM NHAU CHẾT TRONG TRẠI TÙ

Đêm 19.6, thêm một thuyền-nhân Việt-nam bị đâm chết trong trại Bạch-đầu ở Hương-cảng. Nạn-nhân là Đặng Cường Anh, 17 tuổi, bị đâm tại khu I, trước doanh 3A, nơi có 2000 người trú ngụ, đã chết trên đường tới bệnh-viện.

Một thanh-niên VN khác, Quang Cường, 18 tuổi, bị thương nhẹ hơn, cũng đã được chở tới bệnh-viện Hoàng-tử xứ Wales để băng-bó.

Đặng Cường Anh là người thứ ba bị đâm chết tại trại Bạch-đầu trong vòng 4 tuần-lẽ.

TÌNH-HÌNH TỊ-NẠN TẠI NAM-DƯƠNG

Trên hòn đảo Galang 28 cây số vuông (3/4 là núi đá, 1/4 đất bằng) hiện có 19.000 đồng-bào tị-nạn tạm-cư, phần đông sống trong các dãy nhà (*barrack*) cất từ 1979 tới nay đã dột-nát, số còn lại sống trong các dãy nhà "dã-chiến", cất

tạm bằng cây rừng, lợp vải nhựa ẩm-thấp, nóng bức. Mỗi dãy nhà dài 20m rộng 4m, chứa từ 80 tới 100 người, đầy muỗi và chuột.

Về ăn uống, khẩu-phần đầu người hàng tháng gồm có: 12 kí gạo, 4 lít dầu lửa, 1 lít dầu ăn, 3 hộp cá, 1 xị nước tương, 150g muối, nửa kí đường, nửa kí đậu xanh và đậu nành, 12 gói mì, nửa kí rau xanh.

Về thư-từ, tất cả thư-từ tới đảo đều bị tháo tung ra để kiểm-soát, và có khi chỉ còn lại một phong-bì trống phát cho người nhận.

Muốn lãnh ngân-phiếu, người tị-nạn phải đóng cho sở p3V 500Rp (*Rupiah*, tiền Nam-dương, tương-đương 30 xu Mỹ) để lãnh sổ thứ-tự. Sổ tiền ghi trong ngân-phiếu được phát làm hai lần, cách nhau nửa tháng, mỗi lần lãnh phân nửa, và phải nộp lệ-phí 5.000Rp (khoảng 3 mỹ-kim)/.

Về tình-hình thanh-lọc, hầu hết mọi người đều bị xếp vào thành-phần "di-dân kinh-tế", ngay cả giới cựu quân-nhân VNCH cũng chỉ có 50% được hưởng qui-chế tị-nạn.

Trong số 1618 cựu quân-nhân trên đảo, có 379 người đã được thanh-lọc: 192 được hưởng qui-chế tị-nạn và 181 người bị loại. Những người bị loại gồm 9 sĩ-quan (2 đại-úy, 1 trung-úy, 6 thiếu-úy), 70 hạ-sĩ-quan và 102 binh-sĩ.

Điểm đặc-biệt của đảo Galang là đời sống tị-nạn rất trầm-lặng. Trên đảo mọi người sống như nhau, không có khu trại cấm, không có hàng rào ngăn cách giữa người mới tới, thành-phần tị-nạn và thành-phần "di-dân kinh-tế". Người "đậu" thanh-lọc vui-vẻ kín-đáo,

người "rớt" thanh-lọc chờ trả về Việt-nam sống lặng-lẽ, cam phận, không tranh-đấu.

CỰU PTT NGUYỄN CAO KỲ TUYÊN BỐ: "NGƯỜI VN TỊ NẠN NÊN HỒI HƯƠNG"

Tờ *South China Morning Post* số ra ngày 10.7 vừa qua loan tin, tướng Nguyễn Cao Kỳ, cựu Phó Tổng-thống VNCH trong lần ghé qua Hương-cảng đã tuyên-bố rằng ông "không mong muốn gì hơn là được trở về quê cũ."

Về số-phận người tị-nạn Việt-nam tại các trại tù ở Á-châu, tướng Kỳ nói, tốt hơn là họ nên tự-nguyện hồi hương. Ông nhấn mạnh với báo Hương-cảng rằng, nhiều người Việt đã ra đi cốt để tránh đời sống khó-khăn, và một khi nhà cầm quyền VN thay-đổi chính-sách, người Việt sẽ không vượt biên nữa.

Tờ *South China Morning Post* cho biết thêm, trong thời-gian lưu lại Hương-cảng, PTT Kỳ không hề đi thăm bất cứ một trại tị-nạn nào.

GÓP TEM GỬI SÁCH BÁO CHO ĐỒNG BÀO TỊ NẠN

Hàng tháng, toà-soạn tạp-chí *Làng Vắn* vẫn tổ-chức gửi khoảng 200 kí sách-báo sang cho đồng-bào tại các trại tị-nạn ở các nước Á-châu: Đại-hàn, Cộng-hoà Trung-hoa (Đài-loan), Nhật-bản, Hương-cảng, Phi-lật-tân, Nam-dương, Thái-lan, Mã-lai và Tân-gia-ba.

Vì ngân-sách có giới-hạn của một tạp-chí độc-lập không đủ cung-ứng nhu-cầu đọc của đồng-bào, *Làng Vắn* kêu-gọi đồng-bào tị-nạn ở hải-ngoại vui lòng góp sức thường-xuyên để giữ vững mối dây liên-lạc giúp-đỡ đồng-bào ruột-thịt. Xin gửi tem sống hoặc ngân,

chi-phiếu về:

Làng Vắn (Quỹ tem thư)

GIÚP TRẺ TỊ-NẠN ĂN TẾT TRUNG THU

Hàng năm, ở Thái-lan, ban Xã-hội Cộng-đoàn Công-giáo vẫn tổ-chức tết Nhi-đồng (Trung-thu) cho trẻ tị-nạn sống trong trại. Để chuẩn-bị cho dịp Trung-thu năm nay (22.9.1991), ban Xã-hội xin đồng-bào hải-ngoại tiếp-tục giúp-đỡ tổ-chức như hàng năm.

Ngân-phiếu, chi-phiếu xin đề và gửi cho liên-lạc viên của Cộng-đoàn tại hải-ngoại là: Trần Văn Nhã, 1350 Rue Ontario, Sherbrooke, P.Q. J1J 3S3, Canada.

PAKISTAN TỪ CHỐI NGƯỜI TỊ-NẠN VN

Tất cả 37 thuyền-nhân Việt-nam được một tàu buôn cứu-vớt ngoài khơi Nam-hải hôm 5.6 đã bị chính-quyền Pakistan từ-chối không cho lên bờ khi chiếc tàu này cập bến tại Karachi.

Sau khi cất hàng xong, chiếc tàu buôn lại chở 37 người kém may-mắn tiếp-tục cuộc hải-trình sang các nước châu Âu. Chưa biết số phận của họ ra sao, và chiếc tàu cứu-tử này có thể cuu-mang họ trong bao lâu nữa. (Trần Thìn)

ĐẢNG LAO-ĐỘNG ANH THÔI CHỐNG CƯỖNG BÁCH HỒI HƯƠNG TỊ NẠN VN

Đảng Lao-động Anh-quốc (đối-lập) tuyên-bố thôi chống chính-phủ Luân-đôn trong việc cưỡng-bách hồi hương người Việt tị-nạn tại Hương-cảng.

Đồng-thời, chính-phủ Hoa-kỳ cũng thôi chống việc Anh-quốc bắt tay với CSVN lập trại tiếp-nhận các thuyền-nhân bị giải giao trở về.

Hiện nay, người tị-nạn Việt-nam tại các nước Á-châu lâm vào tình-trạng không ai bênh-vực. Lòng nhân-đạo của thế-giới đã mỏi-mòn...



CSVN chỉ mong "hòa-giải hòa-hợp" với đô-la Mỹ, trong nước đồng bào bỏ xứ ra đi tìm tự do

Các Phong-Trào Tranh-Đấu của Phụ-Nữ Việt-Nam 1926-1933

TỪ “NỮ-CÔNG HỌC HỘI” ĐẾN “PHỤ-NỮ TÂN-VĂN” Ở SÀI-GÒN

Hứa Hoành

Dây không phải là một bài khảo luận. Tài liệu dùng để tham khảo là những mẩu chuyện rời rạc, lược lặt từ những sách báo cũ, các câu chuyện truyền miệng, có khi một vài trang sách bằng ngoại ngữ đọc vội, không được kiểm chứng, so sánh, đánh giá... Vì lẽ đó, bài này chỉ có thể coi như một câu chuyện kể về một phong trào, một thời kỳ sôi nổi đặc biệt mà phụ nữ đã đóng một vai trò quan trọng.

Phong trào phát xuất từ Huế, lan rộng vào Nam, ra Bắc, mở màn cho một giai đoạn phụ nữ tham gia thật sự vào các cuộc tranh đấu giành độc lập sau này.

Cố đô Huế, thành phố cổ kính, trầm lặng, xứng đáng là một trung tâm văn hoá, nơi tĩnh tâm, an dưỡng tuổi già trong khung cảnh tịch mịch nên thơ. Nhưng vào cuối thập niên 1920, cố đô Huế bừng dậy với các hoạt động tranh đấu sôi nổi.

Trước tiên là phong trào nam nữ học sinh gởi kiến nghị xin ân xá cho nhà ái quốc Phan Bội Châu làm xôn xao một thời. Kế đến là phong trào học sinh bãi khoá từ Hà Nội nhanh chóng lan tràn vào Huế. Các học sinh Quốc học, Đồng Khánh

hăng hái tham gia làm cho cầm quyền Pháp lo ngại. Thiếu tế nhị, Pháp đàn áp mạnh, phạt tù, đuổi học, vô tình đẩy những thanh niên nam nữ có đầu óc cấp tiến ngã theo phe kháng chiến, và một số trở thành cán bộ trung kiên cho Việt minh Cộng sản sau này.

Ôn hoà nhưng ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài hơn cả là phong trào thành lập “Nữ công học hội” do một nhóm phụ nữ trí thức, có tinh thần ái quốc chủ trương, gây được tiếng vang khắp cả ba kỳ. Lãnh tụ của phong trào tiên phong này là bà Đạm Phương nữ sử*, một người thuộc dòng dõi trăm anh thế phiệt, cháu nội vua Minh Mạng.

Bà Đạm Phương tên thật là Công Nữ Đồng Canh, sinh năm 1880 tại Gia Hội, Huế. Bà là con gái đầu lòng của Miên Triện, tước Hoảng Hoá Vương. Miên Triện Hoảng Hoá Vương là anh em với Tùng Thiện Vương Miên Thẩm (con thứ mười vua Minh Mạng) và Tuy Lý Vương Miên Trinh (con thứ mười một vua Minh Mạng). Trước khi lấy hiệu Đạm Phương, bà còn có hiệu là Quý Hương. Bà Đạm Phương là vợ góa của cử

nhân Nguyễn Khoa Tùng, từng làm thượng thư triều đình Huế. Vì ông Nguyễn Khoa Tùng là con thứ sáu trong gia đình nên dân chúng Gia Hội, Vĩnh Dạ, Đông Ba thường kêu bà là bà Nghè Sáu. Bà Đạm Phương là một phụ nữ xinh đẹp, học thức, hâm mộ Phật giáo, có nhiều tư tưởng cấp tiến nhưng vẫn tôn trọng những giá trị cổ truyền của Khổng giáo. Ông Nguyễn Khoa Tùng ăn ở với bà sanh hạ được tất cả 11 người con, trong đó có một người tên là Nguyễn Khoa Văn (1908-1954), bút hiệu Hải Triều, trước là đảng viên Đại Việt, nhưng về sau trở cờ theo Cộng sản.

Hưởng ứng lời kêu gọi “Nữ quốc dân tu trí” của cụ Phan Bội Châu, bà Đạm Phương cùng một số phụ nữ cấp tiến khác trong đó có cô giáo Trần thị Như Mân, vợ học giả Đào Duy Anh, cô Nguyễn thị Du... lập ra Nữ Công Học Hội Huế. Mục tiêu của hội nhằm đòi hỏi cho phụ nữ có cơ hội được tham gia vào các hoạt động xã hội, được thăng tiến cá nhân và chen vai sát cánh cùng nam giới trong mọi hoạt động khác. Thừa hưởng yếu tố văn nghệ trong huyết thống của cha và hai bác, bà Đạm Phương nổi tiếng là người thơ hay, giỏi chữ, thông thạo Hán văn, Pháp văn lẫn quốc ngữ và được coi như một mẫu người cấp tiến hiếm có trong xã hội đương thời. Bà từng viết nhiều bài xã luận có giá trị đăng trên các báo *Nam Phong tạp chí* ở Bắc kỳ và *Phụ Nữ tân văn* ở Sài Gòn. Bà Đạm Phương dùng ngôi biệt thự cổ kính của mình ở Huế làm nơi gặp gỡ giới nữ lưu trí thức Thần kinh để trao đổi sáng kiến cho dự án thành lập hội của bà.

Năm 1926, Nữ Công Học Hội chính thức ra đời tại Huế, đánh dấu một bước tiến bộ của phụ nữ trí thức Huế, một số giáo viên và nữ sinh Đồng Khánh. Trong buổi lễ khánh thành Nữ Công Học Hội, bà Đạm Phương có mời cụ Phan Bội Châu đến chủ tọa cho buổi lễ thêm long trọng.

Ban đầu, Nữ Công Học Hội

nhằm mục tiêu:

- Mở các lớp dạy gia chánh (bánh mứt, nấu ăn), các lớp dạy chữ quốc ngữ cho những chị em phụ nữ thiếu may mắn.

- Đòi hỏi cho các phụ nữ có cơ hội học hỏi thêm và tham gia vào các hoạt động xã hội.

- Tranh đấu đòi quyền bình đẳng với nam giới về cả quyền lợi và bổn phận. Đây là chủ trương cấp tiến nhất của hội.

Hội còn chuẩn bị dư luận để phụ nữ tham gia các hoạt động chánh trị ngoài gia đình. Theo bà Đạm Phương, phụ nữ sẽ không làm gì được nếu thiếu huấn luyện về học vấn và tinh thần.

Nữ Công Học Hội ra đời được giới trí thức khắp nơi trong nước hoan nghênh nhiệt liệt. Nhiều thân hào nhân sĩ khắp ba kỳ bày tỏ sự ủng hộ bằng vật chất hoặc tinh thần khiến những người chủ trương rất phấn khởi: Ông Hội đồng Trần Bá

Vĩnh ủng hộ 2.000 đồng (trị giá tương đương với 1000 gia lúa) để mua đất xây trụ sở riêng cho Hội. Bà Trần văn Chương, khuê danh Thân thị Nam Trân lạc quyền trong sổ bạn bè giàu có ở quê chồng Bạc Liêu được số tiền là 230 đồng bỏ vào hội. (Bà Trần văn Chương là con gái cụ Thân Trọng Huề, thượng thư ở Huế). Ngoài ra, một chuyên viên kỹ thuật ở Đồng Hới cũng gởi tiền đến giúp và gởi thư khuyến khích các hoạt động của Hội.

Ngoài những bài báo cổ động cho việc giải phóng phụ nữ khỏi chốn phòng the, tham gia công tác xã hội, bà Đạm Phương còn là tác giả nhiều sách giá trị: *Giáo dục nhi đồng* (xuất bản ở Hà Nội năm 1942), *Phụ nữ dữ gia đình* (xuất bản tại Sài Gòn năm 1929). Đặc biệt hơn hết là cuốn *Phấn hồng tương tri* do Nữ lưu thư quán Gò Công xuất bản và tái bản nhiều lần. Là một phụ nữ lịch lãm, bà Đạm Phương du lịch, thăm viếng nhiều nơi để diễn thuyết, cổ động phong trào thành lập Nữ Công Học Hội ở Bắc kỳ, Nam kỳ và một vài thành phố ở Trung kỳ.

Thời kỳ rực rỡ nhất khi phong trào này lên cao vào năm 1931, có gần 100 hội viên, và việc tổ chức cuộc đấu xảo mỹ nghệ phụ nữ tại Huế, còn gọi là Hội Chợ Mỹ Nghệ Phụ Nữ. Việc làm ý nghĩa nhất của Nữ Công Học Hội là đề ra bốn phận và nghĩa vụ của những người giàu có giúp những kẻ kém may mắn hơn mình. Những người lãnh đạo phong trào Nữ Công Học Hội tuyên bố khi đất nước sinh ra con người đồng thời phân chia kẻ sống bằng nghề trí óc, người sống bằng nghề tay chân; tuy nhiên, chúng ta có trách nhiệm và bốn phận bằng nhau. Các vị này hy vọng rằng sự công bằng sẽ đem lại cho giai cấp lao động một cơ hội chứng tỏ khả năng khéo léo của họ. Các phụ nữ may mắn sinh ra trong cảnh giàu sang, sẽ có dịp đầu tư vào các dịch vụ còn non kém, và các học sinh, sinh viên tương lai có cơ hội quan

sát, chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai của họ. Về phía chính quyền Pháp, khâm sứ Trung kỳ ra lệnh dùng toà nhà mới xây cho viện Dân biểu Trung kỳ để tổ chức hội chợ cho phụ nữ.

Vào ngày 22.12.1931, Toàn quyền Pasquier cùng một số quan khách quý tộc, hoàng gia, báo chí đến dự lễ khánh thành. Sau đó phái đoàn đi duyệt qua các gian hàng hội chợ phụ nữ, mua một số sản phẩm thủ công, bánh mứt, kẹo do các bà các cô làm ra. Theo lời tuyên bố của những vị đó với báo chí thì "bánh kẹo do các bà các cô làm ra không thua gì bánh kẹo do Pháp sản xuất".

Dĩ nhiên các bà trong ban lãnh đạo của Nữ Công Học Hội không hãnh diện vì lời khen bánh kẹo hay đồ thủ công đó, mà mục đích chính của các bà là muốn cho phụ nữ được thăng tiến. Hai năm sau, số hội viên sụt xuống còn 54 người.

Nằm trong mục đích này nhưng lại do một người khác chủ trương, đó là bà Lê Thành Tường, người Nam kỳ, theo chồng là ông Lê Thành Tường ra Huế làm việc. Ông Tường làm bí thư cho Khâm sứ Yves Châtel. Bà Tường cũng là một phụ nữ tân tiến, học thức, giỏi chữ Pháp, chữ Hán và chữ quốc ngữ. Sở trường của bà là làm thơ Đường. Bà Tường chủ trương và sáng lập tờ báo *Phụ nữ tân tiến*, xuất bản ở Huế nhưng bán không chạy vì nội dung tờ báo viết cao, hạn chế độc giả trong nhóm trí thức mà thôi. Từ đó, phong trào Nữ Công Học Hội sôi nổi một thời ở Trung và Nam kỳ.

Tại Tourane, sau này là Đà Nẵng, một thành phố nhượng địa thuộc Pháp, được coi như đô thị lớn và tối tân nhất Trung kỳ bấy giờ, có bà Vương Khả Lâm tức nữ sĩ Huỳnh thị Bảo Hoà, một phụ nữ trí thức, cấp tiến khác đứng ra xướng xuất phong trào tại địa phương. Cũng như bà Đạm Phương và bà Lê Thành Tường, bà Huỳnh thị Bảo Hoà rất giỏi chữ Hán, chữ Pháp cũng như chữ quốc



ngữ. Bà cũng viết báo cổ động cho phong trào nam nữ bình quyền nhưng ảnh hưởng của bà chỉ ở phạm vi thành phố Tourane mà thôi. Bà là vợ ông Vương Khả Lâm, Tham tá sở Thương Chánh (còn gọi là nhà Duane). Bà thường cỡi xe đạp đi làm, và thuở đó bà là người phụ nữ đầu tiên ở Tourane cỡi xe đạp, dân chúng hết sức trầm trồ khen ngợi. Bà cũng hút thuốc phiện để tỏ ra mình bình đẳng với đàn ông, nhưng về sau chính món này làm hại bà ghiền nặng khi tuổi xế chiều. Ngày lễ khánh thành Nữ Công Học Hội Tourane, bà Vương Khả Lâm có mời cụ Phan Bội Châu đến dự khiến dân chúng nô nức xôn xao. Vào ngày 31.3.1929, hội này có ra một tờ báo, lấy tên là *Thanh niên tân tiến*, quy tụ một số các vị nữ lưu danh tiếng của thành phố.

Riêng tại Faifo tức Hội An sau này, tỉnh ly tỉnh Quảng Nam, vào năm 1926, một nhóm phụ nữ trí thức đứng ra thành lập Nữ Công Học Hội và có phát hành một tờ báo cùng tên. Nòng cốt của phong trào tại đây là nữ sĩ Song Thu, sinh trong một gia đình danh giá, tên thật là Phạm Xuân Chi. Bà là con ông Phạm Phú Lâm, cháu nội của thượng thư Phạm Phú Thứ. Lúc nhỏ, bà Song Thu học cùng lớp với tiểu thơ Anh Chi, con gái của thượng thư Hồ Đắc Trung, sau này là hoàng hậu vợ vua Khải Định, mẹ của Bảo Đại và còn được gọi là bà Từ Cung. Buổi đầu thành lập, Nữ Công Học Hội Faifo chỉ có 14 hội viên.

Tại Cần Thơ, hưởng ứng phong trào để tiến đến việc giải phóng phụ nữ, bà Huỳnh Ngọc Nhuận, một nhơn sĩ địa phương, đứng ra mở trường nữ học. Đó cũng là năm trường College de Cần Thơ tức trường Phan Thanh Giản sau này, thu nhận học sinh vào năm thứ nhất.

Trường nữ học Cần Thơ dạy may vá, thêu thùa, nấu ăn, bánh mứt. Ngoài ra trường còn dạy văn chương, âm nhạc, vệ sinh thường

thức cho phụ nữ. Đặc biệt có bà Nguyễn Háo Ca (thân nhân các ông Nguyễn Háo Vĩnh, Nguyễn Háo Văn?) viết sách đề cao phụ nữ nhan đề *Phụ nữ Việt Nam* xuất bản tại Sài gòn năm 1933.

Trong Nam có hai hoạt động phụ nữ gây nhiều tiếng vang và ảnh hưởng rộng rãi đến mọi tầng lớp dân chúng là Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công và tờ *Phụ Nữ tân văn* do bà Nguyễn Đức Nhuận tức Cao Thị Khanh chủ trương.

NỮ LƯU THƠ QUÁN GÒ CÔNG

Vào năm 1926 tại Gò Công, một tỉnh nhỏ nằm phía nam Sài gòn, một nhóm phụ nữ học thức tiến bộ đứng ra thành lập một tổ chức chuyên môn xuất bản sách báo gọi là Nữ lưu Thơ Quán do cô Phan thị Bạch Vân làm chủ nhiệm. Ra đời trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước, nhưng dưới sự lèo lái của cô Phan thị Bạch Vân, Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công đã thành công vượt bực, gây được nhiều tiếng vang về mặt kêu gọi lòng yêu nước của chị em phụ nữ.

Điểm qua một số báo xuất bản định kỳ ở các tỉnh (trừ Sài gòn), ta thấy có những tờ quan trọng sau đây:

- Tuần báo *An Hà* (An Giang, Hà Tiên) xuất bản liên tục trong 17 năm, song song với tờ *Nam Phong tạp chí* ngoài Bắc, ra tổng cộng 836 số, nhưng ảnh hưởng về phương diện tranh đấu rất ít.

- Tờ nguyệt báo *Hậu Giang* phát hành tại Cần Thơ, ra được 8 số thì đình bản.

- Ở Vĩnh Long có tờ *Tân Tiến* ra được một thời gian ngắn rồi đình bản.

- Tại Bạc Liêu có tờ *Sống Chung*, xuất bản vào năm 1939, kể đó thế chiến bùng nổ phải tạm ngưng.

Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công chỉ tồn tại được bốn năm nhưng đã gây được một phong trào yêu nước bùng nổ trong giới thanh niên nam nữ. Đây là lần đầu tiên, các loại sách báo cung cấp món ăn tinh thần cho thanh niên đúng lúc. Chính

những quyển sách của Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công đã kích thích lòng yêu nước, mở màn cho những cuộc bạo động, khởi nghĩa thực sự với sự tham gia của nhiều anh thư nước Việt. Vào năm 1928, Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công đã in nhiều sách nói về các gương danh nhân phụ nữ các nước. Cuối năm đó, số tựa sách được in xong và phát hành lên đến 16 cuốn và hiện đang in thêm 9 cuốn khác. Nổi bật hơn cả là quyển *Phấn hồng tương tri* của bà Đàm Phương, in tới hơn 10.000 cuốn, con số kỷ lục bấy giờ. Ngoài ra còn có một số tác phẩm rất được hâm mộ như: *Chính nghề xuất bản* của Phan thị Bạch Vân, *Giương nữ kiệt*, *Triều Tiên nữ cách mạng Mạc Tử Oanh* do Ngọc Sơn và Đoàn Hiệt dịch, *Trung Hoa nữ kiệt Trịnh Dục Tú* do Nguyễn Ngọc Hải dịch... Các cuốn này đã gây chấn động, sôi nổi Nam kỳ lúc đó vì nó gián tiếp cổ động phong trào chống Pháp, giành độc lập.

Nam kỳ là thuộc địa, có nhiều tự do hơn Trung kỳ. Riêng tại Trung kỳ, vì lo sợ ảnh hưởng các sách trên, Khâm sứ Trung kỳ yêu cầu triều đình Huế phải ra lệnh cấm bằng nghị định ngày 8.10.1927.

Thấy phong trào có vẻ lên cao, tạo nhiều triệu chứng bất ổn về phương diện chính trị, Khâm sứ lại ép triều đình Huế ra thêm một nghị định kế tiếp: Nghị định "cấm các thứ sách và các thứ báo chí không

xuân sớm tại vĩnh-gia

*Xuân thấy ta sang, xuân vội sang
Mừng mừng tuổi tuổi, từ mang mang
Chời non lộc nhú phở màu lục,
Búp mới bông đơm khế nhụy vàng.
Gió nhẹ huu huu khơi nổi nhớ,
Tia hạnh dịu dịu gọi niềm thương
Ngàn xưa, xuân vẫn như bao thuở,
Mấy độ tang thương, bấy đoạn trường.*

thanh lê

được truyền bá, phát mãi và tàng trữ trong hạt Trung kỳ". Trong 80 năm đô hộ, có thể nói thời gian từ năm 1929 đến 1933 là giai đoạn đen tối của thực dân Pháp. Khi cuộc khủng hoảng kinh tế đang đánh vào Đông Dương thì đồng lúc nhiều phong trào chống đối gia tăng, khiến Pháp phải khủng bố, đàn áp dã man hơn bao giờ hết. Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công lúc lên đến thời cực thịnh có đại lý bán sách trong cả ba kỳ. Riêng tại Pháp cũng có hai đại lý. Trên thực tế, Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công được điều hành hợp pháp, nhưng vẫn gây nên sự lo sợ cho nhà cầm quyền Nam kỳ. Thực dân Pháp lo ngại phong trào này dọn đường cho một phong trào chống đối bằng vũ lực nên thống đốc Nam kỳ tìm cách triệt hạ bằng nhiều bước: Đầu tiên họ cấm lưu hành các sách do Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công phát hành. Kế đó

họ ra lệnh đóng cửa Thơ Quán. Sau cùng họ truy tố cô Phan thị Bạch Vân ra toà vì tội dùng văn chương gây rối nền hoà bình và an ninh trong xứ. Cô Phan thị Bạch Vân bị phạt một số tiền tượng trưng nhưng thơ quán bị đóng cửa vĩnh viễn.

Cũng cần nói thêm, phiên toà hôm ấy có xử ông Phan Đình Long, chủ nhà in Dân Trí thư xã ở Cần Thơ, bị kết án 6 tháng tù ở về tội trạng tương tự. Báo *Phụ Nữ tân văn* xuất bản ngày 28.9.1933 (số 218) có đăng hình cô Phan thị Bạch Vân trên trang bìa.

BÀ NGUYỄN ĐỨC NHUẬN VỚI TỜ "PHỤ NỮ TÂN VĂN"

Tại phòng khách trụ sở hội Dục Anh ở góc đường Cống Quỳnh-Nguyễn Trãi (ngang rạp Khải Hoàn) có treo tấm hình một người

đàn bà ở chỗ trang trọng như: Đó là ân nhân sáng lập tổ chức từ thiện này: bà Nguyễn Đức Nhuận, khuê danh Cao thị Khanh.

Trong làng báo Sài Gòn giữa thế kỷ 20, có đến ba người tên là Nguyễn Đức Nhuận đều nổi tiếng:

— Người thứ nhất là ông Nguyễn Đức Nhuận tự Phú Đức, nhà văn chuyên viết truyện kiếm hiệp trinh thám, tác phẩm lừng danh là *Châu về Hiệp phố*.

— Người thứ hai là Nguyễn Đức Nhuận tự Bút Trà (lấy núi Bút, sông Trà nơi quê hương Quảng Ngãi làm bút hiệu), vừa là nhà văn vừa là nhà báo từ năm 1928. Vợ ông tên Tô thị Thân, còn gọi là bà Bút Trà, chủ nhiệm nhật báo *Sài Gòn mới*.

— Người thứ ba là Nguyễn Đức Nhuận, khuê danh Cao thị Khanh, sinh năm 1900 tại Gò Công, con của ông Cao văn Nhiều, đại điền chủ và bà Nguyễn thị Mỹ.

Bà Nguyễn Đức Nhuận Cao thị Khanh là một phụ nữ học thức, ham hoạt động xã hội, văn hoá, giáo dục, rất tháo vát. Thời gian 1929-1933 là giai đoạn khó khăn của lịch sử nước nhà vì kinh tế khủng hoảng, giá lúa gạo sụt làm nhiều người phá sản. Các phong trào tranh đấu lan rộng khắp ba kỳ làm Pháp điên đầu, hạn chế bớt quyền tự do ở thuộc địa Nam kỳ. Trong tình trạng ấy, bà Cao thị Khanh đã sáng lập tờ *Phụ Nữ tân văn* và điều khiển thành công, thật là một người phi thường.

Hưởng ứng phong trào Nữ Công Học Hội của bà Đạm Phương ở Huế, bà Cao thị Khanh cùng các bà Thái văn Lân, Nguyễn thị Phương, Lê Kim Huê, Nguyễn thị Kiêm (Manh Manh nữ sĩ)... khởi xướng phong trào giải phóng phụ nữ ở miền Nam. Bà chủ trương dùng tờ *Phụ Nữ tân văn* làm phương tiện hoạt động. Con nhà giàu, có cửa hàng buôn bán tơ lụa tại chợ Sài Gòn, bà dư sức sống một cuộc đời nhung lụa, đài các, nhưng bà Cao thị Khanh không muốn hưởng phú quý riêng mình.



Báo *Phụ Nữ tân văn* đặt trụ sở tại đường Vannier, ngang kho bạc tức Tổng nha Ngân khố cũ, đề ra phương châm hoạt động:

- Mở ra một giai đoạn thảo luận công khai, rộng rãi, để bàn bạc cần kể các vấn đề vai trò của người phụ nữ trong xã hội đương thời.

- Trắc nghiệm các ý niệm mới về vai trò của người phụ nữ.

- Quan sát, tường thuật tại chỗ các vấn đề đời sống phụ nữ, đời sống trong các hầm mỏ, đồn điền, ruộng rẫy. Lần đầu tiên *Phụ Nữ tân văn* đề cập vấn đề gái mãi dâm và đời sống của những người tàn tật, ăn xin ăn mày.

Đối tượng của *Phụ Nữ tân văn* là thành phần có học: khoảng 10.000 phụ nữ và thanh niên có trình độ học vấn từ 3 đến 6 năm trên ghế nhà trường vào đầu thập niên 1930. Trên báo *Phụ Nữ tân văn* luôn luôn có những bài viết ngắn, gọn, dùng chữ bình dân, ít chữ Hán và nhất là những bài xã luận nói thẳng, nói rõ. Số báo phát hành hàng tháng rất mạnh. Lúc cực thịnh, báo *Phụ Nữ tân văn* xuất bản lên tới 10.000 số.

Trong những năm có cuộc khủng hoảng kinh tế, Pháp theo dõi tờ *Phụ Nữ tân văn* chặt chẽ, thỉnh thoảng vẫn tịch thu một vài số vì đã không theo đúng chủ trương bất bạo động. Nhà cầm quyền Pháp ở Nam kỳ chỉ cho phép cải cách văn hoá, xã hội mà rất cấm kỵ việc bàn về chính trị.

Từ lúc sáng lập, việc điều hành và nuôi dưỡng tờ báo hoạt động đều do bà Nguyễn Đức Nhuận Cao thị Khanh quán xuyến. Ngoài số vốn sơ khởi do chính bà bỏ ra, với sáng kiến, bà Nguyễn Đức Nhuận đã tìm được nhiều nguồn tài trợ dồi dào để trả nhuận bút hậu hĩ cho các tác giả. Trước tiên, bà nhận được sự yểm trợ tài chánh của chồng bà, một nhà xuất nhập cảng, bán sỉ và lẻ. Các hãng buôn lớn cũng ủng hộ bà bằng cách chịu đăng quảng cáo thường xuyên trên *Phụ Nữ tân văn* như hãng thuốc lá Job, hãng sữa con chim Nestlé, Banque du Vietnam, hãng xe Citroën... Còn vấn đề in

báo, bà Nhuận ký giao kèo với nhà in của bà Diệp văn Kỳ, con gái ông Cả Hiến, quê ở Cao Lãnh, một phụ nữ điều hành dịch vụ thương mại khá thành công. Nếu không có sự yểm trợ hỗ tương trên, chắc chắn trong lúc khó khăn về kinh tế, báo này đã không sống được và trả tiền hậu hĩ cho các nhà văn nhà báo trong cũng như ngoài nhóm.

Bà Nguyễn Đức Nhuận là phụ nữ duy nhất có sáng kiến mở một kỷ nguyên mới trong làng báo để phục vụ đồng bào và giới phụ nữ. Vốn trọng nghĩa khinh tài, bà đã trích một phần gia sản của mình để làm việc thiện, không vụ lợi, không cầu danh, khiến cho giới trí thức Nam Trung Bắc đều hâm mộ. Trong thời gian làm báo *Phụ Nữ tân văn*, bà Nhuận đã làm hai việc đáng đề cao:

- Tổ chức lạc quyền "Đồng xu học sinh" làm học bổng để cấp cho các sinh viên xuất sắc du học bên Pháp.

- Tổ chức hội chợ phụ nữ.

Với thành công về tài chánh, bà lập ra hội Dục Anh, còn tồn tại cho đến ngày 30.4.1975 tại góc đường Cống Quỳnh và Nguyễn Trãi.

Thấy sự thành công quá mức của bà trong hội chợ phụ nữ giữa lúc thời buổi kinh tế khó khăn, nhiều người ganh ghét, viết báo vu cáo bà gian lận tiền bán bông giấy trong hội chợ. Nhưng sau đó, trong một phiên toà công khai, công lý đã soi xét và minh oan cho bà, nhìn nhận bà trong sạch, không gian dối. Dầu sao đi nữa, vụ này cũng làm tổn thương danh dự của bà, khiến bà mất hết hứng thú làm việc thiện. Về sau bà qua Pháp sinh sống và mất trong sự lãng quên của những người chịu ơn bà (những du học sinh đã tốt nghiệp mà không hoàn lại tiền học bổng) và cả người đời.

* Nữ sử: tên gọi những người đàn bà thông hiểu việc văn chương, sách sử, được sung vào cung để ghi chép các việc trong nội cung. Về sau, chữ này dùng để chỉ những phụ nữ hay chữ.

Ông Nguyễn Hành, quán làng Cách Bi (tục gọi là làng Gạch) thuộc huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh, sau khi đỗ cử nhân được bổ tri huyện Thủy Đường. Vợ là người tài sắc, nét na, đoan chính. Năm 1840 bà sinh một trai đặt tên là Cao. Bốn năm sau ông huyện Nguyễn Hành nhuốm bệnh từ trần. Bấy giờ bà huyện mới hai mươi hai tuổi, mẹ con đưa nhau về ở nơi quê mình.

Người quả phụ bóng dáng thướt tha, nói năng duyên dáng, không khỏi khiến nhiều người để ý. Ông Phan Khôi xưa đã kể chuyện này trong báo *Phụ nữ tân văn*:

*Tên lý trưởng ở làng bên cạnh
Những toan dùng sức mạnh bẻ
hoa*

*Lựa khi bà ở nhà ra
Đón đường bốp vú, trắng hoa ngổ
lời*

*Rằng: "Hãy lấy ta đây thì khá
"Không, đồ nàng ở goá cho yên!
Là người, há phải là tiên
Dầu cho tiên nữa, có tiền cũng
mua!"*

*Bà riêng nghĩ: Minh thua trăm lẽ
Yếu mà toan chống khoẻ được
sao?*

*Cười cười nói nói ngọt ngào,
Xin cho hết trở sẽ trao tơ hồng...*

*Về, bà vẫn ung dung như trước
Sớm hôm lo cơm nước nuôi con
"Nuôi con cho lớn cho khôn
Rồi ta thấm máu mà chôn cái thù"
Lòng căm tức mấy thu ôm đợi
Chờ bé Cao đến tuổi mười hai
Nhìn con như trái lê tươi
Nghĩ mình khó nổi ở đời với con
Đặng lý trưởng bõn chồn giục mãi
"Tang hết rồi, vẫn hãy đợi mong!"
Bên bà cho báo tin thông
Hẹn ngày sắm lễ cúng chổng một
đêm*

*Mời thầy lý, làng trên xã dưới
Dự tiệc này, tiệc cưới hôm sau
Lý nghe mừng rỡ xiết bao
Ai hay sét đánh trên đầu đứa gian.
Ngày hôm ấy, trước bàn nghi ngút
Hương phun mây, đèn đuốc ánh
hồng*

*Xóm làng đủ mặt tây đông
Ai coi mụ goá tế chổng thì coi*

Cắt Vú, Rút Ruột

Lăng Nhân



Bà lạy rồi, hẳn hoi đứng giữa
Giọng nghiêm trang kể rõ đầu
đuôi:

Rằng "Từ nó phạm đến tôi
"Tấm lòng tui nhục chẳng nguôi

bao giờ

"Hiềm vì chút con còn thơ dại
Phải làm ngơ, làm lủi qua ngày
Sống thừa cho đến hôm nay
Liều thân, tở tấm lòng này với ai".

Nói đến đây, bà cúi đầu làm lễ rồi
cầm dao cắt bên vú đã bị làm nhục,
vứt vào mặt lý trưởng, rồi tiện tay
đâm luôn vào cổ mình, tự vẫn. Lúc
ấy:

Trăm con mắt đổ hoa đom đóm
Lưỡi thụt vô, răng cộp cộp hàm
Ai đời có gái phi phạm
Chết oanh, chết liệt, chết làm cho
kinh!

Sau khi mẹ chết, bé Cao được
gửi tới học ông tú Nguyễn Gia
Giao, xã Liễu Ngạn, phủ Thuận
thành, là chỗ quen từ lâu của gia
đình. Ông tú rất nghèo, chỉ đủ cho
trò sáng cơm chiều cháo. Những
ngày nông vụ, thầy trò phải đóng
khố ra ruộng làm việc đồng áng.

Vậy mà đến năm 28 tuổi, Cao đỗ
thủ khoa, được bổ tri huyện Yên
Lũng, rồi thăng tri phủ Lạng Giang,
bổ chính Thái Nguyên và tán lý
quân vụ Bắc kỳ, sau treo ấn từ quan
khi hoà ước với Pháp được ký.

Năm 1885, ông giúp Nguyễn
Thiện Thuật việc huấn luyện chiến
thuật du kích và chỉ huy nghĩa quân
đánh phá nhiều đồn Pháp. Pháp
hợp cùng quân của Hoàng Cao
Khải và Lê Hoan, thắt chặt vòng
vây khu Bãi Sậy. Nguyễn Thiện
Thuật chạy sang Tàu. Nguyễn Cao
về nương náu tại làng Kim Giang,
phủ Ứng Hoà, Hà Đông, sau có kẻ
tố cáo nên bị bắt. Người Pháp và
Hoàng Cao Khải trách Nguyễn Cao
là không có lòng trung nghĩa, hứa
bổ vào chức cao nếu chịu ra làm
việc với Pháp. Ông từ chối. Hoàng
Cao Khải cho đem hình cụ tra tấn
ra dọa. Nguyễn Cao mỉm cười:

— Ta đâu có sợ chết, sẽ có cách
tự xử khỏi phiền đến ai...

Ông thò vào tay áo lấy mảnh sứ
sắc cạnh đã giấu sẵn, mạnh tay
khoét rốn, rút ruột ra vứt trước mặt
Hoàng Cao Khải, hỏi:

— Lòng ta đây, mày xem đoạn
nào là không trung nghĩa?

Rồi thống mạ cả lũ đến khi miệng
trào máu, thì ra Nguyễn Cao đã cắn
lưỡi tự tử.

Khí tiết của con cũng lắm liệt như
của mẹ, vằng vặc ngàn năm... □



Áo Vải, Bút Lông

Võ Đình

Tương đối mà nói, tôi là một thứ “lính mới” trong giới văn chương Việt Nam hiện đại. Đi du học nước ngoài khi còn nhỏ tuổi, mãi đến năm... 1967 tôi mới được đọc những cây viết nặng ký của miền Nam (vĩ tuyến 17, sau 1954) như Doãn Quốc Sỹ, như Võ Phiến... Cũng năm ấy, đúng là năm hên, tôi được một người bạn ngoại quốc quen biết với thầy Nhất Hạnh cho biết thầy hiện đang có mặt ở thành phố New York. Tôi vội đi hai tiếng xe từ trên “núi” xuống thăm thầy.

Gặp nhau lần đầu tiên, thầy Nhất Hạnh đứng nhìn tôi một lúc rồi mỉm cười: “Anh Võ Đình...” Đoạn thầy đưa cả hai tay ra nắm lấy tay tôi, dắt tôi vô căn phòng khách của chung cư. Thầy bỏ hai tay tôi xuống, mời tôi ngồi, rồi nói: “Để tôi pha trà uống”. Rồi thầy đi vô bếp. Thật lâu. Rồi bưng khay trà ra. Rót trà, uống trà, yên lặng. Một hai câu thăm hỏi nắng mưa. Rồi

uống trà. Lại yên lặng. Có khi yên lặng thật lâu.

Đang ngồi yên, thầy Nhất Hạnh đặt chén trà xuống, đưa một tay xoa xoa lên cánh tay kia, hỏi tôi: “Anh có biết áo tôi bận đây là áo chi không?” Tôi nhìn chiếc áo màu lam khói hương. Cổ tròn. Vạt tả chẳng lên vạt hữu. Tuy là áo ngắn nhưng dài xuống gần đầu gối. Tôi nói: “Dạ, thưa không”. Thầy mỉm cười: “Áo nhật bình đó, anh nợ” (Tiếng Huế, *nợ* tức là *à*). Lại im lặng. Một lúc sau, thầy nói tiếp: “Áo mấy chú tiểu hay bận đó”.

À, thì ra thế. Tôi xa quê đã quá lâu. Vả lại hồi còn nhỏ ở Việt Nam tôi đâu có để ý đến mấy chuyện áo xống đó. Nhưng tôi nhận thấy ngay đó là một kiểu áo đẹp. Tôi nghĩ thầm, làm chú tiểu mà mặc áo này cũng sướng.

Bây giờ, một phần tư thế kỷ đã trôi qua, tôi nhớ tưởng như buổi diện kiến đầu tiên với vị thượng tọa

trẻ tuổi nổi tiếng “thông minh sắc bén tài hoa” chẳng có gì ngoài những giây phút im lặng thân mật, mấy chén trà nóng uống chậm rãi trong chung cư vắng vẻ, trong khi bên ngoài đường sá xe cộ New York âm ỉ như sóng vỗ. Và, chiếc áo vải. Chiếc áo nhật bình. Về sau, khi đọc các sách của Nhất Hạnh và được biết cá nhân thầy nhiều hơn tôi mới hay là gặp nhau lần đầu tiên, thầy đã tiếp tôi còn hơn một quý khách.

Bảy năm sau, tôi ở ngoại quốc về Việt Nam. Một hôm, thầy (cha) tôi bảo tôi: “Con bận chi cấy đồ nớ khó chịu rửa, lấy cấy ni mà bận nì!” (Con mặc gì cái thứ ấy trông khó chịu vậy, lấy cái này mà mặc!). Ở ngoại quốc lâu năm, trong những môi trường hoàn toàn Tây phương, tôi quen cái thói mặc “đồ Tây” suốt ngày, mãi đến tối đi ngủ mới thay pi-ja-ma. Tôi còn nhớ thời mới qua Pháp, được ông giáo sư mời về nhà ăn cơm trưa chúa nhật, bữa cơm quan trọng nhất trong tuần. Có anh bạn học “lính cũ” dặn dò phải đánh bộ com-lê cà-vạt vào cho phải lễ, “Pháp nó thế”. Đến nhà thầy, thấy thầy cũng com-lê cà-vạt nghiêm chỉnh hết sức. Chỉ

sau khi thanh toán xong ly *apéritif Cinzano*, ông thầy mới cười cười nói với vợ, điệu bộ rất ga-lăng: “Này, bà nó, cung, *ma chérie*, chúng tôi cởi bớt vét (*veste*) cho thoải mái nhé?...” Bà cho phép: “*Mais oui, mais oui, vous seriez plus confortables*” (Trời ơi, đúng rồi, quý vị cứ tự nhiên đi).

Về Huế, tôi không đóng com-lê cà-vạt trong nhà, nhưng cũng mặc sơ-mi, sần-đai (*chandail, sweater*), quần tây... Tôi thưa lại thầy tôi: “Dạ, con mặc thế này cũng được, thưa thầy”. Giọng thầy tôi hơi gắt (ông cụ tính nóng nảy lắm): “Được chi mà được! Ngó mà bắt mệt! Nì, con lấy cây nì mà thay đi cho dễ dàng” (Này, con lấy cái này mà mặc vào cho nhẹ nhàng, thoải mái). Tôi cầm lấy xấp áo quần thầy tôi đưa, đi thay.

Đó không phải là một bộ *pyjama* lối Tây, hay một bộ bà ba, như tôi tưởng. Đó là một chiếc áo nhật bình và cái quần rất rộng cùng vải cùng màu. Vải thật mềm và mịn, chắc là đã giặt nhiều lần. Màu xanh lơ nhạt, dịu mát. Tôi nhìn kỹ đường viền ở cổ và khuy áo. Áo may tay. May tay thật kỹ, thật công phu, có chỗ đi mũi đôi, như đường may máy (thay vì — — — thì —————). Tôi mặc bộ nhật bình vào. Sung sướng như ngày Tết năm xưa còn bé được mặc áo mới. Tôi bước ra, hỏi: “Thầy ơi thầy, ai may cái bộ nhật bình dễ thương rứa?”. Thầy tôi gắt, lại gắt, nhưng với một nụ cười: “Cha, con mà cũng biết áo nhật bình à? Mẹ con may chứ ai may!”

Suốt thời gian ở Huế, tôi mặc bộ nhật bình chính tay mẹ tôi may cho cha tôi và cha tôi cho tôi mượn mặc. Áo bẩn, tôi tự tay giặt lấy, phơi ngay, áo khô là mặc vào liền. Trước ngày ra đi, tôi giặt bộ nhật bình, phơi nắng, rồi xếp lại thật vuông vắn đem trả thầy tôi. Lại bị ông cụ quở: “Trả chi mà trả! Đem về Mỹ mà bận cho sướng”. Tôi đem về Mỹ, mặc mấy năm, sướng thật. Nay thì bộ nhật bình đã cũ quá rồi,

vải đã bỏ quá rồi. Tôi không dám mặc nữa, vì mặc thì phải giặt, mà giặt có nhẹ tay mấy cũng rách. Mỗi năm tôi đem bộ nhật bình ra ngắm nghĩa vuốt ve hai lần. Tết và Vu lan. Ngắm nghĩa vuốt ve thôi, không dám mặc.

Tôi ngắm nghĩa cái áo nhật bình vai rộng lưng dài, cái quần ống thật lớn, đáy cắt thật thấp, và tôi hình dung ra nhân dáng vạm vỡ chắc chắn của thầy tôi. Năm tôi về nước, năm cha con thấy mặt nhau lần cuối, ông cụ đã thất tuần mà ăn khỏe, làm việc khỏe như một tráng niên. Tôi vuốt ve vải áo cũ mềm, và nhớ lại bàn tay của mẹ tôi. Bà cụ có hai bàn tay thật đẹp. Về già, da không nhăn mà còn như mịn màng thêm. Có bữa ngồi rảnh rỗi, tôi cầm tay mẹ lên coi thật kỹ: da tay bà trong ra như giấy mỏng, thấy cả những đường gân xanh, những mạch máu đỏ li ti...

Tôi ra đi 1974. Mẹ tôi qua đời 1985. Năm sau, ông cụ đi theo bà cụ, như vậy là đã năm năm rồi. Bộ nhật bình tôi vẫn còn cất đấy, bông sợi (cotton) mộc mạc mà mát dịu, áo vải với hàng ngàn đường kim mũi chỉ của mẹ tôi. Áo vải đã bao lần thấm mồ hôi của cha tôi. Đã nhiều lần tôi có ý nghĩ sẽ dặn người thân, lỡ ra tôi có chết ở xứ người thì hãy lấy bộ nhật bình trong tủ mà mặc cho tôi trước khi đem đi hài tôi đi hoá táng. Thật tình tôi đã có tính như vậy mặc dù tôi biết rằng ý nghĩ này quả có cái gì hơi “cải lương”!

*
* *

Ngày xưa, mỗi lần anh em chúng tôi nói chuyện chết chóc là bị mẹ tôi rầy: “Đừng có nói đại!” Tôi xin quay lui về chuyện Sống vậy.

Nói chuyện sống là nói chuyện ăn ngủ, làm việc, những vật cần dùng, những sở hữu. Mà nói tới sự vật thì ở đời tôi quý vật gì cho bằng cây bút, những cây bút. Cả đời tôi yêu bút. Từ cây bút cán gỗ ngòi lá tre “xẹt-răng ma-ro” (*Sergeant-major*, nhãn hiệu một loại ngòi bút sắt rất phổ thông thời tiền chiến)

chấm mực tím của thời tiểu học cho đến cây bút “nguyên tử” tân kỳ hơn của thời trung học. Năm tôi mười lăm tuổi, thầy tôi cho tôi cây bút máy đầu tiên trong đời. Cây bút *Waterman's* cũ, ngòi vàng 18 ca-ra, mình có vân vàng và xám, trong có ruột cao su chứa mực, cây bút đẹp quá, tôi quý vô vàn. Đi Pháp, tôi đem nó đi theo, rồi đánh mất. Tiếc đứt ruột, tôi trở thành một thứ quá khích về bút. Tôi “chơi bút” như người ta “chơi đồ cổ”, “chơi cá”, “chơi cờ”. Thấy bút đẹp, lòng tham nổi dậy là tôi mua tất: bút cán gỗ ngòi sắt của Pháp, Ý, Đức, Anh, bút máy Parker, Schaeffer, Mont Blanc... Tôi chỉ khinh các loại bút “nguyên tử”, dù là cán vàng cán bạc, vì tôi quan niệm đã là bút thì phải có ngòi bút, nghĩa là khi viết phải uyển chuyển được nét nhỏ nét to, nét đậm nét nhạt.

Tuy nhiên, tất cả loại bút tôi yêu thích vừa kể trên chỉ là những người bạn mới, những người bạn dễ thương đẹp để đó nhưng có chút gì hoang đường, lếu lảo. Tận đáy lòng, tôi vẫn thầm cất giữ một tình yêu chung thủy thắm thiết cho người bạn cũ thời niên thiếu: cây bút lông.

Năm Nhật đảo chánh, tôi mười hai tuổi, được ông ngoại dạy cho học chữ Nho. Ông ngoại còn bày cho cách rửa bút xong, lấy ngón cái và ngón trỏ vuốt ngọn bút cho gọn, rồi đưa lên miệng mà... mút một cái, ngọn bút lông nhọn hoắt như mũi dùi!

Lớn lên, mãi vui với cây bút máy, viết lách lảng nhãng, rồi đi Tây du học, rồi lại bận bịu với những cây cọ vẽ sơn dầu, tôi quên lãng ngọn bút lông trong góc hai mươi năm trời. Đến giữa thập niên 60, một hôm lang thang ở phố Tàu New York, mua được mấy cây bút lông, tôi mới đánh thót ngó lại sự vô tâm của mình, vô cùng áy náy. Từ đó đến nay, vẽ sơn dầu thì thôi không nói làm gì, chứ khi vẽ sơn nước, vẽ mực xạ, tôi đều dùng bút Tàu cán tre, lông sóc lông thỏ. Vẽ chứ không phải viết. Chẳng là vốn liếng

chữ Nho xưa đã ít ỏi, sau mấy chục năm lại mất mát đi nhiều, chỉ còn nhớ lờ mờ ba câu văn và ý nghĩa chữ mặt chữ thì quên tuốt luốt. Cái gì mà “*duỡng bất giáo phụ chi quá, giáo bất nghiêm sư chi nọa*”? Cho nên có bút nhưng không để viết mà là để vẽ thay vì dùng những loại cọ mềm vẽ sơn nước của các nước Tây phương. Cầm cây bút lông cổ truyền trong tay, thấy lòng ấm áp. Ông ngoại mất hơn bốn mươi năm về trước, nhưng mỗi lần cầm cây bút lông nhấp nhấp mực hay màu là tưởng như còn nghe được lời ông giảng sách: “*Tích kim dĩ dĩ tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ. Tích thư dĩ dĩ tử tôn, tử tôn vị tất năng đọc. Bất như tích âm đức ư minh minh chi trung, dĩ dĩ tử tôn trường cửu chi kế*”

Tôi cứ tâm tạm yên ổn, “thân tâm an lạc” như thế với những cây bút lông cho đến giữa thập niên 80 khi tôi “khám phá” (!) ra ông Nguyễn Nhật Tân.

Viết tựa cho cuốn *Giai thoại hồng* của Hồ Trường An, tôi có thú thật: “Thoạt đầu, tôi đến với HTA không phải vì chính ông mà là vì bà chị của ông, vì cái truyện “Muống nước mắm” của Nguyễn thị Thụy Vũ”. Bây giờ tôi cũng có thể nói rằng thoạt đầu tôi đã đến với *Làng Văn* không phải vì chính tờ tạp chí và những người chủ trương mà là vì minh họa gia của tờ báo, ông Nguyễn Nhật Tân.

Thật vậy. Ngay từ những số đầu tiên, tờ báo đã tạo được cảm tình ở người đọc: hình thức gọn gàng sáng sủa, nội dung phong phú hấp dẫn. Nhưng đối với riêng tôi, nổi bật nhất là những nét bút lông của người vẽ tranh minh họa. Tôi viết mấy chữ cho Nguyễn Hữu Nghĩa, gửi lời khen “cái anh chàng Tân nào” vẽ đặng quá. Ông Nghĩa hồi âm, thưa “chàng” là cụ nhạc của Nghĩa đấy ạ. Tôi vội vã viết thư nhờ ông Nghĩa chuyển lời tạ lỗi với cụ Nguyễn. Về sau, tôi tình cờ được biết cụ nhạc cũng còn... son trẻ lắm, hình như đồng tuế với cụ (xin lỗi

anh V.P.) Võ Phiến thì phải. Như vậy thì trong bài này, tôi gọi cụ là anh cũng được. Nhưng nghĩ lại, cụ là thân phụ của bà chủ nhiệm, nhạc phụ của ông chủ bút, còn tôi đâu gì cũng chỉ là một cộng tác viên... bất thường xuyên của tờ báo, thì dù có viện cớ tình thân văn nghệ gì đi nữa, gọi cụ là anh cũng không ổn chút nào. Cụ anh, anh cụ, thôi thì tôi gọi minh họa gia là ông vậy. Ông với tất cả sự kính mến chứ không phải chữ ông thân mật, cùng trang lứa, chúng ta thường dùng.

Tôi mới nói ở trên là những nét bút lông của ông Nguyễn Nhật Tân làm tôi thích thú quá. Ban đầu, các tranh minh họa của ông chỉ là những hình vẽ nho nhỏ, đơn sơ, để tranh trí tô điểm cho các bài viết. Dần dà, tờ *Làng Văn* ngày càng khởi sắc, mà các tranh của ông Nguyễn cũng lớn ra thêm, tung hoành rộng rãi hơn. Mỗi tháng nhận được *Làng Văn*, tôi thường mở báo ra tìm tranh coi trước.

Có tranh thật đẹp, có tranh thường thường, nhưng nét bút ông Nguyễn luôn luôn có bản sắc, có cá tính. Chỉ xét về phương diện kỹ thuật mà thôi, phải công nhận rằng nét bút lông của ông thật tài tình, sắc bén, linh hoạt. Về mặt tinh thần thì tuy chưa từng diện kiến ông Nguyễn (và chỉ mới gặp ông con rể Nguyễn Hữu Nghĩa có một lần, trong đám ba phút), chỉ dựa vào nét vẽ mà đoán người thì ông Nguyễn phải là một người nặng lòng với quá khứ, với truyền thống, nhưng lại có một tâm hồn phóng khoáng, rộng rãi. Nét vẽ của ông tuyệt nhiên không có cái gì gò bó, câu nệ.

Hồi còn nhỏ, tôi mê những tranh minh họa của Mạnh Quỳnh. Mê cả cái chữ ký bay bướm của ông. Lớn lên, tôi mới thấy rằng tài vẽ của Mạnh Quỳnh thật ra chỉ có bấy nhiêu! Việt Nam ta có nhiều họa sĩ, tài năng lớn bé, trình độ cao thấp đủ cỡ. Nhưng chúng ta, nghĩ lại coi, có được bao nhiêu minh họa gia? Không phải cứ lấy ý của truyện hay thơ mà vẽ là thành minh họa gia. Không phải cứ bắt một họa sĩ minh

họa là có tranh minh họa. Chẳng những thế, một họa sĩ có tài cũng có thể vẽ minh họa rất tồi. Đàng này, ông Nguyễn Nhật Tân là một minh họa gia hiếm hoi, ông còn là một minh họa gia xuất sắc. Chẳng những ông vẽ “đặng” mà ông còn vẽ với bút lông, hầu như chỉ với bút lông. Tháng nào bắt gặp một tranh vẽ bằng bút sắt hay bút “magic maker” là tôi thắc mắc: Có chuyện gì vậy? “Chàng Tân” không khỏe à? Tôi đặc biệt lưu tâm đến ngọn bút lông của ông Nguyễn Nhật Tân vì nó làm cho tôi sung sướng.

Những tranh minh họa của ông Nguyễn trong *Làng Văn*, có lẽ vì những đòi hỏi của kỹ thuật ấn loát,



vì sự tiện lợi khi sắp xếp trang bài, phần nhiều là trắng đen tương phản dữ dội, ít khi có đậm nhạt, như vẽ mực xạ mà dùng thêm nước. Cũng chính vì thế mà chúng ta dễ thấy được rằng ngòi bút lông của ông Nguyễn lợi hại lắm. Ông biết hy sinh những chi tiết, những tinh tế của đề tài, để giữ được cái thô thiển mạnh mẽ và duyên dáng của nét bút. Cái tài tình của ông rõ rệt ở cách bố trí hình thể của tranh: Sườn núi cheo leo, hàng dừa lá ngọn, dòng sông trắng, con hẻm mù, gốc tre già, chú dê con, lá cây, ngọn cỏ, con gà, con vịt, ông làm tất cả sống dậy với vài nét bút đơn giản, với một phong cách dứt khoát có vẻ như bất cần. Thật ra là có âu yếm đó, có chủ ý đó. Ông phải yêu đề tài ông vẽ ông mới vẽ như vậy được. Và chủ ý của ông nổi bật ở tính cách sinh động, tính cách xưa

nay được coi như quan trọng bậc nhất trong nghệ thuật hoạ cổ truyền Đông Á.

Ông Nguyễn Nhật Tân vẽ chàng kiếm sĩ Nhật Bản hay tay anh chị Mafia cũng khéo, nhưng khéo vẽ nhất là những con người Việt của ông. Bà già hom hem hay ông lão lụ khụ, anh cán bộ khắc khổ hay cậu thanh niên điểm danh, người thiếu phụ u sầu hay cô con gái hồn nhiên... Không có tay bút nào vẽ người Việt Nam mà biểu hiện được cái "Việt Nam ta" cho bằng ông. Nét bút khi thì thẳng thừng cứng cỏi, khi thì khúc khuỷu quanh co, chỗ này thì dịu dàng mơn trớn, nơi kia thì vội vã dữ dằn... Tôi nghĩ rằng ông Nguyễn Nhật Tân cầm cây bút lông vẽ mà trong lòng sung sướng lắm.

Tôi xem tranh minh hoạ của ông Nguyễn, tôi cũng sung sướng lắm.

Sung sướng vì giữa Việt Nam chúng ta với nhau ở thời buổi này, thời buổi của *cellular phone*, *microwave*, PC, VCR, FAX, mà có được một cây bút lông "ngon" như thế. Và tôi nhớ về ông ngoại xưa dạy cho tôi tập viết chữ nho, tập các nét sổ, nét móc, nét đá, nét chêm. Ngày hôm nay tuy tôi không đủ sức để phóng bút thảo thơ chữ Hán như một vài thi sĩ thường biểu diễn trong các báo Việt, tôi cũng có được đôi chút vốn liếng căn bản để thưởng thức nét vẽ của ông Nguyễn Nhật Tân...

*
* *

Mỗi năm, đến mùa Vu Lan, không khỏi thấy thấp thỏm trong lòng. Một nỗi thấp thỏm khác thường: tưởng như đâu đây có tiếng ai gọi mình, tiếng gọi ở nơi xa xôi nào vắng lại, mơ hồ mà thống thiết...

Vu Lan là Rằm tháng Bảy mưa ngâu, là Văn tế Thập loại Chúng sanh, là Mục Kiền Liên cứu mẹ, là Bông hồng cài áo.v.v... Đạo sau này, có lúc tôi đã nghĩ rằng Vu Lan cũng là một lễ Tạ ơn, một thứ *Thanksgiving* Việt Nam. Tạ ơn cha mẹ sinh thành, tạ ơn ông bà cung quý, tạ ơn người mình yêu, người yêu mình, và nói như câu thơ của Đỗ Quý Toàn, "Tạ ơn trời đất vẫn y nguyên".

Xin cho tôi được thêm: Tạ ơn bộ nhật bình nằm trong ngăn tủ. Tạ ơn ngọn bút lông của ông Nguyễn ở Toronto. Cái áo vải, ngọn bút lông, cùng với bao nhiêu sự việc tầm thường nhưng quý giá khác, tất cả đều cho tôi được thấy mình thật ngất ngưỡng giàu sang. □

* *Tam tự kinh*: Nuôi mà không dạy là lỗi tại cha, dạy mà không nghiêm là lỗi tại thầy.

** *Minh tâm bửu giám*: Để vàng cho con cháu, chưa chắc con cháu giữ được. Để sách cho con cháu, chưa chắc con cháu đọc được. Chi bằng để cái đức lành lại cho con cháu, dù là ở giữa chốn mờ mịt, con cháu sẽ giữ được đời đời.

mẹ

Những ngày còn nhỏ dại
Mỗi lần con đi xa
Mẹ ra ngồi trước cửa
Dúi con chai dầu xoa

Nhị Thiên Đường rất nóng
Con chẳng đựng bao giờ
Cầm cho vui lòng mẹ
Cuối tầm nhìn bỏ ra

Hôm nay con nằm bệnh
Một mình nơi quê người
Cách đại dương, cách núi
Quá tầm tay mẹ rồi

Con chẳng cần thuốc bổ
Con chẳng cần ăn ngon
Một chút dầu của mẹ
Ấm áp cả lòng con

Nếu được nhìn mắt mẹ
Ấu yếm như lời ru
Con sẽ như đứa trẻ
Ôm mẹ khóc hu hu

Mẹ giờ già yếu lắm
Con chẳng còn bé thơ
Dẫu với đời ngạo nghễ,
Thiếu mẹ cũng bơ vơ.

nguyễn mạnh an dân

xuân

Thấy bóng sương loang ngoài ngõ đục,
Bỗng nghe đời lạnh, nhớ Kim Lan
Vườn ai mới nở vài bông cúc,
Xuân đến, êm như một tiếng đàn.

nguyễn huy phước

nhìn cõi nhân gian

Hôm nay tháng tận năm tàn
chỉ còn đám bụi lang thang trên đường
tới đây vui hoá ra buồn
để nghe hồn lảng hời chuông nhà thờ
hỏi thăm mình tỉnh hay mơ
sao con mắt Chúa giọt mưa chảy dài
cõi đời ai bảo trần ai
giữ tung tấm áo cầu vai vải sòn
cũng là đất nước giang sơn
mà câu tổ quốc quê hương bụi ngùi
da vàng mắt biếc chao ôi
phải chẳng nắng lửa cháy rồi tóc em
ta còn một tiếng hỏi êm
mới hay mình đứng bên thềm lãng du
năm tàn tháng tận thiên thu
nhân gian một cõi mịt mù khói xe...

trần văn lệ

Mẹ tôi mất năm tôi mới trên mười tuổi. Từ đó lúc nào tôi cũng quanh quẩn ở bên cạnh thầy tôi. Buổi sáng tôi xách nước cho thầy tôi tưới các luống rau ở mảnh vườn trước nhà. Buổi tối khi thầy tôi tụng kinh, tôi nằm ngay bên cạnh. Giọng đọc kinh của thầy tôi đều hòa, êm ả như những lời ru, khiến tôi ngủ vùi lúc nào không biết, cho đến khi được gọi dậy để lên giường đi ngủ, toàn thân tôi đã được đắp kín bằng chính cái áo dạ của thầy tôi. Cái áo dạ dài, ấm lắm. Mấy năm sau đó tôi lớn hơn, cái áo dạ không còn phủ kín toàn thân tôi nữa, và tôi biết rằng anh em tôi mồ côi mẹ thật là bơ vơ. Có người khuyên thầy tôi nên tục huyền, thầy tôi chỉ lặng lẽ cười không nói, và vẫn sống cảnh gà trống nuôi con.

Những ngày sắp Tết, thầy tôi thường sai tôi dọn dẹp bàn thờ gia tiên, thay cát trong các bát hương,

rồi theo thầy tôi đi tảo mộ. Thầy tôi vác cái cuốc, còn tôi đem theo một bó hương to. Hai cha con đi rất sớm, khắp các cánh đồng làng. Bao giờ thầy tôi cũng đến thăm mộ của cụ tổ họ trước tiên, rồi mới đến các ngôi mộ khác. Tại các ngôi mộ, thầy tôi rẫy cỏ, đắp đất, lau lại các mộ bia, thắp hương và đứng khấn rất nhỏ. Thầy tôi nói cho tôi biết đây là mộ của ai, mất ngày nào. Người quá cố đã sinh ra những ai, con cháu hiện là những người nào, liên hệ với gia đình tôi ra sao. Thầy tôi không bao giờ quên nhắc lại những việc tốt lành mà người quá cố đã làm cho gia đình, con cháu, làng nước. Thầy tôi thường nói: "Nhờ phúc ảm của các cụ nên dòng họ nhà ta mới được như ngày hôm nay. Các con cố noi theo gương các

cụ mà làm những điều lành..."

Tại ngôi mộ của mẹ tôi, vì chưa được xây cất như mộ của các cụ, nên thầy tôi thường cuốc đất xung quanh, đắp lại cho vuông vắn, cao ráo, rẫy một khoanh cỏ trên chóp mộ và cắm vào đó ba nén hương. Thầy tôi đứng khấn rất lâu, rồi lặng lẽ bước quanh ngôi mộ. Thầy tôi nói: "Con lễ mẹ đi, xin mẹ phù hộ cho các con được sức khỏe dồi dào, học hành tấn tới. Con cũng đừng quên mời mẹ về ăn Tết với cả nhà..."

Trên đường đi, thầy tôi cũng hay dừng lại đắp đất vào các lỗ chân trâu trên các ngôi mộ hoang, thắp hương lên đó nữa. Thầy tôi bảo, các ngôi mộ này thầy tôi có biết của ai, nhưng nay con cái đi làm ăn xa, phiêu tán nơi nào, lâu quá không

Cái Áo của Thầy Tôi

Phan Lạc Tiếp



thấy về... Cả những ngôi mộ bên vệ đường, nơi gọi là bãi tha ma mộ địa, nơi an táng của những kẻ bắn cùng, bơ vơ lạc bước, thầy tôi cũng dừng lại. Ông sai tôi đốt hết các nén hương còn lại, và đem cắm lên khắp các mộ đất. Lúc ấy thường trời chiều đã muộn, gió đã lạnh. Nhìn những đốm hương từng đợt loé lên, tôi có cảm tưởng như các oan hồn uống tử đang lớn vờn quanh đây, và tôi sợ. Tôi sợ và tôi thương cho số kiếp mong manh của con

người.

Khi cái áo dạ của thầy tôi, tôi mặc đã gần vừa, cũng là lúc cuộc chiến tranh tàn khốc từ đâu đó đổ về, lan đến tận làng xóm của tôi. Thầy tôi bị Tây bắt, khi được thả về, ông đã gầy còm, ốm yếu lắm. Chưa được mấy hôm, một đêm có những người từ trên núi xuống, bắt thầy tôi đi. Họ nói là đưa thầy tôi qua vùng giải phóng. Lúc chia tay, tôi vội đưa tấm áo dạ cho thầy tôi, nước mắt tôi chan hoà. Thầy tôi

mẹ hậu giang

Nàng theo ghe thương hồ
Đến vùng hoang địa mới
Cổ cháy, đồng rụi khô
Lòng vẫn reo gió tới.

Hương Phật Thầy Tân An
Dẫn thân vào Trại Ruộng
Hồn thiêng đất Phú Nam
Góp vào tay sức sống.

Rừng tràm xoá rừng mắm
Gục đầu bước khai hoang
Nẻo Tiền giang muôn dặm
Còn chờ đất Hậu giang.

Từ phương xa nàng tới
Lòng thấu suốt quê hương
Tay không ngừng vun xới
Xanh lớp lớp ruộng vườn.

Đón được nàng nung than
Bắt cá nàng gài mắm
Giữa san dã bạt ngàn
Tháo dòng đời trôi chậm.

Nàng cất nhà bên rạch
Đêm nghe rống cộp rừng
Ơi, nẻo về xa lắc
Thổ ngại giờ ruộng bưng.

Thôn ở thêm nhà mới
Đất dần lợt phèn chua
Trong gió chướng tràn tới
Hương lúa ngát đầu mùa.

Người tình Tết nào tới
Sao thành chiếc bóng qua?
Và bao chàng trẻ tuổi
Ghé lại rồi đi xa.

Đất này, nàng bám rễ
Nuôi con đại xanh cây
Lưu truyền bao thế hệ
Đất lành thay ruộng chai.

Đây gia tài của mẹ,
Trải dài dải đất hoang
Trên dòng đời quanh quẽ
Bước mở đường khuê vang.

Con khác cha cùng mẹ
Ngày giỗ đầu về đây
Dưới mái lá cùng kẻ
Ngày thơ ấu sum vầy.

Đường dài bao lối rẽ
Con mỗi đứa một đời
Vững bền nuôi tình mẹ
Phóng mắt bốn phương trời

Dạy con từ bé bỏng
Nhìn ra vùng cực nam
Như vết dầu loang rộng
Xua rừng mắm, rừng tràm.

Đêm bếp hồng, lửa ấm
Nồi bánh tét toả mây
Câu chuyện xưa buồn lắm
Bóng mẹ thoáng đâu đây.

Mẹ muôn đời vẫn sống
Trên từng lớp phế hưng
Trong cuộc đời, giấc mộng
Trên nương rẫy, trong rừng.

Người già nua xóm nhỏ
Thường kể chuyện đêm đêm
Mẹ Hậu giang thuở đó
Chân cứng đá phải mềm.

hồ trường an

ngoảnh lại nói: "Lớn rồi, can đảm lên con". Khi họ thả thầy tôi về, vẫn mặc tấm áo dạ, này đã có những chỗ mòn, rách, thầy tôi run rẩy, đứng không còn vững nữa. Tôi biết thầy tôi chẳng còn sống được bao lâu, tôi bỏ học để ở nhà luôn bên cạnh thầy tôi. Lúc sắp mất, thầy tôi nói với anh em tôi rằng: "Thầy không ân hận gì. Các con hãy để cho thầy nằm sát bên mộ của mẹ con, đắp chung thành một ngôi mộ cho to, cho dễ nhận. Vì các con sẽ đi xa lắm, còn lâu mới về..." Tấm áo dạ sờn, rách cuốn tròn thi hài héo úa của thầy tôi. Lúc ấy là một giờ đêm ngày hai mươi mốt tháng chạp ta, chỉ còn mấy ngày nữa là Tết.

Từ đó đến nay, thấp thoáng đã bốn mươi năm. Theo vận nước nổi trôi, tôi đã bỏ miền Bắc vào Nam, mỗi khi Tết đến, tôi lại nhớ lại hết, tôi nhớ như in lời thầy tôi trần trối, tôi nhớ cả cái hơi ấm trong tấm áo dạ của thầy tôi. Trên trần thế, thầy mẹ tôi sống với nhau không quá hai mươi lăm năm. Nhưng kể từ lúc thầy tôi mất đến nay, đã bốn mươi năm. Bốn mươi năm với lời trần trối, chờ đợi các con về. Bốn mươi năm đó, gió mưa nào đã đổ xuống cánh đồng kia, những tang thương nào đã tràn tới quê hương ấy. Suốt cả thời gian dài rộng đó, mặc dù tôi vô cùng mong muốn, tôi chưa hề trở lại thăm mộ thầy mẹ tôi được một lần. Nay sống xa quê nhà cả nửa vòng trái đất, cách cả một đại dương, nỗi mong mỏi của tôi càng trở nên mạnh mẽ. Tôi rất muốn trở về. Thế nào tôi cũng trở về. Tôi tin rằng đất nước sẽ có những đổi thay, thế nào cũng phải đổi thay, lúc ấy tôi sẽ về. Tôi sẽ về, để anh em đoàn tụ, để họ hàng, làng xóm lại đùm bọc, thương mến nhau như xưa. Lúc ấy tôi sẽ về. Tôi sẽ đi lại trên các con đường cũ, thăm các cánh đồng xưa. Tôi sẽ thăm mộ của thầy mẹ tôi. Tôi sẽ thấp hương, cắm trên đầu mộ và tôi sẽ nói: "Thưa thầy mẹ, con đã về, chúng con đã về!" Và tôi chắc rằng tôi không thể nào không khóc. Tôi sẽ khóc như những ngày bé dại xa xưa... □



Hình-Ảnh Người Mẹ

Hồ Trường An

Má của Hạnh chết lúc Hạnh lên ba tuổi. Tới năm bảy tuổi Hạnh không sao mừng tượng nổi hình ảnh mẹ mình vì tấm di ảnh của mẹ trên bàn thờ quá lu mờ. Hạnh sống với ba và ông Bảy Liệu, người tở già trung thành của ba. Ba vốn ít nói, ông Bảy Liệu lại càng ít nói hơn. Tuy cả hai chăm sóc Hạnh khá châu đáo, nhưng ít khi bằng ấm, nựng nịu Hạnh. Từ sáu tuổi, Hạnh

được cấp sách đến trường tiểu học Thiêng Đức vốn là ngôi đình làng, ngay bên cạnh nhà.

Vì sống cô đơn bên cạnh hai người lảm lì, Hạnh cũng lầy tánh ít nói. Hạnh hiền lành nhưng hay nổi cộc. Lũ bạn không ưa Hạnh nhưng không đứa nào dám ăn hiếp Hạnh vì Hạnh học giỏi, Hạnh trả đũa đích

đáng đứa nào chọc phá Hạnh, do đó Hạnh không có bạn. Sự cô đơn làm cho Hạnh càng thêm lảm lì, khác khổ. Hạnh không biết làm gì hơn là chúi mũi vào bài vở nhà trường.

Từ lúc Hạnh lên bảy tuổi, ba Hạnh cho Hạnh ở buồng riêng. Phòng của ba quét nước vôi trộn a dao màu thiên thanh, rèm màn thêu đục lỗ màu trắng tinh khiết. Gương lớn treo ở đầu giường và trên tấm vách áp chơn giường. Hễ ai đó nằm trong giường sẽ thấy bóng mình hiện chập chờn trong hệ thống gương soi đối diện nhau.

Một đêm nọ ba đi chơi về trễ, Hạnh ngủ từ lúc 9 giờ tối như thường lệ. Nửa đêm, Hạnh thức giấc vì có tiếng cười rúc rích ở buồng ba. Tiếng người đơn bà nhõng nhẽo:

— Đồ quỷ gì đâu á! Hai tấm kiếng soi rõ cảnh hai đứa mình như coi hát bóng vậy!

Tiếng ba năn nỉ:

— Đừng có giỡn hớt. Để cho thằng con anh ngủ.

Vậy là ở buồng ba có một người đơn bà lạ. Từ hồi hiểu biết cho tới giờ, Hạnh mới thấy có một người đơn bà trong nhà. Ngôi nhà gồm ba thế hệ: một già, một tráng niên, một đứa nhỏ ở ba căn buồng riêng biệt nhau. Buồng ba và buồng Hạnh ở tầng trệt, buồng ông Bảy Liệu ở trên gác. Buồng nào cũng thơm tất,

sạch sẽ. Căn gác rộng, cửa sổ lớn. Vì có bóng hai cây vú sữa che kín nóc nhà nên căn gác mát mẻ. Dù vậy, căn nhà từ bao lâu nay dường như thiếu sinh khí. Cây cao bóng mát thâm u, vách tường rào vây bọc kín đáo, lạnh lùng. Hàng ba cũng rợp bóng cây nhãn, cây mận, cây sa-bô-chê. Ánh sáng ít khi lọt vào trung đường. Cái hoang vắng thê lương của ngôi nhà lọt vào tâm hồn Hạnh quá sâu đậm, đóng băng luôn ở đó, cho nên khi tiếp xúc với cái ồn ào của sân trường, lớp học, Hạnh cảm thấy mình vẫn không thể hoà nhập. Vào giờ ra chơi, Hạnh lặng lẽ đứng ở góc sân trường hay ở chỗ khuất lánh. Lũ bạn không chơi với Hạnh không phải vì tui nó ghét Hạnh mà vì chúng không tìm thấy ở Hạnh điểm nào hấp dẫn, lôi cuốn để chúng dây dưa tiếp xúc.

Từ 10 tuổi, Hạnh bắt đầu đọc truyện cổ tích, đọc truyện thơ. Truyện *Phạm Công Cúc Hoa* làm Hạnh bồn chồn đã dưng. Nhứt là ở đoạn hai đứa trẻ mồ côi là Nghi Xuân, Tấn Lực bị bà dì ghẻ đuổi ra khỏi nhà, lang thang đi tìm cha là Phạm Công đang trấn đóng ở một thị trấn xa. Tui nó vào một đêm tối trời tới bên mộ mẹ, mệt quá ngủ thiếp đi. Cúc Hoa hiện hồn về bắt chớ cho Nghi Xuân, rửa mặt chải đầu cho Tấn Lực, chỉ đường về nơi Phạm Công trấn đóng để cho cha con đoàn viên... Đó là vào một buổi tối, bên ngoài mưa gió đầy trời. Tại phòng khách, ánh đèn nê-ông rọi sáng một cảnh sum họp tẻ ngắt. Ba ngồi tính toán sổ sách ở bàn làm việc. Hạnh ngồi trên ghế xích-đu đọc sách. Còn ông Bảy Liệu lo lau chùi chiếc xe đạp hiệu Urago mới mua của ba cho thiệt bóng loáng.

Lúc đọc tới đoạn gà bắt đầu gáy sáng, Cúc Hoa từ giã hai con để về chốn Dạ Đài, Hạnh không nén được xúc động, ngọn trào lòng từ đáy tim, từ góc sâu thẳm của tâm hồn Hạnh trào ra khiến Hạnh hực lên một tiếng khô khốc, rồi cơn khóc ào tới, lay động toàn thân Hạnh, nước mắt tuôn như suối.

Ba sưng sốt buông viết xuống

chạy tới bên Hạnh. Thấy quyển *Phạm Công Cúc Hoa* nằm trên nền gạch, ba chợt hiểu, ôm chầm lấy Hạnh, vỗ về:

— Hạnh! Nín đi con!

Đêm đó, Hạnh được ngủ chung với ba. Trong giấc ngủ chập chờn, lụn vụn, Hạnh mơ màng thấy ba thỉnh thoảng đặt môi lên tóc, lên trán Hạnh. Đó là đêm duy nhứt ba tỏ ra thương yêu Hạnh. Nhưng ba chẳng nói câu nào ngọt ngào, thân ái để sưởi ấm thêm tâm hồn con mình.

Và từ đó cho tới khi có sự xuất hiện của người đờn bà lạ trong nhà, Hạnh đã bao lần muốn hỏi xin ba kể cho Hạnh nghe những chuyện thuộc về mẹ Hạnh. Nhưng nét mặt lầm lì của ba làm Hạnh khiếp sợ, không dám thốt ra tiếng nào mỗi khi Hạnh đối diện ba.

Bên kia buồng, tiếng người đờn bà lại cất lên:

— Hình thằng con anh đây hả? Chèn ơi, nó giống anh quá! Để em làm mẹ nó, săn sóc nó cho tiện.

Tiếng ba vui vẻ:

— Cứ nói bậy đi! Con vợ anh hiện hồn về vắn cổ em cho coi.

Người đờn bà véo von:

— Em hổng sợ đâu! Chị Ba đầu thai từ lâu rồi!

Giọng người đờn bà nhún nhẩy, linh hoạt, đượm âm sắc nhõng nhẽo nghe thiệt gọi cảm. Nhưng còn nhỏ, Hạnh không để ý lắm, thiếp dần trong giấc ngủ thoải mái cho đến khi ánh ban mai trắng xóa lòn qua khe cửa lá sách.

Ngoài phòng khách có tiếng ba huýt sáo một điệu nhạc cũng nhún nhẩy và vui tươi như tiếng cười của người đờn bà đêm qua. Hạnh bước xuống giường, rời phòng ngủ đi xuống bàn ăn. Ở đó bữa ăn sáng gồm có cháo trắng, củ cải mặn, trứng muối, thịt kho rim, cà phê đã dọn sẵn.

Khi ba kéo ghế ngồi vào bàn thì người đàn bà từ ngoài vườn bước vào, tay ôm một bó bông lớn gồm có bông huệ, bông sao nhái, bông cẩm nhung. Chị ta nhìn cái độc bình bằng sứ trắng men nâu vàng, miệng

phóng thanh inh ỏi:

— Chèn ơi, hổng dè anh đã bày bình sẵn cho em. Nè, anh coi bó bông em hái trong vườn: bông huệ còn búp dễ thương hông? Nè, bông cẩm nhung ở đây tốt thiệt, cánh bông lớn, nhánh lá dài sọc thiệt đẹp! Để em bày một bình bông thiệt chiến, thiệt bảnh cho anh thưởng thức.

Và chưa kịp cắm bông vào độc bình, chị ta nhìn qua Hạnh, lẳng lú:

— Thằng Hạnh đây hả anh Ba? Cặp mắt nó giống cặp mắt chị Ba quá chừng chừng! Mắt này là mắt nhưng đó đa. Thằng này giống tía nhiều hơn giống má. Cặp mắt này mai sau luyện nhỡn kiếm, ngó cô nào là thấy hết những gì bị quần áo che kín.

Ba cười cục cục:

— Ăn nói tầm ruồng hoài!

Người đờn bà tới gần vuốt tóc Hạnh, kéo Hạnh sát vào người mình. Hạnh cứ để yên cho chị ta bày tỏ niềm thương mến. Mùi dầu thơm, mùi son phấn của chị ta làm Hạnh choáng ngợp. Chị ta có cái mũi hơi ngắn, cặp mắt hơi nhỏ, cái miệng cá chim chúm chím nên cặp môi có vẻ nũng nịu. Chị mặc chiếc áo túi bằng lụa tím, phơ hai cánh tay no nướng và trắng phau. Chiếc quần sa-teng lông mượt càng làm cho bàn chân chị thêm trắng, gót son quý phái của chị thêm phần xinh đẹp. Miệng chị tía lia:

— Thằng nhỏ dễ thương quá, anh Ba! Anh cho em đi. Em cho nó học trường Tây. Hay thôi, anh cưới em để em làm má nó cho gọn.

Bàn tay của chị đờn bà là bàn tay búp măng, ngón mũi viết suôn suôn, mu bàn tay mềm mại, cườm tay thon và óng ả, móng tay chuốt khéo bôi véc-ni màu đỏ như huyết bồ câu. Chị ta vuốt ve, mơn man vai Hạnh, tái diễn cử chỉ triu mến của ba trong đêm Hạnh được ngủ chung với ba. Niềm ấm áp như len lõi vô mọi ngõ ngách trong tim Hạnh, làm mắt Hạnh rung rung lệ. Ba nhìn sững Hạnh. Chắc ba không thể ngờ ẩn trong vẻ lầm lì, lạnh lẽo của Hạnh là một trái tim nhạy và đa

cầm. Ba không nói gì, rút khăn mũi-soa ra lau nước mắt cho Hạnh. Nhưng người đàn bà thì cười hăng hắc, bảo Hạnh:

— Chắc con thấy cô, con nhớ má con chớ gì? Thôi, ngồi xuống đây ăn lót lòng đi, rồi cô dắt con đi chợ, mua đồ chơi cho con.

Rồi chị ta chắc lưỡi rên rĩ:

— Em đẻ lần thứ nhứt một con a hườn, lần thứ nhì một con tử tất, lần thứ ba một con thị tì, rồi nín đẻ luôn. Em thêm con trai quá anh ơi! Chưa bốn mươi tuổi mà em đã sượng ngắt!

Hạnh kêu người đàn bà đó là cô Lucie. Về sau Hạnh mới biết cô ta vốn là bạn lối xóm của mẹ Hạnh. Vì cô chưa hoang nên bỏ xóm bỏ làng lên Sài gòn. Cô có ba đứa con gái, mỗi đứa một cha. Đứa con thứ ba là đâm lai vì cô hiện giờ làm vợ

thằng Tây chủ hãng la-de BGI già ngắt.

Cô Lucie hứa dẫn Hạnh đi chợ mua đồ chơi mà cô lại quên. Nhưng trong tuần lễ cô ở chơi nhà Hạnh, cô trở tài nấu nướng nhiều món lạ cho cha con Hạnh và ông Bảy Liệu thưởng thức. Cô cười giỡn, đĩa dóc, giầu cọt huyền thuyên, nhưng khi vô buồng ba Hạnh là cô im thin thít. Lúc đó nhằm mùa bãi trường nên Hạnh được ở nhà quanh quẩn theo cô Lucie. Bàn tay mềm mại của cô là bàn tay hay vuốt ve. Gặp con mèo tam thể cô cũng ôm trên tay nựng nịu hồi lâu rồi mới đuổi: “A lè, đi chỗ khác chơi!”. Con gà con đi lấm đẫm ngoài sân, cô cũng tóm cho được để ve vuốt vài cái. Hễ khi thấy Hạnh đứng buồn hiu hiu bên gốc nhãn là cô kêu Hạnh lại, tay cô sửa lại cổ áo cho Hạnh, sửa lại

đường ngôi trên tóc Hạnh. Có bận cô nhúng khăn lông vào nước mát rượi để lau mặt cho Hạnh, nhìn sâu vào mắt Hạnh, cười:

— Con mà biết ăn nói bái buôi, mai sau con sẽ đất mèo.

Và cô vuốt ve Hạnh thật lâu, miệng lẩm bẩm:

— Tội nghiệp quá! Con mà thiếu mẹ...

Cô bỏ lửng câu nói, cười che lấp xúc động.

Hạnh còn nhỏ nên khi thấy bà nào cô nào đeo nhiều nữ trang, ăn mặc màu mè hực hỡ, tô son giời phấn choáng lộn thì Hạnh nghĩ rằng đượng sự đẹp để mỹ miều. Cô Lucie đối với Hạnh là một bà tiên từ trong cổ tích bay ra, chẳng những có dung nhan thập phần kiều diễm mà còn có đôi bàn tay cho Hạnh tình mầu tử nhiệm mầu.

Một tuần lễ có sự hiện diện của cô Lucie, căn nhà đầy ắp tiếng nói cười. Hạnh vốn nhút nhát, dù thêm được cô Lucie âu yếm, tăng tiu nhưng Hạnh không biết diễn tả niềm thương mến của mình đối với cô cách nào. Hạnh chỉ biết quanh quẩn theo cô. Có hôm, trong lúc lau mặt chải đầu cho Hạnh, cô bảo ba:

— Thằng này giống anh ở tánh nhút nhát, anh có nhận thấy không? Cái hồi đó đó, anh vừa đi coi mắt chị Ba xong, nhưng chính con Lucie này trở phép thần thông làm cho anh từ cậu trai tân biến thành đàn ông thành thạo.

Và cô cười hăng hắc. Mặt ba đỏ rần như miếng dưa hấu. Và ba chỉ biết mắng yêu:

— Mắc dịch gì đâu! Cứ ăn nói ẩu tả hoài!

Rồi một buổi sáng, khi thức dậy, Hạnh nhận thấy bên ngoài phòng ngủ của mình vắng bật tiếng cười nói của cô Lucie. Linh tách báo cho Hạnh biết có chuyện chẳng lành. Hạnh tuột xuống giường chạy ra phòng khách rồi vào phòng ăn. Ba đang ngồi trước liễn cháo bốc khói, nhấm nháp cà phê. Không có cô Lucie ở đó. Hạnh run giọng hỏi:

— Cô Lucie đâu ba?

Ba điềm nhiên:

bài thơ cho con

Con tên là bé Hoài An
Con nằm trong gối nở ngàn cánh hoa
Mẹ đem ủ hạt mưa sa
Mơ con đi hát tình ca với đời
Con chưa kịp hé môi cười
Đã thành tiếng khóc trong nôi nghen ngào
Tuổi thơ con vẫy tay chào
Đường trần mẹ trót yêu màu áo đen

Con tên là bé Ý Lan
Mang con tìm mẹ đã tàn tình yêu
Từ con mẹ trốn bóng chiều
Từ con nặng gánh buồn reo dật dờ
Từ con mẹ bỏ ngây thơ
Từ con mẹ học chữ chờ chữ trông
Mẹ mơ con vũ bích hài
Con mang tơ trắng bên ngoài áo xanh
Con ngồi hát đón bình minh
Phím dương cầm cũng lênh đênh một dòng
Ủ con trong gối len hồng
Ấm con để biết trong lòng mẹ đau

Con ơi từ buổi cơ cầu
Phần con chưa lớn, tuổi sầu mẹ mang.

duyên như nguyện



— Cổ đã về Sài gòn hồi sáng sớm.

Va ba bước lại tú buýp-phê, lấy con chó bằng len nhồi bông gòn ra đưa cho Hạnh:

— Cô Lucie gửi tặng con món quà này.

Hạnh ôm con chó bằng len vào lòng, khóc như mưa. Ba nhìn Hạnh rồi ôm chặt Hạnh vào lòng, vỗ về:

— Đừng khóc, Hạnh. Con khóc làm ba đau lòng lắm!

Phải có niềm cảm hoài thiết sâu đậm, thấm thía ba mới có thể bày tỏ tình cảm của mình. Ông ôm chặt Hạnh, vuốt tóc Hạnh và không nói thêm một lời nào nữa. Tối hôm đó, ba cho phép Hạnh được ngủ chung. Hạnh cứ ôm chặt ba. Và nửa đêm, chợt thức giấc, Hạnh nhớ cô Lucie, khóc tím tấc. Liên tiếp ba bốn ngày sau Hạnh đã dợt, sâu não muốn phát bệnh. Phải mất hai tuần sau, Hạnh mới nguôi ngoai. Nhưng từ đó Hạnh thờ ơ uể oải. Ngôi nhà trước khi cô Lucie tới viếng vốn đã tẻ lạnh, hoang vắng. Nhưng thà cô đừng đến! Giờ đây, khi cô bỏ đi, với Hạnh, nó tẻ lạnh hoang vắng ba bốn lần hơn. Chiều chiều Hạnh đứng dưới gốc nhãn, tay ôm con chó nhồi bông vuốt ve, tái diễn cái cử chỉ cô Lucie đã bày tỏ niềm âu yếm thương yêu đối với Hạnh.

Ba thương yêu Hạnh, chỉ biết mua sắm quần áo, giày vớ, đồ chơi mắc tiền cho Hạnh. Nhưng bởi cái nhút nhát tích lũy tiềm ẩn từ thuở nào, ba không bày tỏ được tình phụ tử để đưa Hạnh vào thế giới ấm áp, nồng nàn hơn. Ông Bảy Liệu cũng thương yêu Hạnh, nhưng ông chỉ biết săn sóc miếng ăn, tấm áo cho Hạnh. Tâm hồn ông đơn giản quá mức, không thể hiểu được cái ngoắt ngoéo trong nội tâm của đứa trẻ mồ côi. Ông không hề vuốt ve hay nói một câu ngọt bùi với Hạnh. Giọng ông dầm dẫm, nói ra câu nào là như đoạ dẫm, truyền lệnh câu đó. Thế nhưng mỗi khi Hạnh đau ốm, ông túc trực bên giường bệnh của Hạnh sáng đêm, tận tụy lo lắng tuy nét mặt ông trước sau vẫn như bọc

một lớp thép mỏng nguội ngắt.

Thế rồi ba lại đem về phòng ngủ treo gương của ba một người đàn bà khác. Ba biểu Hạnh gọi đương sự bằng dì Khánh, bởi vì dì là em bà con xa của má Hạnh. Sau này Hạnh mới rõ dì là gái quê bị Tây ruồng bỏ, cưỡng hiếp cho tới mang thai, phải bỏ làng lên Sài gòn, dấn thân vào cuộc đời làm gái bao cho mấy tên Huê kiều, Pháp kiều. Về sau dì sống nghề mãi dâm bán chánh thức, nghĩa là vừa làm chủ chứa, vừa rước khách tìm hoa.

Dì Khánh khi tới viếng nhà Hạnh không có vẻ gì là một gái buồn hương. Dì không xài son phấn, chỉ tía cặp chơn mày cong vòng và mỏng lét. Dì mặc áo trắng, quần trắng, đeo nữ trang kiểu rất thanh nhã. Dì ốm yếu, xanh xao, có vẻ trầm lặng.

Ngày đầu tiên dì Khánh tới nhà Hạnh, thoát nhìn tấm ảnh phóng đại khổ 18 x 24 của má trên bàn thờ, dì chắc lưỡi:

— Tấm hình này không giống chị Ba chút nào. Nước thuốc thì mờ như phủ bụi phủ sương, lại tróc lem nhem. Chị Ba ở ngoài đâu có vậy!

Ba buồn rầu:

— Bao nhiêu hình ảnh của vợ tui bị cháy sạch trong cơn hoả hoạn hồi cả hai còn ở Lộc Hoà. Khi vợ tui chết rồi, tui kiếm lung tung mới được tấm hình 4 x 6, đem chụp lại rồi rọi lớn.

Dì Khánh dăm dăm nhìn Hạnh, ứa nước mắt, rồi bảo ba:

— Anh cũng nên kiếm con nhà tử tế để chấp nối. Cháu Hạnh cần có bà mẹ chăm sóc.

Ba lắc đầu:

— Tui sợ con tui lâm cảnh mẹ ghê con chồng lắm dì Bảy à! Mấy đời bánh đúc có xương dì ơi!

Dì Khánh vẫn thích vuốt ve Hạnh. Bàn tay dì không đẹp, tuy thon mảnh nhưng lòng bàn tay như gừng khô. Dì ít nói, hễ nói ra là giọng chậm rãi, tiếng nói êm và nhẹ. Dì Khánh không phải là người có cái duyên dáng ở sự vung vãi tình cảm một cách huyền ảo như cô Lucie. Dì thâm trầm, ôn nhu, cử

động chậm rãi, gương nhẹ. Vậy mà trong những ngày tới viếng cha con Hạnh, dì làm lụng, xếp đặt mọi việc trong ngoài không hở tay. Dì khuyên lơn Hạnh đủ điều, giọng lúc nào cũng êm đềm thấm thía:

— Ba con thương yêu con lắm vì trên đời này chỉ có con là nguồn an ủi duy nhất của anh. Má con cũng vậy, trong những ngày nằm trên giường bệnh chờ chết, chỉ không đành nhắm mắt, sợ bỏ con ở lại bơ vơ không ai săn sóc. Ba con đã hứa là sẽ cố gắng nuôi con tới lúc nên người mới nghĩ tới chuyện làm lại cuộc đời với người đàn bà khác. Con phải thương yêu ba con, phải siêng năng học hành để đừng phụ lòng ba con lo lắng...

Hạnh ngần ngại hỏi:

— Má con đẹp không dì?

Dì Khánh buồn rầu:

— Dì cũng chẳng rõ má con có đẹp không. Nhưng con cứ nghĩ rằng má con thương yêu ba con và con như Cúc Hoa thương chồng thương con của bà ta vậy. Cặp mắt con giống hệt cặp mắt của má con. Tội nghiệp lắm, lúc chỉ chết, dì vuốt mắt chỉ mấy lần mà chỉ vẫn mở trừng trừng. Dì phải cầm tay con, lúc đó con mới ba tuổi, đè lên mí mắt chỉ, mí mắt mới khép kín lại.

Dì mũi lòng quá ôm Hạnh, nước mắt ròng ròng. Hạnh làm sao nhớ nổi cảnh lâm chung của mẹ mình, nhưng Hạnh vẫn khóc theo dì, cơn khóc thương có tính truyền nhiễm. Tuy nhiên, lòng Hạnh ấm áp và tươi sáng hẳn lên vì qua lời kể của dì Khánh, Hạnh có thể mơ tưởng tượng đôi chút về mẹ mình. Trong trí tưởng của Hạnh, má là hình ảnh của một nữ thánh hay bà tiên tốt bụng trong cổ tích Tây phương, đã giúp những đứa con cô độc thoát nạn do bọn phù thủy, chằn tinh hoặc mẹ ghê gây ra.

Dì Khánh lại nói:

— Má con thương yêu ba con lắm. Hồi thời giặc năm 1948, ba con vô khu 8, má con ở ngoài thành, nhịn ăn nhịn mặc để có tiền mua thuốc men và tiền gửi vô cho ba con. Chỉ cứ ăn cá mè, ba khía,

mắm mốc với cơm gạo hẩm. Ít lâu sau chỉ bị phù thũng, chơn căng sưng lên, đi tiểu ra máu. Dì phải đưa chỉ vô nhà thương điều trị và mua thức ăn bổ dưỡng cùng thuốc men để bệnh chỉ mau thuyên giảm.

Dì Khánh lục lợi giày vớ, áo quần của Hạnh ra khâu vá, sửa chữa tươm tất. Vào một buổi xế, trời mưa rả rích, Hạnh nằm chơi ở bộ ngựa gỗ rồi ngủ quên, dì lấy tấm mền len đắp cho Hạnh. Lúc áp mặt mình gần mặt Hạnh, dì mắng yêu:

— Thắng này làm biếng nhốt thây, không chịu vô giường mà ngủ.

Dì đặt đôi môi mềm mại và ăm ắp lên trán Hạnh. Từ đó dì lộ vẻ buồn. Một hôm, thấy dì thả dài người trên ghế pho-tôi có vẻ nghĩ ngợi xa xôi, Hạnh e dè bước lại gần, bặm gan hỏi nhỏ:

— Dì ơi, dì ở luôn đây đi dì.

Dì kéo Hạnh lại gần, nước mắt rung rung:

— Dì cũng muốn lắm, nhưng làm sao được? Lớn lên rồi con sẽ hiểu.

Rồi cái ngày dì từ giã ra đi cũng phải tới. Hạnh không thể khóc được. Vũ trụ như sụp đổ dưới chân Hạnh. Nước mắt của Hạnh như đã cạn từ cuộc sinh ly đầu tiên với cô Lucie. Nhưng trong trái tim Hạnh, vết thương sâu đậm thêm. Khối băng giá trong tâm hồn Hạnh lớn hơn, cứng chắc hơn.

* * *

Tuổi thơ của Hạnh cô đơn quá! Thời mới lớn của Hạnh thêm sẫm buồn và u uất bởi cái chết của ông Bảy Liệu. Đã bao năm, dù ông hiện diện trong đời Hạnh như cái bóng âm thầm tẻ ngắt, ông vẫn là điểm tựa vững chãi cho Hạnh. Khi ông trút hơi thở cuối cùng, Hạnh vụt hiểu rằng cái thế giới tình cảm của Hạnh có thêm một lỗ hổng lớn. Toàn thân Hạnh lạnh ngắt, Hạnh ôm chặt lấy ba khóc như mưa. Bao nhiêu sự tận tụy của ông Bảy Liệu vụt hiện rõ trong ký ức Hạnh. Năm đó Hạnh mới mười bốn tuổi. Ba chỉ ôm chặt Hạnh, không khóc. Hạnh hiểu rằng chính ba cũng đang cảm

thấy mất điểm tựa. Cái ôm chặt kia không phải là cử chỉ che chở nữa. Nó là sự bầu vùi của ba vào Hạnh dù Hạnh chỉ là cậu trai mới bẻ tiếng.

Thi thể ông Bảy Liệu được đặt ở bộ ván ngựa, cái mền xám trùm kín. Lúc đó mới hai giờ sáng. Hạnh về buồng nằm khóc rấm rứt. Ba ngồi canh xác người lão bộc trung thành. Thình thoảng, ba giở tấm mền ra nhìn mặt người lão bộc. Và chỉ khi tiếng khóc trong phòng Hạnh im bật một lúc lâu, ba mới hực lên khóc và nói một câu duy nhất:

— Ông Bảy ơi, từ lâu tui đã coi ông như người cha thứ hai.

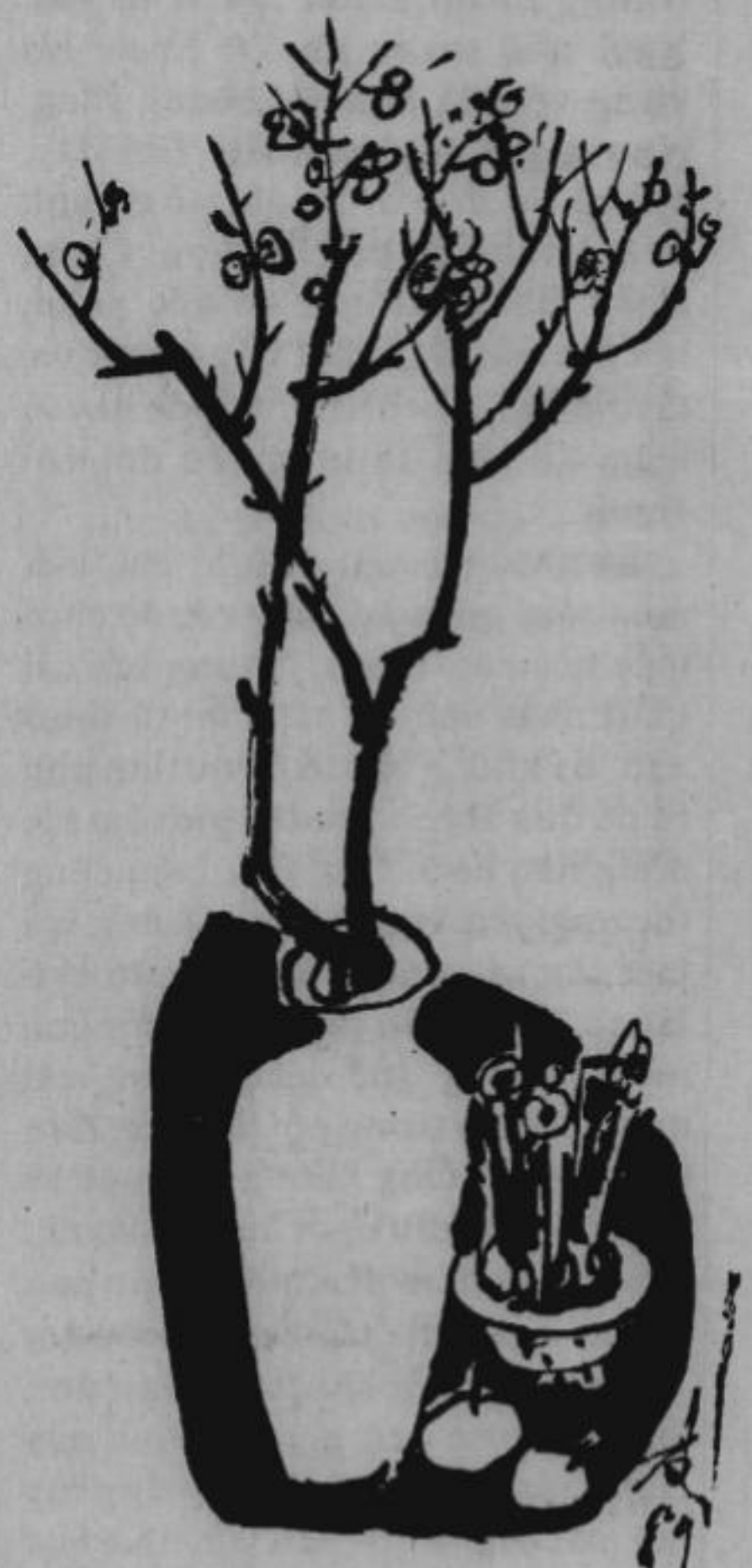
Phải đợi ông Bảy Liệu thành cái xác lạnh ngắt, ba mới dám nói lên tiếng nói trung thực của lòng mình. Lúc ông Bảy còn sanh tiền, ba tỏ vẻ xa cách với ông. Niềm thương mến của ba chỉ bộc lộ ở cách cư xử rộng rãi, ở sự tin cậy tuyệt đối vào ông. Khi ông đau ốm, ba không hề tiếc tiền đưa ông lên nhà thương Thuận Kiều ở Chợ Lớn. Giữa ba và ông Bảy Liệu có sự thông hiểu nhau sâu xa. Dù cả hai không hề trao nhau một câu thân ái, nhưng trong im lặng, họ đọc được niềm thương mến của nhau. Có vậy ông Bảy Liệu mới gởi thân suốt đời ở nhà Hạnh. Có vậy ba mới dám giao tất cả chìa khoá cho ông.

Ông Bảy Liệu chết đi để lại cho Hạnh cặp vòng vàng chạm trổ tinh xảo và một số tiền khá lớn, dặn ba để dành cho Hạnh cưới vợ. Từ trước tới giờ, ba trả lương cho ông sòng phẳng nhưng ông không tiêu xài gì nhiều.

Ba và Hạnh để tang cho ông Bảy Liệu suốt một năm trời với miếng vải đen ghim trên áo trắng. Trong hai tháng đầu sau đám tang ông Bảy, cha con Hạnh phải xoay trở khó khăn mới giữ được nếp nhà sạch sẽ, tươm tất.

Sự hiện diện của ông Bảy Liệu trước kia dù khiêm tốn, mờ nhạt, nhưng ngoài nhu cầu công việc săn sóc nhà cửa, đã giữ một vai trò tối quan trọng trong đời sống tinh thần

của cha con Hạnh. Dù rằng sau đó, y theo lời trối của ông Bảy Liệu, ba Hạnh tìm xuống Tam Bình rước vợ chồng bà Tám Định, em gái ông Bảy, về coi sóc việc nhà, nhưng ba vẫn thờ vắn than dài, và Hạnh vẫn cảm thấy trống vắng, thiếu thốn. Hạnh nhớ ánh đèn chong ở căn bếp vào lúc đêm khuya, trong ánh đèn ấy, suốt cả đời ông Bảy mài miệt lau chùi quét dọn căn bếp hoặc sắc thuốc, chưng yến, chưng ếch bắc thảo cho ba Hạnh. Sáng sáng vào đầu canh năm thức giấc, Hạnh đã thấy ánh lửa ở căn bếp xuyên qua những kẽ hở của vách ván lòn vào buồng. Những lúc đó, Hạnh lơ mơ cảm thấy sáng khoải an ổn. Không phải vì Hạnh nghĩ tới những bữa ăn thịnh soạn do ông Bảy Liệu nấu nướng. Hạnh chỉ cảm nhận ánh lửa



đó sưởi ấm tâm hồn mình, mà ánh lửa đó là hiện thân của ông Bảy. Cũng vậy, mỗi khi theo ba đi xem hát bóng về khuya, Hạnh luôn thấy ánh lửa từ căn bếp đỏ rực xuyên qua mắt cáo, qua kẽ lá lẩn tẩn của cây táo tàu trồng bên mái bếp như tỏa sáng tâm hồn Hạnh. Tuy ông Bảy Liệu không hay nói, nhưng ánh lửa kia, cái bóng âm thầm, tận tụy, cần mẫn của ông đã nói tất cả sự đùm bọc che chở của ông với cha con Hạnh. Khi ông qua đời, Hạnh

mới nhận thấy ngày ông còn sanh tiền, cuộc sống trong ngôi nhà này dù có tẻ lạnh, nhưng vững vàng và an ổn biết bao! Tại sao Hạnh đòi hỏi ở ông những cử chỉ vuốt ve thân ái và giọng cười ấm áp nắng xuân của cô Lucie? Tại sao Hạnh đòi hỏi ở ông đôi mắt biết diễn tả tình cảm, giọng thủ thỉ tâm tình rất thấm thía của dì Khánh? Ông là người dốt nát, và qua lời kể của bà Tám Định thì vì từ nhỏ ông sớm chịu cảnh mồ côi, phải đi ở đợ nên ông luôn luôn

thủ thế, không dám bộc lộ tình cảm. Trước khi về ở đợ với ông bà nội của Hạnh, ông Bảy Liệu đã chịu đòn vọt, chửi mắng trong gia đình của vài người chủ khác. Và khi về ở với ông bà nội Hạnh, tuy ông khỏi bị hành hạ nhưng vẫn phải nai lưng làm việc đầu tắt mặt tối. Đời ông nào có gì vui! Khi ở với cha con Hạnh, tuy vẫn làm lụng nhưng ông được định liệu, sắp xếp mọi việc. Tâm hồn ông dù vậy vẫn còn bị bùng bít bởi tấm màn vô thức đen sẫm nên ánh sáng lạc quan từ bên ngoài cuộc đời không thể lọt vào. Con chó khi mừng biết vẫy đuôi, khi giận dữ biết sủa, khi đau ốm biết tru. Con mèo lúc sượng biết rên rừ rừ, lúc đau biết la eo eo, lúc cô đơn đi tìm bạn biết meo meo. Còn ông Bảy Liệu thì không. Càng nghĩ, Hạnh càng thương xót ông. Phải có một biến cố khốc liệt nào đó mới khiến con người ông có vẻ hoá đá như vậy! Nhưng đó chỉ là mặt ngoài. Trong tâm hồn ông còn có tấm lòng biết ơn đối với ba, còn có tình thương mến đối với hai cha con Hạnh. Hạnh làm sao quên được những lúc Hạnh đau nặng, ông Bảy Liệu luôn ngồi túc trực bên giường để khi thì lấy khăn chấm mồ hôi; khi thì cho Hạnh uống thuốc; khi thì dứt cơm, dứt cháo... Vào những canh khuya chợt tỉnh cơn mê sảng, Hạnh vẫn thấy ông ngồi canh bệnh, không ngủ mà cũng không hút thuốc, mắt nhắm nhắm nhìn Hạnh. Hỡi ơi, đôi mắt sao mà vô hồn, đứng đưng, rất hoà hợp với sắc mặt ông nguội ngất! Tại sao đôi mắt ấy không là cửa sổ của tâm hồn? Tại sao khuôn mặt ấy không là tấm gương của nội giới ông? Và chỉ đến lúc ông chết, Hạnh mới cảm nhận qua một trực giác thâm sâu, tâm hồn ông vẫn phong phú nguồn suối thương yêu, nội giới ông lúc nào cũng xán lạn niềm thiết tha gắn bó với gia đình Hạnh.

Má chết lúc Hạnh còn nhỏ. Hạnh không làm sao mừng tượng nổi chân dung của má qua tấm di ảnh chung trên bàn thờ. Hạnh cũng không sao nhận định trọn vẹn tâm

ngày xuân đọc thư mẹ

Thư mẹ viết mùa đông
Tiền tem chín ngàn đồng
Tờ pơ-luya thật mỏng
Chở nặng tình nhớ mong

Ngày xuân thư vừa tới
Cầm lá thư bồi hồi
Chuyện lành hay tin dữ
Nén lòng chưa dám coi

Mẹ không còn trẻ nữa
Mà nét chữ như xưa
Lời văn ôi ngọt mật
Nỗi buồn chen lựa thưa

Qua rồi mười lăm năm
Sông biển nào cách ngăn
Những tờ thư qua lại
Ảnh mẹ treo chỗ nằm

Tháng ngày còn rất mới
Nhu như con ra đời
Bên chiếc cầu con phố
Rời lựu lạc khắp nơi

Mẹ, hình hài nhỏ nhắn
Hôm sớm thường chăm lo
Ngày con rời mái ấm
Cả ngàn câu dặn dò

Chỉ một lần cách trở
Là ngun ngút đôi bờ
Bên nhà mẹ đơn chiếc
Bên này con bơ vơ

Hôm nay nhận được tin
Mơ ánh mắt mẹ hiền
Con nghe hơi mẹ thở
Còn bao nỗi ưu phiền



Mẹ viết:
"Ở quê mình vẫn thế
Đời tăm tối u mê
Mẹ làm sao vui được
Chuyện than thở trăm bề
Các em con mới lớn
Thấy tương lai tử hờn
Đều nhất định bỏ học
Mặc ba mẹ khuyên ngăn
Tuổi mẹ đang về chiều
Gian khổ cũng đã nhiều
Nhìn đàn con tan tác
Lòng mẹ càng hoang liêu
Mẹ buồn, không thể khóc
Nước mắt là châu ngọc
Còn chi hai hàng lệ
Theo năm tháng ê chề
Mẹ mong con sớm thành
Ý nguyện với chúng sanh
Đừng lo nhiều cho mẹ
Mà quên chuyện hùng anh!"
Ngày xuân đọc thư mẹ
Vui buồn với tình quê
Đời con còn có mẹ
Là mùa xuân vẫn về!

nguyễn sĩ long

hồn và nếp sống của má qua lời kể loáng thoáng và sơ sài của dì Khánh. Nhưng giờ đây, Hạnh có thể mừng rỡ ngắm tấm lòng yêu thương tận tụy của má qua sự tận tụy gần bó của ông Bảy Liệu. Hạnh còn thấy má hiện hữu ở cử chỉ vuốt ve triu mến và giọng cười ấm áp của cô Lucie, ở đôi mắt cảm thông và giọng nói thiết tha của dì Khánh. Cả hai cũng như ông Bảy Liệu đã gọi cho Hạnh đôi chút hình ảnh người mẹ, dù rằng khi lớn lên Hạnh mới rõ cô Lucie đến viếng cha con Hạnh cốt để lên ông chồng già ngoại tình với ba trên chiếc giường có lót gương ở hai đầu; dù rằng dì Khánh tìm đến ba là để trốn nợ, trốn luôn vợ lớn của lão tình nhân của dì thường dắt toán nặc nô đến nhà dì làm dữ. Nhưng mà nhầm nhò chi! Con người họ dù có sa đoạ cho thế mấy, thân thể họ dù có dơ bẩn đến đâu cho thế mấy, nhưng khi bước vào ngưỡng cửa gia đình Hạnh, cả hai hiện thân trọn vẹn tâm hồn người mẹ, thể hiện tròn nguyên tấm lòng mẫu tử. Cho đến khi trưởng thành, nghĩ về cô Lucie, Hạnh cảm thấy tâm hồn mình ấm áp biết bao, và nghĩ về dì Khánh, Hạnh cảm thấy trái tim mình mát rượi là dường nào!

Sau dì Khánh, thỉnh thoảng ba có đem về nhà một vài người đàn bà khác. Có kẻ ưa giở chứng, có kẻ kỳ cục, có kẻ hay cáu kỉnh, quạu quọ... Nhưng khi bước ra khỏi nhà này, Hạnh quên tuốt hết. Hạnh chỉ giữ lại hình ảnh những người đàn bà nhu mì, hiền dịu, tử tế. Họ đã thể hiện một vài nét lý tưởng của người mẹ để khi lớn lên, Hạnh vẫn thích gọi lại để tìm chút niềm tin.

* * *

Bà Tám Định, trái với ông anh lắm lì của mình, là một mẫu người cởi mở, hơi hợt, miệng tía lia không lạnh da non. Giọng cười của bà hăng hắc, vì quá thân mật đâm ra suồng sã.

Vừa đặt chân vào nhà cha con Hạnh, bà quở liền:

— Nhà này toà cao lắm lớn, hồn

ma bóng quế ẩn núp đó đây. Phải mua bùa bát quái và nhánh xương rồng treo trước cửa, phải trồng hai cây dâu tằm ăn để đuổi tà ma. Thầy Ba để đó tui lo cho!

Bà dạo từ trên lầu xuống từng trệt, từ cổng trước đến cổng sau, từ cái ao bên trái qua lùm lú bên mặt. Tới đâu bà phàn nàn đó:

— Gác mà để trống trải quá, ông bà mình kiêng cử lắm. Ai lại thờ Phật ở trung đường, chỉ nên thờ đức Quan Thánh Đế Quân cõi ngựa Xích Thổ, có Châu Xương cầm thanh long đao, có Quan Bình cầm hộp ấn đứng hầu. Phật và Bồ tát thì ở xa, chỉ có thánh linh như Đế Quân mới chịu ở gần mình. Ở miệt tui, nhà nào cũng có trang thờ Mẹ Sanh Mẹ Độ trên cao, trang thờ ông Địa, thờ Thần Tài ở dưới đất. Còn ngoài vườn nên lập cái miếu nhỏ thờ Thổ Địa. Thầy Ba tin đi, hễ thầy nghe lời tui thì đất đai viên trạch an vui, vững vàng; mà tía con thầy còn tấn tài tấn lộc, khương ninh suốt đời.

Từ khi ông Bảy Liệu chết đi, ba muốn dời bàn thờ đức Di Đà Tam Tôn lên gác cho được yên tĩnh nên chấp thuận lời bà Tám Định. Ba cho bà thờ đức Quan Thánh Đế

Quân ở trung đường. Bức tranh của Đế Quân do ba mua ở Chợ Lớn về, màu mè vừa phải, bàn thờ không bày chơn đèn, lư hương bằng đồng mà chỉ bày cái bồn cắm nhang bằng đồng đen và chiếc đèn pha lê. Ba cương quyết không thờ Mẹ Sanh Mẹ Độ, Thần Tài ở trong nhà; không thờ Thổ Địa ở ngoài vườn; không trồng dâu tằm ăn trong sân, không treo bùa bát quái, nhánh xương rồng trước cửa. Sở dĩ ba chấp thuận việc thờ đức Quan Thánh vì ba có làm ăn với bang Quảng Đông ở tỉnh nhà nên muốn dùng việc thờ phượng danh tướng nước Tàu để lấy lòng tin.

Bà Tám Định bảo ba:

— Cô Ba qua đời từ lâu, sao thầy Ba không chịu kiểm cô nào son trẻ để chấp nối? Thôi để tui trở tài làm mai cho. Ở xứ tôi có cô Năm Mỹ Châu, có Sáu Mỹ Ngọc con ông Hội đồng Bá đẹp như tiên sa phụng lộn, làm bánh xuất sắc, may vá thêu thùa khéo nhứt trần đời. Lại còn có Hai Lài con ông Hương cả Hướn cũng đẹp, cũng nét na gia giáo. Thầy Ba mà ừ một tiếng là vợ chồng tui đưa thầy đi Tam Bình liền.



Và bà liếc qua Hạnh:

— Còn cậu Hạnh này mai sau sẽ bảnh trai còn hơn kếp Năm Châu đóng vai Lữ Bố, sẽ khôi ngô nào kém kếp Bảy Nhiêu đóng vai vua Tống Nhon Tôn. Cậu mà ăn học thành tài thì cưới tiểu thư, quận chúa dễ ợt...

Bà và Hạnh từ hồi nào tới giờ không quen nghe lời cợt nhả ồn ào, chưa từng nghe tiếng cười suồng sã huyền náo dưới mái nhà này, huống hồ là phải nghe những câu nói có tánh cách xâm phạm vô đời tư của mình. Mặt bà lúc đó cứng như đóng một lớp nước đá, còn Hạnh thì bàng hoàng nhìn bà Tám Định như nhìn một quái vật.

Chồng bà Tám Định ăn nói chừng mực hơn. Ông ta giỏi làm vườn nên thường lúc thức ngoài vườn. Bà Tám Định từ hôm chạm phải phản ứng cứng rắn và lặt lẽ của cha con Hạnh thì đâm ra nhột. Cái hứng của bà tắt tức tưởi. Tuy nhiên bà vẫn siêng năng làm lụng việc nhà. Tài làm bếp của bà được hai cha con Hạnh chiều cổ tận tình. Bà cho dọn căn chái bên mặt rất rộng để làm buồng ngủ cho hai vợ chồng bà. Bà mua cho họ một cái radio, cho luôn họ chồng đĩa hát và giàn máy từ lâu không xài để họ giải trí.

Bà Tám Hạnh vốn không con, nay gặp Hạnh, tình mẫu tử dâng tràn ngập lòng bà. Nhưng giữa đôi bên chỉ là sự liên hệ chủ tớ, bà đâu dám xem Hạnh như con mình. Tuy nhiên đó là sự nhắc nhở của lý trí. Trong tiềm thức bà, mỗi khi đứng trước mặt Hạnh, tình thương mến không những chỉ bộc lộ ở cách săn sóc miếng ăn manh áo mà còn ở những cử chỉ vồn vã quá đáng, những câu thăm hỏi vào chỗ ngoắt ngoéo riêng tư của Hạnh khiến Hạnh bức mình. Từ bao lâu quen với sự ít nói của ba, thái độ lăm lè của ông Bảy Liệu, Hạnh đâm ra dị ứng với cử chỉ và thái độ quá thân mật của một người đờn bà quê mùa mà khi vừa đặt chân vào ngưỡng cửa nhà này, Hạnh đã nghe tiếng vọng trong đầu óc: "Đây là đây tớ!

Đây là mẹ già coi sóc việc nhà!" Bởi thành kiến đó, Hạnh không cho phép bà Tám Định đi xa hơn cái vị trí tối tở trong nhà.

Mỗi tối nếu không có việc gì làm, bà Tám Định thường quanh quẩn ở trung đường để xem Hạnh học bài, lóng tai nghe Hạnh đọc từng câu. Có những đêm Hạnh thức khuya, thấy bà còn quanh quẩn ở trung đường, Hạnh phải nhắc nhở:

— Kia bà Tám, khuya quá rồi, sao bà chưa trở về chái lá?

Bà cười hề hề:

— Được mà, tui thức coi cậu học cũng vui vậy! Cậu muốn ăn chè đậu hay cháo cá để tui múc?

Thiệt tình Hạnh cảm động lắm, nhưng trong cái xúc động do tấm lòng biết ơn đó, Hạnh vẫn bức tức ngấm ngấm. Từ bao lâu, Hạnh quen với sự hờ hững gần như bỏ rơi của ba và ông Bảy Liệu. Nay bà Tám cứ chàng ràng bên cạnh làm Hạnh hơi ngượng và phát cáu vì cảm thấy mình như bị dò xét. Bà Tám dò xét để làm gì? Hạnh không nhận thức rõ, nhưng thấy có người Hạnh không yêu mến chú ý đến nhứt cử nhứt động của Hạnh thì Hạnh nhột nhột khó chịu quá đi thôi! Có lần Hạnh nói như gắt:

— Khi tui học mà bà chàng ràng làm sao tui học được?

Nói xong câu đó, Hạnh hối hận lắm, nhưng không có can đảm đến xin lỗi bà. Hạnh đã thấy mặt bà tái đi, không phải giận dữ vì tự ái tổn thương mà là vì áy náy, ân hận.

Tuy không còn chàng ràng ở trung đường để xem Hạnh học bài, nhưng bà Tám Định vẫn tìm cách lảng nghe Hạnh đọc bài. Có nhiều câu bà hiểu được để đem khoe với chồng:

— Trái đất quay chung quanh mặt trời, mặt trăng quay chung quanh trái đất. Ngộ thiệt! Dân thông thái thấy mọi chuyện trặc trẹo nên họ tìm được đủ thứ trặc trẹo như đèn điện không có lửa mà vẫn sáng.

Trong khi thuật với chồng, bà vuốt ve hơi lâu và hơi kỹ chiếc áo của Hạnh mà bà vừa ủi xong, chưa

kip xếp lại.

Hạnh từ nhỏ có tánh cẩn thận. Những đồ chơi cũ Hạnh không vứt đi mà bỏ vào chiếc rương cây khoá lại. Đó là những đồng xu lá bài, những viên bi thủy tinh, chiếc xe hơi bằng thiếc, những con gà bằng đất khoét đất có đệm lưới gà bằng thiếc thối toe toe, con rùa, con chim, con nai, con thỏ bằng sành trắng men, nạng giàn thun bắn chim... Bà Tám Định sành soạn những món đồ chơi đó, lau chùi bụi bặm, những con gà bằng đất được chồng bà Tám sơn phết màu tươi mới để xếp vô hai chiếc khay lớn, đem chưng trong tủ kiếng ở nhà kho. Lâu lâu bà lau chùi từng món, ấp ủ nó trong lòng bàn tay khá lâu trước khi đặt trở lại vào khay. Bà không săn sóc nhiều những món ngoạn khí mà ông Bảy đã mua sắm cho Hạnh lúc Hạnh mới lớn. Chỉ có đồ chơi của Hạnh lúc còn ấu thơ mới làm mất bà âu yếm mơ màng trong lúc vừa vuốt ve vừa nhìn ngấm tẩm hình Hạnh hồi lên bốn lên năm.

Từ khi bà Tám Định không xa quần theo Hạnh, Hạnh mới tìm được một khoảng cách dễ chịu, và khi nghĩ tới bà, Hạnh mới cảm thấy niềm thương mến dịu dàng, thân mật. Bà không phải là mẫu người để Hạnh quẩn quít như cô Lucie hay dì Khánh. Đồng thời Hạnh cũng chưa tìm thấy ở bà Tám Định vai trò nào trong cuộc sống tình cảm của mình, chưa gọi cho Hạnh hình ảnh một người mẹ.

*
* *

Từ khi ông Bảy Liệu chết đi, lúc Hạnh đau ốm đến độ mê sảng thì chính ba túc trực bên giường Hạnh. Tuy chưa hoàn toàn trưởng thành nhưng Hạnh đã biết nhột nhột mắc cỡ khi có sự đụng chạm với người khác phái.

Dịp bãi trường năm đó, Hạnh trèo lên cây táo tàu hái trái lờ xẩy chân té, bể xương chậu và lỵ chân trái. Chở lên bệnh viện Nguyễn văn Học Sài gòn thì Hạnh đã mê man, thừa chết thiếu sống. Bọng đái

Hạnh bị rách, phải nằm nhà thương suốt hai tháng. Mông và đùi trái phải băng bột. Về nhà Hạnh phải nằm dưỡng thương thêm sáu tháng nữa. Dĩ nhiên cơm nước, quần áo cho Hạnh là do bà Tám Định đảm nhiệm, nhưng tắm rửa, lo việc tiêu tiểu cho Hạnh thì ông Tám và ba nhận lãnh. Ông Tám vụng về, thường làm Hạnh đau đớn nên ba phải lo hết. Ban ngày ba lo việc mưu sinh, chiều về ba săn sóc cho Hạnh. Hai bàn tay ba cứng cáp gân guốc là vậy nhưng khi cởi quần áo tắm rửa cho Hạnh, hai bàn tay đó gượng nhẹ, thận trọng âu yếm biết bao! Lúc đó ánh mắt ba tràn ngập thương xót, nhưng miệng ba tươi cười. Ba kể chuyện này chuyện nọ cho Hạnh nghe. Cái chết của ông Bảy Liệu và tai nạn xảy đến cho Hạnh đã đưa ba lại gần Hạnh. Ba không hề rước người đờn bà nào về buồng mình và đem dẹp hệ thống gương treo trên vách tường. Nhiều đêm thức giấc, Hạnh nghĩ ngợi và khóc vì sung sướng. Ở ba, Hạnh đã tìm được một phần hình ảnh dịu dàng tận tụy của người mẹ.

Bà Tám Định là mẫu người yêu chồng, chiều chuộng chồng. Bà thường than thở với ba hoặc lối xóm:

— Chồng tui thương tui lắm. Đáng lẽ gặp con vợ sượng ngắt, không chứa để như tui, ánh bỏ từ lâu rồi. Ánh cũng không hề chịu cưới vợ bé để kiếm chút con. Ánh nói với tui rằng dòng dõi ánh là dòng kẻ thì ở đợ, người làm ruộng mướn, có vẻ vang chi đó để ánh kiếm con nối dõi tông đường.

Thỉnh thoảng bà Tám Định sấm sửa mâm rượu cho chồng. Nói là mâm rượu cho oai chớ chỉ có một đĩa cóc, khế bổ từng miếng, một đĩa mắm ruốc giã tỏi ớt, một đĩa tép muối xào với mỡ xắt hạt lựu. Đôi khi bà dọn thêm đĩa mít luộc xé tơ trộn rau răm, đậu phộng. Không bao giờ bà lấy cá, thịt trong thức ăn hàng ngày của cha con Hạnh làm món nhậu cho chồng. Nhưng mâm rượu đối với ông chồng cũng sang trọng lắm rồi. Bà thường ngồi coi

chồng nhậu nhẹt, lâu lâu vì nề chồng bà uống một ngụm rượu đế, cần một miếng khế xắt mỏng quệt mắm ruốc. Cả hai thường nhắc chuyện dưới quê, nhứt là nhắc tới mấy đứa nhỏ trong xóm cũ của họ. Giọng nhắc có vẻ âu yếm ngậm ngùi làm lòng Hạnh mềm đi khi Hạnh nghe lóm câu chuyện kể về của cặp vợ chồng đó. Và Hạnh không ngờ lòng thêm khát đứa con, tình mẫu tử không có đối tượng để vung vãi của bà Tám dần dà đã làm cho Hạnh yêu mến bà.

Trong đời Hạnh có hai việc khiến Hạnh ân hận: một là không có dịp bày tỏ lòng thương mến và biết ơn của mình với bà Tám Định khi Hạnh đã trưởng thành, đã đậu tú tài. Hai là Hạnh chưa kịp đền ơn nuôi dưỡng cho ba. Cả hai qua đời sớm quá.

Hạnh còn nhớ sau khi xem kết quả kỳ thi văn đáp ở Sài Gòn, biết mình đậu hạng bình, Hạnh không đánh điện tín cho ba vội. Hạnh đi xe đò về Vĩnh Long. Lúc đó bà Tám Định đau dây dưa nhưng vẫn rán săn sóc việc nhà. Được tin mừng, bà chấp tay lại ngược đầu lên cao:

— Tạ ơn Trời Phật. Trời Phật không phụ lòng thầy ba nên cậu Hạnh có ngày làm về vang cho thầy như ngày hôm nay đây.

Hôm đó bà Tám cạo đầu. Ba rủ vợ chồng bà cùng Hạnh đi Bông-ga-lô ăn cơm Tây. Bà lác đầu:

— Tui đã vái hể cậu Hạnh thi đậu tú tài là tui cạo đầu, ăn chay một tháng.

Khi về, ba mua một chục cam Cái Bè cho bà. Nhưng bà Tám không có dịp ăn chay. Hôm sau bà nửa tỉnh nửa mê, nằm thiêm thiếp trên giường bệnh, chỉ húp nước cháo. Ba đích thân đưa bà đi bác sĩ, mời các thầy đông y đến chẩn mạch và hốt thuốc. Hạnh không còn lòng dạ nào ra khỏi nhà. Hạnh cạo gió, giác ống thông hơi và đích thân sắc thuốc cho bà Tám. Ba không hề ngăn cản. Một hôm thấy Hạnh giặt một mớ khăn lông để ông chồng lau mình cho bà, ba Hạnh chỉ bảo nhỏ:

— Con phải trả ơn bà Tám ngay

từ bây giờ. Bà không qua khỏi con trăng này đâu!

Ba quay lên nhà trên, không nhận thấy nước mắt Hạnh đã ướt đầm má.

Một hôm, trời xế chiều. Bên ngoài có cơn đông thổi qua. Dưới mái chái lá, bà Tám Định bắt đầu mê sảng nói lắp bắp:

— Tại ông ráo trời! Ông không nghe lời tui cưới vợ bé hoặc xin con nuôi. Con vợ bé ông thì cũng là con tui. Giờ đây tui chết, ai lật nút áo cho tui? Ai phò giá triện, ai rinh quan tài tui đây? Tui nghĩ tới cảnh ông bơ vơ trên chốn dương trần thì tui nhắm mắt sao đành!

Ông chồng khóc tới tấp mặt mũi. Đầu canh hai, bà Tám Định chợt tỉnh. Ông chồng kê tô thuốc gần miệng bà:

— Bà uống thuốc đi. Chiều nào cậu Hạnh cũng sắc thuốc cho bà đó. Bà rán mạnh giỏi để thầy ba và cậu Hạnh vui lòng.

Hạnh muốn nói với bà những lời thân thiết, nhưng vì nhút nhát và vì ghen ngạo nên Hạnh chỉ lấy quạt phe phẩy cho bà, dùng khăn lông chạm mồ hôi cho bà. Bà Tám Định uống thuốc xong, bảo chồng:

— Thầy Ba và cậu Hạnh tử tế lắm. Khi tôi chết rồi, ông nên săn sóc thầy và cậu. Được vậy vong linh anh Bảy tui cũng thoải mái.

Bà lại mê đi. Ba và Hạnh không còn lòng dạ nào rời mái bếp. Đến cuối canh ba, bà Tám Định hấp hối. Trước khi chết, bà mở mắt ngược nhìn Hạnh, cặp mắt đại hân đi. Bà kêu lớn:

— Con ơi!

Khi chôn cất bà Tám Định xong xuôi, chính ba và Hạnh phải sẵn



sóc chồng bà. Ông thờ thần như kẻ mất hồn, ngoan ngoãn như một đứa trẻ. Ông thường nhìn vào khoảng không khóc thầm lặng hoặc cười vu vơ. Hạnh có linh cảm ông ta sẽ chết theo vợ vào một ngày không xa. Quả vậy, ông chồng bà Tám Định không đau bệnh chi hết. Người ông khô riết rồi chừng ba tháng sau ông nằm liệt, thốn mồn dần như ngọn đèn cạn dầu.

Từ khi bà Tám Định chết, Hạnh ở luôn tại Vĩnh Long để hủ hỉ với ba vì Hạnh yếu phổi cần phải tịnh dưỡng. Hạnh săn sóc chồng bà Tám, dọn dẹp quét tước chái lá cho ông. Lúc đó ba mướn hai mẹ con cô Hai Thời coi sóc việc nhà. Cô Hai là cháu gọi ông Bảy Liệu bằng cậu, gọi bà Tám Định bằng dì. Cô Hai Thời trạc tuổi tứ tuần, dáng người thon mảnh, nhậm lẹ, lúc nào cũng sạch sẽ, chải chuốt. Khuôn mặt cô trẻ hơn số tuổi cô đang mang nhờ những nét cong mềm. Con gái cô tên là Kim Quế, tuổi hai mươi, vóc cao lớn, mặt vuông, cằm cương quyết, trán cao. Bù lại, Kim Quế có nụ cười rộng và tươi, mắt ướt, nét mày thanh. Mỗi khi nàng cười thì nụ cười chẳng những tươi rạng mà còn bát ngát tình ý, sóng mắt nàng thêm ướt, thêm tình tứ.

Cô Hai Thời hồi mười bảy tuổi ở đợ cho ông dược sĩ Huỳnh Thanh Cảnh. Ông ta dụ dỗ cô, bơm cho cô một cái bầu. Bà vợ lớn biết được, đánh đập cô. Và cô phải bồng con về Tam Bình nương náu. Tuy nhiên ông Cảnh vẫn lên lút cấp dưỡng cô. Cô không lấy chồng nhưng tăng tịu với nhiều nhân vật thuộc giai cấp trung lưu. Kim Quế được mẹ cho học tới bậc trung học, thi đậu bằng Brevet. Khi hai mẹ con cô Hai Thời về ở với cha con Hạnh thì Kim Quế xin đi dạy trường Tân Giai cách nhà hai cây số, ăn lương công nhật.

Má con cô Hai Thời đã cùng Hạnh săn sóc ông chồng bà Tám Định rất chu đáo trong những ngày cuối cùng của đời ông. Ông cũng được an táng trong miếng đất hương hỏa của gia đình Hạnh, nằm song song với mộ bà Tám Định và

mộ ông Bảy Liệu giữa vùng trống trác bách diệp.

Năm sau, Hạnh thi đậu vào đại học Sư Phạm ban Hán Việt. Chàng phải lìa nhà lên Sài gòn lưu học. Trong hai tháng sau cùng còn ở tại quê nhà, Hạnh đã thấy cô Hai Thời thường vào buồng ba ngủ đêm. Kim Quế như đã ngấm ngấm thoả thuận sự dan díu đó nên tỏ ra thân mật với ba hơn.

Ngày Hạnh lên Sài gòn tiếp tục việc học thì ba bận việc không thể tiễn đưa Hạnh tại bến xe đò. Chỉ có hai má con cô Hai Thời. Trong tiệm nước, cả ba ngồi ăn hủ tiếu uống cà phê chờ giờ xe khởi hành. Hạnh bảo cô Hai Thời:

— Ba cháu hi sinh cho cháu quá nhiều. Cháu không có dịp săn sóc ba, nhưng cháu rất mừng đã có cô. Xin cô thương yêu ba cháu, săn sóc ba nhiều hơn lúc cháu có mặt ở nhà thì cháu đời ơn cô lắm.

Cô Hai Thời gật đầu, mặt và vành tai đỏ rần vì ngượng nhưng nụ cười cô thiết rạng rỡ.

*
* *

Bảy năm sau, Hạnh được thuyền chuyển về dạy học ở Vĩnh Long. Ba đã qua đời trước đó hơn một năm. Chàng đã cưới Kim Quế trước khi ra trường.

Cuộc hôn nhân của Hạnh do ba sắp đặt. Bên nội lẫn bên ngoại chàng ồn ào phản đối. Dưới mắt mọi người, rõ ràng cô Hai Thời, một thứ đờn bà hư hỏng, nhào vô gia đình chàng để chiếm gia tài.

Hạnh rất thông cảm và biết ơn ba. Ba đã lựa Kim Quế cho chàng trước khi mời hai mẹ con cô Hai Thời về sống chung. Ba đã biết sở thích, ẩn tình của cậu con trai mình: đa cảm đa sầu, mong mỗi một điểm tựa tinh thần và khao khát tìm một người đàn bà thấp thoáng hình ảnh người mẹ. Trước đó, ngoài mái nhà của hai cha con, ba đã gặp cô Hai Thời, đã tăng tịu với cô, đã có dịp tìm hiểu Kim Quế. Do đó ba tìm cách mời hai mẹ con về nhà.

Cuộc hôn nhân giữa Hạnh và Kim Quế do ba và cô Hai Thời sắp

đặt. Về phần Kim Quế, nàng đã yêu Hạnh từ lúc đặt chơn về nhà chàng. Riêng Hạnh, phải sau một năm chung sống với vợ, chàng mới lần hồi tìm được ở vợ những điểm mà chàng khao khát. Tình yêu dù đến với chàng sau cuộc hôn nhân, nhưng thấm thiết dần, vững chãi dần. Khi tạm thời lìa Vĩnh Long lên Sài gòn theo chồng, Kim Quế may thuê rồi xin làm thơ ký cho một hãng xuất nhập cảng để có thêm tiền cung phụng cho chàng. Nàng ham hoạt động như cái chong chóng và vững vàng như cái nền lót đá hoa cương. Khi Hạnh lao vào lãnh vực viết văn viết báo thì nàng tìm cách giao thiệp với văn giới và sưu tầm những bài vở nói tới văn tài của chàng. Chàng ham đánh quần vợt thì nàng hăng hái cầm vợt. Nàng đóng đủ vai trò khi làm vợ Hạnh: người mẹ, người vú em, người nữ y tá, người vợ, người tình... Sự vững vàng, tình yêu thương của Kim Quế khiến Hạnh dần dần gột rửa được vẻ lầm lì, nhút nhát. Chàng lạc quan hơn, tin yêu cuộc đời hơn.

Cái chết của ba làm cô Hai Thời ngờ ngẩn, mất hồn suốt một thời gian dài. Chính Kim Quế tận tình săn sóc mẹ. Hạnh nhận thấy vợ mình thật tràn trề sinh lực, dồi dào cảm hứng. Cái sinh lực đó thúc đẩy nàng giúp đỡ, chăm nom kẻ yếu đuối, bất hạnh. Nàng yêu Hạnh cũng chính ở tính tình đa cảm, yếu đuối của chàng. Nhờ có Kim Quế, Hạnh mới chợt nhận ra: không phải chỉ có kẻ yếu đuối mới cần nhờ tới kẻ mạnh, mà chính nhờ có kẻ yếu đuối, người mạnh mới có cơ hội chứng tỏ tiềm năng quý báu của mình.

Hạnh làm sao quên được lời trời trăng của ba trong lúc lâm chung:

— Khi con đã cưới vợ rồi ba mới nhẹ gánh lo nhứt đời ba. Ba đã gạt thành kiến của người đời, đập nhầu dư luận để cưới Kim Quế cho con. Mười cô con gái xuất thân chốn nhà lành hoặc quyền môn nhập lại chưa chắc đã hơn vợ con. Nó là hình ảnh mẹ con thuở trước đó. □



Nội

Võ Hoài Nam

thôi!" Thật ra, nó có lối kể chuyện không đầu không đuôi làm mấy anh chị nó bực. Trái lại, bà nó cho đó là một thi vị của tuổi thơ nên hay biểu nó kể chuyện cho bà nghe, để lâu lâu bà cười chảy nước mắt.

Tôi hỏi má tôi:

— Sao bữa nay xuống trưa vậy nội?

Vợ chồng tôi hay gọi má tôi bằng "nội" như các con. Nói theo tụi nó riết rồi quen miệng. Lâu lâu chúng tôi cũng có gọi bằng "má" nhưng sao vẫn không nghe đầm ấm nồng nàn bằng tiếng "nội" của các con. Hồi cha tôi còn sống, tụi nhỏ gọi rõ ra "ông nội" hay "bà nội". Cha tôi mất đi, ít lâu sau, chúng nó chỉ còn dùng tiếng "nội" ngắn gọn để gọi bà của chúng nó, ngắn gọn nhưng đầy trilu mến.

Má tôi bước vào nhà, vừa cởi áo bà ba vừa trả lời:

— Thôi đi mầy ơi!... Mấy thằng công an mắc dịch ở Trảng Bàng... Tao lên xe hồi sớm đó chứ. Tới trạm Trảng Bàng tụi nó xét thấy tao có đem một lon gô mỡ nước, vậy là bắt tao ở lại. Nói phải quấy bao nhiêu cũng không nghe, cứ đề quyết là tao đi buôn lậu!

Rồi má tôi liệng cái áo lên thành ghế, nói mà tôi có cảm tưởng như bà đang phân trần ở Trảng Bàng:

— Đi buôn lậu cái gì mà chỉ có một lon mỡ nước? Ai đó nghĩ coi, nội tiền xe đi lên đi xuống cũng hơn

Nội xuống kia!

— Nội xuống! Ê, nội xuống!

— Nội xuống!

Bầy con tôi reo mừng, chạy ủa ra ngõ. Ngoài cổng, tiếng xích lô máy cũng vừa tắt.

Trong buồng, vợ tôi gom vôi mớ giấy tờ hồ sơ nhét vào xác tay, nhìn tôi im lặng. Tôi hiểu: bà già xuống như vậy, làm sao giấu được chuyện tôi và hai đứa lớn sẽ vượt biên? Sáng sớm mai là đi rồi.

Tôi choàng tay ôm vai vợ tôi, siết nhẹ:

— Không sao đâu. Để anh lựa lời nói chuyện đó với má.

Khi vợ chồng tôi bước ra hiên nhà thì bầy nhỏ cũng vừa vào tới sân. Đứa xách giỏ, đứa xách bao, đứa ôm gói, hí hửng vui mừng. Bởi vì mỗi lần bà nội chúng nó từ Gò Dầu xuống thăm đều có mang theo rất nhiều đồ ăn, bánh trái, thịt thà... Những ngày sau đó, mâm cơm dưa muối thường ngày được thay thế

bằng những món ăn do tay bà nội tụi nó nấu nướng nêm nếm. Nhờ vậy bữa cơm có cái phong vị của ngày xưa, thuở miền Nam chưa mất vào tay Việt cộng... Mấy đứa con tôi thường gọi đùa bà nội là "trưởng ban hậu cần" hoặc "chị nuôi" và lâu lâu hay trông có bà nội xuống. Lúc nào câu chào mừng của chúng nó cũng đều giống như nhau: "Nội mạnh hả nội? Nội có đem gì xuống ăn không nội?" Mới đầu, tôi nghe chướng tai. Nhưng sống trong sự thiếu thốn triền miên của chế độ xã hội chủ nghĩa, lần hồi chính bản thân tôi cũng chỉ nghĩ đến miếng ăn thôi.

Con gái út tôi, mười một tuổi, một tay xách giỏ trâu cho bà nội, một tay cặp kè với bà nó đi vào như hai người bạn. Bà nó cưng nó như nhà. Lúc nào xuống cũng ngủ chung với nó để nghe nó kể chuyện. Nó thường khoe: "Ở nhà này chỉ có nội là thích nghe em kể chuyện

tiền lon mỡ rồi! Đi buôn kiếu gì mà ngu dại như vậy hổng biết!

— Rồi làm sao nội đi được? Bộ tụi nó giữ lại lon mỡ hả nội?

Con gái lớn tôi chen vào.

— Dễ hôn! Nội đâu có để cho tụi nó “ăn” lon mỡ, con! Mỡ heo của nội thắng đem xuống cho tụi con chớ bộ!

Ngừng lại hớp một hớp nước mát mà con út vừa đem ra xong, bà kể tiếp trong lúc các con tôi quây quần lại nghe:

— Cái rồi... cứ dang ca riết làm nội phát ghét, nội đồ lì, ngồi lại đó đợi tụi nó muốn giải đi đâu thì giải.

Nghe đến đây, bây con tôi cười thích thú, bởi vì tụi nó từng nghe ông nội tụi nó kể những chuyện “gan cùng mình” của bà nội hồi xưa khi cùng chồng vào khu kháng chiến, nhứt là giai đoạn trở về hoạt động ngầm ở thành phố sau này, trước hiệp định Geneve...

Con út nóng nảy giục:

— Rồi sao nữa nội?

— Cái rồi... lối mười một mười hai giờ gì đó nội hổng biết nữa, ở... cỡ đứng bóng à, có thằng cán bộ đạp xe đi ngang. Nó đi qua khỏi rồi chớ, nhưng chắc nó thấy nội nên quay xe lại chào hỏi “Ủa, bà Tám đi đâu mà ngồi đó vậy?” Nội nhìn ra là thằng Kiếu con thầy giáo Chén ở Tha La, tụi bây không biết đâu. Nội bèn kể cho nó nghe. Nó cười ngất. Rồi nhờ nó can thiệp nên nội mới đi được đó. Lên xe thì đã trưa trở rồi... Ti! Kiểm cây quạt cho nội, con!

Ti là tên con út. Cây quạt là miếng mo cau mà má tôi cắt, vanh thành hình rồi đem ép giữa hai tấm thớt dầy cho nó bớt cong. Má tôi đem từ Gò Dầu xuống bốn năm cây quạt mo phân phát cho mấy cháu, nói: “Nội thấy ba má tụi con gỡ bán hết quạt máy, nội mới làm thứ này đem xuống cho tụi con xài. Kệ nó! Xấu xấu vậy chớ lâu rách!”

Con út cầm quạt ra đứng cạnh nội quạt nhẹ nhẹ mà mặt mày tươi rói: tối nay nó có “bạn” ngủ chung để nó kể chuyện! Vợ tôi đem áo bà ba của má tôi đi cất trong buồng

mấy đứa con gái, hồi vọng ra:

— Nội ăn gì chưa nội?

— Khỏi lo! Tao ăn rồi. Để tao tằm miếng trầu rồi tao với mấy đứa nhỏ soạn đồ ra coi có hư bề gì không cái đã.

Mấy bà cháu kéo nhau ra nhà sau. Tôi nhìn theo má tôi mà bỗng nghe lòng dào dạt. Từ bao nhiêu năm, trên mình má tôi chẳng có gì thay đổi. Vẫn loại quần vải đen lưng rút, vẫn áo túi trắng ngắn có hai cái túi thật đặc biệt do má tôi tự cắt may: miếng túi cao lên tới ngực chớ không nằm dưới eo hông như những áo túi thường thấy. Mấy đứa nhỏ hay đùa: “Cha... Bộ sợ tụi nó móc túi hay sao mà nội làm túi sâu vậy nội?” Má tôi cười: “Ấy! Vậy chớ túi này chứa nhiều thứ quý lắm à bây!”. Những thứ gì không biết chớ má tôi còn cẩn thận ghim miếng túi lại bằng cây kim tây!

Tôi là con một của má tôi. Vậy mà sau khi cha tôi chết đem về chôn ở Gò Dầu quê tôi, má tôi ở luôn trên đó, nói là để săn sóc mồ mả và vườn tược cây trái. Thật ra, tại vì má tôi không thích ở Sài Gòn mặc dù bà thật thương mấy đứa cháu. Hồi còn ở chung với vợ chồng tôi để tránh phao kích, má tôi thường chắc lưỡi nói: “Thiệt... không biết cái xứ gì mà ăn rồi cứ đi ra đi vô, hổng làm gì ráo!”. Cái “xứ” Sài Gòn, đối với má tôi, nó “tù chơn tù tay” lắm, trong lúc ở Gò Dầu má tôi có nhà cửa đất đai rộng rãi, cây trái sum sê, và dù đã cao niên, má tôi vẫn thường xuyên xách cuốc xách dao ra làm vườn, làm cỏ. Vả lại, chung quanh đất má tôi, là nhà đất của các anh bà con bên ngoại của tôi, thành ra má tôi qua lại cũng gần. Các anh các chị bà con tới lui thăm viếng giúp đỡ cũng dễ. Cho nên dù ở một mình trên đó, má tôi vẫn không thấy cô đơn hiu quạnh. Lâu lâu nhớ bây con tôi thì bà xuống chơi với chúng nó năm bảy bữa rồi về. Má tôi hay nói đùa là đi “đổi gió”.

Mấy năm sau ngày mất nước, cuộc sống của gia đình tôi càng ngày càng bần chật. Cũng như

thiên hạ, vợ chồng tôi bán đồ đạc trong nhà lần lần để ăn. Má tôi biết như vậy nên xuống thăm mấy đứa nhỏ thương hơn, mang “cái gì để ăn” cho chúng nó. Nhiều khi nằm đêm tôi ứa nước mắt mà nghĩ rằng lẽ ra tôi phải nuôi má tôi chớ, dù gì tôi cũng là kỹ sư có nghề có nghiệp, dù gì tôi cũng chỉ mới ngoài bốn lăm còn má tôi thì tuổi đã về chiều. Vậy mà bây giờ, dù là công nhân viên nhà nước xã hội chủ nghĩa với lương kỹ sư “bạc hai trên sáu”, tôi đã không nuôi nổi má tôi, mà trái lại chính má tôi phải các ca các cùm mang đồ ăn xuống tiếp tế cho gia đình tôi, giống như má tôi mớm cơm đút cháo cho tôi thuở tôi còn thơ ấu! Thật là một cuộc “đổi đời”! Nhưng cuộc đời của mẹ con tôi thì thật là vừa chua cay vừa hài hước!

Lắm khi tôi tự hỏi: “Rồi sẽ đi đến đâu?” Bây giờ tôi đã trở thành trưởng ban văn nghệ của cơ quan, một lối “đi ngang” mà nhờ đó tôi còn được ở lại sở cũ. Mấy chục năm kinh nghiệm trong nghề nghiệp chánh của tôi, nhà nước cách mạng cho là vô dụng, không “đạt yêu cầu”, thành ra tối ngày tôi chỉ lo cho đoàn nghiệp dư của cơ quan tập dợt hát múa. Thật là hề! Còn về phần các con tôi, tương lai gần nhứt là đi đánh Kampuchea, tương lai xa hơn nữa thì thật là mù mịt!

Đang trong lúc không lối thoát thì một người bạn đề nghị giúp chúng tôi vượt biên, nhưng chỉ đi được có ba người. Vậy là chúng tôi quyết định cho hai đứa lớn đi theo tôi. Chuyện này chúng tôi giấu má tôi và mấy đứa nhỏ, kể cả hai đứa đã được chọn. Phần vì sợ đổ bể, phần vì sợ má tôi lo. Ai chẳng biết vượt biên là chuyện liều lĩnh. Rủi đi không thoát là bị tù đầy, may mà đi thoát cũng chưa chắc là sẽ đến bờ đến bến. Thành ra, vượt biên là nhắm mắt đi vào miền vô định...

Theo chương trình thì sáng sớm ngày rằm cha con tôi đi xe đò xuống Cần Thơ rồi từ đó có người rước qua sông Ông Đốc để xuất hành ngay trong đêm đó. Tôi thắc mắc

hỏi: “Tổ chức gì mà đi chui nhăm ngày rằm cha nội?” Bạn tôi cười: “Ai cũng nghĩ như anh hết. Tụi Việt cộng cũng vậy. Cho nên hễ có trăng sáng là tụi nó nằm nhà nhậu, không đi tuần đi rôn gì hết. Hiểu chưa?”

Bữa nay là mười bốn ta nhăm ngày thứ bảy. Vợ chồng tôi định không nói gì hết, chờ sáng sớm mai gọi hai đứa lớn dậy đi với tôi xuống Cần Thơ. Như vậy là chúng nó sẽ hiểu. Và như vậy là kín đáo nhất, an toàn nhất. Rồi sau đó vợ tôi sẽ liệu cách nhắn tin về cho má tôi hay. Chừng đó thì sự đã rồi...

Bây giờ thì má tôi đã có mặt ở đây, giấu cũng không được, đành phải nói cho má tôi biết. Nhưng nói lúc nào đây? Và nói làm sao đây? Liệu má tôi có biết cho rằng tôi không còn con đường nào khác? Liệu má tôi có chấp nhận cho tôi không giữ tròn đạo hiếu chỉ vì lo tương lai cho các con? Liệu má tôi... Liệu má tôi... Tôi phân vân lưỡng lự đặt nhiều câu hỏi để thấy thật là khó. Phải lựa lúc và lựa cả lời nữa.

Tôi ngồi xuống thêm nhà, nhìn ra sân. Ở đó, bờ cỏ lá gừng xanh

mướt ngày xưa đã bị chúng tôi đào lên đắp thành luống để trồng thêm chút đỉnh khoai mì, vài dây khoai lang, vài hàng bắp. Không có bao nhiêu nhưng vẫn phải có. Cho nó giống với người ta, bởi vì nhà nào cũng phải “tăng gia” cho đúng “đường lối nhà nước”. Thật ra, trồng trọt bao nhiêu đó, nếu có... trúng mùa đi nữa, cũng không đủ cho bảy con tôi “nhét kẽ răng”. Vậy mà tên công an phường, trong một dịp ghé thăm, đã tấm tắc khen: “Anh chị công tác tốt đấy chứ. Tăng gia khá nhất khu phố đấy. Các cháu tha hồ mà ăn!” Anh ta không biết rằng mấy nhà hàng xóm của tôi muốn “tăng gia” đã phải đào cả sân xi-măng hoặc sân lót gạch, thì lấy gì để “làm tốt”?

Khi tôi trở vào nhà thì con út đang gãi lưng cho nội. Nó vén áo túi nội lên đến vai, để lộ cái lưng gầy nhom cong cong và hai cái vú teo nhách. Tôi tự hỏi: “Lạ quá! Chỉ có mình mình bú hồi đó mà sao làm teo vú nội đến như vậy được?” Rồi tôi bồi hồi cảm động khi nghĩ rằng chính hai cái núm đen đó đã nuôi tôi lớn với dòng sữa ấm, vậy mà

chẳng bao giờ nghe má tôi kể lễ công lao. Bỗng nhiên tôi cảm thấy thương má tôi vô cùng. Tôi len lén từ phía sau lòn tay mắng vú má tôi một cái. Má tôi giật mình, rút cổ lại:

— Đùng! Nhột! Thằng chơi đại mậy!

Rồi má tôi cười văng cọt trầu. Con Ti la lên:

— Má ơi! Coi ba mắng vú nội nè!

Tôi cười hả hê thích thú. Trong khoảng khắc ngắn ngủi đó, tôi bắt gặp lại những rung động nhẹ nhàng sung sướng khi mắng vú mẹ thuở tôi mới lên ba lên năm... Và cũng trong khoảnh khắc đó, tôi quên mất rằng má tôi đã gần tám mươi và tôi thì trên đầu đã hai thứ tóc! Tôi cũng quên mất từ ngày mai trở đi, có thể sẽ không bao giờ gặp lại má tôi nữa...

Chiều hôm đó khi ngồi vào bàn ăn, mắt bảy con tôi sáng rỡ. Bữa cơm thật thơm tất, đầy đủ món ăn, như khi xưa. Có gà nấu canh chua lá giang — một loại dây leo có vị chua thật ngọt ngào mà hình như chỉ miệt quê tôi mới có. Món này bà nội mấy đứa nhỏ nấu thật đậm đà. Bà thường nói: “Canh chua phải nêm cho cứng cứng nó mới ngon”. Mà thật vậy. Tô canh nóng hổi bốc lên mùi thơm đặc biệt của thịt gà lẫn với mùi chua ngọt của lá giang, mùi mặn đậm thấm của nước mắm và mùi tiêu mùi hành... Húp một miếng canh chua, phải nghe đầu lưỡi gầy gầy cứng cứng và chân tóc trên đầu tăng tăng, như vậy mới đúng điệu. Nằm cạnh tô canh chua là tô cá kèo kho tiêu mà khi mang đặt lên bàn nó hãy còn sôi kêu lộp bộp, bốc mùi thơm phức vừa nồng cay lại vừa béo; bởi vì trong cá kèo có tóp mỡ và trước khi bắc xuống, bà nội có cho vào một muỗng mỡ nước gọi là “để cho nó dẫn”. Đặc biệt khi làm cá kèo, bà không mổ bụng cá, thành ra khi cần, mặt cá bề ra đặng đặng nhẹ nhàng làm tăng vị bùi của miếng cá lên gấp bội. Ngoài hai món chánh ra, còn một đĩa măng luộc, tuy là món phụ nhưng cũng không kém phần hấp dẫn nhờ

song thân

Tai nghe tiếng mẹ vỗ về
Cha nghiêm mặt lạnh buồn chơ yếu hèn
Ta loài chân rết như sên
Trái tim trước ngực chưa liền mụn đau
Nghĩ liều tính chuyện mai sau
Chân đi khắp khểnh đến đầu hoang mang
Hồn ta cuối bãi cồn hoang
Đêm nghe lau lách miên man gọi về
Phù sinh nửa kiếp như mê
Nửa như cười cợt nửa tê tái lòng
Đến ngày kẻ với hư không
Mẹ âu yếm gọi cha vờng tiếng roi
Sinh con chỉ để làm người
Kiếp này xin nhận luân hồi thành ma
Nằm trong ván hờ nhìn ra
Thiên thu mưa bụi vẫn sa ngoài trời.

phạm quang ngọc



ở chỗ sau khi luộc rồi, măng được chiên lại với tỏi nên ngả màu vàng sậm thật đậm đà.

Sau khi và vài miếng, vợ tôi nhìn tôi rót nước mát. Nội hỏi:

— Bộ cay hả?

Vợ tôi “dạ”. Tiếng “dạ” nằm đâu đó trong cổ. Rồi nó buông đũa, mếu máo chạy ra nhà sau. Tôi hiểu. Bữa cơm này là bữa cơm cuối cùng, bữa cơm mà cả gia đình còn xum họp bên nhau. Rồi sẽ không còn bữa cơm nào như vậy nữa. Gia đình sẽ chia hai. Những người đi, biết sẽ sống hay chết? Còn những người ở lại, ai biết sẽ còn tan tác đến đâu? Tôi làm thính, cảm đầu ăn lia lịa như đang đói lắm. Thật ra tôi đang cần nuốt thật nhanh thật nhiều, mỗi một miếng phải thật đầy cổ họng... để dè xuống, nén xuống một cái gì đang rạo rức trào lên. Mắt tôi nhìn đồ ăn, nhìn chén cơm, nhìn đôi đũa... để khỏi phải nhìn má tôi hay nhìn bày con, ngăn đó khuôn mặt thân yêu mà có thể tôi sẽ vĩnh viễn không còn thấy lại nữa. Trong đầu tôi chợt hiện ra hình ảnh những người đang hấp hối, trong giây phút cuối cùng lưỡi đã cứng mắt đã dại, vậy mà họ vẫn nhìn nuốt những người thương để rồi chảy nước mắt trước khi tắt thở. Rồi tôi nghĩ những người hấp hối trong cô đơn có lẽ đỡ khổ hơn những người hấp hối mà vợ con đứng quanh mình. Bỗng nhiên tôi thấy mình cũng giống như người đang hấp hối, không phải chết ở thể xác mà chết ở tâm hồn, cũng một lần vĩnh biệt, và cũng sẽ bước vào một cõi u minh nào đó, một cõi mà mình thật mơ hồ không hình dung được, không chủ động được.

Má tôi gấp cho tôi một cái bụng cá to bằng ngón tay cái:

— Nè! Ngon lắm! Ăn đi! Để rồi mai mốt hổng chắc gì có mà ăn!

Ý má tôi muốn nói rằng ở với Việt cộng riết rồi đến loại cá kèo cũng sẽ khan hiếm. Nhưng trong trường hợp tôi, lời má tôi lại có ý nghĩa như một lời tổng biệt: “Má cho con ăn lần này lần cuối. Ăn đi con! Ăn cho ngon đi con!” Tôi

ngậm miếng cá mà nước mắt trào ra không kèm lại được. Nếu không có mặt bày con, có lẽ tôi đã cầm lấy tay má tôi mà khóc, khóc thật tự do, khóc thật lớn, để vơi bớt nỗi thống khổ đã dẫn vật tôi từ bao lâu nay... Đàng này, tôi không làm như vậy được! Cho nên tôi trợn trạo nuốt miếng cá mà cảm thấy như nó đầy xương hóc!

Má tôi nhìn tôi ngạc nhiên:

— Ủa! Mày cũng bị cay nữa sao?

Rồi bà chồm tới nhìn vào tô cá. Các con tôi nhao nhao lên:

— Đâu có cay, nội.

— Con ăn đâu thấy cay. Hai có nghe cay hôn Hai?

— Chắc ba má bị gì chớ cay đâu mà cay.

— Con ăn được mà nội, có cay đâu?

Các con tôi đâu biết rằng cái cay của tôi không nằm trên đầu lưỡi mà nó nằm trong đáy lòng. Cái cay đó cũng bắt trào nước mắt!

Tôi đặt chuyện, nói tránh đi:

— Hôm rày nóng trong mình, lưỡi của ba bị lở nên ăn gì mặn nó rát.

Rồi tôi nhai thật chậm để sự xúc động từ từ lắng xuống. Miếng cơm trong miệng bỗng nghe như sạn sỏi.

Sau bữa cơm, mấy bà cháu kéo hết nhau vào buồng tội con gái để chuyện trò. Thỉnh thoảng nghe cười vang trong đó. Chén trong tiếng cười trong trẻo của các con, có tiếng cười khọt khọt của nội, tiếng cười mà miếng trầu đang nhai kèm lại trong cổ họng vì sợ văng cốt trầu. Những thanh âm đó nghe vô tư nhưng đầy hạnh phúc. Lúc này có nên nói chuyện vượt biên với má tôi hay không? Tội nghiệp bày con, tội nghiệp nội... Ngoài phòng khách, tội đi tới đi lui suy nghĩ đắn đo. Vợ tôi còn lục đục sau bếp, và cho dù vợ tôi có mặt ở đây cũng không giúp gì tôi được với tâm sự rối bời như mớ bông bong. Tôi bèn vào buồng ngủ, trải chiếu trên gạch — từ lâu rồi, vợ chồng tôi không còn giường tủ gì hết — rồi tắt đèn nằm trong bóng tối, gác tay lên trán mà thở dài...

Thời gian qua, trăng đã lên, vẽ lên cửa sổ những lần ngang song song trắng đục. Trong phòng, bóng tối cũng lọt đi. Không còn nghe tiếng cười nói ở phòng bên. Có lẽ vợ tôi nằm với hai đứa lớn ngoài phòng khách, trần trọc suốt đêm chờ sáng.

Bỗng cửa phòng tôi nhẹ mở, vừa đủ để tôi thấy bóng má tôi lom khom hướng vào trong hồi nhỏ:

— Ba con Ti ngủ chưa vậy?

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng cũng trả lời nho nhỏ vừa đủ nghe:

— Dạ chưa, nội.

Má tôi bước vào đóng cửa lại, rồi mò mẫm ngồi xuống cạnh tôi, tay cầm quạt mo quạt nhẹ nhẹ, nói:

— Coi bộ nực hả mày?

— Dạ. Nhưng riết rồi cũng quen nội à.

Tôi nói vậy mà trong đầu nhớ lại hình ảnh tôi và thằng con hề hụi tháo gỡ mấy cây quạt trần đem đi bán. Im lặng một lúc. Tay má tôi vẫn quạt đều. Rồi má tôi hỏi:

— Tụi bây còn gì để bán nữa không?

— Dạ...

Tôi không biết trả lời làm sao nữa. Chiếc xe hơi bây giờ chỉ còn lại cái sườn, không ai chịu chớ đi. Trong nhà bây giờ chỉ còn bộ bàn ăn, cái tủ thờ nhỏ và bộ sa-lông mây “sứt cắm gãy gọng”. Ngoài ra, trên tường có chân dung bác Hồ dẹt bằng lụa và nhiều bằng khen, bằng lao động tiên tiến... những thứ mà nhà nào cũng có hết; cho, chưa chắc ai thèm lấy! Tôi nhớ lại một hôm tôi nói với bày con tôi: “Ba tự hào đã giữ tròn liêm sỉ từ mấy chục năm nay. Bây giờ, đổi lấy cái gì ăn cũng không được, đem ra chợ trời bán cũng chẳng ai mua. Sao ba thấy thương các con và tội nghiệp cho ba quá!” Lúc đó, tôi tưởng tượng thấy mình đứng ở chợ trời, dưới chân có tấm bảng đề “bán liêm sỉ loại chánh cống, bảo đảm đã hai mươi năm chưa sứt mẻ!” Thật là khủng nhưng cũng thật là chua chát!

Nghe tôi “dạ” rồi nín luôn, má tôi hiểu nên nói:

— Rồi mày phải tính làm sao chớ chẳng lẽ cứ như vậy hoài? Tao thấy

bầy tụi bầy càng ngày càng trộm lơ, còn mầy thì cứ làm thính, tao rầu hết sức.

Má tôi ngừng một chút, có lẽ để lấy một quyết định:

— Tao xuống kỳ này, cốt ý là để nói hết cho mầy nghe. Tao già rồi, mai mốt cũng theo ông theo bà. Mầy đừng lo cho tao. Lo cho bầy con mầy kia. Chớ đừng vì tao mà bắt tụi nhỏ phải hy sinh tương lai của tụi nó. Mầy liệu mà đi đi! Kiếm đường mà kéo bầy con mầy đi đi! Ở đây riết rồi chết chùm. Không chết trận bên Miền thì cũng chết khùng, chết đói. Thà tụi bầy đi để tao còn thấy chút đỉnh gì hy vọng mà sống thêm vài năm nữa. Mầy hiểu hôn?

Nghe má tôi nói, tôi rớt nước mắt. Chuyện mà bao lâu nay tôi không dám nói với má tôi thì bây giờ chính má tôi lại mở ngõ khai nguồn. Và tôi thật xúc động với hình ảnh bà mẹ già phải đẩy đưa con trai duy nhất đi vượt biên để vui mà sống với ít nhiều hy vọng!

Tôi nắm bàn tay không cầm quạt của má tôi, lắc nhẹ:

— Nội nè! Lâu nay tôi giấu nội. Bây giờ nội nói tôi mới nói. Sáng sớm mai này, tôi và hai đứa lớn sẽ xuống Cần Thơ để vượt biên.

Tôi nghe tiếng cây quạt mo rớt xuống gạch. Rồi yên lặng. Một lúc lâu, má tôi nói:

— Vậy hà...

Nghe như có gì nghẹn ngang cổ, tôi cố gắng nói:

— Tôi đi không biết sống hay chết. Tôi gởi nội vợ tôi và ba đứa nhỏ, có bề gì xin nội thương tụi nó...

Nói tới đó, tôi nghẹn ngào rồi oà lên khóc ngất. Tôi nghe có tiếng quạt phe phẩy lại, nhanh nhanh, và bàn tay bà vuốt tóc tôi liên tục giống như hồi nhỏ má tôi vỗ về để tôi nín khóc.

Một lúc sau, má tôi nói:

— Thôi ngủ đi, để mai còn dậy sớm.

Rồi bà bước ra khép nhẹ cửa lại. Sau đó có tiếng quạt diêm, một tia sáng văng vọt rung rinh lòn vào khe cửa. Tôi biết má tôi vừa thắp đèn

cây trên bàn thờ. Tiếp theo là mùi khói nhang. Chắc bà nội mầy đưa nhỏ đang cầu nguyện. Tôi thở dài, quay mặt vào vách, nhắm mắt mà nghe chơi vui giống như đang nằm trong một cơn mộng...

Năm giờ sáng hôm sau, má tôi kêu tôi dậy đi. Hai con tôi đã sẵn sàng, mỗi đứa một túi nhỏ quần áo. Chúng nó không có vẻ gì ngạc nhiên hay xúc động hết. Có lẽ mẹ tụi nó đã gọi dậy từ ba bốn giờ sáng để giã giã và chuẩn bị tinh thần. Riêng tôi, thật là trầm tĩnh. Nước mắt đêm qua đã giúp tôi lấy lại quân bình.

Tôi vào buồng hôn nhẹ mấy đứa nhỏ đang ngủ say, xong ôm vợ tôi, ôm má tôi. Hai người thật là can đảm, không mảy may bịn rịn. Tôi

chỉ nói có mấy tiếng:

— Tôi đi nghe nội!
Rồi bước ra khỏi cổng.

*
*
*

Lần đó tôi đi thoát.

Phải ba bốn năm sau, tôi mới chạy chọt được cho vợ con tôi rời Việt Nam sang sum họp với tôi ở Pháp. Má tôi ở lại một mình.

Mấy ngày đầu gặp lại nhau, vợ con tôi kể chuyện bên nhà cho tôi nghe, hết chuyện này bắt qua chuyện nọ. Bà nội được nhắc tới nhiều nhứt và những chuyện về bà nội được kể đi kể lại nhiều nhứt.

Tụi nó kể: “Ba đi rồi, mấy bữa sau cơ quan cho người đến kiểm. Tụi con trốn trong buồng, để một mình nội ra. Nội nói rằng nội nhờ



ba về Tây Ninh rước ông Tư xuống bởi vì trên đó đang bị Cao Miên pháo kích tới bởi, tới nay sao không nghe tin tức gì hết, không biết ba sống hay chết nữa. Nói rồi nội khóc thiết mùi mẫn làm mấy cán bộ trong cơ quan tin thiết, họ an ủi nội mấy câu rồi từ đó không thấy trở lại nữa". Rồi tụi nó kết câu chuyện với giọng thán phục: "Nội hay thiết!".

Nghe kể, tôi bồi hồi xúc động. Tôi biết lúc đó má tôi khóc thiết chứ không phải giả khóc như các con tôi nghĩ. Bởi vì, trong hai trường hợp dù sự việc có khác nhau, nhưng hoàn cảnh sau đó vẫn giống nhau y hệt. "Ba con Ti không biết sống hay chết" vẫn là câu hỏi lớn đè nặng tâm tư má tôi. Bề ngoài má tôi làm ra vẻ bình tĩnh để an lòng con cháu nhưng đó chỉ là một cái vỏ mỏng manh mà trong khi kể chuyện cho các cán bộ, nó đã bị bể tung.

"Rồi sau đó — tụi con tôi kể tiếp — nội ở lại nhà mình để chờ tin tức, và cũng để tiếp chuyện hàng xóm và chính quyền địa phương, chứ má thì ngày nào cũng đi chùa, còn tụi con nội sợ hê ra là mang họa cả

đám. Lâu lâu nội về Gò Dầu bán đồ rồi mua thịt thà đem xuống tiếp tế cho tụi con. Thấy nội già mà lên xuống xe cộ cực nhọc quá, tụi con có can ngăn nhưng nội nói nội còn mạnh lắm, nội còn sống cho tới ngày con Ti lấy chồng nội mới chịu theo ông theo bà!".

Tôi biết: má tôi là cây cau lão, quá già, quá cỗi, nhưng vẫn cố bám lấy đất chỉ vì trên thân cây còn mấy dây trầu. Hình ảnh đó làm tôi ứa nước mắt. Thương má tôi và nhớ cả quê hương. Chỉ là cây cau cho trái chát, chỉ là dây trầu cho lá vàng cay, nhưng sao chúng gợi lên trong tôi cả một trời quê hương vô vàn thơm ngọt? Cái quê hương tuyệt đẹp của tôi mà Việt cộng đã cướp mất, cái quê hương mà trên đó tôi không còn quyền sống như ý mình muốn, phát biểu những gì mình nghĩ, ca tụng những gì mình thích. Ở đó, trên quê hương tôi, tôi còn mẹ già, bà mẹ tám mươi đã cắt ruột đuối con đi, bỏ quê hương mà đi, để bà có chút hy vọng sống thêm vài năm nữa. Bây giờ vợ con tôi cũng đã đi hết. Má tôi còn lại một mình. Thân cau giờ đã hết dây trầu, thêm tuổi đời một nắng hai sương. Tôi biết! Nội ơi, má ơi! Con biết: cây cau già giờ đang thất thểu nhớ mấy dây trầu non...

Theo lời các con tôi kể lại, hôm tiếp được điện tín của bạn tôi ở Pháp đánh về báo tin tôi và hai đứa lớn đã tới Mỹ Lai bình yên, cả nhà tung bừng như hội. Tụi nó nói: "Nội vội vàng mặc áo rồi quì trước bàn thờ Phật gõ chuông liên hồi. Đã giấu không cho ai biết mà nội gõ chuông giống như báo tin vui cho hàng xóm! Mấy hôm sau có công an phường lại nhà. Có công an tới nhà là thế nào cũng có chuyện nên nội hơi lo. Thấy dáng tên công an ngoài ngõ, trong này nội niệm Phật để tự trấn an, nhưng có lẽ nội lo quá hay sao mà câu *thiên qui trắc như nội* cứ niệm là *qui qui trắc như* hoài! Sau đó nội cũng kể chuyện ba về Tây Ninh rồi nội kết rằng ba đã chết trên đó. Rồi nội khóc..."

Mấy con tôi đâu biết rằng đối với

má tôi, dù tôi còn sống nhưng vĩnh viễn không bao giờ thấy lại nhau nữa thì cũng giống như tôi đã chết.

"Sau đó nội than không biết nội sẽ ở với ai, rồi ai sẽ nuôi nội bởi vì má buồn rầu đã bỏ nhà đi mất. Nghe vậy, tên công an vội vàng an ủi: 'Bà cụ đừng có lo! Rồi chúng cháu sẽ đưa bà cụ về ở với chúng cháu. Cứ yên chí' Sau khi tên công an ra về, nội vào buồng kể lại chuyện đó cho tụi con nghe, rồi nói: 'Nội nghe thằng công an đòi đưa nội về nuôi mà nội muốn xỉu luôn! Không phải vì cảm động mà vì sợ! Ở với tụi nó, thà chết sướng hơn'."

Vợ con tôi được đi chánh thức nên hôm ra đi bạn bè thân quyến đến chia tay đầy nhà. Lúc mẹ con nó quì xuống lạy má tôi để giã biệt, đúng hơn là để vĩnh biệt, tất cả đều khóc. Đó là lần cuối má tôi khóc với bảy cháu nội.

Mấy con tôi nói: "Nội không theo ra phi trường. Nội ở nhà để gõ chuông cầu nguyện".

*
* *

Tôi viết những dòng này trong lúc ngồi một mình đối diện với biển cả, trên một bãi hoang ở một xứ nhỏ thuộc châu Phi. Tôi làm việc ở đây, cách xa vợ con bằng một lục địa, và cách xa mẹ tôi cả nửa quả địa cầu. Những hôm buồn trông vắng như hôm nay, tôi hay ra ngồi nhìn biển cả. Mặt nước vượt ve chân cát, tiếng sóng rì rào vỗ nhẹ bờ hoang... những thứ đó làm như chỉ dành riêng tôi, cho một mình tôi thôi. Tự nhiên tôi cảm thấy như được vỗ về an ủi. Những lúc đó, tôi nhớ má vô cùng, bởi vì trên đời này má tôi là người duy nhất an ủi tôi từ thuở ấu thơ cho đến khi trên đầu đã hai thứ tóc. Ngay đêm cuối cùng trên quê hương, cũng chính trong vòng tay khàng khiu của má tôi mà tôi khóc, khi gởi vợ gởi con... Lúc nào tôi cũng tìm thấy ở má tôi một tình thương rộng rãi bao la, vô cùng sâu đậm, giống như đại dương mà tôi đang nhìn trước mặt.

Bây giờ tôi đã hiểu tại sao tôi hay ra ngồi đây để nhìn biển cả... □

lời cầu nửa khuya

*Lạy mẹ trên cao xin đoái thương
Con quỳ dâng mẹ một bông hương
Tìm con như đoá hoa màu máu
Nở giữa đêm trời phủ trắng sương*

*Mở mắt trông xa mấy ngả đời
Ngả nào đưa đến cõi bờ vui?
Ngả con sớm tối buồn hiu hắt
Mòn mỏi ngày qua bạc kiếp người*

*Lần nữa mùa đông thấp thoáng về
Mắt trần lại thấy cảnh lê thê
Bao giờ mới thấy vì sao sáng
Soi lối hồn con tách bến mê?*

*Văng vẳng bên tai tiếng thở dài
Tiếng người cùng một nỗi bi ai
Hay tiếng mẹ yêu vừa ửng cảm
Cho lời cầu nguyện giữa đêm nay?*

b.h.t.

xóm mǎng



Ngày Mẹ Bệnh

Ngô Nguyên Dũng

Mẹ bệnh đã hai hôm rồi. Bắt đầu là chứng đau cổ rồi nhức đầu và nóng sốt. Mẹ không chịu đi bác sĩ, chỉ vắt chanh làm nước uống. Sang ngày thứ ba, sáng thức dậy, chỉ thấy bố loay hoay sửa soạn bữa điểm tâm trong nhà bếp, Cún 1, Kiki và Cún 2 biết rằng mẹ lâm bệnh nặng. Hỏi thì bố chỉ nói:

— Mẹ bảo mệt lắm, dậy không nổi.

Cún 2 láu táu:

— Bố phải nhắc mẹ uống thuốc, chỉ uống nước chanh, không khỏi đâu!

— Nhắc rồi.

— Còn phải ngồi kế bên canh chừng, không thôi bố vừa đi khỏi, mẹ lại phun ra.

Bố phì cười:

— Mẹ uống thuốc giỏi lắm, không sợ đắng đâu con.

Kiki lên tiếng trách:

— Mẹ lớn rồi chứ đâu còn bê-bi như Cún.

Cún 2 bĩu môi:

— Chị biết gì! Bố mẹ vẫn nói là em trò chuyện như người lớn, có nghĩa là em không còn bê-bi nữa.

Chiều đi học về, thấy nhà vắng vẻ, bếp núc lạnh tanh, Cún 2 chợt

thấy lòng nao nao. Cún gõ nhẹ cửa phòng mẹ rồi đẩy vào. Màn cửa kéo kín. Ánh sáng vừa đủ cho Cún thấy khuôn mặt mẹ nhợt nhạt màu lá non kê trên gối trắng viền đàng-ten. Hai mắt mẹ lơ lơ nhìn Cún, miệng cố mỉm cười, cất giọng thều thào:

— Mới đi học về hở con? Đói bụng chưa?

Cún nói dối:

— Chưa mẹ ạ.

— Vậy thì chờ bố đi làm về thay mẹ nấu cơm tối nay.

Cún 2 vội vàng nói:

— Thôi, mẹ đừng kêu bố nấu cơm vì bố làm bếp dở quá à. Bố chỉ biết chiên trứng và nấu canh với bột súp mì gói mà thôi.

Mẹ cười gượng:

— Bố không nấu thì ai nấu bây giờ?

Mặt Cún 2 sáng rỡ:

— Con...

Và cho chắc ăn, Cún nêu thêm tên đồng minh:

— ...với chị Kiki và anh Cún 1.

Mẹ phát tay:

— Ồi, các con mà biết gì!

Cún 2 quả quyết:

— Biết chứ! Mẹ không nhớ là mẹ vẫn nhờ chúng con rửa rau, lột

hành, lật đậu hoài đó sao? Con lột hành chưa bao giờ đứt tay và chảy nước mắt. Con còn có cái lưỡi khéo ơ là khéo, mỗi lần pha nước mắm, mẹ vẫn kêu con nếm thử, mẹ chẳng gọi con là “con chó nếm nước mắm” là gì!

Dù tứ chi rã rời mệt mỏi, mẹ cũng phải bật cười. Cổ họng chợt đau khan, mẹ rũ rượi ho một tràng. Cún 2 chồm tới lấy tay vuốt sống lưng mẹ. Mẹ ho tới trào nước mắt sống. Cún đưa cho mẹ ly nước suối đặt trên bàn con cạnh giường, cất giọng tài khôn:

— Đàn bà bầy ngum, đàn ông chín ngum.

May là mẹ chưa uống ngum nào, nếu không mẹ đã sặc văng nước tùm lùm ra giường. Mẹ sửa lưng Cún 2:

— Mẹ ho chứ có phải bị nấc cụt đâu mà bầy với chín ngum!

Cún 2 cầm ly nước đặt trở lại bàn, nâng tay mẹ úp lên má, giọng nịnh bợ:

— Cho nghe mẹ!

— Cho cái gì?

— Cho chúng con làm bếp.

— Các con chỉ phá phách chứ làm bếp nổi gì!

Cún 2 nói liều:

— Thì mẹ chỉ cho chúng con phá phách!

Và sau đó Cún 2 hấp tấp chạy về phòng lấy giấy viết chép lại lời mẹ chỉ cách làm bếp: “Con gà trong tủ đông lạnh, đem ra bỏ vào bồn nước ấm cho tan đá. Trước đó nhớ lột bỏ bao ni-lông bọc ngoài. Chờ cho gà mềm, bắc nồi nước lên lò, nấu sôi rồi thả con gà vào luộc. Nhớ hớt bọt và dùng đũa nấp vung cho nước trong. Chừng 30 phút thì gà chín, vớt ra cho nguội chờ bố về chặt nhỏ rồi chấm nước mắm ăn với cơm. Nồi nước súp gà dùng làm canh. Còn hai bó rau bẹ xanh trong tủ đem ra rửa sạch, coi chừng có sâu và bọ rầy, xong xắt đoạn dài chừng ngón tay. Ở quên, trước đó bóc một nhúm tôm khô đem rửa sơ rồi bỏ vào nồi canh. Trước khi ăn chừng năm phút mới bỏ cải vào, đừng bỏ sớm cải bỏ rệu không ngon. Các

con nêm canh với muối, nước mắm và một chút đường cho dịu. Nước mắm chấm gà luộc thì mẹ đã làm sẵn để trong lọ. Nếu bố thích ăn gà luộc chấm muối tiêu thì bảo bố làm. Cho bốn bố con, dặn Kiki lường gạo nấu cơm chừng ba chung rưỡi, vo gạo rồi canh nước khoảng hơn lóng tay là được. Ờ, tay các con ngắn, chắc phải hai lóng tay mới đủ...”

Xon mẹ ngả người xuống nệm, thở phì phò. Mẹ than vãn vu vơ:

— Mẹ khó thở quá, hai lỗ mũi nghẹt cứng.

Cún 2 lẳng xẵng chạy tìm khăn giấy cho mẹ. Chờ mẹ lau mũi xong, Cún 2 mới cất giọng ngập ngừng:

— Còn.. còn cục hoi nữa mẹ ạ! Mẹ chung hửng:

— Cái gì? Cục hoi gì?

— Cục hoi của con gà, mẹ quên cất bỏ.

Mẹ thở ra:

— Ờ, mẹ quên. Các con nhớ cất bỏ trước khi cho vào nồi nước sôi. Chó con của mẹ chỉ vạch lá tìm sâu.

— Khi rửa cái nhớ tìm sâu và bỏ rây thì mẹ đã dặn rồi.

Dù đã dặn dò kỹ lưỡng, cộng với tính nhớ dai và hay làm tài khôn của Cún 2, vậy mà mẹ vẫn quên một điều... Khi bố lấy dao xẻ con gà luộc ra thì thấy bộ lòng gà vẫn nằm nguyên vẹn trong bọc ni-lông. Bốn bố con sững sốt nhìn xuống bụng con gà luộc mở hoác. Cún 1, Kiki và Cún 2 lăm lét nhìn bố, chờ nghe lời trách mắng. Bố từ từ dùng hai ngón tay nhón xách bọc ni-lông gói mở tìm gan mề dính quắp vào nhau, giơ lên cao như một món đồ gốm ghiếc. Chợt bố cất tiếng cười hề hề, giọng khề khà:

— Thấy ghê quá há!

Ba cái miệng trẻ con đồng loạt lên tiếng phụ hoạ:

— Dạ, thấy ghê quá chừng!

— Coi kỳ cục hết sức!

— Ý ẹ quá à!

Bữa cơm tối tuy buồn vì thiếu mẹ, nhưng cũng ngon lành thịnh soạn hết cỡ. Trước đó bố còn nấu cho mẹ một nồi cháo trắng ăn với thịt chà bông. Xong bữa cơm, bốn bố con đưa mắt nhìn nhau. Cún 1 nghĩ thầm, mình đã rửa và xắt rau, ngâm tôm khô, không lẽ... Kiki định ninh rằng, mình đã vo gạo nấu cơm, luộc gà, dọn bàn; ngần ấy việc thôi chứ! Còn Cún 2 thì phềnh bụng chắc mềm với ý nghĩ, công lao của mình như trời biển, không những đã chép lời mẹ dạy mà còn khuôn ghế lời con gà thả vào bồn xả đá, sau đó còn nêm canh và rót nước mắm ra chén; trời, chưa thấy “con chó” nào giỏi hơn “con chó” này! Chỉ có công việc của bố là gọn gàng giản dị nhất: chặt gà.

Bố đưa mắt nhìn những khuôn mặt im lặng chờ đợi một lời phán. Rồi bố biết thân biết phận, thở dài một tiếng, xô ghế đứng dậy, lẳng lẽ dọn bàn và rửa chén. Cún 1 và Kiki thấy tội nghiệp, ở lại giúp bố một tay. Còn Cún 2 đã vội vã chạy vào phòng mẹ thông báo về kết quả bữa cơm ngày mẹ bệnh. □



nửa đêm nghe mẹ thở dài

Bữa cơm dọn sẵn ban chiều
chia bày con nhỏ bao nhiêu cho vừa
Đứa nào vừa thúng thảng ho
đã nằm mơ, hát “bác Hồ, Việt Nam...”
Vo ve muỗi động chân màn
nghe ra trăm nỗi than van thuở nào
Tiếng gà hàng xóm lao xao
Tiếng công an nói xì xào trong sân.
Tiếng ai gõ cửa thật gần,
Tiếng tim ai đập thất thần nhịp sai.

Nửa đêm nghe mẹ thở dài
ngực đau máu chảy ra ngoài châu thân.

hoàng chính

Người đàn ông trên dưới bốn mươi, trắng trẻo, mặt mũi đầy đặn hồng hào, ăn mặc sang trọng, áo vét màu xám đen, cà-vạt đỏ đay của tiệm ăn bước vào, theo sau là đứa bé khoảng mười tuổi, đen đui gầy héo như một cành cây khô. Họ đến bên chiếc bàn ăn có trải khăn trắng. Trên bàn, lọ hoa nhỏ cắm một bông hồng đã gần tàn.

Người đàn ông bảo đứa bé:

— Cháu ngồi xuống đi!

Thằng bé rụt rè kéo ghế. Nó lưỡng lự một chút rồi ngồi ghé vào mặt ghế, hai bàn tay đan vào nhau kẹp chặt giữa hai đùi, hai ngón tay cái cứ xoa vào nhau từng chớp. Người đàn ông kéo ghế ngồi đối diện với thằng bé. Người bồi vội vàng chạy đến. Anh ta nhìn thoáng qua đứa bé rồi quay lại phía người đàn ông:

— Thưa ông dùng gì?

Người đàn ông không đáp, nhìn thằng bé:

— Cháu muốn ăn gì?

Thằng bé bối rối:

— Dạ... cháu không biết. Dạ... ăn gì cũng được.

— Anh cho một con gà rô-ti.

Người bồi gật đầu rồi hỏi tiếp:

— Dạ, ông uống gì không ạ?

Người đàn ông lại quay sang thằng bé:

— Cháu thích uống gì?

Thằng bé nghĩ đến ly nước mía, nó nuốt nước miếng, ngần ngại một chút rồi rụt rè lặp lại điệp khúc cũ:

— Dạ, uống gì cũng được.

Ông ta bảo người bồi:

— Anh cho nó ly cam vắt. À, ở đây có rượu ngoại quốc không?

Anh bồi hãnh diện khoe:

— Dạ, chúng tôi có đủ các loại rượu ngoại, đặc biệt cho quý Việt kiều hồi hương. Ông muốn dùng loại nào ạ?

— Cho tôi ly Martell.

— Vâng.

Người bồi xoay lưng đi vào. Người đàn ông nhìn khuôn mặt lem lố của thằng bé, hỏi:

— Cha mẹ cháu làm gì?

— Cháu không có cha mẹ. Cha mẹ cháu chết rồi.

Giấc Mơ

Ngô Du Trung

— Vậy à! Thế cháu ở với ai?

— Cháu ở với em cháu.

Người đàn ông mỉm cười, ông ta giải thích:

— Ý bác muốn hỏi cháu ở với người lớn nào kia.

— Dạ, cháu không ở với người lớn nào hết.

Người đàn ông ngạc nhiên:

— Vậy rồi cháu lấy gì ăn? Tối cháu ngủ ở đây?

— Ban ngày cháu lang thang xin ăn, còn ngủ thì chỗ nào cũng được, có đêm ở công viên, có đêm ở hè phố...

Người đàn ông móc túi lấy gói thuốc rút một điếu rồi quăng bao thuốc lên bàn. Ông châm lửa hít một hơi dài, trầm ngâm nhìn thằng bé. Một lát ông bảo nó:

— Cháu ra sau rửa mặt rửa tay rồi vào ăn.

Thằng bé đứng dậy đi ra sau bếp. Lúc nó trở lại thì người bồi đã dọn thức ăn ra bàn. Nó nhìn những miếng thịt gà vàng ngậy, thơm mỡ nằm gọn gàng trên đĩa với vẻ thèm thuồng.

Người đàn ông giục:

— Cháu ăn đi.

Thằng bé cầm đĩa lên, nhưng nghĩ sao nó lại đặt đĩa xuống bàn.

— Bác không ăn với cháu à?

Giọng người đàn ông chậm rãi:

— Bác không đói, cháu cứ ăn tự nhiên.

Thằng bé khoan khoái cầm đĩa gấp một chiếc đùi gà thật bự...

*
* *

— Anh Tùng, em lạnh quá!

Thằng Tùng giật mình thức giấc. Nó ngớ ra một chút rồi vội vàng xoay người ôm đứa em vào lòng vỗ về:

— Em nằm sát vào anh rồi rón ngủ đi, ngủ rồi sẽ hết thấy lạnh.

Thằng bé co người nép sát vào anh nó. Cái mền nhỏ cũ kỹ, dơ bẩn rách toạc từng mảng không đủ che hết thân thể hai đứa trẻ. Gió đêm thổi vù vù qua vĩa hè trống. Thằng Tùng cố che cho em đủ ấm. Nó kéo tấm mền chệch về phía em thành thử sau lưng nó lại hở ra. Nó cảm thấy ran rát ở lưng như có ai đang cầm một đoạn tranh cửa nhè nhẹ vào da thịt. Nó nghĩ đến giấc mơ lúc nãy và thấy tiếc. Phải chi thằng bé đừng cựa mình than lạnh làm nó thức giấc thì nó đã ăn được cái đùi gà. Ui chao, cái đùi gà vàng lươm, loang loáng những mỡ. Nó nuốt miếng đánh ực một tiếng.

Tùng nằm im cố ngủ, hy vọng giấc mơ sẽ trở lại. Nó muốn ăn con gà rô-ti. Bao nhiêu năm rồi nó chưa được ăn thịt. Ừ, mình sẽ nhai thật chậm. Cái ông tốt bụng đó mua cho mình nguyên một con gà, ông không ăn thì mình sẽ ăn hết, ăn cho đến phình bụng luôn. À, còn ly nước cam nữa chứ! Mình sẽ uống một hơi cạn sạch. Nó thở ra khoan khoái. Bỗng Tùng giật mình nhớ lại. Không được! Mình không được ăn hết, ăn một nửa thôi. Còn một nửa, mình sẽ xin cái ông tốt bụng đó để mình mang về cho em. Chắc nó mừng lắm. Còn ly nước



cam thì sao? Người ta chắc không cho mình mượn cả cái ly mang về đâu! Nó suy nghĩ một chút. À, phải rồi, mình sẽ xin cái bịch ni-lông, đổ nước cam vô rồi cột lại. Uống xong nước cam mình sẽ còn dư cái bịch, cộng với mớ bao lượm được ngoài mấy đồng rác, mình sẽ đem bán. Nghĩ đến viễn ảnh tốt đẹp đó, Tùng cảm thấy sung sướng quá, bất giác nó nhe răng cười một mình trong đêm tối.

Thằng bé cựa quậy trong vòng tay ôm của anh. Chắc nó còn lạnh, Tùng nghĩ thế. Nó ôm chặt lấy em. Hình ảnh con gà rô-ti và ly nước cam cứ lẩn quẩn trong đầu nó.

Thằng bé lại cựa mình từng chấp. Một lát Tùng nghe em nói khe khẽ:

— Anh Tùng, em đói bụng quá!
— Hồi chiều em không ăn hai củ khoai à?

Giọng thằng bé phụng phịu:

— Củ nào cũng bị sùng gần hết!

Tùng hơi hoảng:

— Rồi em quăng đi hết không ăn à?

— Đâu có, em ăn hết chớ, mà nó đắng quá anh à!

Thằng Tùng thấy buồn buồn. Hồi chiều nó xin được ba củ khoai. Nó chia cho thằng em hai củ, chỉ giữ một. Củ khoai của nó cũng bị sùng gần hết, nó vừa ăn vừa nhăn mặt. Nhưng phải rán. Dù sao có cái gì để ăn vẫn hơn là nhịn đói. Tùng an ủi em:

— Em rán ngủ đi. Ngủ rồi sẽ hết

thấy đói.

— Em ngủ không được.

Tùng rơm rớm nước mắt muốn khóc. Nó thấy tội nghiệp cho em nó quá nhưng chẳng biết làm sao. Cái điệp khúc “ngủ rồi sẽ hết thấy lạnh, ngủ rồi sẽ hết thấy đói” nó cứ đem ra khuyên em nó hết đêm này qua đêm khác riết rồi không có hiệu quả nữa. Tùng nghĩ đến giấc mơ của mình, nó buột miệng:

— Em rán ngủ đi, rồi mai anh cho em ăn gà rô-ti.

Thằng bé nhồm người ngồi dậy dựa lưng vào tường:

— Thiệt hả anh? Ở đâu anh có được? Mà gà rô-ti là gà gì vậy anh?

Bị hỏi dồn dập, thằng Tùng đâm ra bối rối. Nó nghĩ một chút rồi nói đại:

— Gà rô-ti là gà quay, ông Việt kiều mua cho anh.

— Ngon không anh?

Tùng cũng nhồm người ngồi dậy dựa lưng vào tường bên cạnh em, háng hái:

— Nhất định là phải ngon rồi.

Thằng bé vẫn nghi ngờ:

— Ngon hơn khoai lang không bị sùng không anh?

— Xì, khoai lang thì làm sao bì được! Thịt gà phải ngon hơn chứ!

Thằng bé im lặng một lúc rồi như vẫn còn thắc mắc, nó hỏi tiếp:

— Sao anh biết mai ông Việt kiều sẽ mua cho anh con gà? Ông Việt kiều là ai vậy anh?

Thằng Tùng nhớ lại những điều nó nghe lỏm người lớn bàn tán với nhau ngoài đường phố, trong quán xá vào những lúc lang thang xin ăn. Nó giải thích với em, về sành sỏi:

— Việt kiều là những người Việt Nam ở nước ngoài về thăm nhà. Họ có nhiều tiền lắm. Mai anh sẽ ra chỗ mấy tiệm ăn họ thường tới ăn nhậu đó, anh xin họ cho tiền, rồi anh sẽ mua cho em con gà rô-ti. Dễ ợt!

Thằng bé từ nhỏ đến giờ chưa được ăn thịt gà nên chẳng biết thịt gà ngon ra sao. Nó tính toán:

— Hay anh đừng mua thịt gà. Anh mua khoai lang đi, mua thêm cục đường nữa. Khoai lang ăn với

đường ngon lắm! — Nó nuốt nước miếng rồi tiếp — Được không anh?

Tùng vuốt tóc em:

— Được! Anh sẽ mua cho em một thúng khoai lang to như vậy nè — nó vòng tay ra phía trước làm dấu — tha hồ ăn. Anh cũng mua cho em cục đường bự tổ chẳng. Bự như vậy nè — nó lại vung tay làm dấu — Chịu không?

Thằng bé ngồi nhìn anh nó diễn tả, lòng lâng lâng sung sướng. Nó nghĩ đến vị ngọt của đường quện lấy chất bột khoai nơi đầu lưỡi, bất giác mỉm cười khoan khoái. Nó hình dung ra cái thúng khoai lang to như vòng tay của anh nó ra dấu. Ăn một lần chắc không hết, nó sẽ cất đi ăn dần. Từ nay mỗi đêm đi ngủ sẽ không thấy đói nữa, mà cũng sẽ không thấy lạnh nữa. Ngồi nghĩ lan man, bỗng nó giật mình khựng lại, nụ cười tắt vội trên môi:

— Lỡ ông Việt kiều không cho tiền rồi anh làm sao?

Thằng Tùng cũng ngần người ra. Nó suy nghĩ một chút rồi trấn an em:

— Họ cho chứ sao không. Họ có nhiều tiền lắm, em đừng lo. Anh

nghe nói mấy ông Việt kiều vô tiệm, ăn rồi trả tiền cho cả tiệm luôn.

— Làm Việt kiều sướng quá anh hả?

— Ừ, sướng thật!

Hai đứa bé tự nhiên cùng im lặng, ngồi dựa lưng vào tường nhìn mấy chiếc lá khô bị gió cuốn trên mặt đường kêu lẹt xẹt. Dãy nhà trước mặt chúng nhỏ ra thụt vào không đều trông như một hàm răng lồi xỉ. Vải căng lều ở góc phố bị gió thổi kêu phàn phật từng hồi.

Một lát thằng bé đưa tay khều anh nó:

— Anh Tùng này!

— Gì?

— Mình làm Việt kiều được không anh?

Tùng suýt phì cười nhưng gượng lại kịp. Nó hỏi em:

— Tại sao em lại tự nhiên muốn làm Việt kiều?

— Làm Việt kiều thì có tiền mua khoai lang với đường, khỏi phải đi xin.

Tùng lại thấy buồn trong lòng. Nó không muốn làm em nó thất vọng. Nó suy nghĩ một chút rồi nói đại:

— Được chứ.

— Vậy mai mình làm Việt kiều nghe anh?

— Mai chưa được. Em còn nhỏ, khi nào em lớn em mới làm Việt kiều được.

Thằng bé thắc mắc:

— Tại sao phải lớn mới làm Việt kiều được anh Tùng?

Tùng giải thích:

— Tại vì khi nào em lớn rồi, anh em mình sẽ bơi ra ngoài mấy chiếc tàu đậu ngoài biển đó. Rồi họ sẽ chở mình ra nước ngoài. Ra nước ngoài xong mình trở về tức mình là Việt kiều.

— Rồi mình có tiền hả?

— Ừ, tiền lu bù xài không hết đâu.

— Sướng quá anh hả?

— Ừ, sướng. Nhưng bây giờ em ngủ đi. Ngủ rồi mai thức dậy ăn gà rô-ti.

Thằng bé ngoan ngoãn nằm xuống. Tùng cũng nằm xuống theo. Nó kéo tấm mền phủ lên người em. Hai đứa bé nằm co quắp ôm lấy nhau cho đỡ lạnh. Chúng chưa ngủ được ngay. Chúng nằm thao thức nghĩ đến giấc mơ sẽ trở thành hiện thực. Ngày mai! □

thơ cho ba

Ba ở nơi nào có nhớ con?

Đêm nay sao sáng, ánh trăng tròn.

Nhớ ba con viết lời tâm sự

Trao tặng ba hiền, ba của con.

Đã mấy năm rồi con cách ba?

Bao năm con sinh sống xa nhà?

Làm khi ngồi ngắm suy tính lại

Coi dài, mà tưởng mới hôm qua.

Con nhớ ngày xưa má có thai

Lúc nào ba cũng muốn con trai

Ái ngờ má lại sinh con gái,

Ba buồn, nhưng chẳng nói với ai.

Thượng đế nhiều khi quá bất công

Làm phen phụ bạc kẻ có lòng.

Con hờn, con trách trời oan nghiệt.

Nỡ để ba buồn, sống trông mong.

Ba má ngày xưa sống ở xa,

Ngoại ô thành phố, tận Biên Hoà

Con ở Sài Gòn, nhà ông ngoại,

Ít dịp gặp nhau quá, há ba!

Ba tính trầm ngâm, ít nói năng.

Thương con? Ba không nói không rằng

Gặp con ba ít lời âu yếm,

Con buồn ba lắm, ba biết chẳng?

Con ước ngày xưa ba với con,

Có dịp gần nhau để nỉ non.

Để nghe ba nói ba thương má,

Để con nói rằng ba giống con.

Con nhớ ngày con trốn ra đi,

Tiền con, ba mặt lạnh như chì

Định nói thương ba, nhưng tức tối

Tự ái dâng trào, lệ đầm mi

Con tưởng bao năm sống với ba,

Tính ba, con biết rất rõ, mà

đến khi nhận được thơ ba viết,

Khóc ròng, con chưa thật biết ba!

"Ba nhớ con hoài, ăn mất ngon.

Thương con, ba chỉ giấu trong lòng.

Mất con, ba thấy đời vô nghĩa,

Thấy buồn cho thân số long đong.

Ba muốn tại con nối gót ba

Theo đuổi công danh, sáng tiếng nhà

Nhưng vì các con là con gái,

Ba giữ lòng, không muốn nói ra."

Thơ đến, thơ đi chẳng được lâu

Một hôm tin dữ đánh ngang đầu:

Tin ba nhắm mắt, ngừng hơi thở

Con sưng sò, khóc suốt đêm thâu.

Ba biết bây giờ con nhớ ba

Muốn ba quanh quẩn ở bên nhà,

Để con săn sóc khi ba yếu,

Để một lần con nói thương ba!

Ba có buồn con? Có trách con?

Thương ba, con chẳng được vẹn toàn.

Giờ đây con có gào, có thét,

Trời nào trả ba lại cho con?

nguyễn tài ngọc



mẹ

Năm ấy nhà em chạy giặc về
mẹ che mái lá dưới hàng me
hai bên vách trống phen thưa thớt
nắng sớm mưa chiều khó chỗ che

Cha chết từ đêm giặc nổi lên
xác thân vùi xuống đất công điền
thương chồng, mẹ sống đời son giá
cay đắng nay bằng tuổi của em

Thêm nỗi ngoại già hay ốm đau
mẹ thường đi kiếm miếng trầu cau
thối đời ăn ở nhiều đen bạc
ngoại đã già rồi, răng cở đâu!

Một nắng hai sương mấy bận mà
cho màu tóc mẹ rắng chiều pha
cháo rau chẳng đủ ngày hai bữa
nuôi nấng con thơ với mẹ già

Mặt nám da chai bởi nắng phen
mẹ thường ngồi khóc
những đêm đen
nhà nghèo, mẹ phải đi làm mướn
mơ ước ngày nào con lớn lên

Sữa mẹ căng tròn hai vú thâm
đôi bông ngày cưới mẹ đem cầm
gửi con bú thếp người trong xóm
tối mẹ bỏng về thổi lửa cơm

Mỗi tháng hai con nước liếm bờ
mẹ ngồi kho cá muối lẫn hơ
để nhai cơm hầm cùng rau luộc
đút mớm cho con lúc sữa khô

Em lớn lên dần theo tháng năm
chiều chiều hay dắt ngoại ra sân
lá me trên mái nghèo tuôn xuống
bà cháu lom khom quét lá vàng

Em nhớ nhiều đêm mưa tắt đèn
ngoại ngồi bên bếp lửa hom hem
miệng nhai khoai sắn cùng kho quẹt
hai hốc xương cằm như móm thêm.

Thương nỗi ngoại già mẹ chắt chiu
mẹ thường nhường ngoại
miếng cơm chiều
một đêm tang tóc trùm vai mẹ
mưa gió ngoài trời cũng hắt hiu

Mẹ kể em nghe nỗi đoạn trường
ngoại già như thể chuỗi ba hương
tang chồng chưa mãn, thì tang mẹ
ngoại đã âm thầm biệt cõi dương.

Chồng chết, thầy vùi không áo quan
bây giờ mẹ chết, khổ cơ man
quan tài của ngoại: hai tàu lá
ba vạt cơm thiêu, lệ mấy hàng.

Xác ngoại vùi theo miếng vạt tre
nhà thêm rách mướp, khổ tư bề
khói nhang không ấm hai mồ lạnh
không đủ mẹ nguôi nỗi tái tê

Từ đó, mẹ thường có buổi trưa
mẹ ngồi vá áo miêng ầu ơ
em nghe tiếng hát khò từng quãng
như nhịp võng buồn kéo kẹt đưa.

Nay tuổi em đã kịp lớn khôn
bên trời bóng mẹ đã đâu còn
đêm nay kỷ niệm về rung rức
nước mắt trào lên lạnh cả hồn.

lâm nam triều

ngõ cụt

Tôi rời quê hương
khi vừa lên mười
Tôi không còn nhớ gì hết
Ngoài nồi cơm nham nhớ những mẩu khoai
đen như than
Và đêm xuống
Tiếng gõ cửa cùng ánh đèn pin
Chiếu xuyên qua đôi mắt mẹ tôi
nở ra
những đường gân
kinh hãi
tột cùng.

Ánh đèn pin
quét lên nồi cơm đang dở
(làm như bố tôi đang trốn dưới nồi cơm)
Những mẩu khoai được nung nấu
đỏ lên — màu vô sản.

Tôi rời quê hương
Khi đêm ngày đều tối ám
Bố tôi bế tôi băng qua những vách núi
sẫm đen
đe dọa

Con sóng gầm gừ tổ cáo dưới chân
Tôi không còn nhớ gì hết
Ngoài lời bố tôi thúc giục bên tai
"Chạy đi con, gắng lên con"
Bố tôi đẩy tôi văng trên bãi đá
Một vật cứng nghiến vào chân tôi
bật máu — máu tiểu tư sản
Tôi nghe bố tôi la lớn
át tiếng nổ

Tiếng la xé rách không gian
Tôi cầm đầu chạy
như điên dại
Băng qua dốc đá
Băng qua sóng nước
Một cánh tay xoè ra trong đêm
kéo tôi lên tàu khi tiếng nổ gần bên
Tàu run rẩy gạt sóng
Tôi ngoái đầu lại
Vẫn thấy rõ ràng
máu bố tôi phun ra
che hết không gian
Máu của người có tội bảo vệ quê hương.

Tôi rời quê hương
năm tôi vừa lên mười
Tôi không còn nhớ gì hết
Ngoài giòng máu của bố tôi
nhuộm đầy trang sách nhân bản
"Chạy đi con, gắng lên con"
Tôi vẫn cố gắng
vẫn chạy
vẫn học hành
Nhưng mười hai năm rồi tôi vẫn không hiểu
Tôi chạy làm gì khi bố tôi đã chết?
Tôi học làm gì khi quê hương tôi không còn?
việt phương



Khúc Quanh Đổi Mới

Nguyễn Ngọc Ngạn

Nông trường Vĩnh Nam một ngày cuối tháng sáu. Sức nóng hừng hực đổ xuống như muốn đốt cháy đám tù nhân vốn đã héo úa, đang lao động cật lực trên mảnh đồi trọc, tưởng chừng không còn một loại cây cỏ nào có thể mọc lên được. Quản giáo, vệ binh, cán bộ trợ lý luôn mồm quát nạt, tay roi tay gậy quật vun vút vào không khí để thị oai, cố ý thúc giục đám tù nhân mòn mỏi kia phải vượt cho bằng được cái chỉ tiêu nặng nề của mùa lúa rẫy năm nay.

Từ dưới chân đồi, đồng chí tiểu đoàn phó Trần Đạo hỗn hển chạy lên, ngồi bệt xuống nghỉ chân trên một khúc cây đổ nằm chắn ngang nương sắn, khoát tay gọi trợ lý kỹ thuật Nguyễn Văn Thìn lại và chỉ thị:

— Đồng chí đi ngay cho tôi. Mỗi đội sản xuất chỉ để lại một vệ binh trông nom thôi. Kỳ dư kéo hết về ban chỉ huy Tiểu đoàn. Có việc đột xuất. Ông Cảnh đang đợi! Khẩn trương lên!

Giọng Trần Đạo bị ngắt quãng bởi hơi thở hồng hộc từng cơn sau hơn một tiếng đồng hồ cuộc bộ trên quãng đường gập ghềnh đồi núi. Tuy vậy, nét mặt và thái độ của Trần Đạo hết sức nghiêm trọng. Mặc kệ! Thìn vẫn đứng yên, thản nhiên nhìn đàn anh rồi khệnh khạng ngồi xuống bên cạnh, moi túi áo lôi ra bao thuốc Văm Cỏ. Chẳng đi đâu mà vội! Hai chữ “khẩn trương” Thìn đã nghe từ ngày mới lớn, nhằm tai lắm rồi, hoàn toàn chỉ là thói quen từ trên xuống dưới. Gã gán điều thuốc lên môi, khum bàn tay che gió, bật lửa. Trần Đạo quay đầu, trở mắt nhìn đàn em và găt nhẹ:

— Ơ hay! Tôi bảo ông đi ngay kia mà! Tiểu đoàn đang đợi!

Thìn tặc lưỡi:

— Hăng gươm tí đã! Để tôi bảo đứa nào nó đi gọi cũng được. Tôi đang dở tay! Mà chỉ thị cái gì giữa trưa này? Họp hành thì ngày nào chả họp! Lại động viên sản xuất chứ gì? Hối ông, ông nom mà xem! Chúng nó lao động đến thế là cùng chứ hơn thế nào được nữa!

Trần Đạo nhấn mạnh:

— Tí nữa về Tiểu đoàn khác biết! Ông cứ đi gọi ngay tất cả quản giáo với cán bộ về cho tôi đã. Việc này không giao cho vệ binh được. Đi ngay, không nhớ việc!

Thìn đứng dậy phúi đất, bước những bước thật chậm xuống đồi, mồm lẩm nhẩm chữ. Diện tích nông trường đã lớn, lại khúc khuỷu quanh co, đi cho giáp vòng thì chắc trời cũng sắp tối mất! Trần Đạo tiếp tục ngồi thở. Chờ cho bóng Thìn khuất hẳn dưới con dốc, Trần Đạo mới đứng dậy, vươn vai và quay về doanh trại, chuẩn bị buổi họp đột xuất.

Đúng như Thìn dự kiến, ban chỉ huy Tiểu đoàn sốt ruột ngồi mãi đến hơn bốn giờ chiều, cán bộ, quản giáo và vệ binh mới tập trung

đầy đủ. Có đưa về sớm, thò đầu vào văn phòng thấy chưa bắt đầu, chạy vội xuống suối ngâm mình cho cơ thể giảm bớt sức nóng. Có đưa phanh hết cúc áo, nằm nghỉ lưng hóng gió trên chiếc võng bao cát căng ngoài hàng hiên, một chốc đã thấy ngáy khò khò vì mệt mỏi. Có đưa nhón nhấc tìm mảnh giấy báo, vo tròn trong tay và chạy ra nhà ỉa tập thể dựng ở góc vườn rau cải. Đám đông còn lại tụ tập quanh chiếc bàn hình chữ nhật còn thơm mùi gỗ, hai ba cái điều cày chuyền tay nhau, rít lên từng hồi giòn giã, khói toả mờ mịt khắp căn phòng nhỏ. Trần Đạo vén tay áo nhìn đồng hồ rồi nói băng quơ:

— Đủ cả chưa nào?

Gã bước ra cửa, cất giọng gọi lớn:

— Này! Còn cậu nào ngoài này không? Vào ngay để ta bắt đầu họp, hết ngày rồi!

Gã nhắc lại mệnh lệnh hai ba lần rồi bỏ vào phòng, đảo mắt nhìn khắp lượt, đôi môi sứt rét xám xịt mấp máy đếm số người tham dự.

Chính trị viên Lê văn Cảnh và tiểu đoàn trưởng Phùng Tác Nhiên từ nãy đến giờ đăm chiêu ngồi trên chiếc bàn chủ trì kê sát vách, ngay dưới chân dung bác Hồ và lá cờ đỏ sao vàng bị mối cắn lỗ chỗ ở cả bốn góc. Hôm nay Cảnh không vui, khác hẳn thái độ cởi mở thường lệ mỗi khi gần gũi đàn em trong đơn vị. Những màn kịch thăm hỏi hay động viên, vốn là thói quen sở trường của một cán bộ chính trị chuyên nghiệp lâu năm, lúc này hìn như Cảnh cũng quên khuấy, thành ra không khí buổi họp lắng trầm hẳn xuống như bao phủ một màu tang âm đạm. Trần Đạo đưa mắt làm hiệu. Cảnh gật đầu, ho nhẹ một tiếng để bắt đầu bằng giọng rất nghiêm và buồn. Căn phòng im phăng phắc. Tiếng ruồi bay vo ve nghe rõ mồn một. Cảnh bỏ luôn phần phổ biến “mục đích, yêu cầu”, một thủ tục không khi nào được thiếu trong những buổi học tập chính trị, để đi thẳng vào một nội dung cơ bản:

— Báo cáo các đồng chí. Một số trại cải tạo ở phía đông và phía tây, mới đây đã nổi loạn. Những diễn biến phức tạp ở những trại ấy, ít nhiều đang có ảnh hưởng đến trại ta, gây hoang mang giao động chẳng những đối với cải tạo viên mà ngay cả hàng ngũ quân giáo, cán bộ và vệ binh của ta. Cho nên trước mắt, ta cần tìm biện pháp đối phó. Làm thế nào để nếu chẳng may xảy ra những tình huống đột xuất, ta biết cách xử lý ổn thoả. Cụ thể là các trại A1 và A2, cải tạo viên đã biểu tình lật đổ ban chỉ huy trại. Vẫn còn may là chúng nó ôn hoà cho nên không có đổ máu. Riêng ở trại Nam Tân thì khốn đốn lắm. Cải tạo viên đem các đồng chí lãnh đạo của ta ra xử bắn. Tôi dự kiến nếu tình hình ấy xảy ra ở trại ta, thì khó mà tránh được chết chóc! Thành ra hôm nay tôi mời các đồng chí hội ý đột xuất để cùng thảo luận vào vạch ra phương hướng ngăn ngừa.

Cảnh dứt lời, đưa mắt nhìn khắp lượt. Những khuôn mặt xám ngắt, cực kỳ xúc động vì bản tin sét đánh chưa nghe thấy bao giờ từ ngày có Đảng đến nay. Nổi loạn trong trại cải tạo! Hoang đường quá! Nhưng chính trị viên đã nói ra ắt phải có thật. Cả bọn lo âu hình dung ngay trong trí một viễn ảnh kinh hãi sẽ xảy đến cho chính mình. Hận thù tích lũy đã bao năm sẽ biến thành cảnh đầu rơi máu chảy! Ngồi bên cạnh chính trị viên, Trần Đạo ngó thẳng vào mặt Thìn, như muốn nhắc Thìn một lần nữa, cái chỉ thị nghiêm túc trưa nay trên đồi trọc mà Thìn cứ tưởng là chuyện đùa. Thìn ngượng ngùng cúi xuống. Vài tiếng xầm xì nho nhỏ bên tai. Những cái đầu quay ngang quay ngửa nhìn nhau chia sẻ. Rồi một đứa nào nê cất tiếng hỏi:

— Chúng nó đòi cái gì mà chúng nó nổi loạn, thưa thủ trưởng?

Cảnh uất ức:

— Đòi cái gì! Lẽ tất nhiên là có những kẻ phản động từ bên ngoài xúi giục. Chúng nó bảo là bị áp bức, đòi được tự do dân chủ!

Thìn cười khẩy:

— Sướng như thế mà dám mở mồm bảo là bị áp bức! Lạ thật! Chém chết cũng có bọn phản động từ bên ngoài xúi giục!

Trợ lý hậu cần, mái tóc bạc phơ, mang quân hàm trung úy, ngoẻo đầu phát biểu:

— Báo cáo thủ trưởng. Qua theo dõi và đánh giá, tôi chắc chắn phải chúng nó đòi tự do dân chủ. Chúng nó có biết tự do dân chủ là cái gì đâu mà đòi! Cứ như tôi ách chừng thì chẳng qua vì miếng ăn thôi! Nói toạc ra là chúng nó đòi ăn. Đề nghị ta tăng khẩu phần cho chúng nó. Tiêu chuẩn nuôi ăn mỗi tháng mười cân gạo và sáu cân hoa mầu phụ, bây giờ ta cho thêm độ dăm cân nữa, là cầm mồm hết!

Trần Đạo cắt ngang:

— Đào ở đâu ra gạo mà tăng khẩu phần cho chúng nó! Chính mình cũng đang chết đói!...

Cánh giơ tay chặn lời Trần Đạo rồi hất hàm ra lệnh cho cán bộ hậu cần nói tiếp.

— Tôi vừa cho kiểm tra. Thóc thì không còn nhiều. Nhưng ngô, đỗ với lạc, phát cho chúng nó được. Để mãi trong kho cũng mốc lên thôi! Giữ làm gì! Hết thì mình bắt chúng nó giồng thêm...

Vài cái đầu gật gù tán thành. Nhưng Cảnh thờ dãi phân tích:

— Không giản đơn như thế đâu! Thừa thật với các đồng chí như thế này. Chung qui cũng tại Trung đoàn cả! Cách đây độ hai năm, chẳng hiểu do động cơ nào, tự dung chính ủy Trung đoàn đi tham quan các trại cải tạo, lại tuyên bố là từ nay cho cởi mở, chỉ thị cho các trại là phải đổi mới! Sức mạnh chuyên chính vô sản đang nắm trong tay, một sớm một chiều chẳng ai kháo mà khai, Trung đoàn từ bỏ sức mạnh ấy. Tôi đã trao đổi với các đồng chí lãnh đạo ở các trại cải tạo khác, tất cả đều cho là Trung đoàn chao đảo lập trường, nhưng trên đã chỉ thị thì phải chấp hành thôi! Tôi đã để bụng hai năm nay, không phổ biến cho các đồng chí biết và nhất là tuyệt đối không hé răng cho cải tạo viên hay. Nhưng

đến nay thì không thể giấu được nữa! Tối hôm qua, đồng chí Nhiên và tôi lên xuống nhà ngủ tập thể của cải tạo viên để kiểm tra, đi đến đâu cũng nghe chúng nó xầm xì về việc nổi loạn ở các trại phía đông. Khí thế sôi sục lắm rồi. Tôi ở trại ta không khéo cũng sẽ gặp rắc rối mất thôi! Trò đời hễ mềm thì nắn, rắn thì buông, các đồng chí ạ! Không thể lúc nào cũng cứng như lúc nào. Bác Hồ kính yêu của nhân dân ta đã có lúc vì yêu cầu của tình thế mà phải công bố giải tán đảng Cộng sản. Chúng ta cũng phải đi theo con đường người đã vạch ra! Nghĩa là, ta cũng sẽ cởi trói cho một số mặt, khuyến khích đổi mới, quí hồ xoa dịu được chúng nó trong lúc này, rồi thư thả ta lại tính sau!

Cảnh dừng lại uống hớp nước, đồng thời cũng để cử tọa có thì giờ suy nghĩ về phương án của mình. Từ cán bộ đến vệ binh, ai ai cũng nhận ra nét đau khổ ghê gớm hiện trên khuôn mặt và nhất là trong ánh mắt mệt mỏi của Cảnh. Chao ơi! Một đời đấu tranh chém giết đối phương và mưu hại đồng chí, gian nan tới cùng mới có ngày hôm nay. Thế mà, bỗng dưng phải tự giảm quyền lực, nhượng bộ tù nhân. Cái đau trăm năm góp lại không bằng hôm nay. Thình lình ngược nhìn đàn anh thông cảm, run run hỏi:

— Xin thủ trưởng cho chỉ thị cụ thể!

Cảnh đưa tay vuốt mái tóc hoa râm, u sầu đáp:

— Thế này nhé. Trước mắt, ta cho tập trung cả trại lại, nói thẳng là từ nay ta dứt khoát đổi mới. Về mặt quản lý, ta cho cải tạo viên được cử đại biểu lên họp với ta, góp ý kiến với ta. Về mặt sản xuất, từ trước đến nay chúng nó chỉ làm theo chỉ thị của ta. Bây giờ ta cho chúng nó được phát huy sáng kiến. Ta vẫn chủ động quản lý và kiểm tra, nhưng thu hoạch mỗi mùa thì thay vì ta lấy hết, ta sẽ chia bớt cho chúng nó một phần để chúng nó cảm mến đi. Về mặt tư tưởng, ta cho chúng nó làm báo liếp, báo

tường, khuyến khích chúng nó góp ý về công cuộc đổi mới. Ta mở rộng cửa trại, bất cứ ai từ bên ngoài muốn vào tham quan, ta đều cho phép. Chẳng những thế, ta còn khuyến khích thân nhân cải tạo viên tiếp tế nhiều hơn. Các đồng chí cần quán triệt điều này, công cuộc đổi mới là do ta chủ động. Cho nên khi chúng nó góp ý, các đồng chí phải nắm cho vững, đưa nào góp ý thật và đưa nào lợi dụng công cuộc đổi mới để phá hoại. Tình hình căng lắm rồi. Chỉ còn có trại ta và trại Trung Hán bên cạnh đứng vững. Tôi tin chắc rằng, công cuộc đổi mới sẽ xoa dịu sức phản kháng của chúng nó và chỉ có cách này mới hy vọng đảm bảo thể lãnh đạo của ta mà thôi!

Quản giáo Dương phụ trách khối I ưu tư nêu thắc mắc:

— Thừa thủ trưởng, nhưng nếu ta nói lỏng, chẳng may chúng nó đi quá đà rồi cũng bắt chước mấy trại phía đông, rủ nhau biểu tình chống lại chúng ta thì làm sao?

Cảnh nghiêng răng lạnh lùng đáp:

— Không đâu! Đừng có mà giở cái thói được đảng chân lân đảng đầu! Tôi không để yên đâu! Năm kia, bên trại Trung Hán có cuộc biểu tình đòi cải tổ. Các đồng chí lãnh đạo bên ấy đã sáng suốt trừng trị thẳng tay. Từ dạo ấy đến bây giờ, còn đưa nào dám ngo ngoe nữa đâu! Đây, ta cũng sẽ làm y như thế! Phải nhớ là ta chủ động! Ta cho phép! Đổi mới là một ân huệ chứ không phải một quyền lợi. Cho nên, đưa nào lợi dụng để đi quá trớn, cứ AK mà lia cho chúng nó bỏ mẹ hết... Tối nay, cơm nước xong, các khối cho tập trung tất cả tại hội trường đúng 7 giờ để tôi phổ biến chính sách. Ban chỉ huy và cả các đồng chí vệ binh nữa, không ai được vắng mặt! Quán triệt cả chưa? Bây giờ giải tán. Tắm rửa cơm nước đi rồi tập trung lên hội trường! Đồng chí Dương ở lại tôi nhờ tí việc!

Cả bọn lục tục kéo ra, đứng tùm thành từng nhóm trên hè, xầm xì bàn tán. Không khí trầm mặc ít

thấy ở đám người xưa nay chỉ biết hùng hổ chém giết.

Chính trị viên và tiểu đoàn trưởng đeo xà-cột, sánh vai nhau băng ngang sân bóng đá để qua dãy nhà ngủ dựng bên kia bờ suối. Cả hai cúi đầu đăm chiêu bàn luận. Phùng Tác Nhiên cau mày nhấn mạnh:

— Ông thì ông chủ trương cởi trói, chứ cứ như tôi thì chẳng đại gì mà phải làm thế! Đã đành rằng những biến chuyển ở các trại phía đông có tạo được một số ảnh hưởng tâm lý nhất định, nhưng bên ấy, xét về mọi mặt đều khác hẳn chúng ta. Tôi không hải gì cả. Trong tay ta có đảng viên, đoàn viên, công an, bộ đội. Đưa nào lén phéng cứ phơ tuốt!

Cảnh ôn tồn phân bua:

— Nhất trí với ông. Nhưng đổi mới là chỉ thị của trung đoàn. Hơn thế nữa, tôi đã nhắc đi nhắc lại mãi rằng, ta chủ động đổi mới để giảm bớt sức ép của tù nhân, còn hơn là để tức nước vỡ bờ!

— Ai chẳng biết thế! Nhưng bắt hổ thì khó, thả hổ thì dễ. Thằng Dương nó nói đúng. Hễ đã nói lỏng thì thế nào cũng đi quá đà. Đến lúc cần thất lại thì nhiều khê lắm!

Quanh quần vấn đề tài cũ, hai gã đã cãi nhau suốt đêm qua và chẳng ai chịu nhường ai. Phùng Tác Nhiên coi như cầm đầu phe bảo thủ, sau lưng có vài quản giáo ủng hộ. Lê Văn Cảnh lãnh đạo nhóm đổi mới, được Trần Đạo và khá đông cán bộ chạy theo, không phải vì bọn này thực tâm thích đổi mới, mà vì cái thế chính trị viên của Cảnh vượt cao hơn Nhiên một bậc.

Từ hôm ấy, trại cải tạo mang một bộ mặt khác hẳn. Tình người sống dậy sau bao nhiêu năm đắm chìm trong thù hận. Cán bộ, quản giáo gặp tù nhân bất kỳ ở đâu cũng nởn miệng cười, thân mật chào hỏi. Vệ binh thoải mái đi tới đi lui không cần mang súng, thậm chí trên nông trường nắng cháy, còn lăn xả vào phụ giúp đám cải tạo một tay để tỏ rõ chủ trương "hòa hợp hoà giải" mà ban chỉ huy vừa

phát động. Những vi phạm nhỏ nhặt của tù nhân mà trước đây thường phải đền trả bằng vài ngày biệt giam nhin đói, bây giờ quần giáo lơ đi, bất đắc dĩ mới ân cần dặn một câu lấy lệ:

— Phải phần đầu khắc phục. Lần sau đừng thế nữa!

Tiểu đoàn phó chỉ thị anh nuôi xuất kho, tặng không mỗi tổ hai cân sắn và bốn lạng đường để nấu

chè liên hoan, chẳng cần phải đợi đến ngày sinh của Bác! Tù nhân đốt lửa trại, từng nhóm quây quần bên nhau, hả hê hát nhạc vàng, thả hồn về nơi xa xôi, mơ ước những chân trời vốn chỉ được biết đến trong sách vở. Cán bộ đi ngang, chẳng những không lên tiếng phê bình mà còn dừng lại, gật gù thưởng thức. Riêng quần giáo Dương, đêm nay hoà mình với gần hai trăm tù nhân

trong khối của mình, húp chè xum xụp, nói cười oang oang và mấy lần thúc giục cải tạo viên biểu diễn văn nghệ. Gã khề khà bảo:

— Đỗi mới rồi! Hát đi! Bài nào cũng được!... Ừ, để tôi nhớ lại xem. Anh Nghiễm đâu? Hôm nọ anh hát bài gì nhỉ? *Mộng dưới hoa* phải không? Bài ấy hay đấy. Hát đi cho cả khối nghe xem nào!

Từ trong hàng quần, Nghiễm đứng dậy, ngơ ngác nhìn Dương rồi lại đưa mắt ngó quanh bằng hữu. Anh là ca sĩ nghiệp dư của trại cải tạo, buổi văn nghệ nào cũng có mặt. Nhưng chính cái bài *Mộng dưới hoa* này đã làm anh điêu đứng không ít. Lần đầu ở Long Khánh, anh viết bài tự kiểm vì nó. Lên Sông Bé, anh bị biệt giam hai ngày cũng vì nó. Thế mà bây giờ chính cái đứa đã nhốt anh, chỉ thị anh phải hát! Chuyện đời tang thương dẫu bề không biết đâu mà lường!

Hôm qua, Nghiễm nghe cậu bé vệ binh tâm sự với cải tạo viên ngoài ven rừng: “Nhớ có việc gì xảy ra, các anh đừng bỏ em nhé! Cho em đi theo với!”. Rồi trưa nay, anh lại nghe một cán bộ thủ thủ bằng một giọng rất thành khẩn: “Nói thật với các anh, chúng tôi là “thành phần bị lừa”, theo Đảng cũng vì hoàn cảnh bất đắc dĩ mà thôi!” Sự xúc động nhất thời làm Nghiễm nhìn gã tội nghiệp. Nhưng chỉ một lúc sau, anh đặt lại vấn đề. Bao nhiêu năm nay, có bao giờ những đứa như gã thú nhận mình bị lừa? Mãi đến nay, nghe tin các trại phía đông nổi loạn, gã mới lo âu ra về ân hận để xoa dịu những người vô tội mà gã đã từng hành hạ. Bởi vì rõ ràng tuy thú nhận mình “bị lừa” nhưng không hề có ý định từ bỏ cái địa vị đang “bị lừa” đó!

Sau chương trình văn nghệ, Dương gợi ý để anh em làm báo tường. Dương mạnh dạn trấn an:

— Các anh cứ thẳng thắn đóng góp ý kiến. Ta xây dựng trại hoàn chỉnh hơn. Đảng phân công chúng tôi quản lý các anh, nhưng nói cho đúng thì các anh cũng như chúng tôi, đều xem nơi này là nhà của



mình, là gia đình của mình, nên tất cả đều phải ra sức xây dựng nó! Trong quá khứ, ban chỉ huy trại đã có sai lầm về một số mặt. Cụ thể là giao chỉ tiêu công tác cho các anh không hợp lý, và nhất là đã không để cho các anh tự phát huy sáng kiến trong lao động. Các anh đều là những người có trình độ văn hoá và khoa học kỹ thuật cao. Nhưng trại không biết sử dụng, cho nên bao nhiêu năm qua, chưa năm nào mức thu hoạch về mọi mặt đạt được thành quả qui định. Nay trại quyết tâm sửa sai, quyết tâm đổi mới, để mọi người, bất kể là cán bộ hay cải tạo viên, đều có một chỗ đứng trong lòng Cách Mạng!

Hai trăm cái đầu cùng gật. Có kẻ mũi lòng muốn òa lên khóc như đứa bé bị bắt nạt lâu ngày, được người lớn chạy đến ôm ấp vỗ về. Những kẻ cứng đầu nhất cũng rung rung xúc động vì câu nói chí tình của Dương. Thậm chí có ông còn lấm lét nhìn quanh, lo sợ giùm cho Dương, bởi những phát biểu phản động của gã. Khi người ta bị xiết cổ quá chặt, chỉ cần nói lỏng một chút là nạn nhân chẳng những thoả mãn mà còn biết ơn nữa! Họ quên hết những hành hạ do chính bàn tay độc ác của Dương trong quá khứ, để hân hoan đón gã đứng vào hàng ngũ của mình, chỉ vì Dương vừa nói được vài câu hợp ý.

Một tuần sau, tờ báo tường đầu tiên lấy tên là *Luồng gió mới* được trang trọng căng trên tấm cốt, đặt công khai giữa hội trường để ai muốn đọc cũng được. Đám cải tạo bu lại xem. Quản giáo, vệ binh cũng chăm chú theo dõi từng dòng, từng chữ. Chưa có gì mạnh bạo lắm, bởi tù nhân còn dè dặt thăm dò. Cả tờ báo khổ lớn, chỉ có mỗi bài "Làm tốt công tác đổi mới" của quản giáo Dương là đáng để ý. Dương chỉ trích cán bộ hứa hẹn láo lếu với tù nhân, bắt lao động ngày đêm mà không cung cấp đầy đủ dụng cụ, thuốc men. Dương lên án hậu cần cắt xén khẩu phần lương thực để tù nhân thường xuyên bị đói, làm mất năng suất lao động. Nói chung, đều

là những biểu hiệu tiêu cực ở cấp thừa hành, không can dự gì đến cấp lãnh đạo tối cao, lại càng không dính dáng gì đến bản chất bạo tàn của chủ nghĩa. Tuy vậy, tiểu đoàn trưởng Phùng Tác Nhiên cũng đã ngứa gan lắm, bởi từ xưa đến giờ, gã đã quen với cái chân lý chắc nịch là, con người sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa, chỉ có chấp hành chứ không bày tỏ! Gã nghiêng răng ken két, muốn tìm Dương để bóp cổ ngay, nhưng Cảnh điềm tĩnh ngăn lại:

— Tôi đã nói mãi mà ông chẳng nghe. Trên thị trường, hễ hối suất chợ đen tăng lên bao nhiêu, thì mình cho hối suất chính thức cao hơn cả hối suất chợ đen. Tự khắc chợ đen sẽ chết! Hiện nay, bên ngoài chúng nó viết báo viết văn chống lại chúng ta. Ta cho chính người của ta chống lại chúng ta mạnh hơn chúng nó. Tự khắc, bài vở của chúng nó sẽ trở thành trò hề, phải không nào? Huống chi chúng nó đang đòi ta phải chấp nhận đa nguyên. Đa nguyên là cái máu gì! Chúng mày muốn đa nguyên thì ông cho đa nguyên. Thắng Dương này sẽ là lực lượng đối lập của mình. Chưa biết chừng mình còn phải bắt nhốt nó nữa là đằng khác! Ông đừng có làm hỏng kế hoạch của tôi.

Nhiên không nhất trí, nhưng đành thở dài nuốt giận.

Đọc bài của Dương, cải tạo viên hả hê lắm. Chắc là đổi mới thật, chứ nếu không, bố bảo nó cũng chả dám viết như thế này! Tù nhân hồ hởi bàn tán, thấy rõ cuộc đời mình đang bước sang một khúc quanh dễ thở hơn, phẩm chất được nâng cao hơn. Niềm vui chưa tan thì chính trị viên lại tập trung cả trại, công khai nhận khuyết điểm và hô hào phải đổi mới hơn thế nữa. Những bài báo gay gắt tiếp tục xuất hiện. Quản giáo, cán bộ và vệ binh nô nức viết bài, văn thơ cũng như tham luận, mạnh dạn phê phán những mặt tiêu cực xảy ra trong trại. Tù nhân cũng dăm ba người góp mặt, nột dung tuy có dè dặt hơn, nhưng cái thông

diệp tối hậu cũng vẫn là triệt để ủng hộ đổi mới.

Chỉ qua vài số báo, kết quả thấy ngay là biên giới giữa tù nhân và cải tạo viên mở rất nhanh, bởi cả hai bỗng chốc cảm thấy cùng đứng về một phía. Phần uất của cải tạo viên được hoá giải một cách tài tình đến nỗi chính họ cũng không hay. Những tù nhân vốn nung nấu ý định lật đổ ban chỉ huy trại từ bao nhiêu năm nay, bây giờ có kẻ bỏ cuộc bởi suy nghĩ một cách đơn giản rằng, kẻ cầm quyền đã nhận lỗi, cho tù nhân sống thoải mái như thế này là được rồi. Đòi hỏi làm gì nữa! Có người vẫn quyết tâm làm cách mạng, bởi họ muốn vứt hẳn cái áo rách đi để thay bằng một cái mới chứ không thể chỉ mua vải vá cáo áo rách lại. Nhưng lúc này cũng có những cán bộ và vệ binh như Dương, họ thấy vai trò của họ nhẹ hẫng đi, bởi họ lý luận đơn sơ rằng, một ngàn người ngoài Đảng chống Đảng không bằng một Đảng viên phản kháng như Dương. Họ rủ nhau bám lấy Dương, coi Dương là biểu tượng của đấu tranh, là tiếng nói lăm liết thay cho họ, mặc dầu những phát biểu của Dương, xét ra mức độ chỉ trích còn nhẹ hơn cả chính trị viên Lê văn Cảnh cùng tiểu đoàn phó Trần Đạo.

Mỗi lần Dương xuống nhà ngủ tập thể, anh em bu lấy thăm hỏi, tán tụng. Những khi Dương ra nông trường, anh em buong cuộc xềng mời chào và biểu dương Dương như một ngọn đuốc soi đường. Những người tiểu tư sản bao dung và chóng quên ấy, mới hôm nào cực kỳ căm phẫn về những lời thoả mạ của Dương đối với họ, tưởng có thể ăn sống nuốt tươi khi có dịp, thế mà nay chỉ cần Dương viết dăm bài báo tường, tháo gỡ giùm họ chút oán hận, là họ lập tức như những quả bong bóng xì hơi, giã lên tũn nhục mà sống, lớn tiếng đề cao Dương như vị cứu tinh giáng thế! Dương choáng váng ngất ngây, nửa say nửa tỉnh. Cuộc đời bốn mươi năm của gã chưa bao giờ lại được thời thế đặt vào một vai trò

kỳ lạ như hôm nay: vừa được lòng ban chỉ huy trại, vừa được tôn vinh bởi đám cải tạo, nghĩa là trở thành một thứ anh hùng của hai phe đối nghịch nhau, của cả cai ngục lẫn tù nhân! Chuyện hiểm có chưa từng xảy ra trên cõi đời này! Người bên ngoài ghé thăm thân nhân trong trại cải tạo, cất bài của Dương trên báo tường, đem ra phổ biến như những khuôn vàng thước ngọc để bá tánh xếp hàng sau lưng mà tiến bước.

Trong những buổi hội ý kiểm điểm công tác, chính trị viên thường âu yếm động viên Dương:

— Viết như thế là đạt! Cứ việc phát huy! Tôi dặn lại đồng chí là, phê bình Đảng, phê bình Trại, thì chỉ nhắc chung chung thôi. Tuyệt đối không được nêu tên cá nhân các đồng chí trong ban lãnh đạo! Tỉ dụ: đồng chí có thể viết rằng “Trại đã vấp phải sai lầm về chỉ đạo công tác”, nhưng không được nói rõ là tôi hay đồng chí Nhiên, hay bất cứ đồng chí nào phạm khuyết điểm! Chủ yếu là ta đối mới cho chúng nó bớt chống đối. Nhớ lấy!

Di nhiên Dương không quên. Trui rèn nửa đời người trong lý thuyết và thực tế xã hội chủ nghĩa, ơn Bác ơn Đảng, Dương không thể phụ bạc, không dám vong bản. Gã biết mình phải đứng ở đâu, và mãi mãi sẽ đứng ở vị trí đó. Dương đã nhiều lần minh xác lập trường của mình, mặc dù nhiều cải tạo viên vẫn còn nhầm lẫn. Một buổi ăn trưa tại hiện trường, gã ngồi bên đám tù nhân tâm sự, luôn miệng đề cao chính sách đối mới. Nghiễm bạo dạn hỏi:

— Thưa anh, hiện dưới nhà biệt giam còn hơn mười người bị nhốt. Tôi nhớ anh Doãn chỉ đòi ban chỉ huy Trại không kiểm duyệt thư. Anh Trà chỉ xin hậu cần đóng gạo đúng tiêu chuẩn, không cất xén. Thế mà bị cùm cả chân tay đến nay chưa thả. Còn anh Huy thì hát nhạc vàng, anh Tại thì đọc tiểu thuyết xuất bản trước 75. Nếu bảo rằng các anh ấy chống đối, thì sự chống đối không thấm vào đâu so với

những bài viết của anh trên báo tường. Xin hỏi anh, đã đối mới, sao ban chỉ huy không thả những người ấy?

Dương đang vui bỗng sa sầm mặt lại, trừng mắt nhấn mạnh:

— Anh so sánh tôi với lũ phản động ấy hay sao? Tôi tích cực làm công tác đối mới, xây dựng Đảng. Còn những đứa kia làm tay sai ngoại bang chống phá Cách mạng, tha thế nào được! Tôi đã nói với các anh bao nhiêu lần là có những việc, hiện tượng thì giống nhau, mà bản chất thì hoàn toàn khác!

Nghiễm gật đầu nhất trí. Anh hiểu chứ! Bởi ngay từ đầu anh đã biết như vậy. Khi anh đưa cơm cho Doãn trong nhà biệt giam, anh ngậm ngùi nghĩ đến số phận hẩm hiu của người bạn già bất khuất. Mới hôm nào, Doãn đứng cãi lý với Dương và Cảnh về chủ nghĩa Cộng sản để rồi bị khép vào tội phản động. Chuyện ấy Nghiễm không thể quên. Anh hỏi:

— Thưa anh, mấy năm trước, anh cãi nhau với anh Doãn về chủ nghĩa Cộng sản. Anh Doãn vạch ra những khuyết điểm của chủ nghĩa ấy trước mặt anh và chính trị viên. Anh tố anh Doãn vào tù. Hôm nay, trên báo tường, chính anh lại viết những khuyết điểm của chủ nghĩa Cộng sản, giống hệt lý luận của anh Doãn. Có thể nói, anh lấy ý anh Doãn mà viết lại. Thưa anh, tại sao cùng một bài viết mà anh Doãn đi tù, còn anh được chính trị viên khen ngợi? Phải chăng đối mới chỉ là một màn kịch, hay đối mới chỉ là một đặc ân dành riêng cho người trong Đảng?

Dương lúng túng đáp vòng vo:

— Chủ nghĩa xã hội đích thực, dân chủ gấp vạn lần chủ nghĩa tư bản của các anh! Nhưng việc xây dựng chủ nghĩa xã hội là do chúng tôi, các anh chỉ việc chấp hành chỉ thị mà thôi! Chính vì thế mà pháp lệnh trại cải tạo không áp dụng bình đẳng cho chúng tôi và các anh. Cùng một tội, Đảng viên chúng tôi chỉ bị phê bình và viết tự kiểm, còn các anh thì có thể tù một gông! Tôi

vừa nói với anh là chớ bao giờ so sánh chúng tôi với các anh, nghe chưa!

Dương không nói, Nghiễm cũng đã biết như thế qua mười lăm năm kinh nghiệm sống với Dương. Nhưng không phải ai cũng hiểu như Nghiễm. Bên cạnh anh, có biết bao nhiêu người từng là nạn nhân của Dương, từng bị Dương nặng lời sỉ nhục, nay đọc được vài bài báo Dương viết đã vội quên hết để xúm lại tung hô vạn tuế. Cho nên hình ảnh của Dương cứ mỗi ngày một vĩ đại, làm cho chính Dương dần dần mất thăng bằng, không còn tự kiểm soát được nữa. Mới ngày nào Dương còn là cái bóng mờ không ai chú ý, ngoại trừ hai trăm tù nhân ở khối 1 ngày nào cũng phải nhìn cái mặt khó chịu của Dương mỗi buổi sáng khi gã bố trí công tác và nhất là mỗi buổi tối nghe Dương hỗn láo dạy dỗ. Nay thì khác hẳn. Cái tên quản giáo Dương đã vượt biên giới, trở thành nhân vật quan trọng của mọi khối, lan nhanh sang những trại cải tạo khác, và cả quần chúng bên ngoài hàng rào ngục thất. Dương thấy mình quá lớn, trong lòng lúc nào cũng có một nồn nao thúc đẩy Dương phải áp ứng sự ngưỡng vọng của nhân dân bốn bể, không thể dừng lại được nữa. Những bài báo tường càng ngày càng bi phần, tố giác và bắt bẻ bằng những ngôn từ cay đắng, tưởng chừng như mối hận của Dương đối với ban chỉ huy Trại còn sâu đậm hơn cả sức căm hờn chứa chất trong tim đám cải tạo. Mà Dương thù cũng phải! Bởi chính trị viên Lê văn Cảnh mới đây đã trở mặt, không còn lân ái Dương như ngày đầu công bố chính sách đối mới nữa. Tiểu đoàn phó Trần Đạo, vốn là thứ cây leo tầm gửi của Cảnh, thấy đàn anh quay lưng, cũng hòa theo ngay, nhìn Dương nhì kẻ xa lạ! Hai thằng xúi trẻ ăn cứt gà rồi nửa đường rẽ ngang. Dương tối sầm mặt mày, nhìn cuộc đời khinh bỉ, oán kẻ đồng hành phản bội và càng giận mình ngây dại cả tin.

Một buổi tối, tiểu đoàn có phiên họp đột xuất để đánh giá công tác trong năm qua. Quản giáo Dân, người mà Dương vẫn tin là nặng tình với mình vì cùng viết báo tường ủng hộ đổi mới, hôm nay bỗng hung hăng phát biểu:

— Sức mạnh của Đảng là chuyên chính vô sản, dựa trên cơ sở ấy để tiêu diệt phản động. Sức mạnh của trại cải tạo là kỷ luật bằng sắt, chỉ có chấp hành, không được tùy tiện phê bình. Bác đã dạy rằng, trong thời kỳ quá độ, nghĩa là giai đoạn Cách mạng đã nắm được chính quyền nhưng tàn dư phản động còn nhiều mà Bác đã gọi là cuộc đấu tranh ai thắng ai, thì không thể có bất cứ một nhượng bộ nào cả! Thử kiểm tra lại xem, công cuộc đổi mới đã đưa lại những kết quả gì? Trước hết là tình trạng rối loạn vô chính phủ, trống đánh xuôi kèn thổi ngược. Năng suất lao động giảm hẳn đi. Quản giáo, vệ binh đưa cải tạo đến hiện trường rồi bỏ mặc, đứa nào muốn làm gì thì làm. Thậm chí tôi đi kiểm tra, thấy có đồng chí cho cải tạo nghỉ giải lao hàng giờ đồng hồ, ngồi trò chuyện với chúng nó... Nhưng tai hại nhất là chính sách mở cửa cho thân nhân tự do vào thăm cải tạo viên. Đây này, sách báo phản động, băng nhạc băng hình đồi trụy, chúng nó gọi là “chiến dịch chuyển lửa vào ngục thất”, nghe có khiếp không? Giặc ngoài thù trong, cấu kết với nhau! Báo cáo các đồng chí là dứt khoát không thể để thế này được!

Dương trở mặt kinh ngạc vì không ngờ Dân dám phát ngôn linh tinh như vậy. Chống đổi mới tức là chống lại chính trị viên, người lãnh đạo cao cấp nhất trại, bởi chính Cảnh công khai đề xuất phong trào đổi mới. Dương đưa mắt nhìn Cảnh, nhìn Trần Đạo, chờ đợi một trong hai lãnh tụ sẽ phản pháo. Nhưng lạ quá! Cả hai chẳng những không có phản ứng gì, mà còn gật gù tỏ vẻ nhất trí với Dân. Dương ngơ ngác nhìn quanh, tìm đồng minh. Nhưng cả mười khuôn mặt hiện diện đều đắm chiều cúi xuống.

Dương giơ tay xin phát biểu, nhưng Phùng Tác Nhiên bảo gã ngồi yên và gọi quản giáo Sửu góp ý. Sửu đã chuẩn bị trước, lôi ra xấp giấy, quăng mạnh xuống mặt bàn và gay gắt nhấn mạnh:

— Báo cáo các thủ trưởng. Thực hiện báo tường mà thiếu kiểm tra nội dung thì đúng là thả hổ về rừng, thêm chân cho rắn! Bịt mồm chúng nó chưa xong, lại còn cho chúng nó tự do phát ngôn linh tinh, chống lại Đảng, chống lại Trại! Đề nghị từ nay ta bỏ hẳn báo tường.

Nhiều cái đầu lại gật gù đồng ý. Sửu bỗng nắm tay giơ lên cao và ngó thẳng vào mặt Dương:

— Đồng chí Dương!... Tôi tự hỏi, đồng chí còn đáng để chúng tôi gọi là đồng chí nữa hay không? Tôi nhất trí với thủ trưởng Cảnh, cho phép chúng ta phê bình những mặt tiêu cực trong trại ta. Nhưng... ông là ngựa bất kham, là chó nháy bàn độc! Ông ủng hộ đổi mới mà kỳ

thật là phá hoại đổi mới! Ông cấu kết với bọn phản động, liên lạc ra cả bên ngoài, chuyển tài liệu chống ban chỉ huy Trại. Tội ấy là tội gì? Đề nghị đồng chí rút kinh nghiệm, nghiêm khắc với bản thân!

Đến phút này thì Dương bắt đầu lo sợ. Gã đưa mắt nhìn Cảnh và Trần Đạo một lần nữa. Nhưng cả hai vẫn cúi xuống. Dương sồn sác ngó quanh, dừng lại ở những đồng chí đã từng viết chung báo tường với gã. Tất cả đều quay đi. Một lũ hèn hạ tráo trở! Dương nghiêng rặng thâm nhủ. Chưa hết, thêm ba bốn cái mồm cùng hòa theo Dân và Sửu để lên án Dương. Gã biết mình bị cô lập, cố gắng diêm tĩnh phân trần, thành khẩn xin các đồng chí hiểu cho rằng, gã chỉ vì Đảng mà lên tiếng, vì tương lai chủ nghĩa xã hội mà tự nguyện tử xung hữu đột. Giọng Dương run rẩy, chứa đựng nước mắt. Nhưng vẫn vô ích. Trọ lý hậu cần ngồi ngay bên Dương,



rút mảnh giấy trong túi, mở ra và từ từ đứng dậy:

— Báo cáo các thủ trưởng. Đây là lá thư từ bên ngoài gửi cho đồng chí Dương mà các đồng chí vệ binh kiểm tra tại nhà khách, đã tịch thu được. Tôi xin đọc để các đồng chí cho ý kiến: “Anh Dương thân mến. Đã nhận được tài liệu anh gửi. Cứ như thế mà tiến hành. Anh cho biết, khí thế trong trại đang sôi sục lắm. Chỉ cần một mồi lửa là quét sạch bọn ngoan cố. Chúng tôi ở ngoài này đều tin tưởng rằng mồi lửa ấy chính là anh! Ngày thắng lợi đã gần kề. Xin anh vững chí bền gan. Hẹn anh thư sau”.

Dương ngáy người, há mồm kinh hãi. Hai mươi năm trong Đảng, gã hiểu rất rõ rằng, Đảng của gã tuy là quốc tế vô sản nhưng luôn luôn vờ vịt lấy dân tộc làm gốc. Cho nên bất cứ kẻ nào cấu kết với ngoại bang đều sẽ bị kết tội phản quốc. Cũng chính vì dựa trên căn bản ấy, muốn loại trừ ai, Đảng sẽ vu ngay cho người đó là tay sai ngoại bang. Không nói đâu xa, chính Dương đã từng gọi nhiều tù nhân là CIA hoặc tay sai bọn bành trướng Bắc kinh. Gọi như thế có hai cái lợi. Thứ nhất là có thể treo bản án tử hình vào cổ kẻ đó. Thứ hai là có thể che mắt thiên hạ, vì Đảng muốn mọi người hiểu rằng, nhân dân trong nước không ai chống Đảng cả. Nếu có thì chỉ là do ngoại bang xúi giục mà thôi! Dương lớn tiếng phủ nhận việc gã quan hệ với bên ngoài. Lá thư người kia vừa đọc hoàn toàn là giả mạo để vu cáo gã. Dương minh xác một lần nữa lòng trung thành của mình đối với chủ nghĩa xã hội và xin chi bộ kiểm tra lại bức thư bí mật đó.

Trợ lý hậu cần đề nghị bỏ phiếu kín. Tất cả đều nhất trí. Chính trị viên, tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó lập tức bước ra khỏi phòng để tổ ra vô tư trong việc biểu quyết, mặc dầu ai cũng biết trước kết quả: Dương bị khai trừ.

Những đứa chống Dương, tuy cùng đứng chung trên một cơ sở là tăng cường bảo vệ chủ nghĩa xã

hội, nhưng trong thâm tâm, động cơ sâu xa thúc đẩy ở mỗi người hoàn toàn khác biệt. Thình chảng hạn, chữ Dương chỉ để lấy lòng Nhiên. Quân giáo Tý của khối 6, với Dương không hề thù oán, nhưng dứt khoát bảo thủ, thà chết chứ không đổi mới. Gặp ai, gã cũng nhấn mạnh: “Lạ thật! Chả hiểu ông ấy nghĩ thế nào mà lại cứ nằng nặc đòi đổi mới! Đặc quyền đặc lợi mình đang nắm trong tay, tự đứng tự lành lại muốn chia cho đứa khác!”. Quân giáo Sửu và quân giáo Dần thì chống Dương hoàn toàn vì ganh ghét. Cái lũ cải tạo thuộc quyền Sửu và Dần thiếu tế nhị quá, cứ luôn mồm khen Dương, gặp đâu cũng xúm lại thăm hỏi, làm hai gã ngứa mắt, muốn búng đi cho đỡ ức. Chính hai gã đã luân phiên nhau thậm thụt với tiểu đoàn trưởng, nói ra nói vào, hết lời gièm pha để tiểu đoàn phải lên tiếng công khai phê bình Dương. Lại có đứa chống Dương chỉ vì cùng viết bài trên báo tường mà không được tù nhân chú ý. Dương càng nổi thì chúng càng thù, quyết tâm gán cho Dương cái tội quan hệ với bên ngoài để Dương hết đất sống. Riêng lão trung úy hậu cần thì thâm thù Dương đến xương tủy bởi những vụ tham ô trong kho bị Dương phát giác. Gã tích cực vận động đồng chí đứng về phía mình để khai trừ Dương.

Ra khỏi phòng họp, Dương lầm lũi bước xuống ven suối. Gã ngồi trên tảng đá, nhìn dòng nước chảy, ngẫm nghĩ về những biến thiên trong cuộc đời. Rồi gã quay lại văn phòng tiểu đoàn, gõ cửa xin gặp chính trị viên. Cảnh biết trước Dương sẽ tìm mình nên đã chuẩn bị sẵn những điều phải nói với đàn em. Dương run run phân trần:

— Tôi bệnh vực đổi mới là do chỉ thị của thủ trưởng. Nay thủ trưởng nở nào đem con bỏ chợ, thấy người ta khai trừ tôi mà ngoảnh mặt đi không một lời bênh vực!

Cảnh lạnh lùng đáp:

— Ý kiến của đa số, tôi phải chấp hành! Tôi không thể vì một mình

đồng chí mà bỏ cả chi bộ, cả ban chỉ huy Tiểu đoàn! Chi bộ đã khẳng định đồng chí là kẻ có tội!

Dương cay đắng:

— Vâng. Cái tội của tôi là tội nhẹ dạ và cả tin!

Dứt lời, Dương hăm hăm quay bước, đi tìm tiểu đoàn phó. Nhưng Trần Đạo cũng nhắc lại một luận điệu y như Cảnh. Dương chán chường lang thang lên đồi trọc, rung rung muốn khóc vì tình đời đen bạc. Dương không biết rằng, trước buổi kiểm điểm công tác, Phùng Tác Nhiên đã cùng với mấy quân giáo hội ý riêng với Cảnh và Trần Đạo để xác định lại đường lối. Chính Cảnh đã nhận ra việc vâng theo chỉ thị của Trung đoàn để hô hào đổi mới là một sai lầm có tính cách chiến lược. Đổi mới đã đưa đến hỗn loạn. Huống chi, Trung đoàn vừa tuyên bố sẽ không chi viện cho Tiểu đoàn nữa. Trại của Cảnh từ nay bắt buộc phải tự túc về mọi mặt! Thế thì còn chấp hành chỉ thị của Trung đoàn để làm gì nữa!

Hôm Cảnh bị gậy sang Trung đoàn vận động, lão chính ủy ề hề nói thẳng với Cảnh:

— Đồng chí hiểu cho. Trên này, chính chúng tôi cũng đang chết dở, làm thế nào mà chi viện cho các đồng chí được! Thôi thì xin các đồng chí thư thư cho một thời gian để Trung đoàn phục hồi kinh tế đã. Nghĩa vụ quốc tế, chúng tôi không quên đâu. Hứa với đồng chí một nhời là, hễ chúng tôi có cơm thì thế nào các đồng chí cũng có cháo!

Cảnh nghe đã vô cùng thất vọng, lại nhìn qua cửa sổ văn phòng thấy cán bộ và nhân dân tụ tập đông như kiến, đang bắc loa hò hét, nằng nặc đòi chính ủy phải từ chức, Cảnh càng thêm náo nức. Gã hất hàm hỏi chính ủy:

— Sao lại thế này? Từ ngày Cách mạng tháng 10 toàn thắng đến nay, chủ nghĩa xã hội có bao giờ lại phải chứng kiến cái cảnh bát nháo thế này đâu? Bắn bỏ mẹ chúng nó đi chứ!

Chính ủy đưa cả hai tay lên vò

đầu. Mái tóc vốn đã thưa thớt, theo hai bàn tay gãi, rụng ra từng chùm. Gãi nào nuốt than thở:

— Đây chính là bài học đắt giá nhất trong đời tôi! Chính tôi đã chủ đạo tuyên bố cởi mở! Than ôi, vờn chó, chó liếm mặt! Tôi một đời đi theo Cộng sản mà lại quên lời dạy của Lênin: Tôi đã đưa cái thông lọng cho chúng nó xiết cổ tôi! Chưa biết nay mai tôi có đất chôn hay không! Tôi đã làm hại các đồng chí ở các trại phía đông và phía tây. Thôi thì xin đồng chí trở về, tùy tiện mà xử lý, đừng để tính huống quá đà như Trung đoàn!

Cảnh thẩm thía, chạy vội về đơn vị, hội ý ngay với ban chỉ huy và quyết định quay lại con đường bảo thủ để ngăn chặn mầm mống hỗn loạn. Phùng Tác Nhiên đành thếp nói riêng với Cảnh:

— Những đứa như thằng Dương chính là đầu mối gây nên hỗn loạn! Tôi phải trừng trị nó đích đáng!

Cảnh tuy biết Dương đã đi quá trớn nhưng vẫn gạt đi:

— Việc gì phải thế! Tình hình này, chính ông và tôi cũng không dự kiến được tương lai trại mình sẽ ra sao, cho nên đừng làm gì quá đáng! Riêng những đứa như thằng Dương, dù muốn dù không thì thiên hạ cũng đã tin rằng nó là thành phần đối lập. Mình giết nó dễ như giết con kiến, nhưng tôi thấy, nó sống thì nó chỉ là hạt cát, mà nó chết thì mình lại mang tiếng là đàn áp đối lập! Hơn thế nữa, biết đâu sau này chả có lúc mình phải dùng lại nó! Thà cứ tạm gạt nó sang một bên, lờ đi!

Nhiên vẫn chưa hết giận, toan chửi thêm vài câu thì Cảnh lại tiếp:

— Vả lại, muốn khai trừ nó, muốn bắt nhốt nó thì cứ giao cho hạ tầng, cho địa phương thi hành. Mình ở trung ương, đừng có nhúng tay vào! Mai kia khó ăn khó nói! Đây là phương thức mà Hồ chủ tịch khi sinh thời vẫn sáng suốt áp dụng. Bác giết bao nhiêu người mà thiên hạ vẫn tôn vinh là nhân hậu!

Nhiên gạt gù nhất trí, lập tức gọi quân giáo Dân và lão cán bộ hậu

cần vào giao việc. Hai gã đàn em đang ghét Dương, hân hoan chấp hành chỉ thị, hạ quyết tâm loại Dương ra khỏi Đảng.

Từ hôm ấy Dương hay lang thang ra nông trường, suy gẫm về thân phận hẩm hiu của mình. Mất Đảng tịch, mất chức quân giáo, gã thấy mình trở trời, trống vắng, tự hỏi không biết đây có phải là màn kịch khổ nhục kế mà thủ trưởng Cảnh đã an bài cho gã hay chăng? Trăn trở lật đi lật lại vấn đề, gã vẫn không thể nào tìm ra đáp số.

Một hôm Dương lên ra bìa rừng, tình cờ gặp Nghiễm đang đào củ mài để cải thiện bữa tối. Dương mời Nghiễm điều thuốc và rủ anh ngồi tâm sự. Từ hôm nghe tin Dương bị kỷ luật, tù nhân nhiều người dành thiện cảm lớn cho Dương vì tin rằng Dương thực sự căm thù ban chỉ huy Trại giống như họ. Nhân dân bên ngoài doanh trại lại càng quý Dương hơn bởi nghĩ rằng tiếng nói của Dương có sức mạnh làm lung lay trại tù. Riêng Nghiễm thì vẫn nhớ lời Dương xác minh lập trường cách đây không lâu, nên trước sau vẫn quả quyết Dương không đứng chung một chiến tuyến với mình. Hôm nay gặp nhau, Nghiễm nhập đề ngay:

— Cuối đời nhà Minh bên Tàu, vua Tư Tông thấy giặc giã nổi lên khắp nơi, loạn nước rối bời khó bề chống đỡ, nên muốn cử người đi nghị hoà với quân Thanh. Cận thần biết ý vua, mạnh dạn tâu vua xin hoà để giữ yên ngôi vị. Chẳng ngờ quần chúng phản đối. Phe chủ chiến nhất định đòi đánh đến cùng. Vua phải nghe theo, bỏ hẳn ý định cầu hoà. Anh biết chuyện gì xảy ra không?

Dương trở mặt hỏi:

— Chuyện gì?

— Tất cả những đứa nương theo ý vua mà chủ hoà, lập tức bị vua lôi ra chém hết để lấy lòng bá tánh! Tôi biết anh là cái loa của chính trị viên cách đây hai năm. Nhưng nay chính trị viên không muốn đổi mới nữa thì anh trở thành kẻ phản động!

Dương lặng người ngồi yên, mặt

tím ngắt. Nghiễm lại nói:

— Nghe tin anh chỉ bị khai trừ khỏi Đảng, như thế vẫn còn là may đấy chứ!

Dương đáp:

— Đúng ra cũng không phải bị khai trừ! Chính tôi bỏ phiếu khai trừ tôi! Nghĩa là tôi tự nguyện rút ra! Tôi chán Cộng sản từ lâu rồi!

— Tại sao trước đây anh không xin rút lui, lại chờ người ta triệu tập phiên họp kiểm thảo, rồi khi biết chắc mình sẽ bị khai trừ, anh mới xin rút?

Dương vỗ vai Nghiễm tỏ vẻ ngậm ngùi:

— Thôi, quên chuyện ấy đi! Anh với tôi đều là những kẻ bị lừa cả! Tôi thờ Mác-xít, anh thờ đế quốc Mỹ. Chúng ta đều sai. Từ nay nên sám hối và bắt tay nhau, cùng xây dựng trại cải tạo tốt đẹp hơn!

Nghiễm nóng mặt:

— Anh bị lừa hay không, tôi không biết. Nhưng tôi không hề bị lừa! Anh sai lầm thì đúng, nhưng tôi không hề sai lầm. Cho nên tôi không có gì để sám hối. Anh thờ Các-mác thì đúng, nhưng tôi không hề thờ Mỹ. Anh xông vào cướp nhà tôi, tôi phải chống đỡ. Chẳng may tôi thua, tôi đành chịu, chứ bảo tôi cùng sai lầm như anh là ngụy biện, là sỉ nhục!

Nghiễm đứng dậy, hăm hăm vác xẻng bỏ đi. Dương chạy theo, chỉ mặt và nạt lại:

— Này! Tôi bảo cho mà biết, đừng có lên giọng dạy đời! Các anh ngu bỏ mẹ, cho nên thua là phải. Oan ức cái nỗi gì nữa! Tôi mới viết một cái truyện gọi là “Chuyện không đề”, trong đó tôi gọi đích danh các anh là “bọn chó”, là “bọn ngụy”, là “tay sai”. Anh biết “ngụy” là gì không? Là bọn phản loạn, thổ phỉ, như Lê Văn Khôi ngày xưa bị Minh Mạng giết vùi chung một đồng đất gọi là “mả ngụy”! Tôi tả các anh ác như súc vật mà cũng hèn như con vật. Ấy thế mà bọn các anh ở bên ngoài vợ lấy, hôn hít đặt lên bàn thờ mà bái lạy. Cho nên anh đừng trách tôi. Ngụy thuyết của tôi, chính tôi biết là láo. Nhưng chính các anh lại tôn

thờ thì tội gì tôi không viết! Tôi bảo thẳng cho anh biết, anh hồ hào chống tôi vô ích. Anh nói đến mấy cũng chẳng ai thèm nghe nữa. Mà ngược lại, giấy nháp của tôi quăng vào thùng rác cũng có người của phe các anh kính cẩn đón lấy và nuốt vào bụng! Suy nghĩ lại đi!

Nghiêm nóng bừng mặt bỏ xuống đời. Dương thở dài trông theo, chán nản đến cùng cực bởi vì lần đầu tiên trong đời, gã thấy mình vô tình lọt vào giữa hai lần đạn. Gã cất tiếng gọi Nghiêm, nhưng Nghiêm cầm đầu rảo bước, không thèm ngoái lại.

Một tháng sau, Dương bị an ninh bắt nhốt vì có kẻ khai Dương đưa tài liệu ra khỏi trại. Việc bắt Dương không phải chủ trương của ban chỉ huy Trại mà chỉ hoàn toàn vì đám hạ tầng ngứa mắt nên bắt giam cho bỏ ghét. Nhưng điểm đặc biệt trong xã hội Cộng sản mà người bên ngoài không nắm vững là, trung ương luôn luôn dành cho hạ tầng rất nhiều quyền hạn, chẳng

những không can thiệp vào những bất bớ ở mỗi địa phương, mà còn tìm cách giải thích để bênh vực nữa. Lý do vì, cơ sở hạ tầng ở các địa phương chính là rường cột để Đảng đứng vững. Có người làm lớn trong chính quyền, nhưng khi về tổ về phường, một thằng công an khu vực cũng có thể bắt nạt được!

Còn nhớ ngày trước, một bộ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh là Đặng văn Hường về quê thăm nhà, gặp đúng lúc đang xảy ra phong trào đấu tố địa chủ. Đám cán bộ địa phương lôi cổ ông bộ trưởng ra đấu. Lúc đầu ông không sợ, bởi chẳng những ông thân cận với Hồ Chí Minh mà ông còn là thân phụ đại tá Đặng văn Việt, anh hùng chống Pháp, đang lừng lẫy trên đất Bắc. Ấy thế mà trung ương vẫn không can thiệp, để địa phương đánh chết anh ruột ông và sỉ nhục ông đủ điều. Cuối cùng ông và bà vợ thất cổ tự tử!

Việc bắt Dương gây nên nhiều luồng dư luận trong quần chúng.

Phản ứng của đám cải tạo chia làm ba nhóm: Có người hoang mang chẳng hiểu ban chỉ huy sắp đặt trò gì. Có kẻ đứng đưng coi đó là chuyện ân oán nội bộ rất thường tình, không can dự gì đến người ngoài. Nhưng cũng có đứa rung rung thương cảm vì thân tượng của mình bị vướng vòng lao lý. Đặc biệt nhất là từ bên ngoài, có đến mấy trăm người khóc nức lên, chạy đôn chạy đáo, xôn xao rủ nhau làm kiến nghị xin cho Dương. Tên Dương bỗng chốc được khắc vào bia đá, được ghi trên quảng trường, đến nỗi ngồi trong nhà biệt giam, chính Dương cũng phải phì cười bởi biết mình vừa ngẫu nhiên lạc đường vào lịch sử!

Buổi trưa hôm ấy, Nghiêm bùng cơm cho Doãn trong nhà biệt giam. Lúc này Doãn đã suy nhược lắm bởi hình ngục khắc khổ kéo dài quá lâu. Nghe tiếng gọi, Doãn mệt mỏi chống tay ngồi dậy. Mồ hôi chảy thành giọt theo mái tóc dài phủ xuống mắt. Doãn đưa cánh tay quệt ngang trán, rồi thò qua song cửa đỡ chén cơm độn có con cá khô cong queo đặt trên mặt. Bỗng nghe tiếng reo hò ồn ào từ ngoài cổng trại vọng vào rồi tiếng loa phóng thanh hùng hồn đọc lớn những thông điệp thống thiết gửi cho ban chỉ huy Trại. Doãn hồi hộp buông rơi bát cơm đổ tung toé xuống chân, chắp tay trước ngực, ngó xiên ra phía hông nhà, nơi có những nắm mồ hàng hàng lớp lớp ghi danh những người đã ngã gục vì cùng mang một lý tưởng như Doãn. Tiếng reo hò ngoài cổng vẫn vang vọng. Doãn ngược mắt lên trời, hốt hển nói:

— Người ta đến cứu tôi! Chao ôi, người ta từ bên ngoài về cứu tôi!

Nghiêm bình thản lắc đầu:

— Ông cúi xuống, nhặt cơm lên ăn đi! Ông còn nằm đây lâu! Người ta quên ông rồi! Tên ông đã quá cũ. Người ta cần những thân tượng mới! Tiếng loa phóng thanh mà ông đang nghe là bản kiến nghị xin tha cho quần giáo Dương, chứ không phải ông! □

NGUYỄN NGỌC NGẠN

*trong
sân trường
ngày ấy*



Xuân Thu

**TÁC-PHẨM
MỚI NHẤT CỦA
NGUYỄN
NGỌC
NGẠN**

*Giá 12 mỹ-kim
(15.50 gia-kim)*

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 310
Station "W", Toronto
Ontario M6M 5B9
Canada

xóm cũ

LTS.— Để gợi lại, chia sẻ và giữ gìn những kỷ niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê hương, toà soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào đón các bài viết về phong thổ, con người, phong tục, tập quán, đất nước quê hương. Hãy ghi chép lại, trước khi kỷ niệm chìm sâu.

Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời gian phủ mờ ký ức. Viết về một lưom lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm thắm. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn lọc và lần lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ.

cần chặn hai đầu cho nó thấy bóng rồi vùi. Thế là ta cứ đến nhìn cái "mà" (chỗ nó vùi còn để lại dấu vết) moi lên. Một lát là đầy giỏ. Người ở đây nếu không bắt "mà" thì gài bẫy. Họ đào một cái lỗ rồi chôn một cái thùng thiếc xuống. Xong, gác một con mắu sống ngang miệng thùng. Đến tối, các chú còng gió đi kiếm ăn, nghe mùi mắu sống là bỏ lại, rồi

Món Ngon Miền Nam

Xuân Tước

Viết về "Xóm Cũ" mà nói chuyện món ngon xem chừng hơi lằng quẻ, phải không thưa các bạn? Nhưng theo tôi nghĩ thì không. "Dĩ thực vi tiên" mà! Miền Nam trù phú là nhờ đất ruộng phì nhiêu đã đành, mà cũng nhờ có nhiều đặc sản nữa. Ẩm thực là một phần của văn hoá của mỗi nước, vậy nói về món ngon miền Nam tức là nói đến văn hoá Việt Nam, phải không bạn? Đi về Xóm Cũ với những món ăn ngon thì thật là tuyệt. Vì vậy, xin cống hiến các bạn những nét độc đáo về "cái ăn" của miền Nam nước Việt chúng tôi.

Xin đi từ phía bắc xuống. Và từ phía bắc của miền Nam này, Phan Thiết là vùng quan trọng, nơi sản xuất nước mắm nổi tiếng mà chắc các bạn đã biết. Nhưng ngoài ra còn có những món ngon khác:

Gỏi cá mai: Đi Phan Thiết mà không ăn gỏi cá mai là còn thiếu sót. Cá mai là một loại cá nhỏ, đẹp

như cá thiếu hay cá lòng tong, thân trong. Cá từ dưới biển vớt lên đem chà cho sạch, rồi trộn liền với giấm hay chanh. (Chanh thì ngon hơn giấm). Sau đó mới thêm rau thơm, khế hay ngó sen để những người chưa quen, ăn ít thấy ngán. Chúng tôi có thử món sushi hay lưom sống của người Nhật, thấy không ngon bằng. Con lưom bằng ngón tay mà đem nhai với rau thì ngán miệng hơn là ăn con cá mai nhiều.

Hết cá mai tới còng gió. Loại còng này chạy đầy bãi biển. Nhưng bắt nó không phải là dễ. Phải thấy nhược điểm của nó thì mới dễ bắt. Loại còng này thường hay vùi dưới cát. Có khi hàng ngàn con nằm trên bãi biển mà vừa thấy bóng người là biến mất vì chúng đã vùi xuống cát rồi. Vì thế, người đi bắt còng chỉ

đưa còng gấp con mắu và rơi tòm xuống thùng. Chỉ vài tiếng đồng hồ là đầy thùng cho ta nấu cháo.

Muốn nấu cháo còng gió thì lật bỏ mai, ngắt bỏ ngoe. Còng có nhiều gạch cứ băm nát. Xong, chờ cho cháo sôi và nhừ thì đổ thịt còng vào. Để một lát là đem xuống nhậu được. Vì còng có nhiều gạch nên ăn nhiều dễ bị Tào Tháo đuổi hay xách quần mà chạy lắm.

Món ngon thứ ba ở Phan thành là con nhông (dông). Đó là loại kỳ nhông ở trên các nổng cát dài theo bãi biển. Dân miền biển gài bẫy cò ke để bắt nhông. Hồi còn học ở trường thể dục Samipic, trưa nào bọn quỷ chúng tôi cũng xách dòn



thung xuống bãi để săn nhông. Bán hạ được vài mươi con đem về để tối nấu cháo ăn thì tuyệt. Thịt nhông ăn như thịt gà, vị mát mà béo hơn gà nhiều.

Giờ xin mời các bạn đi xa hơn về phía Nam. Đến Biên Hoà, ai cũng nghe danh bưởi ngọt. Nhưng phải biết loại bưởi ở Biên Hoà thì mới là người sành điệu. Bưởi ở nhỏ trái hơn các loại bưởi khác, nhưng nhiều nước và ngọt lịm, đắt tiền hơn các loại bưởi khác nhiều. Xuống đến Gia Định thì món ổi xá-ly là ngon nhất. Loại ổi này da không xanh, hơi ửng trắng, vỏ dày và ruột nhỏ. Nhờ dày cơm nên ổi ăn nửa ngọt nửa chua, ăn hoài không biết chán. Rất tiếc vì khó trồng nên về sau này giống ổi xá-ly da trắng này bị mất giống.

Đi Chợ Lớn thì phải nói đến vườn thơm. Thơm, khóm ở đây ngọt không thua gì thơm, khóm Cầu Đức, Cần Thơ. Trái thơm xẻ ra thơm đầy mật thiệt hấp dẫn. Thêm vào đó, lòng hiếu khách của chủ rẫy càng làm cho vị thơm ngon ngọt hơn nhiều.

Xuống Mỹ Tho khi vừa tới Trung Lương, là đã nghe tiếng rao: "Mía ghim, mận hồng đào, mận da người đây..." Vùng này có loại mận ngon ngọt nhất miền Nam. Trái mận lớn, da ửng hồng và có sọc, ăn giòn và ngọt lịm.

Vượt qua bến đò Tân Thạnh là đến Bến Tre. Đây là xứ dừa, đi cả ngày cũng không qua hết vườn dừa. Ngoài loại dừa lửa còn có loại dừa xiêm lùn, thân cao chỉ bằng đứa trẻ 6 tuổi, mỗi quây có hơn chục trái. Trưa nắng gắt mà uống một trái dừa xiêm này thì thấm giọng vô cùng.

Xuống Bến Tre rồi băng qua sông Cổ Chiên là đến Trà Vinh. Trước hết, xin mời bạn dùng món điểm tâm độc đáo của Trà Vinh là cơm xiu mại của người Tiều (Triều Châu). Rồi đi xuống miền biển, về Long Toàn hay Ba Động, bạn sẽ gặp một món ngon không nơi nào có, đó là món mắm rươi. Rươi là một loại côn trùng, thân nhỏ như



con dơi (hay con rít). Về mùa khô hay mùa rươi, thì rươi từ trong các đám lá dừa nước trôi ra theo nước lớn. Người dân vùng này đã chuẩn bị sẵn sàng. Họ nấu nước muối đổ vào lu, đưa xuống ghe. Thấy rươi nổi lên đổ mặt sông là người ta đi vớt. Cứ đổ rươi vào lu, rồi đưa về nhà, phơi nắng. Ít lâu sau thì rươi tan xác, xương lảng xuống đáy lu. Người ta cứ để lu rươi phơi nắng một mùa thì ăn được. Lấy nước rươi đem nấu nước mắm thì ăn ngọt và thơm.

Ở miệt này còn có nhiều cá kèo, con to gần bằng ngón chân cái, dài độ hai tấc, béo mập vô cùng. Cá kèo mà nấu cháo ăn thì ngọt thũng đầy trả ăn thua, mà đem kho với mắm rươi càng ngon hơn. Thế nên mới có câu:

*Cá kèo mà gặp mắm rươi,
Như nơi đất khách gặp người cố tri.*

Tương truyền rằng vua Gia Long tẩu quốc về đây đã ăn loại mắm rươi này, nên về sau người ta đưa đi bán khắp nơi, gọi là nước mắm ngự.

Xác rươi lảng xuống đáy lu đem kho khô ăn với chuối, khế và cơm

nóng thì còn gì bằng.

Ở Bến Tre còn có một loại chanh đặc biệt gọi là chanh ngọt. Chanh thì chua chớ sao lại ngọt, thế mới là kỳ. Nhưng đó là sự thật. Ông Trương Vĩnh Ký ngày xưa đi Mã Lai và nhiều nước khác đã đem về nhiều loại cây ăn trái cho vùng Cái Mơn này. Chanh ngọt mọc bằng dây, một loại dây leo lá như lá bưởi, mùi vị như mùi lá chuối. Trái thì giống hết trái chanh nhưng ăn thì vị ngọt chứ không chua. Người ta thường có câu hát:

*Chùng nào đá nổi rong chìm,
Muối chua chanh mận anh mới tìm được em.*

Tôi nghĩ nói "chanh ngọt" thì đúng hơn, vì trái cây thì có chua, ngọt chớ làm gì có chua, mận. Mà chuyện anh gặp em cũng thường xảy ra, vì em giận anh lâu ngày hết giận thì anh cũng tìm em được. Trái đất tròn mà. Như vậy, nếu có trái chanh ngọt thì cũng không phải là chuyện lạ, phải không, thưa các bạn? Loại chanh này chỉ duy vùng Cái Mơn là có trồng, có thể vì nó là thứ của lạ chứ không phải là thứ

thực dụng cho đời sống hàng ngày.

Về Hậu giang đến Cần Thơ mà không ăn cá là một thiếu sót rất lớn. Ở các vùng Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá... thì cá chẳng thiếu gì. Có nhiều đĩa lớn tát bằng gầu giai đến ba ngày chưa cạn.

Nước rút đến nửa đĩa thì cá đặc như giò, nhiều nhất là cá rô. Người ta phải múc cho hết loại cá rô nhỏ này (chừng ba ngón tay) đổ lên sòng thì mới thấy các loại cá lớn. Cá trê vàng bằng cườm chân nướng giấm nước mắm gừng ăn

ngon số dách (rất lạ là miệt này người ta không ăn mắm rươi, có thể vì nước mắm nhứt của cá rô, cá lóc cũng ngon tương đương). Cá rô mè lớn bằng bàn tay ăn béo ngậy. Ở đây khi bạn xin một con cá thì người ta cho một con cá lóc chớ không bao giờ cho cá rô. Cá rô quí hơn cá lóc nhiều. Nước cạn, cá lóc nằm phơi mình như củ lứt. Có con lớn hơn bắp vế lại có râu, trông rất tiểu lâm. Đó là những con cá nái, người ta sẽ thả lại xuống đĩa để lấy giống cho những mùa sau.

Mắm vùng Hậu giang cũng ngon lắm, nhứt là mắm ruột. Cá lóc làm mắm, đầu cá to bằng cái đĩa bàn, dùng để mời thượng khách. Xưa chúng tôi có đi xuống đồn điền của bạn Lê Đăng Côn và bác sĩ Lê Văn Ngôn. Đây là vùng hậu Cái Răng, Cần Thơ. Anh đãi khách bằng món đầu cá làm mắm và món cháo rắn ri cóc ngon khó quên. Mắm ruột là nguyên bộ ruột con cá lóc nái có trứng làm mắm. Mắm này ăn vừa béo vừa thơm, nhưng coi chừng chạy ra bờ không kịp.

Ở Hậu giang lươn cũng là món tuyệt hảo. Con lươn vàng lờm, thân to bằng bắp tay, đem hấp với lá nhàu hay lá rau ngổ, rồi ăn với nước mắm nhứt thì quên thôi. Lươn nướng trộn rau răm ăn cũng bất lăm.

Món chót mà chúng tôi muốn giới thiệu với các bạn là món ba khía. Vùng Bạc Liêu đến mùa ba khía hội (bắt cặp) thì chúng nó bao quanh hết các gốc bần ven sông. Cũng giống như làm mắm rươi thì người ta mang bao tay vào rồi mặc tình mà hốt, bỏ vào lu nước muối, để ít lâu sau thì ba khía ăn được. Người miệt này thường chở ba khía lên bán ở Sài gòn. Dọc đường ba khía bị trở thì người ta cứ đá vào. Có lẽ chất ammoniac trong nước tiểu đã sửa cho ba khía hết trở, và dân Sài gòn ăn khen ngon...

"Dĩ thực vi tiên", các bạn có cho câu này là đúng không? Chúng tôi còn cho rằng "dĩ thực vi thiên" nữa là đáng khác. Ăn ngon, ngủ kỹ thì sống lâu, phải không các bạn? □

thư gửi về bên ấy

Viết lá thư xin gửi về bên ấy
Lời đầu tiên thăm sức khoẻ mẹ hiền
Tuổi hạc lưng còm, ra vào quanh quẩn
Con phương này, ôi thương nhớ triền miên!

Quê hương mình mùa đông thường mưa bão
Nhà tiêu điều mái lá dột năm xưa
Con lang bạt không kịp về chữa lại,
Mảnh chăn đơn đủ ấm mẹ đêm mưa?

Mẹ yêu dấu, cả một đời buồn khổ
Đã mất chồng bây giờ mất cả con.
Con biền biệt, biết bao giờ gặp lại,
Năm tháng gieo neo, trông ngóng mỗi mòn.

Viết lá thư xin gửi về bên ấy,
Thăm bạn, thăm em, thăm cả xóm làng,
Thương người sống cảnh đêm trường bắc cực,
Biết bao giờ có được sớm mai sang?

Em nghĩ gì về quê hương, thân phận
Về anh, và những kẻ đã ra đi?
Vì muốn sống như những ngày xưa cũ,
Em thân yêu! Anh biết phải làm gì!

Anh và bạn bè ở đây một lũ,
Nổi xót quê hương, nổi tủi phận mình.
Ngày nhọc nhằn, đêm từng đêm trăn trở
Mùa đông về tuyết phủ lạnh thấu canh

Hoài bão lớn nhốt vào cơn gác nhỏ
Năm tay nhau cùng chung nỗi ưu tư
Cùng một niềm đau: niềm đau mất nước
Một ngày kia tính sổ với quân thù.

Và niềm tin này không bao giờ mất,
Ngày non sông rực rỡ bóng cờ vàng,
Ngày thanh bình trong tiếng cười rộn rã
Về quê hương trong khúc hát khải hoàn.

Viết lá thư xin lỗi người bên ấy,
Mài kiếm chưa xong, tóc đã bạc màu*
Nhưng chắc chắn sẽ có ngày trở lại
Quê hương ơi, hãy gắng đợi chờ nhau!

phạm tâm phổ

* Quốc thù vị phụ đầu tiên bạch
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma. (Đặng Dung)



MỘT ĐỊA NGỤC GIỮA THÀNH PHỐ HOA LỆ

Khám Lớn Sài Gòn!

Cái địa danh ấy, cái thế giới kinh hoàng rùng rợn ấy, dù chỉ bốn tiếng gọi, dù chiếm một diện tích nhỏ hẹp ở trung tâm thành phố (số 69 đường Lagrandière), vào những năm trước 1953, là nơi ít có người dân nào dám tưởng nghĩ hay nhắc nhở đến. Đây là sâu thành khủng khiếp toạ lạc giữa đường phố nhộn nhịp của Sài thành được gọi là Hòn Ngọc Viễn Đông thuở xưa, với bốn bức tường thành cao vọi có truyền điện cao thế, với những dãy nhà lầu ba tầng, với một hệ thống canh phòng chặt chẽ sau lớp song sắt kiên cố, là nấm mồ kín đáo bao lấp biết bao cơ man uất hận của hàng

vạn con người mang thân chim lồng cá chậu, trong thời kỳ đô hộ suốt 80 năm của thực dân Pháp.

Số tội nhân thường trú của khám vào khoảng 3000, có kẻ ở lâu, có người bị giam một thời gian rồi chuyển đi nơi khác. Thường phạm có, chánh trị phạm có, già trẻ bé lớn, cả vị thành niên và phụ nữ, có một sanh hoạt riêng, nhọc nhằn và khổ nhục, cả bị chết chóc, xảy ra trong vòng thành chỉ cách một con đường với cảnh tự do qua lại, ồn ào bên ngoài.

Trong sâu thành ấy, bao kiếp người đã nhiều đêm trần trọc ao ước mảnh trời tự do, thêm thưởng một hơi thở sáng khoái của kẻ bên ngoài. Những đêm không ngủ, tai vẳng nghe tiếng cười nói vui nhộn của trai thanh gái lịch dạo phố, hồi

Khám Lớn Sài-Gòn

An Khê

tưởng đến thời bay nhảy không vướng mắc của mình đã qua, lòng ngấm gậm sâu sắc nỗi sầu hận mà người xưa thường nói: Nhứt nhứt tại tù, thiên thu tại ngoại! Rồi những đêm mưa sầu rả rích, đổ ai từng nằm trùm manh chiếu rách bên song sắt tù, bụng đói nao nao, nghe tiếng chị bán chè dưới đường rao lạnh lạnh: "Ai ăn chè đậu xanh đường cát, bột khoai, bún tàu hông...!" mà chẳng nhớ nhà day dứt, sầu, nấu cả ruột gan!

Mãi về sau, đến ngày 8.3.1953, thủ tướng Nguyễn văn Tâm thời cựu hoàng Bảo Đại, trong ngày lễ quốc khánh, cầm cuộc phá viên gạch đầu tiên của khám Lớn Sài Gòn, cốt chứng tỏ đã dành lại quyền nội trị. Song trước đó, vào năm 1941, chúng tôi ngồi tù khám Lớn đã nghe nói đến việc đang xây cất khám Chí Hoà to lớn, kiên cố hơn để dời tù ra khỏi thành phố, vì tuy bùng kín đến đâu, khám Lớn Sài Gòn vẫn gây nhiều ồn ào khiến dư luận và báo chí ta thán về sự hà khắc của nhà cầm quyền. Vòng thành tường ngục bị phá đi rồi, mãi đến ngày 3.7.1956, nơi đây mới có một lễ đặt viên đá đầu tiên xây cất trung tâm văn hoá và thư viện quốc gia.

Vào một chiều mùa thu năm 1941, chúng tôi chưa có linh tổng

giam mà đã bị lừa lên xe cây từ bót lính kín Catinat đưa thẳng vào khám Lớn Sài Gòn. Xe cây là loại ô-tô rộng thùng, chuyên để chở tù, sơn màu xám mốc hắc ám, cửa trở ra phía sau thường đóng kín bít bùng, chỉ chừa một vuông thông hơi có chấn song sắt. Loại xe này cũng thể xe đưa ma, chạy đổ trước đoạn đường nhà nào, dân chúng cứ giạt mình thon thót.

Bót Catinat, nơi chuyên dùng điều tra can phạm, nơi chứa đựng tội ác của lũ cầm quyền, cũng là một địa ngục. Bị chuyển từ địa ngục này sang địa ngục khác mà chúng tôi mừng như được tái sanh.

Một là vì được ở chỗ rộng rãi hơn, khỏi phải cảnh ngột ngạt, ép mồm trong những phòng giam nhỏ, đứng ngồi cả trên đồ phóng uế, nửa đêm thỉnh thoảng lại nghe kêu ới: "Bác gác khám ới, có một thằng chết rồi đây!". Chết đây là chết ngộp vì thiếu không khí thở. Lão lính kín già chuyên gác cửa khám lò dò đi đến, mở khoá cửa, lôi can phạm (thật ra chưa phải là can phạm, chỉ mới tình nghi) ấy ra, để nằm dài bên ngoài 15 phút cho tỉnh, rồi lại đưa nhốt vào khám. Có khám không đủ chỗ ngồi hay vì chỗ ngồi bẩn thỉu quá, những người chung khám phải đứng dựa nhau mà ngủ.

Lão gác khám thường tỏ vẻ ái ngại, bảo nhỏ với chúng tôi: "Sao bây không khai? Khai hết đi để khỏi bị đòn bọng tội nghiệp quá vậy. Khai rồi, người ta kết thúc hồ sơ, đưa sang khám Lớn rộng rãi lại ăn uống đầy đủ, được đưa ra biện lý lãnh giấy tổng giam thì... khoẻ re, nằm chờ ra toà lãnh án thôi, khỏi sợ bị đánh đập bể da, phun máu như thế này!" Nghe những lời quyến rũ hấp dẫn như thế, ai lại chẳng mong được sớm giải sang khám Lớn, thoát khỏi những cuộc thẩm vấn bằng roi mây quất sưng húp gan bàn chân phải vừa bò vừa khóc, bằng củi đòn đánh tứ trụ, bằng buộc treo cánh chó treo tồn ten như đi máy bay, hoặc dìm đầu ngộp sặc sụa trong nước xà-bông

như lặn tàu thủy, hoặc phải giạt điện nơi chỗ kín....?

Lão lính già hay cò mồi, chỉ bảo phải khai thế này thế nọ. Có anh trẻ tuổi nọ tên Nguyễn Văn Đánh, vốn là dân bụi đời, không hiểu sao bị bắt vào bót Catinat và bị điều tra thẩm thiết. Anh bảo: "Con chắc chết qua bác gác khám ới! Con có biết gì đâu! Con khai cho cha mẹ, ông bà, chú bác, dì dượng của con rồi mà mấy ông nội còn hỏi con ở đảng nào! Đảng cha mẹ, gia đình chưa đủ cho mấy ông sao?" Lão gác khám thương tình: "Tội cho mày quá! Hôm rày sao mày không hỏi tao? Mày không biết, tao dạy cho để đỡ đòn. Mày muốn ở đảng nào? Nhiều đảng lắm, nhưng hiện hành thì có Việt Nam Nhân Dân Cách Mạng, Phục Quốc, Tân Việt Nam, đảng Đại Việt hai ba phe rắc rối mày khai không trúng càng khổ... À, có bọn Thanh Niên Ái Quốc. Đảng mới bẻ, có tổ chức từ Nam, Trung, Bắc. Bọn này mới bị bắt mấy chục thằng, bị đánh nhiều mà chưa khai hết..." Thế rồi lão chỉ cho Đánh biết cơ cấu tổ chức bí mật của đảng, những người cầm đầu là ai, cách tuyên thế khi nhập đảng thế nào... Đánh như người suýt chết mà sống lại. Và đây cũng là tâm sự chung của những người muốn rời thoát khỏi bót lính kín Catinat.

Sau nữa là anh em cùng tổ chức được ở chung nhau, dặn dò nhau phải khai thế này thế nọ, khỏi bị lũ điều tra viên bắt nạt, thêm bầm giập thân thể. Anh Bình Hàng, một người bạn thiết của chúng tôi, đã phải đập đầu chết rồi đấy! Và vì thế, sau khi kết thúc hồ sơ, bọn bót Catinat vẫn chắc lưỡi bảo là uống vì một tổ chức lớn mà chỉ vờ được có năm mươi hai mạng thôi! Khám phá được một tổ chức cách mạng nào, càng đông người chúng càng được khen thưởng.

Thuở ấy, ở bót Catinat, về nhân viên người Việt có hai thẩm vấn viên sáng giá là Mai Hữu Xuân và Trần Bá Thành. Mai Hữu Xuân khéo chánh trị, biết nường nhẹ với các nạn nhân lọt vào tay y hơn. Lớn

chức hơn cả, về người Việt, là Robert Trần Chánh, mới lên chức cò-mi, được thuộc hạ khúm núm gọi là ông Cò. Cò Chánh vốn là con của nhà cách mạng Trần Chánh Chiêu. Đúng là cha làm thầy, con bán sách. Ông Trần Chánh Chiêu làm cách mạng chống thực dân Pháp, bị bắt bớ, đánh đập, tù đầy. Con ông lại là xếp của bọn lính kín, tha hồ bắt bớ, đánh đập, tù đầy người chống đối, luôn cả kẻ oan tình. Cò Chánh ban đêm hay mò vào chỗ giam người, cười nói oang oang, chọc ghẹo cô gái thầu cơm rất thô lỗ và bỉ ổi.

Hôm ấy chúng tôi, dù nội vụ chưa được điều tra xong mà được phá lệ giải sang khám Lớn là với tư cách tạm gởi. Đây là vì đêm hôm trước đó, có hai tên đội Nhật Bốn say rượu đi nhằm vào bót lính kín Catinat để tìm ai đó. Cả bót lính kín, Tây lẫn ta, bỏ trốn cả. Bót lính kín rộng thênh thang, những người bị giam sau cửa sắt kiên cố chẳng ai trốn ra được trong đêm đó. Nhưng tên cò Bazin, gã hung thần ác sát nhất thời ấy, e sợ có một cuộc giải thoát như trường hợp luật sư Dương Văn Giáo, nên phải gởi chúng tôi qua khám Lớn.

Luật sư Dương Văn Giáo là một luật sư có tài, lớn hơn lão ký giả Trần Văn Ân một con giáp, cỡ tuổi Hồ Chí Minh, bạn với ông Nguyễn Thế Truyền và ông Tú nho học Võ Oanh. Theo ông Trần Văn Ân thì ông Giáo có đời tư rất cầu thả, song khi vào tù lại có khí phách và giàu lòng thương bạn. Lúc ấy luật sư Dương Văn Giáo đã bị kêu án 8 năm khổ sai nhưng một gián điệp Nhật, chủ hãng Dainam Koosi Matushita, đã tổ chức cho một phụ nữ Nhật tên Sinna (người tình của ông Giáo) lập kế cứu ông ra khỏi khám. Ông Giáo về sau, lối đầu năm 1946, bị Cộng sản bắt cùng lãnh tụ Cao Đài Lê Kim Ty, và bị giết cùng với mấy chục lãnh tụ Đệ Tứ nơi sông Lòng Sông gần Phan Thiết.

Lần đầu tiên tôi bị gã hung thần Bazin gọi lên nhìn mặt là lần tôi

chứng kiến gã ra lệnh đánh dần mặt Võ Bá Tông, vô địch võ sĩ miền Nam. Võ Bá Tông bị còng treo hai tay ra sau, ở trần, ngồi xếp bằng dưới gạch, trước bàn giấy sang trọng của gã cò Bazin. Gã này lúc ấy khoảng hăm lăm hăm sáu tuổi, có dáng vẻ đẹp trai của thanh niên Pháp chánh cống, nói tiếng Việt rất giỏi. Gã xem chồng báo Tân Á rồi cầm cả chồng báo xé toạc làm đôi. Một tên lính kín cầm một khúc tầm vông, loại tre ruột gần như đặc và cứng rắn không thua gỗ, đập thẳng cánh vào đầu nạn nhân. Đập vừa giáp khúc tầm vông ấy, gã thay đổi khúc tầm vông khác. Máu từ trên đầu Võ Bá Tông rơi thánh thót xuống gạch. Tên cò Bazin bĩu môi, bảo: "Làm cho gọn, dơ quá vậy!" Gã lính kín càng giáng mạnh tay hơn, quát: "Hưng vô quần, mầy!" Nạn nhân khép đầu vào vai, cho máu đổ tuôn xuống chiếc quần đùi đã ướt đẫm máu. Vừa khi ấy có tiếng chuông điện thoại từ bên ngoài. Cò Bazin nhìn lên đồng hồ, thấy đã năm giờ chiều, hần có cái hện. Hần khoát tay cho hai tên lính kín xốc nách dìu Võ Bá Tông vào trong. Một tên mật thám ở lại, lấy giẻ lau sạch chỗ máu đổ. Vừa xong, cửa phòng mở ra. Một phụ nữ Pháp thanh lịch và xinh đẹp bước vào. Nàng còn rất trẻ, nụ cười như hoa nở: "Xê-ri! Cung của em đang làm gì thế?" Gã cò Bazin đổi khuôn mặt hung thần ra hiền hòa, vui vẻ, dễ thương: "Anh có làm gì đâu. Chờ xê-ri đến để đi dạo phố, sắm quà!" Thế là chàng và nàng cặp tay nhau bước ra cửa, như một cặp thanh niên thiếu nữ yêu đời, lương tâm trong trắng, rất xứng đáng hưởng tình yêu và hạnh phúc. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi chứng kiến sự thay mặt, đổi hình của một tên cáo mật thám, vừa vấy máu đầy, rửa tay xong, biến ra lương thiện, hiền hoà.

Việc được chuyển gập sang khám Lớn đã gỡ rối cho tôi trong vấn đề khai tả hình dạng anh Vũ Tam Anh. Trần Bá Thành điều tra mãi, dụ dỗ tôi: "Hồ sơ anh bây giờ xong rồi,

hữu thủy vô chung

*Hai đứa ra đi cùng thời điểm
Mượn chốn quê người để yêu nhau
Đời vốn tạm, đất người cũng tạm
Nên tình đành có trước không sau.*

ngữ an



anh không còn bị tra tấn, anh nói thiệt cho tôi nghe Vũ Tam Anh có phải người cao lớn chứ không lùn ốm như trước kia anh nói không?" Tôi vẫn giữ lời khai cũ. Khi gặp được người cùng phe, cùng đảng mà mình chưa biết từ trước, nay mới giáp mặt nhau dạn dò cho ăn khớp thì còn gì sung sướng cho bằng.

Chúng tôi bị lừa qua ba chặng song sắt mới vào đến cửa rôn (geôle), quần áo đều cởi ra hết và cầm sẵn nơi tay. Tất cả vật dụng cá nhân, quần áo, cả đến cặp kiếng cận thị của tôi cũng bị giữ lại chờ khi mãn tù mới được trả. Mỗi người chỉ được phát cho một chiếc quần cụt bằng vải nhuộm chàm xanh lè và một cái dính bài nhỏ bằng nửa bàn tay, hình thoi, bằng gỗ. Một mặt có đóng chữ "M" tức *manifestant*, là người chống đối; mặt bên kia đóng bốn con số khác nhau. Dính bài này thay cho tên họ. Cái tên của cha mẹ đặt cho kẻ đã bỏ đứt cho đến khi mãn án, ra tù hoặc là chết trong tù. Vì chưa là tù phạm, chúng tôi mang dính bài hình thoi và con số nọ cho đến khi ra toà, lãnh án xong thì đổi thế bài theo một hình dạng khác và mang số khác. Những người tù đến sau chúng tôi, khám Lớn hà tiện, chỉ phát cho một cái si-líp xanh thôi. Khi nào cần phải ra ngoài hoặc trả về bót lính kín điều tra thêm, hoặc ra nhà hình, hoặc ra toà án, cửa rôn cho mượn tạm một chiếc áo xanh cụt tay tròng vào đầu.

Sau khi lãnh quần và thẻ bài xong, chúng tôi bị lừa ra khoảng trống nơi con đường giữa nhìn

thẳng khám đường chánh cao sừng sững ba tầng lầu, có cửa vòng cung thẳm sâu như miệng con ngáo ộp chỉ nuốt vào chứ không nhả ra, có lầu trống, có gác chuông canh gác nghiêm nhặt. Cứ mỗi ngày, vào 6 giờ chiều cho đến 6 giờ sáng hôm sau, sự canh phòng cẩn mật bắt đầu lên tiếng cho mọi người nhớ đây là tường đồng vách sắt không dễ gì trốn nổi. Nơi bốn góc tường thành có bốn chòi gác. Cứ mười lăm phút, tên lính canh nơi chòi gác thứ nhứt phải hô to: *Veilleur un!* (Tên gác thứ nhứt!). Kế đến tên lính canh vọng gác thứ hai phải hô tiếp theo: *Veilleur deux!* (Tên gác thứ hai!). Và liên tiếp như thế đến tên thứ ba, thứ tư. Hô không đủ lớn và hô trễ, tức thì có người kiểm soát đến ngay chỗ xem vì sao. Hai lần đếm như thế là nửa tiếng đồng hồ, lầu trống thì thùng ba tiếng, báo hiệu việc canh phòng tiến triển tốt đẹp. Bốn lần hô là một tiếng đồng hồ, đúng phút đúng giây, gác chuông liền gõ ba tiếng keng, chứng nhận mọi việc canh phòng êm xuôi trong vòng một tiếng đồng hồ vừa qua. Trống đánh hăm bốn lần, keng gõ mười hai lần là xong một đêm. Đó là chưa kể vào chiều tối, tội nhân đã bị nhốt chặt chẽ sau một chặng song sắt to tướng trong khám, một cánh cửa sắt bít bùng bên ngoài và nhiều cánh cửa sắt kiên cố khác trong vòng thành.

Sau khi lãnh quần và dính bài xong, quần chưa được phép mặc vào, dính bài cầm khư khư nơi tay, chúng tôi ngồi chồm hổm bên đường đi, im nơi nín tiếng, cố thu nhỏ mình lại để chờ điểm danh.

Xếp khám ở đây, trực nhật là Paul Hiền, có bốn phận giải giao chúng tôi lên *salle* 3, là nơi giam nhốt chánh trị phạm. Hắn chỉ điểm danh xong, đủ số rồi đưa lên phòng giam cho xếp khám nơi ấy điểm danh lần nữa trước khi lùa vào chỗ giam. Nhưng hắn chưa chịu làm công việc ấy ngay. Hắn đi tới đi lui, cầm roi quất vào lưng can phạm, hặc hỏi đủ chuyện không ăn nhằm gì đến phận sự của hắn.

Paul Hiền là gã lại ngục ác ôn nhứt hạng. Hắn xem tù nhân như kẻ thù từ mấy đời, miệng chửi, tay đánh như máy dây chuyền. Cuộc đời làm lại ngục của hắn thuyền chuyển đi nhiều nơi, có cả Côn đảo. Đến đâu hắn cũng để lại không ít tiếng tăm hung ác. Hắn có cất một ngôi biệt thự đồ sộ, tráng lệ ở đường An Bình thuộc quận 5 Đô thành Sài gòn để dùng làm mái ấm khi về hưu. Nhưng gia đình thất đức, đám con cái hắn tàn tật, tẻ lậu chả nên người. Đến sau năm 45, ngôi nhà có vẻ hắc ám, hoang vắng như cái nhà mồ!

Paul Hiền hành hạ chúng tôi, bắt ngồi trần truồng trước gió chiều rét lạnh một lúc rồi mới điểm danh bằng lối đọc thoảng nhanh như gió: "Băm hai mươi tám... băm hai mươi chín... băm hai hăm mốt... Con c.! Đ.M. cổ tổ nhà bây có nghe tao đọc tên không? Sao không thẳng chó đẻ nào trả lời?... Băm hai mươi tám đâu? Thằng nào băm hai mươi tám? Đ.M. tụi bây là tù mới, không biết múa bộ phụng hoàng tao cũng tha cho lần này, nhưng còn điểm danh mà không dạ lớn, tao đập chết cổ tổ nghe chưa?... Thằng nào băm hai mươi tám đâu? Tụi bây, có thằng làm giáo sư, có thằng làm bác sĩ, có thằng thư ký phủ Toàn Quyền mà ngu chết mẹ, không thằng nào biết đọc số dính bài hết sao? Cả tụi thanh niên này nữa, toàn một lũ ngu như bò, mặt mày thấy sáng láng, lại là dân có tiền, ở ngoài đời sung sướng, tha hồ đi ăn cao lâu, uống cỏ-nhác, sâm-banh, đi đi đầm có phải khoái lạc không? Bày đặt ái quốc ái quần,

cách mạng cách mạng làm gì khổ thân! Gặp tao ở đây, tao đập chết mồ tổ hết! Đâu, thằng này, đưa dính bài tao coi số coi!"

Tôi vì không có cặp mắt kiếng cận thị, lò mò nhìn hàng số đóng lõm trên mặt gỗ dính bài dưới ánh mờ tối chập choạng của màn đêm vừa buông xuống... "À... à... đây rồi! Số của mình là ba ngàn hai trăm mười tám đây..." Tôi vừa toan lên tiếng, gã Paul Hiền đã giơ tay giật lấy dính bài xem và ngoác miệng chửi ngay: "Đ.M.! Nãy giờ

tao kêu, sao mày không lên tiếng? Mày dám coi thường tao. Không biết oai Paul Hiền hả?" Hắn giơ roi lên, toan quất vào đầu tôi. Chúng tôi nhao nhao cất tiếng phản đối bằng tiếng Pháp. Paul Hiền chững lại, không dám hành hung. Gần cửa rôn, đối diện là văn phòng *Gardien chef*. Gã lại ngục hung ác sợ kinh động đến ông xếp của hắn.

Vừa khi ấy có một lại ngục người Pháp dẫn đến một toán tội nhân chừng mười lăm người, gồm vài cụ già, một số thanh niên bụi đời ốm



yếu và một đám con nít gọi là tù *mineur* (vị thành niên). Tất cả cũng trần truồng như chúng tôi, tay cầm cái quần cụt, đứng lạnh run dưới gió.

Trong nhóm thanh niên có một anh nọ còn trẻ tuổi, ốm nhom, không hiểu tội gì, bị bắt tù bao lâu mà còn mang bệnh lậu. Paul Hiền giận cá chém thớt, bỏ chúng tôi xốc lại bên anh trai nọ, xỉa xói: “Đ.M.! Ở tù mà còn bày đặt chơi bời. Ham đi cho mang bệnh lậu nơi đâu thằng cha mày đây hả? Chơi đi sướng lắm hả? Tao cho mày sướng luôn!” Hắn vừa nói vừa dõm dáo dác rồi chạy lại bên thùng rác nhặt một vỏ bao thuốc lá. Hắn cầm vỏ bao thuốc quẹt vào nơi chảy mủ của anh trai tội nghiệp nọ mà trét vào hai mắt anh ta! Hành động tàn nhẫn vô nhân đạo của tên lại ngục dân Tây nọ khiến chúng tôi trông thấy mà sửng sốt và hãi hùng. Chúng tôi biết vì trùng gonocoque lọt vào mắt, nếu không nhỏ thuốc trị mắt cho nhanh thì khoảng hai tiếng đồng hồ sau mắt phải hỏng! Quả như thế, ở Côn đảo năm 1942, tôi gặp lại anh trai nọ. Hai mắt anh bị mù. Khi ấy nhằm vào mùa hè đứng gió, ruồi nhiều khủng khiếp. Ruồi bu nơi hai mắt anh như hai quả bóng ping-pong, mũi anh thò lò, ruồi bu kín cả mũi cả mồm, to không kém quả banh tơ-nít. Cơm phần của anh cứ đổ xuống sân xi-măng, anh bốc ăn được chút nào hay chút ấy. Hôm ấy tôi trông thấy anh không ăn cơm được. Thỉnh thoảng anh mở miệng, thều thào kêu: “Má ơi!” Mỗi lần anh mở miệng, ruồi bay ra cả đàn như ong vỡ tổ, anh khép miệng thì ruồi lại bu vào! Tiếng gọi mẹ của anh ta nghe thảm thiết như một con chó con chưa mở mắt gọi mẹ tìm sữa. Chắc trước kia anh đi chơi về, đau ốm, mẹ hiền vẫn mớm đút cho anh, nay lâm cảnh khổ, anh ăn năn nhớ mẹ! Anh gọi mẹ mãi cả đêm. Đến sáng, người ta tìm thấy anh chết bên kẹt cửa!

Paul Hiền điểm danh chúng tôi xong, hối thúc phải chạy lên lầu hai,

vào *salle* 3 chuyên nhốt can phạm chánh trị. Ban đầu, chúng tôi chưa biết thói lễ, nghe hối nhanh thì chỉ rào bước đi cho mau, liền bị Paul Hiền đập roi vào lưng, chửi: “Đ.M.! Tù không có quyền đi thông thả. Phải chạy cho mau, không làm mất thời giờ tụi tao. Quá giờ nghỉ rồi, tao phải về nhà vui vẻ với vợ con!” Quả thật về sau tôi mới biết khi đã bước qua cửa rôn rồi, đi là phải chạy, ngồi thì ngồi đất và thu mình lại thật nhỏ nơi hốc kẹt nào, tránh đường qua lại. Bất cứ ai cũng có thể đánh, chửi mình được, dù vô cớ. Một anh tù văn phòng, như một hôm đem giấy lên gọi xuống cửa rôn, đã bảo: “Đây là xuống lầu trệt rồi, thôi tụi mình chạy. Ủa, mà anh bị bệnh bại, chạy không nổi hả? Thì cũng giả bộ chạy lúp xúp, như hối hả khi nghe lệnh gọi, bằng không thằng cai ngục nào thấy là nó đập dùi cui lên đầu”.

Khám 3, gọi là *salle* 3, là cái khám vuông dài, to rộng. Bề dài dễ chừng đến 25 mét, bề ngang khoảng 10 mét. Cửa khám bằng sắt dày, có một lỗ dòm và hai lần khoá. Vào trong là một lối đi mút dài đến đầu tường bên kia, rộng khoảng chừng hai thước, giữa hai hàng song sắt cao nghệu. Bên trong hai hàng song sắt ấy là nơi giam tù. Mỗi chỗ giam có thể nhốt hai trăm tù nhân với bốn hàng chiếu nằm mà còn lối đi qua lại. Mỗi bên giam có cửa khoá riêng, có một hồ nhỏ đựng nước uống và hai cầu tiêu bàn nơi sát vách tường. Tù hai bên song sắt không có quyền kêu gọi nhau, nói chuyện lớn tiếng. Mỗi bên song có một cặp-rắn được toàn quyền về nội bộ, thay mặt cai tù điều khiển sanh hoạt và trật tự trong khám. Điểm danh mỗi ngày năm, bảy lượt. Khi nghe lệnh điểm danh, tù phải lật đặt chạy đến bên song sắt ở đầu dãy, ngồi chồm hồm, khom lưng và cúi đầu giữa hai bấp vế, mỗi hàng dọc năm người. Cặp-rắn đếm trước số người xong, ngồi vào đầu hàng ở hàng cuối. Xếp mở cửa sắt ra, đi dài theo hàng song sắt, cầm dùi cui gõ nhẹ trên đầu tù ngồi gần

song sắt nhất. Đếm xong là xếp đã đi đến hàng cuối. Cặp-rắn liền báo cáo cho xếp biết số tù hiện diện là bao nhiêu, xếp xem vào sổ thấy đúng thì là xong. Nếu sai khác nhau, phải kiểm lại, kiểm tới kiểm lui cho đến khi nào tìm ra tại sao sai, và ai sai! Xếp có sai thì không sao; tù sai, kể như tàn đời, bị nện dùi cui trên lưng vô kỳ số và mất chức cặp-rắn!

Có xảy ra một lần đếm lộn số rất buồn cười. Lần đó vào phiên gác đêm của ông già Pénentier cha. Ông *gardien* Pénentier cha này sắp về hưu, có người con còn trẻ vừa giải ngũ, cũng làm cai tù gọi là Pénetier con. Hai cha con đều là người Pháp chánh cống, nhưng rất hiền lương, không đánh mắng tù, không hống hách, ngang tàng, hung dữ như bọn người Việt có Pháp tịch như bọn thằng Pôn Hiền, thằng Ăng-trê ống vố, thằng Ăng-toan mặt heo hăm.v.v..

Hôm đó, bên dãy song chúng tôi có thêm mấy can phạm, tổng số thành 161 người, tức là ngồi thành ba mươi hai hàng và một người ngồi riêng. Người ngồi riêng sau chót ấy là anh cặp-rắn. Anh đếm người mà quên đếm mình. Pénetier cha cũng quên đếm anh vì nếu anh ngồi trong hàng thì dễ nhớ, nhưng anh lại ngồi cu-ky cuối hàng và khi xếp đến thì anh đứng lên báo cáo. Hai người đều đếm đúng số, song nơi sổ bàn giao lại không phải 160 mà 161. Cứ đếm đi đếm lại mãi rồi sau mới vỡ lẽ ra. Viên cai ngục Pháp già dễ thương nọ, vốn cũng là dân ghiền hát bộ, cười ngất: “Mày như Tào Tháo, đếm quân tướng bại trận mà quên đếm mình rồi khóc!”.

Khám 3, khám chánh trị, không có nạn cặp-rắn ăn hiếp người tù đồng cảnh, không có mâm trong mâm ngoài. Không như nơi các khám khác, cặp-rắn là trời con, có kẻ hầu người hạ; ngủ chỗ rộng rãi, tốt; đêm ngủ có kẻ đắp bớp, mà phải đủ nghề đủ ngón tằm quất. Đến tối, khi cửa sắt bên ngoài đã khoá xong, cặp-rắn mới diễn trò du

ngoạn, làm đại vương chúa trại đi săn bắn. Một bầy lâu la giần hầu hai bên. Đại vương cuốn tròn manh chiếu cặp nách như mang súng. Một tên lâu la quý gối, bầm: "Tâu đại vương, có mấy con chim bay trên trời!" Đại vương ngài che mắt nhìn lên. Nơi đầu song sắt cao có ba, bốn anh tù treo toong teng trên ấy. Đại vương giơ "súng" lên ngắm nghĩa một lúc rồi mới bắn miệng cái bùm! Anh tù bên trên buông tay rơi xuống như con chim bị đạn. Rơi phải thật tình, dù có phải u đầu, lợi tay!... Săn bắn đã rồi, đại vương ngự về chỗ ngồi xem thí võ đài hay thi trạng ngươn võ. Chỉ định cho hai anh tù ra ứng thí, mà phải đánh đòn thù, không được đánh cuội... Trong các khám thường phạm, khám đại hình, khám mi-nơ.v.v... mỗi nơi, mỗi đêm, cặp-rắn hay bày trò giải trí tương tự như thế. Nạn nhân là bọn tù mới, tù cu-ky không có thể lực.

Cặp-rắn khám 3 không như thế. Tuy phụ trách việc vệ sinh và trật tự

trong khám, song anh cũng phải làm vừa lòng anh em. Bên song sắt chúng tôi trước kia có Ba già làm cặp-rắn. Anh ta cũng không ý quyền gì. Song một hôm nọ, anh Tôn Quang Hồng, con đốc phủ Huy ở Rạch Giá, vừa đi ra dự thẩm về. Anh Hồng bị bệnh kiết, có lẽ ngồi chờ lâu quá, mót, khi vừa vào khám chạy đến cầu tiêu không kịp và rớt chút ít xuống sân hắc ín. Cặp-rắn Ba già quát, bảo: "Mày ỉa vậy đó hả? Về nhà má mày ỉa!", mặc dầu anh Hồng đã lấy quần lau sạch chỗ bẩn và đem đi giặt nơi sân nước. Tối đến, anh Trần văn Thổ, giáo Thổ, liền triệu tập anh em trong khám lại ngồi quanh mấy vòng. Anh giáo Thổ đứng ở giữa, chắp tay bảo: "Thưa anh em, tôi mời anh em họp là vì lẽ quan trọng. Đó là về việc... ủa, mà quên!..." Anh vệt đường chạy đến bên song sắt, trèo lên lấy cái quần cụt mặc vào và trở lại chỗ, tiếp tục nói: "Xin lỗi anh em, hội như thế này mà tôi lại ở trường, thành ra vô phép quá!" Cả

cử tọa chúng tôi đều giật mình nhìn lại mình, nhận thấy ai cũng lòng thông cảm, cùng cười rộ lên một tiếng và tan vòng, trèo lên song sắt lấy quần mặc vào! Cuộc họp hôm ấy để truất quyền cặp-rắn của Ba già và anh em đồng lòng bầu anh giáo Thổ lên làm cặp-rắn. Đến sáng, chỉ cần báo cáo lại với xếp để thừa nhận thôi. Nơi các khám khác không được như thế. Cặp-rắn do xếp khám chỉ định. Cặp-rắn khám 3 đôi khi phải nhanh trí để đỡ đòn cho anh em, tranh đấu khéo léo cho anh em được sống dễ thở trong tù, làm cho xếp nể nang phần nào và ít chửi bậy, đánh bậy.

Chửi hỗn ẩu và dơ dáy nhứt là thằng Ấng-toan heo hầm. Hắn hay giả bộ nói không rành tiếng Việt, lời ông bà tiên tổ người ta ra chửi: "Tụi bây, cái tụi ái quốc này, tụi bây bú dít người ta, mà cái dít đang ỉa!" Tù lắm bầm rửa lại: "Chắc ở nhà, mày hay làm vậy mới biết vậy!" Thằng Ấng-trê ống vớ ít chửi tục nhưng lại hay đánh. Động một tí gì hắn

tâm sự một người di tản

Một dân tộc thần kỳ phương Đông
Quanh hui trời đất khi dựng núi khai sông
Khi tiếng hót đầu tiên của một loài chim lạ
Gọi bình minh cho mặt đất hương nồng

Khi ngọn cỏ đầu tiên lung linh bên vách thác
Và hạt mầm nước nở vươn theo
Đã phục sẵn giao long kinh ngạc
Trứng phượng hoàng nở giữa hùm beo

Và từ đó ngọt ngào cây hệ lụy
Trổ trái đau thương suốt dải Hoàng hà
Choán rợp phương Nam xuống hờn Bách Việt
Chim động thú rừng đã dấy can qua

Thôi từ giã non thiêng bóng cả
Bồng bềnh nhau theo vị mặn Thái Bình
Bếp chưa ấm đã lửa tràn bốn cõi
Rắn rít Hán Đường hổ báo Nguyên Minh

Vẫn chưa đủ, tự nời da xáo thịt
Củ đậu kia nấu đậu sao đành
Thập nhị sứ — Mạc Lê — Trịnh Nguyễn
Nghìn sau đời trắng hận bến sông Gianh

Lại tàu chiến giày đinh Pháp, Nhật
Quấy đục sông xanh, giẫm nát bệ thờ
Vẫn chưa đủ — duy tài duy vật
Những nhân danh này bách hại hơn xưa

Cũng từ đó vòng tay thêm hệ lụy
Lại dắt díu nhau tìm đến biển Đông
Khấp mặt đất của loài người tận tụy
Mảnh trắng thu lưu lạc mặt trời hồng

Lầm liệt bình Chiêm phá Tống
Uy nghi tảo phạt Mông, Thanh
Đã phục sẵn nội thù ngoại vọng
Nền quê hương chưa một thuở an bình

Ta tự hỏi bốn nghìn năm mở nước
Mấy tang thương trút xuống tấm tình người
Ta tự hỏi và phải chăng hiểu được
Hệ lụy này truyền kiếp, thế nhân ơi

Vẫn phải đứng để nhìn trắng bến cũ
Ngắm dương quang trên tuyết đỉnh Trường Sơn
Nếu gục ngã xin một lời nhân gửi
Thế hệ nào phải đứng thẳng, cao hơn.

cao hoàng nhân

cũng lôi tù ra ngoài song sắt, đập dùi cui thẳng cánh trên lưng. Nhưng chuyện đời có vay có trả. Đến tháng 10 năm 1945, tôi ở Côn đảo về, một hôm đi trên đường Lê Lợi, trông thấy một gã mặc Âu phục, lúi xe đạp vào lề đường, quăng bỏ đồ rồi chạy. Phía sau có ba, bốn người đuổi theo, hô lên: "Thằng Ấng-trê chúa ngục ác ôn! Đập cho nó chết đi!..." Tôi cũng nghe kể đạo đó, thằng Paul Hiền không trốn được, bị bắt giam vào khám Lớn, bị tù nhân bắt uống nước tiểu có quây phân tại nơi hân từng tụt tung tụt tác!

Việc canh gác can phạm chánh trị ở khám 3, nhà tù không giao cho các thầy chú người Việt mà chỉ dùng rất giòng *gardien* (lại ngục) người Pháp, lai Pháp hay quốc tịch Pháp. Mỗi ngày có ba lại ngục luân phiên thay đổi, chia làm ba cử: sáng, trưa và tối. Mỗi lần đổi phiên là có điểm danh, khi ăn cơm cũng điểm danh, ăn cơm rồi lại điểm danh, trước khi ngủ điểm danh nữa, dù tội nhân đã bị nhốt chặt sau hai lần cửa sắt.

Khám 3 tường cao kín mít, nơi phía trên, những chỗ thoáng gió bị che bằng vĩ sắt có lỗ dầy. Người tù nhờ ánh sáng lọt vào mới độ chừng thời giờ, tuyệt không trông thấy mặt trời, mặt trăng, vì thế có một số bị bệnh bại. Anh giáo Thổ tranh đấu với *gardien* chef cho anh em mỗi ngày được ra phơi nắng nửa tiếng đồng hồ. Xếp chánh bằng lòng, nhưng bọn lại ngục không thích thêm việc.

Bọn lại ngục sau khi điểm danh tù, cho tù chuyển nước đầy hồ nước uống, hoặc nhằm giờ cơm thì coi cho tù ăn cơm chừng năm phút đồng hồ, xong chúng khoá cửa trong cửa ngoài lại, bỏ đi tìm nhau tán dóc. Nay phải thêm việc đưa can phạm khám 3 ra nơi nóc bằng lầu dưới, phải canh gác làm phiên rầy đến chúng. Nhứt là mỗi khi đưa trả chúng tôi vào khám, chúng khám xét gắt gao như các tội nhân bước qua cửa rôn. Tất cả đều phải múa bộ phụng hoàng. Bốn tên

gardien đứng tứ trụ, tù nhân cởi quần áo ra cho chúng khám xét trong quần áo, trên mình mấy có giấu những đồ cấm không. Khám xét kỹ lưỡng như thế với số đông tù, trong một thời gian ngắn thì làm sao có đủ thời giờ, vậy phải làm sao? Chỉ có một cách bắt tù múa bộ "phụng hoàng" như con chim xoè hai cánh hướng lên trên và đứng giăng hai chân ra theo lối trung bình tấn.

Ban đầu chúng tôi, những chính trị phạm bị giam nhốt mãi trong khám, có biết múa bộ phụng hoàng ấy ra sao, nên phải lãnh vài quả đấm vào mặt kèm theo mấy cái đá bưng hông! Nhưng trong số có người từng ở tù, biết múa bộ phụng hoàng, vội ra trước cho chúng tôi bắt chước theo.

Khám xét tù là bốn tên lại ngục đứng bốn góc, hoặc ít nhứt là ba. Người tù cầm quần áo trong tay, nhảy ngay vừa chỗ giữa, nhanh tay quăng cho tên lại ngục đứng bên tả chụp lấy, vò bóp xem có giấu gì trong đó. Khi nhảy vào, phải giăng hai chân, co hai gối theo lối trung bình tấn, để chúng tỏ không có gì giấu trong háng. Hai tay giơ lên tỏ không có gì giấu trong nách. Hai bàn tay xoè rộng năm ngón cho thấy không có gì giấu trong kẽ ngón tay. Mắt nhìn thẳng tên lại ngục đứng trước mặt để tỏ ngay tình, trợn mí mắt cho to, hình mũi lên, há miệng lớn, đánh lưỡi lên xuống cho thấy không có gì giấu ở mắt, ở mũi, ở miệng, như thể giả ma lè lưỡi nhát người, như thể giỡn mặt với tên lại ngục đứng trước mặt. Điều bộ đó dễ nào nó chịu tha, nó phải cung tay loi cho một thoi. Vừa khi đó là tù phải luồn đầu né cái thoi ấy, nhảy xoay nửa vòng, giăng rộng hai tay, giăng nơi hai chân ra và chống dít lên, cúi đầu xuống, chúng tỏ nếu có giấu gì thì khi nhảy nhót vật ấy cũng phải rớt ra, và chống dít lên là không có giấu gì trong hậu môn. Lại một lần giỡn mặt với xếp khám, vì thằng đó đầu chịu cho ai chống dít trước mặt! Thế nào hân cũng quất cho một cái đá. Phải biết lòn

mình tránh cái đá bằng giày đinh ấy và chụp nhanh quần áo mà tên lại ngục vừa khám xét xong quăng cho tên kẻ bên. Tên này nắn bóp sơ lại một lần nữa rồi quăng trả lại cho người tù vừa múa dứt bộ phụng hoàng. Người này chụp quần áo thật nhanh, chụp hột thì thế nào cũng lãnh một thoi, một đá của tên quăng trả quần áo. Ôm quần áo trong tay, người tù lách mình chạy thoát ra khỏi vòng đấm đá tứ trụ và chờ xếp hàng vào khám. Cử động múa bộ phụng hoàng phải nhanh chóng, chính xác và kịp thời như một bài múa rối, một đoạn phim câm thuở trước.

Nhưng dù có bị khám xét kỹ như thế, người tù vẫn có thể giấu ít nhứt là một cọng kẽm bẻ lên nơi niền thùng cơm. Cọng kẽm để giữa đỉnh đầu trọc vừa mới mọc tóc lưa thưa. Bọn xếp khám trông thấy đầu trọc, nào nghĩ rằng có thể giấu được gì. Người tù khi nhảy nhót, chống hông cúi đầu phải thật nhanh, cúi đầu vừa phải cho xếp khám ngỡ là đã cúi thật sâu. Đem được cọng kẽm vào khám, người tù ngày đêm mài cạ nơi sàn nước cho nhọn hai đầu, một đầu uốn cong lại làm lỗ xỏ chỉ, một đầu nhọn làm mũi kim, khỏi phải dùng kim tre. Tù vào khám bị xét năm lần bảy lượt, chỉ nhộng thân tằm và bộ đồ tù thôi. Nhưng ít lâu thì có những của riêng tư như túi lưới để giấu cất các vật dụng, khăn lau mặt, xà-phòng, bút chì, bút mực, đến cả dao bèn.v.v.. Thì ra cái khó "ló" cái khôn. Quyền thích được sở hữu của con người, dù trong hoàn cảnh nào, cũng moi óc tìm ra cho được.

Anh Trần văn Thổ làm cặp-rắn phía song sắt chúng tôi trong ít lâu thì ra toà lãnh án và không trở về khám can phạm nữa. Chúng tôi cử anh Nguyễn văn Tươi, người ở Ngã Ba Cây Quéo, làm ở sở Ba-son, cùng đảng và bị bắt một lượt với chúng tôi, lên làm cặp-rắn. Anh Tươi giữ gìn trật tự, vệ sinh trong khám rất tốt. Ăn cơm tuyệt nhiên không có việc ém cơm nhiều ít theo lối đối xử riêng biệt, và định đoạt

việc chia nước tắm rất công bình.

Thường lệ, mỗi tuần vào ngày thứ năm có cuộc tắm công cộng. Xếp khám cho đưa vôi rỗng vào bên song sắt, xít nước cho tù tắm và kỳ cọ sần hắc ín. Mỗi tù nhân được phát cho một cục xà-bông bằng đầu ngón tay để chà mình, khi tắm xong phải gom lại trả. Có tên tù ngu nào trả xà-bông lại đâu? Mặc dù xếp khám xét rất kỹ, xà-bông đều biến mất cả để rồi sau đó nằm trong túi lưới của người tù. Người tù giấu để tắm riêng. Đông người, nóng nực, nếu không có nước tắm giặt thêm vào ngày thường, tù dễ bị ngứa mình, sanh ghẻ chốc. Nhưng nước đâu tắm? Phải tắm vào hồ nước uống. Uống nước bớt lại để dành tắm.

Cứ đến 1 giờ trưa và 5 giờ sáng, hồ nước không được xài đến nữa, để dành cho anh em trong khám tắm. Mỗi người được ba vừa. Sáng thì hai hàng chiếu bên mặt được tắm, trưa đến phiên hai hàng chiếu bên trái. Qua ngày hôm sau đổi ngược lại. Mỗi người tắm ba vừa nước thì làm sao cho sạch mình? Đã có cách. Một người đứng lom khom cho anh cặp-rắn xối nước tắm. Ai không muốn dội nước lên đầu để được nhiều nước nơi thân mình thì cứ nói. Trong khi ấy, anh tù kẻ hàng ngồi thụp xuống, ghé lưng vào sau anh tù đang tắm để hưởng chút... ân huệ. Ướt được chỗ nào, kỳ cọ ngay chỗ nấy. Đến khi tới phiên anh, anh kẻ như đã tạm sạch mình đến phân nửa!

Thưa các bạn, việc tắm mát trong khám tuy thấy tắm thường như thế nhưng vì cuộc sống tập thể trong cảnh chật chội, thiếu thốn thường vì một chút quyền lợi bị chênh lệch, người ta có thể dễ dàng giết hại nhau. Tù giết nhau, thường giấu đầu ăn cơm, mài nhọn để đâm đồ ruột. Về sau nơi khám 4, khám nhốt các tù có án đi Côn nôn, suýt xảy ra một cuộc lưu huyết kinh hồn vì tranh giành nước tắm.

Số là dạo ấy, một số du côn anh chị, các võ sĩ, các tay đâm chém cấu kết với vài tên cướp Bình Xuyên,

muốn lấn áp quyền cặp-rắn, dành quyền phân phối nước tắm. Chúng cho người đến vừa điều đình vừa áp lực, để chúng phân phối nước tắm cho các tù phạm khác. Ngoài chúng tôi, khoảng hai mươi thư sinh ốm yếu, muốn tắm lúc nào, ngày mấy lần, cứ tự do, còn số hai trăm tù còn lại phải do chúng quản trị việc tắm rửa mà khi ấy thành thiết yếu vì nóng nực dễ sanh ghẻ chốc. Chúng tôi không đồng ý, nhưng bèn cánh chúng đông, có đến bốn, năm chục đứa. Cả khám, ngoài chúng tôi, không ai dám phản đối. Tình hình nguy hiểm như ngồi trên thùng địa lôi nổ chậm. Ngày nào, buổi cơm nào cũng mất một, hai chiếc đĩa. Biết chắc bọn chúng lên mài đĩa để đâm chúng tôi, mỗi khuya, chúng tôi phải thay phiên thức canh cho nhau. Ban ngày, chúng tôi chia nhau đi thuyết phục từng nhóm nhỏ, từng hàng chiếu, để những người tù nhút nhát, sợ sệt kia nhận thấy quyền lợi của họ bị mất, họ là nạn nhân của chủ trương bất công ấy. Sau nửa tháng căng thẳng, bọn kia dần dần thấy bị cô lập, đành phải theo lối phân phối nước tắm công bình như chúng tôi làm.

Trong khám 3, khi gom đầu ăn, thiếu một chiếc là một cái tội. Thường thì đến giờ cơm, anh em mặt-cật, tức tù phụ trách nhà bếp, bưng cơm lên để ở ngoài hiên. Chửi mặt-cật do tiếng Pháp *macaque* là loại khỉ nhỏ Phi châu thường độn đồ ăn ngòm ngoàm bên má. Tù phụ trách nhà bếp cũng hay ăn cơm cháy độn hai bên má, vì vậy thành danh luôn. Mặt-cật đem cơm lên lầu, sắp thành hàng tử tế. Mười tù là một mâm. Cơm và thức ăn đựng trong thùng cây. Mâm nào cũng có mười khu chén (chén sành bể hết, còn khu) và mười đôi đĩa. Có được thêm chút rau cải, khi thì mười khúc khoai lang luộc, khi thì một nùi rau muống dành cho heo ăn. Xếp khám kiểm xem có giấu gì trong cơm và thức ăn xong rồi mới mở cửa sắt ra, đi đến cửa song sắt lại mở lần kiểm toả thư nhĩ, cho hai tội nhân được hẳn chỉ định đi ra,

trần truồng, để bưng thùng cơm, thức ăn, chén đĩa vào. Xong, hẳn khoá cửa song sắt bên ấy lại để mở cửa song sắt bên đối diện. Không khi nào xếp khám mở một lúc cả hai cửa song sắt, nếu không có hai, ba tên đồng nghiệp cùng đi, bao súng lục mở hờ.

Tù được ăn cơm khoảng năm phút đồng hồ, từ khi ngồi xúm lại mười người một mâm cho đến việc chia cơm, chia thức ăn đồng đều. Ăn xong, bỏ tất cả vào thùng. Hai anh tù phục dịch khi nấy bưng thùng ra cho xếp kiểm lại. Chén nếu còn mẻ sứt, miễn còn khu là được, vì tù hay lên kẻ mẻ chén, dùng nó để viết, vẽ trên sần hắc ín rõ như viết bằng phấn, lại dễ bôi, xếp không bắt tội được ai. Nhưng thiếu một cây đĩa là phải tìm cho ra. Kỳ ấy, bên song chúng tôi, không hiểu sao lại thiếu một chiếc đĩa. Thằng xếp Ấng-trê tra hỏi, chửi bới mãi, không ai nhận đã lấy mất. Hẳn bắt ngồi điểm danh và lôi từng người một ra ngoài song sắt, thẳng cánh nện dùi cui bằng cao su trên lưng ba cái. Mỗi lần hắn đập, người bị đánh tuy đã gồng mình chịu mà vẫn kêu hự một tiếng thảm thiết. Hắn đánh như thế qua chừng mười người, anh cặp-rắn Lê văn Tươi nóng ruột quá, đứng lên nhận rằng chính mình đã lấy. Thằng Ấng-trê bảo: "Tao biết không phải mày, nhưng mày muốn làm anh hùng, đỡ đòn thế bạn thì mày rán chịu!" Hắn thẳng cánh nện ba-trắc vào lưng anh Tươi có trên bốn chục cái, tiếng kêu hự của anh Tươi làm anh em muốn khóc. Anh Nguyễn văn Tươi, sau khi ở Côn-nôn về, vào năm đầu Nam bộ kháng chiến, là chánh trị viên chi đội 25, một tay đánh du kích tài tình. Nhưng sau anh bị Việt Minh giành độc quyền yêu nước và kháng chiến, âm mưu sát hại.

Sau lần đánh anh Tươi hôm ấy, thằng Ấng-trê ống vố, dù hung hãn và tàn ác, vẫn thăm phục cử chỉ anh hùng hiem có của anh. Về sau, hẳn tỏ vẻ kiêng nể anh hơn.

(còn tiếp)

huyền-thuật và các đạo-sĩ tây-tạng



Mystiques et magiciens du Thibet
Alexandra David Neel
Nguyễn Phong phóng-tác

(tiếp theo)

Phải mất hơn một tuần lễ chúng tôi mới đến Thebgyai một làng nằm trên trục giao thông giữa Tsang và

Utsang. Khi tôi kể cho người xã trưởng về việc gặp một nhà sư đi bộ trên bình nguyên Chang Tang thì ông này xác nhận đã thấy một nhà

sư hình dáng tương tự đi ngang qua làng đó khoảng năm hôm về trước. Nếu như vậy có lẽ nhà sư phi hành đó phải đi cả ngày lẫn đêm, không ngưng nghỉ mới có thể đến Thebgyai nhanh như vậy. Người xã trưởng đoán rằng có lẽ nhà sư đó đi về Shalu Gompa, một tu viện nổi tiếng về phương pháp huấn luyện kinh công (Lung gom) tại xứ Tsang. Lịch sử tu viện này cũng rất đặc biệt mà tôi đã được nghe kể như sau:

Vào khoảng thế kỷ 11, các tu sĩ Phật giáo Tây Tạng thường có hai khuynh hướng: một số nghiêng về lý thuyết, nghiên cứu từ chương kinh điển để lý luận và giảng dạy, chỉ học chứ ít chịu tu thân. Một nhóm khác lại thích tu học các giáo lý mật truyền, thường tìm vào rừng sâu núi thẳm ẩn tu. Có hai vị lạt ma nổi tiếng tiêu biểu cho hai khuynh hướng trên là Yungton Dorje Pal và Buston.

Lạt ma Yungton là truyền nhân dòng dõi của ông Tu Bồ Đề (Subhuti), một trong những vị đại đệ tử của đức Phật Thích Ca chuyên tu về lý Không. Lạt ma Yungton nổi tiếng về huyền thuật và các phương pháp bí truyền mà chỉ những người quán triệt sâu xa về lý Không mới có thể đạt được.

Lạt ma Buston là một học giả uyên bác xuất thân từ đại học Shigatse, ông đã phiên dịch rất nhiều kinh điển từ tiếng Phạn ra Tạng ngữ đồng thời cũng là tác giả của nhiều bộ sách lịch sử giá trị. Ngày nay hầu hết các công trình nghiên cứu về sử liệu của Tây Tạng đều ít nhiều dựa trên các tài liệu của ông này.

Theo truyền thuyết, khi đó có một loài ác quỷ hết sức hung dữ, thường xuất hiện tác oai tác quái, giết hại dân lành nên lạt ma Yungton quyết định lập một đàn tràng để trừ yêu. Nguyên tắc của đàn tràng Dubthab này là đặt quỷ vương dưới sự kiểm soát của vị lạt ma chủ đàn, bắt quỷ vương phải hứa sẽ không giết hại bất cứ sinh mạng nào trong thời gian 12 năm,

nếu quý vương chấp thuận thì sẽ được hưởng các đồ vật cúng lễ, hàng ngày được hương khói thờ phụng. Việc thực hiện đàn tràng đòi hỏi vị lạt ma chủ đàn phải là người đạo hạnh thâm sâu và cao tay ẩn vì việc tranh đấu với các động lực vô hình không phải dễ dàng. Đối với các bậc học giả chú trọng về lý thuyết từ chương thì việc thiết lập đàn tràng trừ yêu chỉ là một hình thức mê tín dị đoan, và một cơ hội để họ có dịp chỉ trích khuynh hướng huyền thuật của nhóm kia. Một số học giả trong đó có cả lạt ma Buston đã kéo đến tu viện Shalu Gumpa nơi lạt ma Yungton lập đàn để “xem xét” nghi thức trừ yêu quái này.

Lạt ma Buston và các tăng sĩ ngồi quan sát được một lúc thì lạt ma Yungton lăm lăm đọc chú triệu quý vương về. Giữa làn khói hương nghi ngút, chúa quỷ Shinjed thỉnh thoảng xuất hiện dưới một hình dạng ghê gớm, há miệng nhe răng, gầm rú dữ dội. Trông thấy thái độ hốt hoảng của những người đến chứng kiến, lạt ma Yungton tuyên bố:

— Chúa quỷ Shinjed chê những lễ vật mà ta dâng cúng và đòi phải có bộ óc của một vị lạt ma tu hành công phu nhiều năm thì mới chịu. Vậy trong các ông có người nào chịu hy sinh thân mạng mình hiến cho loài quỷ để mang lại lợi ích cho chúng sinh không?

Nghe như vậy các vị lạt ma học giả vội vã từ chối ngay, họ viện đủ lý lẽ như chưa đủ công phu tu hành, phải sống để hướng dẫn tín đồ, dạy dỗ các tăng sĩ.v.v.. Lạt ma Yungton cười lớn:

— Thì ra công phu tu tập thiên kinh vạn quyển của các ông chỉ như thế thôi, các ông đọc kinh sách lâu thông, có thể trích dẫn từng câu văn, từng dấu chấm, dấu phẩy hay lý luận về việc chẻ sợi tóc ra làm tư nhưng đến khi thực hành thì lại không áp dụng được một việc gì lợi ích cho chúng sinh.

Các vị lạt ma bèn nhao nhao phản đối và chất vấn tại sao lạt ma Yungton không lấy chính bộ óc của

mình hiến cho chúa quỷ mà lại kêu gọi người khác. Lạt ma Yungton chấp nhận ngay lời đề nghị đó:

— Được lắm, để ta lấy bộ óc của ta hiến cho chúa quỷ nhưng dám hỏi trong các ông có ai dám lấy búa bổ sọ ta ra dâng cho quỷ hay không?

Các vị lạt ma học giả cũng từ chối viện lẽ họ giữ giới không sát sinh, dĩ nhiên không thể bổ sọ người khác hay dính dáng vào những việc đó được. Yungton bèn quát lớn:

— Nếu không muốn dính dáng thì các người đứng đó làm gì? Có mau cút đi chỗ khác không!

Trong khi các vị lạt ma kéo nhau bỏ đi thì lạt ma Buston suy luận rằng Yungton quả là người biết các phương pháp trừ yêu quái, diệt tà ma. Nếu ông này hy sinh thân mình cho quỷ thì đâu còn ai biết cách trừ quỷ nữa. Vì phương pháp này chỉ hiệu nghiệm trong vòng 12 năm,

sau đó dĩ nhiên loài quỷ sẽ tiếp tục tác oai tác quái thì lấy ai trừ quỷ đây? Lòng từ bi thương xót chúng sinh nổi lên khiến ông thành tâm phát nguyện “Nếu chúa quỷ đòi phải có bộ óc của một vị lạt ma để ngưng không giết hại chúng sinh trong vòng 12 năm thì tôi sẵn sàng hy sinh thân thể mình vì lợi ích của muôn loài chúng sinh”. Ông bèn bước vào giữa đàn tình nguyện dâng hiến bộ óc của mình. Lạt ma Yungton khen ngợi:

— Hay lắm, ít ra cũng có một người biết phát tâm từ bi như thế, nhưng thật ra ta chỉ thử thách các người thôi. Việc thực hành nghi thức hôm nay đã xong rồi, chúa quỷ hứa sẽ không giết hại bất cứ một sinh mạng nào nữa. Hiện nay ta chỉ cần một người thay ta tiếp tục truyền thống lập đàn trừ yêu quái cho mai hậu, một người đảm nhận trách nhiệm hướng dẫn cho đồng tu



của ta. Ông có dám đảm nhận trách nhiệm này không?

Lạt ma Buston hăng hái nhận lãnh trách nhiệm lạt ma Yungton giao phó. Ông này liền phát tay áo tức thì có mười hai đám mây trắng bay thẳng vào miệng của chúa quý Shinjed và quý vương liền biến mất.

Theo truyền thuyết, chúa quý Shinjed đã phân thân ra làm mười hai phần, mỗi phần được cất giữ tại một tu viện đã được chỉ định trước rải rác khắp Tây Tạng. Mỗi khi đến ngày thiết lập đàn tràng, các tăng sĩ của tu viện Shalu hoặc các tu viện trực thuộc tu viện này như Samding hay Nyangto Kyi Phug phải đến tận các địa điểm đó để mang những phần này về rồi mới khởi sự các nghi thức. Những người lãnh trách nhiệm mang các phần này về Shalu được gọi là Maheketang. Mahe là tên của con trâu rừng mà chúa quý Shinjed được cất giữ trong 12 cái sừng trâu Mahe được thờ phụng và lưu giữ tại các địa điểm khác nhau. Vì những địa điểm này nằm rải rác và cách nhau rất xa nên các Maheketang đã được huấn luyện một phương pháp di chuyển đặc biệt hay khinh công (Lung gom) để di chuyển cho nhanh.

Có rất nhiều truyền thuyết khác nhau về phương pháp huấn luyện đặc biệt này. Một số giả thuyết nói rằng các Maheketang phải nhập thất trong thời gian ba năm và ba ngày theo một phương pháp quán tưởng hết sức đặc biệt và hô hấp theo những nghi quỹ nhất định: Người luyện khinh công ngồi xếp bằng trên một tấm thảm và bắt đầu hít vào thật chậm rãi, dần hơi thở xuống bụng rồi tung người nhảy vọt lên cao khi vẫn giữ nguyên tư thế xếp bằng như cũ. Việc một người xếp bằng lại có thể nhảy lên cao dường như vô lý vì không thể sử dụng những bắp thịt tay chân được nhưng người Tây Tạng nói rõ rằng khinh công không phải là một phương pháp huấn luyện bắp thịt mà là một phương pháp quán tưởng làm giảm trọng lượng của

thân thể khiến cho thân thể trở nên nhẹ nhõm, hay một phương pháp khinh thân (Levitation). Chỉ khi nào thân thể thật nhẹ có thể lơ lửng trên không thì người ta mới bắt đầu điều khiển tư tưởng vào việc di chuyển.

Một trong những kỳ trắc nghiệm khả năng khinh công còn lạ lùng hơn nữa. Tôi nghe kể rằng người ta đào một chiếc hố sâu khoảng ba thước, trên miệng hố để một tấm gỗ có khoét một lỗ hổng vừa cho một người chui lọt. Người luyện khinh công ngồi dưới đáy hố và phải làm sao tìm cách nhảy ra khỏi hố qua lỗ hổng đó mà vẫn giữ nguyên tư thế xếp bằng như cũ. Dĩ nhiên độc giả có thể tin hay không tin, phần tôi cũng không lấy gì làm tin tưởng cho lắm vì chưa được đích thân chứng kiến mà chỉ nghe kể lại. Tuy nhiên những người kể cho tôi đều quả quyết rằng việc huấn luyện và trắc nghiệm này hoàn toàn có thật và xảy ra rất thường trong các tu viện chuyên huấn luyện khinh công. Tôi không hiểu tại sao việc nhập thất, ngồi yên bất động trong một hang động tối tăm lại có thể khiến cho người ta trở nên nhẹ nhõm, mất trọng lượng để di chuyển thật nhanh như thế được? Điều này hiển nhiên không thể giải thích bằng các lý luận khoa học thực nghiệm thông thường. Các giới hạn về thể chất như bắp thịt, máu huyết không thể giúp người ta đi xa mà không nghỉ như vậy được. Các tu sĩ mà tôi gặp đều cho biết khinh công là một công phu đặc biệt, hoàn toàn chú trọng đến việc sử dụng tâm chứ không phải thân, nghĩa là không hề huấn luyện các bắp thịt. Tôi không biết phải giải thích hiện tượng này như thế nào nhưng chỉ ghi nhận thêm rằng truyền thống lập đàn tràng trừ yêu tại Shalu là một buổi lễ quan trọng được cử hành hết sức trọng thể. Các tăng sĩ phi hành hay Maheketang khởi sự cuộc hành trình vào ngày 11 tháng 9 từ Shalu đi Lhassa, đến Samye và bốn tu viện gần đó rồi đi Shigatse, chạy vòng qua bình nguyên Chang Tang

để viếng thăm các tu viện nhỏ tại đây và phải trở lại Shalu trước ngày 25 tháng 9 để kịp buổi lễ. Việc một người chạy mấy ngàn cây số trong một thời gian khoảng hơn hai mươi ngày quả là một điều khó tưởng tượng nhưng nó vẫn thường xảy ra cứ mười hai năm một lần dưới sự chứng kiến của hàng ngàn dân chúng quanh vùng.

Lần thứ hai tôi gặp một đạo sĩ khinh công tại miền nam Tây Tạng gần biên giới tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa. Hôm đó chúng tôi đi ngang một khu rừng lớn thì thấy một người hình dáng kỳ dị, tóc tai bù xù, quần quanh người bằng những sợi xích sắt rất lớn. Người này ngồi trên một tảng đá dường như đang suy nghĩ chi đó nên có lẽ không thấy chúng tôi ở trong rừng bước ra. Khi ý thức được sự hiện diện của chúng tôi, ông ta xoay mình một cái, thân hình đã nhảy vọt lên không khoảng ba thước rồi lao luôn vào đám cây rậm rạp trước mắt. Sự việc chỉ xảy ra trong khoảnh khắc nhưng chúng tôi vẫn còn nghe tiếng xiềng xích chạm vào nhau khua rộn rã xa dần. Yongden kêu lên:

— Đó là một đạo sĩ khinh công. Tôi đã từng gặp những người như vậy. Họ phải đeo xiềng xích lên người cho nặng vì nếu không thì thân thể của họ cứ hổng lên, không thể đi đứng được nữa.

Lần thứ ba tôi gặp một đạo sĩ khinh công tại làng Ga, thuộc xứ Kham. Không như hai lần trước, lần này tôi đã có dịp quan sát và tiếp xúc với người đó trong một thời gian khá lâu. Phái đoàn của chúng tôi đang vượt qua một thung lũng hẹp nằm giữa hai rặng núi lớn thì gặp một đám người quần áo rách rưới đang khuân một cái rương nhỏ đi ngang. Vì đây là một trục giao thông chính rất đông người qua lại nên việc một người đi bộ một mình không làm tôi ngạc nhiên. Có thể họ là các tín đồ hành hương, hoặc những kẻ hành khất lang thang từ làng này qua làng nọ, đôi khi bám theo các đoàn khách

thương để xin chút cơm thừa canh cặn. Người này vừa thấy phái đoàn chúng tôi liền thắp đèn và đi sát vào đám phu khuân vác chuyên chở đồ đạc gần cuối đoàn.

Khoảng xế chiều, chúng tôi đến trước một ngọn đồi khá cao, đường xá gập ghềnh rất khó đi. Vì những con trâu chuyên chở đồ đạc di chuyển quá chậm nên chúng tôi giục lừa lên trên đỉnh đồi trước. Thông thường mỗi khi người trưởng đoàn dừng chân nghỉ ngơi ở đâu thì các nhân viên ẩm thực phải nhóm bếp nấu trà hay làm các món ăn ngay. Lần này cũng thế, trong khi chờ đợi nhóm người vận chuyển đồ đạc lên đến nơi, các nhân viên nấu bếp đã phân công nhau nấu trà và sửa soạn món ăn.

Chúng tôi vừa nhấm nháp ly trà nóng vừa đứng quan sát đám trâu chuyên chở các vật dụng đang chậm chạp leo dốc. Các nhân viên ẩm thực sửa soạn bữa ăn tối, mùi xào nấu thơm lừng tỏa lan khắp thung lũng. Bất ngờ tôi thấy gã hành khất vẫn bám theo chúng tôi đột nhiên tách rời đoàn phu khuân vác, di chuyển vội vã trên con đường ngoằn ngoèo dẫn lên núi. Có lẽ y không ngờ chúng tôi đang quan sát nên cứ tiếp tục lao mình vùn vút trên con đường đồi trơn trượt đầy những tảng đá nhọn hoắt. Bước đi của y giống hệt như động tác của tu sĩ mà chúng tôi đã gặp trên bình nguyên Chang Thang, nghĩa là chỉ nhấc nhẹ chân mà thân hình cứ vùn vút lao về phía trước. Hai chân của y hình như không chạm đất và thân hình y cứ lơ lửng trên không trung. Không thể làm được, y đúng là một đạo sĩ khinh công.

Tôi bèn bước ngay ra chờ y trên đỉnh đồi. Mặc dù đang vùn vút lao về phía trước với một vận tốc rất nhanh nhưng khi đến trước mặt tôi thì y đã dừng ngay lại. Tôi thấy rõ khuôn mặt người đó lạnh lùng gần như không có cảm giác, hai mắt trợn ngược chăm chú nhìn lên bầu trời như đang tập trung vào một điểm nào đó. Y đứng yên lặng một lúc như người mất hồn rồi mới tỉnh

lại. Trước sự chất vấn của tôi và Yongden, y đành thú nhận y là một đạo sĩ khinh công. Thấy y là một vị lạt ma xuất thân từ tu viện Shalu nhưng sau một thời gian hướng dẫn, ông thấy y không đủ khả năng nên từ chối không dạy dỗ thêm và bỏ đi nơi khác. Tuy không còn thầy dạy dỗ nhưng y cứ theo những phương pháp căn bản mà tập luyện và sau một thời gian khổ luyện y đã thành công. Tuy nói như thế nhưng nét mặt của y lại tỏ ra buồn rầu khác khoải về một điều gì đó mà y không thể nói. Y khéo léo tránh né không đề cập đến phương pháp tu luyện mà chỉ nói rằng thời gian tập luyện kéo dài rất lâu chứ không phải chỉ một vài năm như nhiều người vẫn nói. Y cũng không chịu nói gì thêm về phương pháp khí công làm thân thể nhẹ nhõm, mất trọng lượng mà chỉ nói rằng thở hít là một yếu tố rất quan trọng mà người tập phải thực hành ngày cũng như đêm. Y xác nhận rằng có những bài chú, khẩu quyết mà người tập phải tâm niệm thực hành nhưng nhất định không nói thêm gì nữa. Dĩ nhiên điều này không làm tôi ngạc nhiên vì các đạo sĩ huyền thuật thường không bao giờ chịu tiết lộ các bí quyết môn phái.

Về sau Yongden kể thêm cho tôi rằng đêm hôm đó y đã tâm sự với những người trong đoàn rằng vì không được chỉ dạy một cách đúng đắn, chưa học hết được phương pháp kiểm soát hơi thở và các khẩu quyết có công dụng nhiếp tâm nên khinh công đã trở thành một tai họa cho y vì y không thể kiểm soát khả năng này. Khi gia nhập theo đoàn người của tôi, y thấy mọi người di chuyển quá chậm nên đâm ra bực bội, khó chịu. Sự kiện này làm cho tâm thức của y mất quân bình, một điều tối kỵ của khoa khí công. Khi thấy chúng tôi đã lên đến đỉnh núi, người thấy mùi đồ ăn xào nấu thơm lừng, cơn đói hành hạ y từ mấy hôm nay hối thúc y mau chân cất bước. Y sợ nếu đi chậm thì khi đến nơi sẽ chẳng còn gì để ăn nữa nên mất đi khả năng tự chủ, cố

gắng rảo bước cho nhanh. Một khi tâm của y đã loạn thì y không còn làm chủ được khả năng khinh công nữa, do đó y đã thi triển quyền năng này một cách vô ý thức nên bị chúng tôi phát giác.

Ngày hôm sau khi chúng tôi thức giấc thì gã hành khất này đã đi đâu mất tích. Có lẽ hắn đã sử dụng khinh công để ra đi một cách âm thầm không cho ai hay biết sau khi đã được ăn một bữa no bụng. Có thể hắn không muốn tông tích bị bại lộ hay sợ bị chúng tôi chất vấn thêm nữa chăng?

Tóm lại khinh công (Lung gom) là một phương pháp tu luyện bí mật được cất giữ cẩn thận. Nguyên lý của nó ra sao vẫn còn là một điều bí mật nhưng tôi xác nhận rằng đã chứng kiến môn này tận mắt và sau nhiều năm sống tại đây tôi cũng thu tập thêm được một vài chi tiết như sau:

Trước khi được thu nhận, các môn đồ phải trải qua một giai đoạn thử thách mới được chỉ dạy phương pháp khí công. Sau một thời gian tập luyện gặt gao và phải trải qua nhiều thử thách nữa thì họ mới được truyền dạy phần thứ hai của phương pháp này và chỉ đến lúc đó mới được chính thức làm lễ nhập môn (Angkur) và được điểm đạo truyền pháp. Khi đó họ mới được truyền dạy những bài thần chú khẩu truyền đặc biệt và một phương pháp quán tưởng nhằm tập trung thân và tâm làm một. Người luyện phải tập trung tư tưởng vào bài chú và phải đọc làm sao để âm điệu của bài chú đó ăn nhịp với cách thở hít ra vào của họ. Sau khi thành công, họ sẽ tập cách đi đứng làm sao để mỗi cử chỉ đều phải hoà điệu với hơi thở và những câu thần chú đó. Khi tập thuần thục, họ chuyển qua cách đọc thầm, không phát ra tiếng nữa, cứ như thế cho đến khi tâm, ý và cử chỉ của người đó hoàn toàn hoà nhập với nhau thì họ sẽ bước vào một trạng thái xuất thần đặc biệt (trance) và có thể di chuyển một cách nhẹ nhàng trên không. Lúc đầu khi

chưa làm chủ được các bước đi hay ý thức tuyệt đối vào đường đi thì người luyện thường tìm đến những sa mạc bằng phẳng, ít chướng ngại để tập chạy. Có lẽ trên sa mạc hoang vu vắng lặng không có gì làm sao lãng tâm trí, người ta dễ tập trung tư tưởng hơn những nơi khác. Trong khi chạy, người luyện không được nói hay để cho tâm thức bị xáo động, cặp mắt phải tập trung vào một điểm nào đó nhất định chứ không được nhìn bên này hay ngó bên kia. Một số người thường tập trung cặp mắt vào một tinh tú trên nền trời vì đây là một điểm cố định, nhiều người chạy suốt đêm nhưng đến ban ngày khi vì sao đó lặn mất liền ngưng chạy. Một số người khác biết giữ hình ảnh ngôi sao đó trong tư tưởng nên có thể chạy được cả lúc ban ngày. Tóm lại, tập trung tư tưởng là một việc hết sức quan trọng trong khi thi hành môn khinh công này. Mặc dù tâm trí đã tập trung vào một điểm nào đó nhưng nó cũng vẫn có thể hướng dẫn người chạy tránh khỏi các chướng ngại thiên nhiên và đủ sức đưa người chạy đến cái đích mà người đó đã tạo ra trong trí mình. Dĩ nhiên một khi đã thành công thì các trở ngại thiên nhiên hay địa thế không còn là một vấn đề nữa.

Tuy khinh công được nói đến rất nhiều trong các truyền thuyết nhưng đa số các vị lạt ma trưởng lão, các bậc cao tăng đắc đạo lại cố tình không đề cập gì đến quyền năng này; một số phủ nhận các quyền năng huyền thuật và cho rằng tôi đã "quan trọng hoá" nó. Một trưởng lão tại Samye đã khuyến cáo tôi đừng nên chú trọng đến những hiện tượng này vì "khinh công chỉ là một phần nhỏ của một phương pháp tu hành rất cao nhưng thói thường người ta chỉ thích đề cao cái gì lạ lùng huyền hoặc chứ không chịu tìm hiểu mục đích của phương pháp này. Đôi khi chính những người luyện khinh công cũng vì quá ham mê cái phương tiện di chuyển này mà quên

một vài ngữ vựng tôi

chối lợi ngại uy nghi triều đình
vạn tuế vua, chảy máu trán quan
ai hoài "quân chủ" mơ "phong kiến"
lấy bút tôi bôi xoá gạch vàng

còn tiếc ai dinh thự đồn điền
của cái thời nón trắng "thực dân"
đất nước đau buồn xưa "thuộc địa"
lấy bút tôi bôi xoá gạch xanh

ai còn hô khẩu hiệu Đảng đoàn
bụng đói làm sao phấn đấu chuyên
để tôi lấy bút mà tô đỏ
những chữ to "cộng sản", "vô thần"

những chữ làm tan nát Việt Nam
bao nhiêu năm tổ quốc nhục nhằn
nghĩ đến những người tù chính trị
chữ "nhân quyền" tôi lấy bút khoanh.

bắc phong



cả mục đích chính yếu của phương pháp tu rồi bị lạc lõng và phí công sức vào những việc không đâu". Khi tôi yêu cầu ông giải thích thêm thì ông ta đã kể một câu chuyện ngắn như sau: "Đức Phật Thích Ca và các đệ tử đi đến một con sông lớn. Trong lúc đang chờ đò để qua sông thì ngài thấy một đạo sĩ phi hành vượt sông bằng cách đi trên mặt nước. Ngài bèn hỏi vị đạo sĩ đã luyện phương pháp này như thế nào. Vị đạo sĩ hết sức hãnh diện cho biết rằng ông đã tu tập khổ cực trong hai mươi lăm năm liền mới có thể đi trên mặt nước như vậy. Đức Phật nói với các đệ tử: 'Tại sao người ta có thể phí công sức trong hai mươi lăm năm để làm cái việc mà một người bình thường chỉ cần bỏ ra hai xu mà cũng qua được bên kia sông!'"

Một môn huyền thuật khác cũng thường được nói đến rất nhiều là phép luyện lửa Tam muội (Tumo) hay Nhiệt công. Hãy thử tưởng tượng giữa mùa đông giá rét khi nhiệt độ xuống khoảng vào chục độ dưới zero độ bách phân, ngồi trong một động đá cao trên mặt biển

khoảng vài ngàn thước mà chỉ mặc đơn sơ một cái áo mỏng, hoặc có khi để mình trần mà không hề hấn gì thì quả là một sự lạ. Nhưng đa số các đạo sĩ Tây Tạng đều làm như vậy một cách hết sức tự nhiên, năm này qua năm khác, bất kể thời tiết giá lạnh vì họ biết phương pháp chuyển nhiệt trong mình hay luyện lửa Tam muội. "Lửa Tam muội" ở đây có nghĩa là một ngọn lửa huyền bí hay một năng lực bên trong mà chỉ những nhà luyện đạo đặc biệt mới biết đến công dụng của nó. Người Trung Hoa thường gọi nó là Hỏa hầu, người Ấn Độ gọi nó là con rắn Kundalini hay Hoả xà nhưng theo các sách vở huyền môn Tây Tạng thì lửa Tam muội gồm có nhiều loại tùy theo trình độ khác nhau. Người Tây Tạng nghiên cứu rất thấu đáo phương pháp này và có khá nhiều sách ghi chép rất rõ về tính chất, công dụng cũng như sự linh nghiệm của cách luyện ngọn lửa này. Đại khái như sau: Một người biết cách thở hít theo một phương pháp nhất định để kích động các bí huyệt trong thân thể thì lúc nào người ấy cũng cảm thấy ấm

áp như được khoác một bộ áo dày mà người Tây Tạng gọi là được "mặc áo tiên". Tuy nhiên ngoài việc hô hấp, nếu còn biết cách nhập định, tĩnh tâm hay hướng dẫn tâm thức thì ngoài cảm giác ấm áp trong thân thể, người đó còn cảm thấy tâm thân dễ chịu, an lạc, thoải mái. Trình độ này được gọi là "sống trong tiên cảnh". Một trình độ cao hơn nữa là khi người luyện biết cách hướng dẫn luồng lửa đó di chuyển theo các đường gân để lên đến đỉnh đầu thì họ sẽ phát triển được các quyền năng hết sức đặc biệt và chứng ngộ được nhiều điểm phi thường mà danh từ Tây Tạng gọi là "nhập tam muội".

Cũng như phương pháp khinh công, cách luyện lửa Tam muội là một phương pháp bí truyền, phải có thầy chỉ dẫn rõ rệt chứ không thể học theo sách vở được. Không những thế, vị thầy hướng dẫn cũng phải là người đã luyện thành công lửa Tam muội, để biết rất rõ các nguy hiểm trên đường hành trì hầu giúp học trò trên đường tu học, vì một sai lầm nhỏ có thể làm cho người luyện hoá điên hoặc chết ngay. Ngoài ra phương pháp này còn đòi hỏi người luyện phải có một thân thể cường tráng, khoẻ mạnh thì mới khắc phục được những khó khăn về thể chất trong bước đầu. Một người thân thể yếu đuối hay có bộ phổi không tốt thường dễ bị chết bất đắc kỳ tử khi tập các phương pháp về khí công.

Cũng như mọi phương pháp bí truyền, người ta thường theo đuổi vào phương pháp này nhiều điều huyền hoặc, dường như vô lý nên thực hư cũng khó có thể kiểm chứng hết được. Tuy nhiên đằng sau những điều lạ lùng, khó tin này vẫn ẩn dấu một điều gì đó mà người ta phải biết cách gạn lọc để tìm ra những tinh hoa ở bên trong.

Nói đến lửa Tam muội là phải nói đến môn phái Karguypa và Milarepa (một vị tổ đã luyện lửa Tam muội đến mức thành công tối thượng). Milarepa thấu nhận rất nhiều đệ tử, trong đó có một vị tên

là Rechung. Theo truyền thuyết thì Rechung đã được thầy truyền cho phương pháp luyện lửa Tam muội ngay sau khi nhập môn. Nhờ thông minh đỉnh ngộ ông đã luyện lửa Tam muội đến mức thuần thực, vượt hẳn các bạn đồng môn. Tuy nhiên Rechung xuất thân là một học giả, quen sống trong môi trường từ chương sách vở nên vẫn còn chấp ngã, chấp pháp, chuộng các hình thức bề ngoài. Có lần ông hỏi Milarepa đã nổi tiếng như vậy tại sao không tìm đến một ngôi chùa thật lớn mà ở cho xứng đáng mà cứ sống trong các hang động hẻo lánh tầm thường. Milarepa trả lời rằng đối với ông thì một cung điện bằng ngọc lưu ly cũng chẳng khác gì một hang đá đầy rong rêu bẩn thỉu, nhưng Rechung vẫn chưa chấp nhận được sự việc này. Một lần khác ông đề nghị với thầy nên ra các nơi chốn thị thành thuyết pháp độ sinh và xây cất những ngôi chùa thật to lớn đồ sộ, uy nghi long lẫy nhưng Milarepa trả lời rằng đó là việc của những người khác, không phải là việc của ông. Rechung nghe xong lấy làm buồn bực, khó chịu vì ông vẫn chưa quên được cái thế giới bên ngoài với những buổi tranh luận về giáo lý, các buổi giảng đàn thuyết pháp được cử tọa vỗ tay tán thưởng, y phục sang trọng của các vị trưởng lão mặc khi tham dự các buổi lễ lạc linh đình. Cuối cùng Rechung rời bỏ miền thâm sơn cùng cốc mà trở lại với thế giới bên ngoài, bất chấp lời cảnh cáo của Milarepa rằng "Chưa cứu được mình thì chưa thể cứu độ cho ai hết!"

Rechung đến Lhasa thuyết pháp và được mọi người tán thưởng nhiệt liệt. Khả năng ăn nói uyên bác của ông có sức hấp dẫn quần chúng rất cao nên chỉ một thời gian ngắn ông đã được mọi người coi như một vị thánh tăng. Ông quên hẳn những lời chỉ dạy của thầy và cái thế giới êm đềm miền hoang sơn cùng cốc mà nghĩ rằng mình đang làm những công việc tốt đẹp nhất của một tu sĩ. Ông đi khắp Tây

Tạng giảng giải giáo lý, tranh luận và đánh bại tất cả những học giả uyên bác nhất. Danh tiếng ông vang lừng. Ông được các vị vua chúa khắp nơi mời đến diễn thuyết.

Một vị tiểu vương quá say mê khả năng hùng biện của ông đã đãi ông làm thượng khách, xây cho ông một ngôi chùa to lớn, long lẫy và gả luôn cô con gái duy nhất cho ông. (Việc này xảy ra trước phong trào chấn hưng Phật giáo của đại sư Tsong Khappa, khi đó các vị Lạt ma được phép lập gia đình). Cuộc hôn nhân của Rechung là một chuỗi ngày đầy cay đắng. Người vợ của ông vừa hung dữ vừa thô tục. Bà thường ý thể giàu sang mà đàn áp ông trong mọi vấn đề. Nhà học giả uyên bác có tài ăn nói hấp dẫn bỗng trở nên ngọng nghịu, không thể đối đáp gì với người vợ được nữa. Bao sách vở của ông bà đem ra đốt hết; bạn bè của ông đến nhà bị bà cho gia nhân đánh đuổi. Bà cấm không cho ông đi đâu hay diễn thuyết gì nữa và bắt ông phải đem đầu óc lý luận ra để tính toán những lợi lạc vật chất. Tuy được mặc quần áo trưởng lão đẹp để oai nghiêm, sống trong một ngôi chùa to lớn đẹp đẽ, được mọi người đề cao ca tụng đúng như ý ông mong cầu nhưng ông không hề sung sướng. Ông cứ rầy rầy chịu đựng cho đến một ngày kia trong cuộc cãi vã, bà vợ nổi giận vác gươm ra chém ông. Rechung ôm vết thương mà chạy nhưng thay vì thấy máu chảy ra ông chỉ thấy một dòng nước trắng đục như sữa ướt đầm cả vật áo. Vì ông đã luyện thành công lửa Tam muội, bao nhiêu máu huyết trong người đều biến thành tinh chất hết. Khi đó ông chợt tỉnh ngộ nhớ đến thầy mình là Milarepa và các bạn bè ẩn cư nơi thâm sơn cùng cốc. Ông lập tức từ bỏ tất cả để tìm về chốn cũ chăm chỉ tu hành và về sau trở nên một đệ tử lớn của Milarepa. Chính ông đã ghi chép tiểu sử của vị tổ này thành một cuốn sách vẫn còn được truyền tụng đến ngày nay.

(còn tiếp)

CHÂN QUANG

Tự Tĩnh

(phóng-tác)



(tiếp theo)

MỘT CUỘC DÀN XẾP

Đến chân đồi Akagi, đêm đã sang canh. Kỳ Sâm và Thạch Đạt Lang xuống ngựa dắt theo đường nhỏ quanh co giữa hai hàng trúc cao tới một cổng đá lớn.

Xa xa, vắng tiếng sáo đưa lại, nghẹn ngào. Âm vang nức nở như khơi dậy trong lòng Thạch Đạt Lang một nỗi cảm hoài man mác.

Kỳ Sâm đẩy cổng bước vào, nói:

— Đây là đường tắt. Tại hạ dẫn đại hiệp theo đường này thật không phải, nhưng nếu đi đường chính thì quá lâu, sợ các vị khách chờ...

— Có hề gì, các hạ đừng để tâm.

Quanh co một hồi nữa, bỗng thấy ánh đèn thấp thoáng, rồi hai thanh niên cầm thương tiến đến. Khi nhận ra Kỳ Sâm, cả hai đều cúi đầu chào. Kỳ Sâm hỏi:

— Lão nhân gia đã đi nghỉ hay còn ở đại sảnh?

— Thưa còn ở đại sảnh.

Kỳ Sâm trao cương ngựa cho một thanh niên dẫn đi và bảo người kia cầm đèn soi đường đi trước.

Thạch Đạt Lang không biết rõ gia thế Kỳ Sâm nhưng xét cung cách đối xử của gia nhân thì gã tất phải thuộc một tộc có danh vọng trong vùng. Chẳng hiểu trường hợp nào thân phụ gã lại quen với người đã biết hắn từ khi còn ở Miyamoto! Bỗng nhiên Thạch Đạt Lang sực nhớ và mười phần đoán được tám chín người đó là ai rồi.

Đường lên đại sảnh quanh co ngoắt ngoéo càng lúc càng cao như tạc trên sườn núi. Tới cửa một toà lâu đài tường đá dày, cột gỗ lớn hai người ôm không xuể, đã thấy bốn gia nhân túc trực trên thềm cầm đèn sẵn.

Kỳ Sâm dẫn Thạch Đạt Lang vào ngồi trong phòng đợi rồi xin cáo lui, nói để trình với thân phụ.

Nhìn ra cửa sổ, qua một khu vườn khi ẩn khi hiện dưới ánh trăng, chỉ thấy mây toả tứ bề, không có nhà cửa cây cỏ gì khác. Sương mù trắng đục bao phủ khắp nơi, len lỏi cả vào phòng. Thạch Đạt Lang dự đoán khuôn viên này có lẽ được dựng trên một ngọn đồi cao hoặc trên một triền núi cheo leo nào đó bao quát cả vùng. Chắc ban ngày, nhìn từ đại sảnh xuống, cảnh trí vô cùng ngoạn mục.

Cửa mở êm như ru. Một tì nữ mặc kimono màu hoàng yến bước vào, để lên kỷ trước mặt Thạch Đạt Lang khay trà, bánh và thuốc hút rồi kín đáo lui gót, lặng lẽ như tan biến qua khung cửa. Mùi phấn son còn phảng phất trong phòng, nhẹ nhàng nhưng quyến rũ.

Uống chưa cạn tuần trà đã thấy chủ nhân tới. Ông thấp lùn nhưng thật khó mà đoán được tuổi. Tóc ông lốm đốm bạc, phía trên trán có lẽ không cần cạo vì đã hói gần hết, răng cửa hồng hai cái. Tuy thế da dẻ hồng hào không một vết nhăn trên mặt, ria mép và tóc mai đầy chứng tỏ sức lực còn sung mãn. Ông chính là Hà Chu Cát Tĩnh, một hào trưởng vùng này, trước cũng là

kiếm sĩ có danh vọng phục thị trong đạo quân ngự lâm. Trong cuộc chiến Sekigahara, Cát Tĩnh đứng về phe chiến thắng nhưng sau đó không nhận thưởng gì. Tính tình phóng dật, không ưa bị câu thúc nên ông lui về ở ẩn tại toà lâu đài do tổ phụ dựng lên từ mấy đời trên sườn núi Akagi này, lấy cớ để bảo vệ di sản của ông cha nhưng chính thực để được sống an nhàn theo sở thích.

Buổi sơ kiến, qua những tràng cười thành thật và hào sảng của ông, Thạch Đạt Lang đã có hảo cảm ngay, cho nên sau khi thi lễ và vài câu xã giao, hần hỏi thẳng:

— Văn bối được lệnh tử cho biết có người muốn gặp. Dám xin lão tiên bối xác nhận phải thế chăng?

Cát Tĩnh gật đầu:

— Phải. Chẳng những một mà là hai người nữa kia. Một vị may mắn đã được biết đại hiệp khi còn ở Miyamoto, vị kia thì chỉ mới nghe danh nhưng rất mong được hội kiến.

— Thật hân hạnh. Văn bối đã đoán được người đó là ai rồi.

— Ai thế?

— Phải chăng là thiền sư Đại Quán?

Đậm mạnh chiếc quạt đang cầm lên đùi, Hà Chu Cát Tĩnh cười ha hả:

— Phải rồi! Thật không điều gì dấu được đại hiệp!



ta sống như đã chết

Nhiều cây cừ tưởng đã chết khô hôm nay lại thấy lá hoa phở bông rụng ta muốn làm cây ấy chẳng biết tha hương kiếp sống nhờ.

dương hoài ninh

Đoạn không đợi Thạch Đạt Lang nói thêm, ông đứng ngay dậy:

— Xin mời đại hiệp theo lão phu.

Cát Tĩnh xăm xăm tiến vào một hành lang sâu và hơi tối ở phía trong. Hành lang rộng nhưng ngoắt ngoéo, lúc lên lúc xuống, lúc hướng sang trái lúc quặt sang phải, Thạch Đạt Lang theo mà gần như lạc hướng. Đến một khúc rẽ, đột nhiên không thấy chủ nhân đâu. Đương phân vân, chợt nghe tiếng Cát Tĩnh gọi:

— Thạch đại hiệp! Lão phu ở dưới này!

Tiếng gọi dường như phát ra từ một căn phòng sáng có rèm che ở phía dưới. Từ chỗ hần đứng, đến căn phòng ấy là một khoảng lổm tổm om trong vách đá và ở gần đấy, một cửa hông mở hé trở ra khu vườn nhỏ hần trông thấy khi ngồi trong phòng đợi.

Bất giác Thạch Đạt Lang cảm có điều gì bất ổn. Tiếng chủ nhân lại gọi vọng lên:

— Có chuyện gì vậy, đại hiệp? Chúng ta ở cả dưới này, ngay cuối hành lang, xin xuống ngay cho.

Thạch Đạt Lang vội đáp:

— Đa tạ. Văn bối tới ngay bây giờ!

Dứt lời, quay ngoắt trở lại mở cửa hông bước ra vườn rồi men theo những bậc đá ở hẳng hiên dốc mé tả mà vào phòng.

Cửa vừa mở, Cát Tĩnh quay nhìn Thạch Đạt Lang không dấu vẻ ngạc nhiên trên nét mặt, nhưng ở góc phòng, thiền sư Đại Quán chỉ ngẩng đầu mỉm cười. Thạch Đạt Lang đến quỳ trước mặt Đại Quán, dáng điệu vô cùng tôn kính!

— Thầy Đại Quán!

Nhà sư phong thái vẫn như xưa, tuy diện mạo có già hơn đôi chút. Vẫn bộ áo chùng nâu cũ, vẫn cái dáng điệu ung dung gần như buông thả, nhưng lần này ở đây không thấy ông đeo tràng hạt. Hình thức bề ngoài hình như không còn để cho thiền sư quan tâm nữa.

— Lâu lắm chẳng gặp con, tuy vậy ta vẫn để ý theo dõi hành tung của con cho đến khi con dờn khỏi

xưởng mài kiếm của Vương Chính.

Lời nói thân tình mà nặng ý quan hoài khiến Thạch Đạt Lang cảm động.

— Lần cuối cùng ta gặp con ở đâu nhỉ? À phải, ở Kyoto, có đúng không? Sau khi mẫu thân ta mất, ta ở lại cư tang một năm rồi lại lên đường phiêu du, thăm nhiều đền miếu và các thân hữu, đọc các kinh sách lạ, đàm đạo với chư tăng, cũng thu thập được nhiều điều bổ ích lắm.

— Thế thầy mới đến Tân đô này thôi ư?

—Ừ, ta được biết chủ nhân đây trong một dịp tình cờ qua sự giới thiệu của một thân hữu chung. Thế còn người? Trong thời gian đó làm những gì?

— Theo dõi hành động của con, chắc thầy đã rõ.

Nhìn Thạch Đạt Lang, Đại Quán dường như muốn so sánh hần bây giờ với gã nông dân Thạch Kinh Tử khi trước. Ông mỉm cười, chậm rãi:

— Sao còn quan tâm đến những việc đó? Một người ở tuổi con mà đã nổi danh như thế chẳng phải chuyện thường, nhưng chừng nào con không làm điều gì ô nhục, xấu xa thì có gì đánh trách? Điều ta muốn biết là sự luyện tập của con đến đâu rồi?

Thạch Đạt Lang trình bày sơ lược những học hỏi và thành quả của mình trong những năm qua cho Đại Quán nghe rồi kết luận:

— Con sợ còn đại đột, sự suy tư chưa được chín chắn, hành động đôi khi còn khinh suất. Càng đi, con thấy đường càng dài và có cảm tưởng đang treo một con dốc vô tận mà chưa trông thấy đâu là đỉnh núi.

Đại Quán gật gù xem chừng thỏa mãn về những nhận định thành thật của người thanh niên ông bảo trợ.

— Phải như thế, con ạ! Nếu một người ở lứa tuổi ba mươi mà tự cho mình đã đến bờ giác thì sự tu luyện coi như chấm dứt rồi. Gã sẽ luẩn quẩn mãi trong mê muội. Ta thật bối rối nếu có người coi ta như một vị bồ tát hay sùng mộ ta như một vị Phật sống. Hãy tự cho là

may mắn khi thấy người đời không đánh giá con quá cao, con ạ!

Thạch Đạt Lang cúi đầu cung kính:

— Con xin bái lĩnh lời thầy dạy.

Vừa khi ấy, một người trạc trung niên, dáng đường bệ, tay còn cầm trường kiếm để nguyên trong bao, bước vào. Thấy Thạch Đạt Lang ngồi bên Đại Quán, người ấy khựng lại, đưa mắt nhìn chủ nhân rồi lại nhìn nhà sư, đoạn phá lên cười ha hả:

— Phải chăng đây là Thạch Điền đại hiệp?

Thạch Đạt Lang cúi chào:

— Chính phải. Tiểu nhân là Thạch Điền Đạt Lang, sinh quán tại Miyamoto. Dám hỏi phải chăng ngài là Trúc Mộ đại nhân?

— Đúng. Ta chờ đại hiệp trong phòng tối từ lâu không thấy đi qua. Giờ đã ở đây rồi! Khá thật!

Hà Chu Cát Tĩnh quay sang Thạch Đạt Lang, giải thích:

— Đó là một mẹo nhỏ do chính lão phu chủ trương, đại hiệp sớm phát kiến làm cho lão thật bền lèn.

Đại Quán cười:

— Đó là cuộc đùa chơi, có gì mà chủ nhân phải để ý!

Nhưng Cát Tĩnh vẫn trần tình:

— Lão phu không ngờ Thạch đại hiệp lại linh mãnh đến thế! Nghe nhiều lời đồn đại về đại hiệp, lão phu muốn chính mắt được chứng kiến võ công của đại hiệp nên đã bày ra trò này và mời Trúc Mộ tướng công giúp một tay. Khi đại hiệp dừng lại ở hành lang, chính ngài là người đứng trong phòng tối sẵn sàng rút kiếm để thử xem phản ứng của đại hiệp đến mức nào.

Thạch Đạt Lang cười:

— Ra thế đấy!

— Nhưng đại hiệp lại đi cửa khác, vòng ra ngoài vườn mà vào phòng này. Dám hỏi lý do gì khiến đại hiệp phát giác ra có bẫy mà tránh?

Thạch Đạt Lang không trả lời. Thực ra hắn cũng chẳng biết trả lời ra sao nữa. Đại Quán bèn đỡ lời:

— Chỉ là khác biệt về phản ứng.

— Thế là thế nào? Xin đại sư nói

rõ thêm.

— Phản ứng của một chiến thuật gia khác với phản ứng của một kiếm sĩ. Phản ứng chiến thuật căn cứ trên tri thức, do suy luận mà có. Phản ứng của kiếm sĩ do trực giác.

Khi tôn huynh dẫn hắn theo đường hành lang tới căn phòng này, tôn huynh suy luận đương nhiên hắn sẽ đi theo. Nhưng không! Đến một chỗ nào đó, trực giác linh mãnh của hắn chắc đã cảm thấy có điều khác lạ nên hắn lập tức phản ứng. Và vì điều khác lạ đó không xác định được ngay, hắn đã chọn cách an toàn nhất để tự vệ: tránh né. Phản ứng ấy rất thông thường của người cầm kiếm và hoàn toàn theo bản năng.

— Phải chăng cũng giống như trường hợp đồn ngộ trong thiền phái?

Đại Quán gật đầu:

— Ở một phương diện nào đó, nếu tuệ căn mãnh nhuệ thì cũng có thể so sánh như thế!

— Đại sư đã bao giờ gặp trường hợp như vậy trong lúc nghiên cứu thiền học chưa?

Đại Quán mỉm cười:

— Bản tăng không biết, vì giá có gặp cũng không ý thức được.

Trúc Mộ xen vào:

— Dù sao, bài học đáng để chúng ta suy gẫm. Một kiếm sĩ nào khác thấy nguy hiểm có lẽ đã rút kiếm xông bừa, áp đảo địch thủ, thắng bại trông vào tài năng. Hành động của Thạch đại hiệp thật khác thường, giải quyết vấn đề êm thấm và thích đáng.

Nói đoạn, quay sang Thạch Đạt Lang ngồi ở góc phòng, ông tiếp:

— Mạnh Đạt có đề cập đại hiệp nhiều lần với lão phu và cách đây không lâu, có trình bức thư của đại hiệp. Bấy giờ vì căn bệnh của lão nhân gia trở nên trầm trọng nên rất tiếc đã không chiều lòng đại hiệp được. Tuy nhiên...

Ông ngừng lại một lúc. Đại Quán hỏi:

— Vậy tình trạng của Trúc Lâm lão tiên bây giờ ra sao?

— Cũng không khá hơn trước

mấy. Gia nghiêm tuổi đã cao, nếu chẳng may mệnh hệ nào...

Nhưng bỏ dở câu nói, Trúc Mộ lại trở về với ý lúc nãy:

— Nếu không nệ, xin đại hiệp coi những lời yêu cầu trong thư như thế là đã thực hiện. Lão phu hy vọng, phương cách không mấy công chính ấy không làm đại hiệp phật ý!

Thạch Đạt Lang rạp đầu:

— Tiểu nhân đâu dám trái lệnh.

Sự cung kính của Thạch Đạt Lang cũng chỉ là tự nhiên. Trúc Mộ tướng công ở vào một địa vị quá cao, không những ở hiện tại, mà vào hàng danh gia thế tộc từ lâu đời. Đối với một kiếm sĩ lang bạt và nghèo như Thạch Đạt Lang, sự có mặt của hắn với ông cùng trong một phòng đã là một điều lạ, huống chi còn ngồi chung đàm đạo với nhau như bạn hữu.

Chủ nhân gọi ti nữ hâm rượu mang tới. Chén chú chén anh, câu chuyện lan mang sang nhiều vấn đề khác ngoài lãnh vực võ học. Thạch Đạt Lang nhận thấy sự phân biệt tuổi tác và giai cấp xã hội không còn nữa. Đại Quán và Cát Tĩnh, cả hai đều không tỏ vẻ gì quan tâm đến chức tước của Trúc Mộ cả. Họ coi nhau như anh em và hắn cũng đã được chấp nhận như thế vì cùng theo một lý tưởng đi tìm tinh hoa của Đạo, dù đó là thiền đạo hay kiếm đạo.

Rượu được vài tuần, Đại Quán hỏi Thạch Đạt Lang:

— Oa Tử đạo này thế nào?

— Đã lâu lắm con không được tin tức gì của nàng.

— Mô Phật! Người không quan tâm gì đến nàng nữa sao?

— Oa Tử phải chăng là thiếu nữ trước đây hầu cận lão nhân gia ở Trúc Lâm cốc?

Trúc Mộ hỏi.

— Thưa chính phải.

— Thế thì lão phu biết. Năm ngoái, nàng được Mạnh Đạt dẫn về tướng phủ, bây giờ lại trở lại Trúc Lâm cốc rồi. Nàng giúp xá diệt săn sóc lão nhân gia.

Nhân cơ hội, Đại Quán nói sơ về

thân thể Oa Tử và mối liên hệ giữa nàng với Thạch Đạt Lang. Nhà sư kết luận:

— Bần tăng nghĩ sớm muộn gì cũng phải có giải pháp thoả đáng mà bần tăng là kẻ tu hành không tiện đứng ra tác hợp. Xin nhị vị giúp cho một tay.

Thạch Đạt Lang cúi đầu yên lặng, trong lòng hết sức phân vân. Giữa tình yêu và sự nghiệp, sự giằng co vẫn chưa ngã ngũ. Trước kia, trên cầu Hanada, khi khắc những dòng chữ từ biệt lên thành cầu, hán đã quyết tâm trốn tránh Oa Tử. Nhưng lòng hối hận day dứt, hán lại tìm gặp người yêu. Quảng đường từ quán Liễu Kiều đến thác Phu Phụ còn để trong tâm khảm hán bao nhiêu xúc động mà mỗi khi nghĩ đến, Thạch Đạt Lang lại thấy lòng rộn lên một niềm yêu thương dào dạt. Không ngờ con tạo trớ trêu, chia ly xảy ra liền đó. Âu cũng là số mệnh, nhưng đối với Thạch Đạt Lang, vô tình số mệnh đã dẫn hán tiếp tục đi theo con đường tuy cam go nhưng đầy khích lệ của kiếm đạo. Hán đã quên Oa Tử, đắm mình trong việc tập luyện, quên bản thân, giúp dân xóm tiêu Hotengahara chống giặc cướp và nhọc nhằn canh tác.

Cho đến đêm nay, trong cuộc hội ngộ bất ngờ này, Thạch Đạt Lang không ngờ lại bị đặt trước một quyết định khó khăn. Như một đồng tro chưa tàn hán, lời nói của Đại Quán là cơn gió khơi dậy ngọn lửa yêu đương trong lòng hán và nhắc cho hán đừng quên trách nhiệm và bốn phận đối với người con gái đã từng cứu hán thoát khỏi cơn nguy khốn năm xưa. Động lực nào đã dun dúi nhà sư làm việc này? Đó là một suy tính có kế hoạch hay chỉ là lòng thương xót chúng sinh? Thạch Đạt Lang bối rối.

Cát Tĩnh gật gù khen phải và Trúc Mộ cũng cho rằng đã đến lúc Thạch Đạt Lang phải ổn định đời sống. Trong thâm tâm, ông nghĩ nếu hán chịu lập thân tại Tân đô thì sau này tộc Tôn Điền sẽ có thêm một tay kiệt xuất và không còn lo gì

những cuộc nổi loạn nữa. Về tình và lý, xem ra cả hai người đều tán đồng ý kiến của Đại Quán và hoan hỉ đứng ra bảo trợ cuộc hôn nhân. Ngoài ra, Trúc Mộ dự định sẽ đề bạt Thạch Đạt Lang vào một chức vụ huấn luyện kiếm thuật trong giảng huấn bộ của Tôn lãnh chúa. Ngặt nỗi chức này phải tuyển chọn rất kỹ và người được đề bạt ít nhất phải là thành viên của vệ binh đoàn trong phủ. Nhất là sau vài vụ nổi loạn được phát giác kịp thời và dập tắt, sự thanh lọc hàng ngũ những cận vệ của Tôn Điền lãnh chúa càng gắt gao hơn nữa. Vấn đề gai góc chính là gia thế của Thạch Đạt Lang. Không có giấy tờ gì chứng minh hán thuộc dòng dõi kiếm sĩ danh vọng, nói gì đến liên hệ huyết thống với Tôn lãnh chúa. Tệ hơn nữa, trong cuộc chiến Sekigahara, Thạch Đạt Lang lại đứng về phía bên kia và dường như tổ phụ hán trong những thế kỷ trước, đã bị giam giữ và sát hại tại một trong nhiều căn thạch thất của lâu đài. Tuy nhiên, cả ba đều đồng ý là với sự can thiệp và bảo lãnh của Trúc Mộ tướng công cùng Đại Quán thiền sư, vấn đề có thể giải quyết được.

— Thế nào, con nghĩ thế nào về việc này?

Đại Quán hỏi.

— Con xin đa tạ và tri ân thầy cùng nhị vị tiền bối đã tỏ lòng lân ái, nhưng con tự xét hầy còn non nớt...

— Khoan! Đừng nhìn vấn đề ở mặt ấy. Nào có ai bắt người khi đã lập thân rồi thì phải thôi không được luyện tập nữa đâu! Trái lại, chúng ta còn khuyên người phải trau dồi tâm, đức và kỹ thuật cho thật hoàn hảo, đừng bao giờ xao lãng. Vấn đề chúng ta muốn biết là người có định nhận trách nhiệm không hay cứ để mặc Oa Tử chờ đợi như thế cho đến khi nàng nhắm mắt?

Thạch Đạt Lang có cảm tưởng bị sập bẫy. Oa Tử đã nói với hán nàng chấp nhận mọi sự thử thách nhưng như vậy không có nghĩa là hán trút bỏ mọi trách nhiệm cho

nàng. Oa Tử yêu hán và hán cũng yêu Oa Tử. Tình yêu đã được chia sẻ. Đối với Oa Tử, mối tình ấy là lẽ sống duy nhất của đời nàng, nhưng đối với Thạch Đạt Lang lại khác. Con đường còn dài, hun hút trước mặt mà lòng nhiệt thành theo đuổi kiếm đạo của hán vẫn chưa nguôi.

Yêu Oa Tử, nhưng Thạch Đạt Lang cũng yêu kiếm, say mê cuộc sống giang hồ hành hiệp và muốn dâng hiến cả tâm tình lẫn thể xác của mình cho công bằng xã hội, cho lý tưởng cao đẹp mà kiếm đạo đã vạch ra, soi sáng đời hán như một ánh chân quang.

Gia đình và công danh, với những ràng buộc của nó, có để cho hán làm tròn được ước vọng ấy không? Thạch Đạt Lang sợ rằng không. Lưỡi kiếm mang bên mình, hán sẽ không còn được rút ra tung hoành vì đại nghĩa, cũng như tâm hồn hán sẽ phải đóng khung cứng ngắc trong những tư tưởng đã định; những giáo điều có sẵn, những chỉ thị được ban hành nhiều khi không hợp với suy tư của hán.

Nghĩ đến đây, Thạch Đạt Lang nhần mặt. Hán không dám trình bày hết ý, sợ bị bài bác và cho rằng đã có tư tưởng vô trách nhiệm và không thực tế; nên chỉ quanh quẩn trong những lý do: còn quá trẻ, chưa đủ trưởng thành, sự tập luyện chưa được như ý muốn...

Đại Quán gạt đi:

— Không sao! Con cứ tin cậy ở chúng ta!

Hà Chu Cát Tĩnh cũng phụ họa:

— Đại hiệp chẳng nên từ chối. Việc này thế nào rồi cũng xong. Trúc Mộ tướng công đảm trách tiến cử đại hiệp, còn lão phu xin lo hết mọi chuyện vật chất về hôn sự.

Ông nghiêng mình về phía trước, cầm quạt đập nhẹ lên đùi Thạch Đạt Lang, cười hà hà:

- Chỉ xin đại hiệp khi thành gia thất đừng quên ngu lão.

Thạch Đạt Lang thù người, chẳng biết mình chủ động hay là nạn nhân của cuộc dàn xếp.

(còn tiếp)

xếp al capone III



Trương Sơn Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

7 giờ kém 15 tối, bốn chiếc Limousine bóng loáng chở Al Capone và 16 thằng cận vệ ào tới một lần trước cửa đại khách sạn Sherman, tiếng xe thắng kít kít nghe rất oai phong lắm liệt. Al Capone ngồi chiếc thứ hai với thằng đệ nhất đao phủ thủ của mình.

Như thường lệ, xe chưa kịp ngừng hẳn là đám cận vệ đã nhào xuống đường, chia nhau khắp nơi canh gác. Một thầy cảnh sát đang đứng sớ rớ trước cửa khách sạn bị một thằng cô hồn nhào tới, hất hàm:

— Ê, chú kia, cảnh sát thiệt hay

cảnh sát giả?

Thầy cảnh sát nãy giờ đã nhìn thấy đoàn xe của Capone từ đằng xa. Bốn chiếc Limousine đi một lần với cận vệ ngồi đầy áp mỗi xe thì nước Mỹ này chỉ có hoặc là tổng thống Hoover hoặc là Al Capone. Thầy cũng chẳng thấy tổn thương tự ái khi đương không bị một thằng dân hỏi giấy cảnh sát ngược đời như vậy. Thầy hiểu tại sao chúng nó làm vậy. Chẳng qua là mấy thằng này đã giả dạng cảnh sát để quật nhau nhiều quá rồi nên gặp bất cứ viên cảnh sát nào chúng nó cũng nghi được hết. Nhưng thầy đội cũng hơi ngạc nhiên khi bị hỏi. Chicago đang sống bình yên tại sao có màn hạch sách kỹ càng như vậy?

Sắp có đánh lớn chăng?

— Tao là cảnh sát thiệt.

— Thiệt hả, vậy cầm phiền cho coi thẻ hành sự. Đừng lạng quạng mà có chuyện!

Thầy cảnh sát nhìn bốn năm thằng hộ pháp vây quanh mình kín như một cái hàng rào thịt, che khuất chiếc xe có Al Capone đang rề rề tấp lại. Thầy móc cái thẻ hành sự, vừa thăm phục sự làm việc thiện nghệ và chính xác của tụi nó, nhân viên tốt nghiệp trường Bảo vệ Yếu nhân cũng ngon tới cỡ này là cùng:

— Đù mẹ, ai mà ở không diện đồ cảnh sát để đứng khơi khơi đây làm gì! Tao nói cảnh sát thiệt là thiệt mà.

Một thằng cầm cái thẻ, cẩn thận ngấm thầy đội một lúc rồi trả lại, miệng cười cười, điệu bộ y hệt một thầy cảnh sát... thiệt:

— Cám ơn thầy. Thầy thông cảm, tụi tôi cũng chỉ làm bốn phận. Như thầy!

Viên cảnh sát cất cái thẻ vào túi áo thì cảm thấy một tờ giấy bạc gấp đôi nhét vào tay mình.

— Xếp tôi hôm nay có chuyện phải tới đây, thầy canh gác đây có thấy gì lạ không?

Thầy đội liếc nhìn tờ giấy bạc. Giấy 20 đô. Giọng trả lời có vẻ hơi yếu:

— Thì trưa tới giờ cũng mới đứng tà tà dưới này, ai biết được chuyện chung quanh.

Một tờ giấy bạc thứ hai bung ra liền cấp kỳ, lần này là giấy trăm:

— Thôi mà thầy, làm khó anh em làm chi! Ở đây có gì lạ không?

Thế mới phải chứ! Mua tin của cảnh sát mà lại chỉ có 20 đô sao được! Thầy cười:

— Tụi bây kỹ quá. Tao biết người của tụi bây gài vào làm an ninh ở đây từ tối hôm qua mà tại sao còn phải hỏi thêm tao làm gì! Bộ không tin tưởng mấy thằng an ninh à?

Không có tiếng cười đáp lễ, cũng chẳng có tiếng trả lời.

— Nói chơi vậy thôi, tao làm cảnh sát mà không biết mấy cái trò này thì ai biết! Để trả lời câu hỏi

của tội mày, tao bảo đảm yên. Tao nắm rõ tình hình, không có thằng nào lạ mặt hay khả nghi hết. Nếu không tin cứ kiểm soát lại với mấy thằng an ninh của mày.

— Tốt. Kể từ giờ phút này, tội tôi chịu trách nhiệm khu này.

Thầy cảnh sát hiểu chúng nó muốn thầy "cút cha nó đi". Tốt lắm chứ, đâu có gì phiền! Tao sẵn sàng giao khoán khu phố này cho mấy chú, muốn làm gì thì làm, có bắn nhau chết thêm vài thằng thì nước Mỹ sạch thêm được một chút, đâu có gì trở ngại. Trời đã về chiều, còn gì sung sướng hơn là kiếm một quán rượu nào đó chui vào ngồi lai rai cho đến giờ hết ca làm việc.

Viên cảnh sát vừa quay gót thì cái hàng rào thịt giần ra liền, bao kín lấy chiếc xe của Al Capone. Đến lúc đó, Frank Nitti mới nhảy xuống mở cửa xe cho Capone bước ra.

Theo luật giang hồ, người nhỏ đi phó hội với người lớn, việc tối kỵ là đem theo cận vệ. Chiều nay, đi trình diện ngài chủ tịch Unione Siciliane toàn quốc David Yale, lại đến từ một thành phố xa xôi là Nữ Ước, không phải Al Capone không biết cái luật sơ đẳng này. Xếp đem theo tới 16 thằng cận vệ là có một mục đích khác.

Capone muốn biểu dương chút lực lượng địa phương để dẫn mặt ngài chủ tịch Unione Siciliane. Bốn cái xác chết của đàn em cùng gần triệu đô la tiền rượu không cánh mà bay chẳng phải là chuyện mà người ta có thể quên được dễ dàng. Nhất là đối với những người có trí nhớ tốt và nắm một quân lực hùng hậu như Al Capone.

Đứng từ trên lầu ba của đại khách sạn Sherman nhìn xuống mặt đường, thấy một dãy bốn chiếc Limousine láng coóng và đám cận vệ hùng hổ của Capone, ngài chủ tịch David Yale hình như đọc được tư tưởng của thằng ăn cướp này. Tiền sư nó, đất này là đất của nó, ai cũng biết nó giàu có và thế lực bậc nhất Chicago, cần gì phải biểu dương lực lượng một cách ấu trĩ như vậy. Tự nhiên ngài Yale thấy

nhói trong tim. Mình lừng lẫy giang hồ mấy chục năm nay, làm chủ tịch Siciliane toàn quốc với gần trăm ngàn đoàn viên ở khắp nơi mà không có được một đám cận vệ và xe cộ ngon lành như thằng nhóc này. Không phải ai có tiền cũng biết tiêu xài như Al Capone. Và David Yale chợt thấy mình thua sút nó. Tiền bạc chưa chắc ai đã nhiều hơn ai, nhưng sống vương giả và ăn chơi thì nó hơn mình là cái chắc. Nhưng ai cho nó cái quyền thị uy với một người đầy quyền lực như mình kia? Mình là tối cao mà. Bộ bọn con nít ở Mỹ này hết còn biết tôn ti trật tự rồi sao? Trán ngài chủ tịch hơi nhăn lại một chút...

Đứng bên phải, cùng nhìn xuống đường với ngài chủ tịch là trùm Luciano, ngôi sao lừng lẫy của giới giang hồ Nữ Ước, một người trẻ tuổi cỡ Capone và nổi tiếng là khôn ngoan quỷ quyệt. Từ lâu, Luciano đã là một trong những ông trùm mạnh nhất Nữ Ước. Cuộc chiến tranh tương tàn của ngũ đại gia đình Nữ Ước đầu thập niên 1920 đã thay đổi toàn diện bộ mặt Mafia Hoa kỳ. Trước hết, nó "đề" ra được nhiều thằng quái cỡ Al Capone, Luciano, Frank Nitti, v.v... Sau đó, cái từ "ngũ đại gia đình Nữ Ước" chỉ còn là một đám mây của dĩ vãng. Bọn trẻ cỡ Capone và Luciano sinh ra và lớn lên ở Hoa kỳ, uống sữa Mỹ nhiều quá nên máu Ý trong người chúng bị lạt đi thấy rõ. Cách làm ăn của chúng khác hẳn cha ông. Mọi truyền thống oai hùng cũ của một Mafioso bên nhà hầu như chúng chẳng giữ được chút nào. Bây giờ chúng chỉ biết có tiền. Tiền và tiền. Tình anh em, những giá trị tinh thần của một người sống ngoài vòng pháp luật để bảo vệ nhân dân đã trở thành một thứ không cần thiết.

Giữa Capone và Luciano, dưới mắt dân giang hồ thời ấy, Luciano tương đối còn giữ được truyền thống quê nhà nhiều hơn một chút vì gần gũi ngài David Yale. Còn Capone thì từ lâu đã trở thành một con ngựa rừng không ai kiềm chế

nổi. Luciano biết chuyện này, và Capone cũng biết chuyện này. Chỉ có mình ngài David Yale không biết. Đây phải chăng là nhược điểm của tuổi già?

Ở Nữ Ước, Luciano là một đồng minh quan trọng của David Yale. Hai người hỗ trợ lẫn nhau một cách hiệu quả. Luciano mượn danh David Yale để khống chế giang hồ. Ngược lại, ngài chủ tịch cũng dùng nó để tạo vây cánh riêng cho mình. David Yale luôn luôn coi Luciano là đứa con tinh thần mà ngài rất quý mến. Luciano cũng hết lòng với Yale vì nhớ ơn ngài đã dẫn dắt nâng đỡ nó trong những ngày còn hàn vi áo vải. Tình nghĩa mặn nồng như vậy nên David Yale ít khi đi đâu xa mà không mang thằng này theo.

Bên trái của ngài chủ tịch là thằng Kabri. Dân giang hồ gọi nó là Kabri khổng lồ vì người ngòm nó to như một con đười ươi và da mặt sần sùi đầy những mụn, đóng chức đệ nhất đao phủ thủ của David Yale từ gần mười năm qua. Chính nó đã làm thịt hai thằng cận vệ của Al Capone chớ ai.

Ngày hôm đó, khi ngài chủ tịch nói chuyện với Capone xong, vừa gác điện thoại lên giá là ngài kêu thằng Kabri tới nói nhỏ vào tai:

— Có chuyện rồi. Thằng chó điên Capone gởi hai sứ giả của nó lên trên này để điều tra vụ mất rượu. Mày "chặn" chúng nó lại cho tao. Làm sao cho đẹp, cho sớm, cho bí mật...

Kabri nhú mày, ngài chủ tịch tiếp luôn:

— Lát nữa sẽ có một cú điện thoại gọi về đây để thông báo giờ đến của chúng nó.

Kabri chẳng nói chẳng rằng, lăm lăm bước đi. Cái thân hình nặng gần 300 cân nhún tới đâu là rung rinh nền nhà tới đó. Đối với ai, Capone có thể là một hung thần nhưng với Kabri thì nó chẳng coi ra gì. Thật ra, Kabri thường trách trời cao sao lại đãi một người quá hậu mà lại hạ một người xuống quá sâu. Cái lò Brooklyn Nữ Ước là nơi đã đào

tạo ra nhiều tay giang hồ ngoại hạng, trong đó có những người như Capone, Luciano, Delinger, Frank Nitti... và lâu đời hơn hết, già dặn hơn hết, ra đời từ lúc mấy thằng nhóc kia chưa biết gì là Kabri khổng lồ. Khi nghe tin Capone xưng hùng xưng bá ở Chicago, Kabri mới hiểu thấm thía hai chữ "số mạng" mà người ta thường nói. So sánh mọi chuyện, từ mưu trí cho tới thủ đoạn, hai đứa có thể nói ngang ngửa nhau. Vậy mà, một thằng thì trở thành ông trùm khét tiếng thế giới, một thằng chỉ ôm súng đi làm đàn em cho người ta. Dù vang danh đệ nhất đao phủ thủ thì cũng vẫn chỉ là một thứ cận vệ cho người ta sai bảo.

Nghĩ là nghĩ cho vui vậy thôi, Kabri nhún vai, biết mình đã quá già để có thể thay đổi cuộc đời. Bây giờ nó đang có một chuyện quan trọng hơn cần phải giải quyết: tìm cách bứng hai thằng đao phủ thủ của Al Capone. Ngài chủ tịch có nói rồi. Phải bứng cho đẹp, bứng liền cấp kỳ, bứng không để lại dấu vết.

Kabri lăm lè ra xe, bảo thằng cận vệ phóng tới một nhà hàng quen thuộc. Ngồi trong xe, điều thuốc trên tay, cái sọ khỉ sần sùi to lớn xoay chuyển chung quanh công tác được giao phó. Biết thằng Capone quá rõ nên nó không thể không đề phòng. Nó biết Capone làm ăn thận trọng, luôn luôn chọn người kỹ càng khi giao công tác. Kabri nhún mày tư lự. Hai thằng sứ giả được gọi lên Nữ Ước nhất định không phải là thứ thường. Nếu yếu bóng vía hay thiếu khả năng chúng nó đã không dám liều mình. Mà đã lên tất chúng nó phải có chuẩn bị.

Bước những bước chân nặng chịch vào nhà hàng, Kabri tiếp tục suy nghĩ. Đối với bọn các ké, nó chỉ cần thủ trong áo choàng một cây Colt.45 rồi bình thản ngồi chờ ở nhà ga. Khi "mục tiêu" xuống xe, chỉ cần tới gần chúng nó, dí cây Colt vào bụng chúng qua lớp áo choàng thì bảo đi đâu mà chẳng được? Nhưng gặp hai thằng thiện nghệ như đàn em Capone thì

chuyện này dẹp đi. Không chừng có nổ súng tùm lum ở Grand Central thì tất cả mọi phe đều kẹt cứng. Ai cũng hiểu đó là vùng phi quân sự của mọi người.

Thằng bồi bung đĩa mì ống lên. Kabri trái khăn lên đùi, làm dấu thánh giá. Nó lăm lè cuộn từng đồng mì vào nĩa rồi đút vào miệng nuốt chửng, khỏi cần nhai.

Trong đầu Kabri bỗng loé lên một ý tưởng. Tại sao mình không cho người ôm tiểu liên ngồi chờ chúng nó tại ga Philadelphia? Kabri có hai thằng đàn em bắn tiểu liên trăm phát như một. Hai thằng sứ giả của Capone chắc không thể ngờ được. Hơn nữa, Philadelphia là đất "tự do", muốn làm gì cũng chẳng ai để ý. Suy nghĩ tới đó, khuôn mặt Kabri thấy tươi lên được một chút. Tươi, nhưng không hoàn toàn, hình như có điều gì bất ổn. Kabri nhíu mày. Thôi đúng rồi, điều bất ổn là tàu tốc hành là tàu suốt, đâu có ghé Philadelphia mà chờ. Khuôn mặt Kabri lại trở nên xám xịt, dăm chiêu như cũ.

Hết nửa đĩa mì, Kabri thò tay chụp ly rượu vang uống cạn. Rượu chảy ra cả hai bên mép. Thằng bồi đứng bên cạnh lễ mễ rót đầy ly. Kabri nhìn rượu vang màu đỏ từ từ dâng lên cao trong ly và bỗng nghĩ ra một chuyện. Nó cười gằn một tiếng. Khuôn mặt sần sùi bây giờ mới thật tươi, tươi rói như con nít được quà. Công tác của ngài chủ tịch giao coi như đã giải quyết xong.

Chẳng còn thiết ăn uống gì nữa, Kabri bỏ khăn bàn lên đĩa mì ống, đẩy sang bên cạnh rồi đứng lên chạy ra quầy điện thoại. Hai phút sau, nó bắt liên lạc được với thằng xếp ga Philadelphia, cũng là dân Unione Siciliane:

— Chừng vài tiếng đồng hồ nữa tao sẽ ghé mày có chút chuyện. Chuẩn bị cho tao một cái thời khoá biểu của những chuyến tàu tốc hành sáng ngày mai.

Cú điện thoại thứ hai Kabri gọi về ngài chủ tịch Yale:

— Tôi phải đi Philadelphia liền

bây giờ. Từ đó tôi sẽ gọi về cho ông để lấy chi tiết chuyến tàu.

— Good. Dọt đi.

Trở về nhà, Kabri thay một bộ đồ đen. Nó kiểm mải mới ra một bộ vì bộ này phải thật sạch, không được cũ quá hay mới quá. Nai nịt gọn ghẽ xong, hai thầy trò Kabri phóng xe như điên suốt đêm xuống ga Philadelphia. Trời tối hù, Kabri ngồi trong xe che tay bật đèn pin chiếu vào tấm bản đồ vùng ngoại ô Philadelphia, học thuộc lòng từng khúc đồng vắng có xe lửa chạy qua. Chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ, khi ánh đèn pin bắt đầu mờ đi thì trong đầu Kabri cũng nắm rõ đường đi nước bước của những cánh đồng bát ngát mà xe lửa sẽ chạy qua.

Thầy trò Kabri tới nhà ga vừa kịp lúc cú điện thoại của ngài chủ tịch Yale gọi tới với các chi tiết của chuyến tàu tốc hành. Tên xếp ga cùng hai thầy trò Kabri ngồi nghiền ngẫm tấm bản đồ một lúc. Cuối cùng, Kabri chỉ vào một khúc đồng vắng:

— Chỗ này bằng phẳng, có thể phục kích được. Chuyến xe đó chạy qua đây khoảng mấy giờ?

— 3 giờ sáng, có thể trễ hay sớm hơn chừng 5 phút là cùng. Tàu tốc hành luôn luôn chạy đúng giờ.

— Từ đây lái xe ra đó đi thế nào?

— Dễ ợt, ông cứ đi như vậy... như vậy...

Kabri vén tay áo nhìn đồng hồ rồi bảo thằng đàn em:

— Bây giờ tới đó còn ba tiếng, mình lái xe ra đó dọt trước vài lần cho quen tay.

Tới mục tiêu, trời đen như mực, tứ bề vắng lặng không một bóng người. Chiếc xe hơi chờ hai thầy trò tắt đèn đầu kín dưới một lùm cây. Gió đồng vắng thổi rít lên từng cơn nghe rợn người. Kabri nói nhỏ với thằng tài xế:

— Mình sẽ chờ chúng nó tại đây. Khi nghe tiếng tàu hỏa tới, mày nổ máy dọt ra, chạy song song với đường rầy, giữ tốc độ cỡ 30 dặm thôi. Nhớ không được mở đèn. Trong vòng 5 phút, chiếc tàu hoả sẽ

bắt kịp mình. Lúc đó mày mới nhẩn ga và rà sát vào, tao sẽ phóng lên. Bây giờ dọt trước một lần coi sao...

Thực tập hai lần, mọi chuyện tốt đẹp. Kabri bảo đàn em:

— Vậy đủ rồi. Mình queo vô đó ngồi chờ chúng nó. Nhớ kỹ, sau khi tao phóng lên tàu hoả rồi thì mày queo ra, chạy ngược trở về Nữu Ước liền. Phải chạy cho mau. Về nhà tao, đằng sau nhà có mấy cái búa búa củi. Mày lựa cho tao cái bự nhất đem bỏ ra xe rồi dọt tới Grand Station để đón tao. Sáng mai tao sẽ cho mày nhìn thấy một cảnh nhớ đời...

Kabri cười hềnh hếch:

— Mày có yếu bóng vía không? Lần trước, có thằng đàn em tao nhìn thấy cảnh này, cả tháng sau nó vẫn không dám ăn thịt bò bi-tết. Hề nhìn thấy thịt là ói ra từng cơn...

3 giờ sáng, tiếng còi của con tàu tốc hành nghe văng vẳng từ đằng xa.

3 giờ 15 phút, Kabri đã có mặt trên toa thượng hạng của chuyến tàu tốc hành. Ăn mặc bảnh bao như Kabri thì khỏi sợ bị xét giấy bắt tử. Nhìn trước nhìn sau không có ai, Kabri chui tuột vào một cầu tiêu khoá trái cửa lại. Xong, nó lẹ làng móc trong bụng ra một gói đồ nhỏ gồm một miếng mica trắng dày cỡ 3 phân, dài chừng 13 phân, một cặp kiếng trắng và một cuốn sách bìa nâu có đề hai chữ "Kinh thánh" to tổ bố.

Mang tất cả những thứ đó vào xong, đang nhìn vào gương để ngắm thử lần cuối cùng coi mình có giống một ông cổ đạo hay không thì một giọng nói cất lên từ phía trong làm Kabri muốn té xỉu xuống sàn tàu:

— Đi tàu hoả đã không mua vé rồi lại còn giả dạng kẻ tu hành nữa, âm mưu gì đây? Hà... hà...

Kabri tái mặt. Nó không ngờ trong cầu tiêu còn có một người mà lúc nãy bước vào nó đã quên không kiểm soát kỹ. Giữa những tiếng cười chế giễu đó, có tiếng nước chảy của nhà cầu.

Kabri quay lui và nhìn thấy thằng

phá đám vừa bước ra vừa cài nút quần. Nó khoảng 20 tuổi, mặt mũi hiền lành, tướng hơi mập mập. Kabri biểu diễn một nụ cười chiến thuật:

— Sao ông biết tôi đi tàu hoả không mua vé?

Thằng nọ cười cười:

— Ngồi trong cầu tiêu, buồn quá không có gì làm, tôi vô tình nhìn ra ngoài và thấy ông leo lên tàu hoả từ chiếc xe hơi mà. Tài thật! Ông to lớn vậy mà nhảy một phát là bám cứng vào hông xe. Gặp tôi thì chịu...

Kabri khựng người. Ôi cuộc đời sao có những cái may biến thành rủi và rủi biến thành may! Nếu nó không vào đây và thằng chó này không lên tiếng thì không biết chắc tối nay cục diện sẽ ra sao.

Thằng phá đám tới gần Kabri, nói "Excuse me" tỉnh bơ rồi rềnh rang mở rô-bi-nê rửa tay. Nó chẳng có vẻ gì sợ hãi hay đề phòng vì vừa bắt quả tang một tay đi lậu xe lửa. Thời buổi kinh tế khủng hoảng, chuyện này quá thường.

Kabri chợt thấy thương cho một thằng trẻ tuổi hiền lành như vậy mà phải chết oan. Đau lòng lắm khi phải xuống tay với một thằng trẻ tuổi vô tội như thế này.

Thằng nhãi đã rửa tay xong, xoay người chúi tao vào cái khăn treo bên cạnh:

— Nói thật với ông, một chiếc vé xe có đáng bao nhiêu tiền mà phải liều mình như vậy. Lỡ ông hụt chân...

Câu nói tới đó bỗng ngưng bật vì hai bàn tay hộ pháp của Kabri đã từ đằng sau bay tới, ôm cứng lấy cổ xiết mạnh. Tay của Kabri đã xiết thì có trời xuống mà gỡ. Thằng nhỏ mới đầu vùng vẫy chút ít, chân đạp loạn xạ nhưng từ từ yếu đi và cuối cùng thì xuôi luôn, người mềm nhũn. Một mùi hôi thúi nồng nặc xông lên chạy vào tới óc Kabri làm hắn muốn nôn oẹ. Kabri cầu nhàu: "Đù mẹ cút đi đâu mà nhiều vậy, mới ỉa đi xong mà vẫn phun ra có vôi được..."

Miệng thì cầu nhàu nhưng hai

bàn tay nó vẫn xiết chặt cổ thằng nhỏ, nhất định không buông tay cho đến khi nào biết chắc thằng nhỏ đã chết queo.

Chịu không nổi cái mùi này trong toa cầu tiêu chật hẹp, Kabri kéo lui cái xác về gần cửa sổ, hai tay vẫn kèm chặt cái cổ. Cút đi kéo một đường dài trên sàn nhà. Nó nhỏ một bãi nước miếng: "Đù mẹ, hôm nay là ngày chó gì mà xui thế này! Lại phải mất toi nó cả nửa tiếng đồng hồ để dọn dẹp..."

Chờ thêm chút nữa cho chắc ăn rồi Kabri mới mở tung cánh cửa sổ nhỏ. Gió đêm ulla vào mát rượi. Nó lẹ làng thò tay xuống mấy túi quần lấy hết giấy tờ thằng này vứt ra ngoài trước rồi thấy cái xác ra sau. Một cái xác không có giấy tờ sẽ mất một thời gian điều tra lâu hơn.

Quảng được cái xác xuống dưới, Kabri thấy thoải mái một chút. Nó gỡ hết đồ nghề mục sư để trên nắp cầu tiêu rồi xắn tay áo lên chuẩn bị dọn dẹp. Với mớ giấy và khăn lau tay, tên sát nhân bắt đầu chúi từ trong chúi ra, lẹ làng và điệu nghệ như một con sen chuyên nghiệp.

Gần nửa tiếng sau, trời sắp sáng công việc mới xong. Kabri rửa tay, lại mang kiếng và áo mao nhà tu vào.

Lần này, nó cũng lại soi gương một lần chót, sắp sửa bước ra thì có tiếng gõ cửa. Kabri nắm hai tay lại đánh nhẹ vào nhau và chợt nghĩ "Hay Thiên Chúa không muốn cho mình mặc chiếc áo thầy tu này chẳng?" Kabri chửi thề một tiếng nhỏ và chợt nhớ ra là mình đã ở trong này lâu quá, có gần tiếng đồng hồ rồi.

Nó nín thở. Tiếng gõ cửa ngưng một chút rồi lại tiếp tục, lần này dồn dập và kèm theo là giọng nói đầy lo âu của một người đàn bà:

— Robert, con có trong đó không con? Sao đi cầu gì mà lâu quá vậy con trai?

Nắm vịn cánh cửa rung rinh nhúc nhích như đang bị người ở ngoài cố vịn. Kabri lắc đầu. Ngày hôm nay xui thật, chẳng lẽ lại cho thêm một mạng nữa về trời.

Tiếng gõ cửa tiếp tục, lần này gấp rút hơn. Kabri đứng nép sát vào tường, lẹ làng mở cuốn kinh thánh, móc cây Smith & Wesson giấu trong đó rồi lắp ống hãm thanh vào, mím môi chờ đợi. Mồ hôi lã chã trên cái trán khi đột sần sùi. Nó lẩm bẩm: “Đành vậy thôi chớ biết sao! Đâu ai muốn giết bà ta làm gì!”

— Robert, con làm gì trong đó mà lâu quá vậy? Con có bệnh hoạn gì không? Nếu con nghe mẹ thì con lên tiếng...

Cái nắm cửa lại bị vặn, tiếng đập cửa dồn dập hơn. Kabri lắc đầu, chờ đợi.

Bỗng có thêm tiếng bước chân người đi tới ngoài hành lang. Thế này là không được rồi. Kabri nhìn ra cửa sổ cầu tiêu suy tính. Coi, nếu mình chui ra đó bây giờ thì sao nhỉ? Đâu có sao. Cớ sự đã như thế này thì đành chui ra để thoát thân vậy. Chuyện hai thằng sứ giả của Capone để từ từ rồi tính cũng được. Nhưng nhìn kỹ cái cửa sổ một chút, Kabri bỗng muốn đập đầu vào tường. Ai cũng có thể chui qua cái khung cửa nhỏ đó được hết nhưng Kabri khổng lồ này thì chịu! Suốt đời, Kabri đã nhiều lần thấy mình thua sút thiên hạ vì cái thân xác quá lớn nhưng lần này mới thấy thấm thía.

Một giọng nói đàn ông phía ngoài:

— Bà tìm thằng Robert à?

— Ông rán mở thử cái cửa cầu tiêu này coi sao. Nó nói với tôi là nó bị đau bụng mà sao gần cả tiếng đồng hồ rồi chưa thấy nó về.

Lần này tiếng gọi và gõ cửa mạnh hơn của người đàn ông.

Kabri suy tính mau như điện. Thoát thân bằng lối cửa sổ coi như không được rồi. Nếu hai vợ chồng chúng nó ập vào đây thì mình chỉ còn cách khoá trái cửa lại rồi nổ liên. Súng có ống hãm thanh đâu ai nghe. Bắn rồi thì lại phải một phen chùi rửa sàn nhà nhưng biết làm sao hơn?

Tiếng vặn cửa tiếp tục.

— Ông ơi, tôi thấy trong bụng nó là lạ làm sao ấy! Hơn nữa thằng

Robert đi lâu quá rồi, không chừng nó té xỉu trong đó cũng nên.

— Bà chỉ nói nhảm.

— Nhảm gì! Hay là mình đi kêu nhân viên trực xe lửa tới bảo họ mở thử cái cửa này coi... Có cái gì trong này mà linh tính cho tôi biết là không ổn.

Nếu để cho cặp vợ chồng này bỏ đi kêu nhân viên xe lửa tới đây thì mình chết chắc. Nhất định chết. Nó biết an ninh xe lửa của Mỹ với truyền thống hơn 100 năm chống cướp không phải là bọn người dễ bị ăn hiếp. Thế này thì đành phải mở cửa ra lôi chúng nó vào đây mà tặng cho mỗi đứa một phát vô màng tang là yên chuyện.

Suy nghĩ xong là Kabri lẹ làng đưa một tay nắm quả nắm, tay kia hạ nòng cây súng xuống.

Bỗng tiếng gõ cửa cùng vặn cửa im bật. Chúng nó bỏ đi kêu người đây, phải hạ thủ liền tức thì, không thì muộn mất. Bàn tay Kabri vừa xoay được một phần tám vòng thì có tiếng người chồng:

— Thôi đi bà! Bà biết tánh con mà! Chắc nó đi ăn ở đâu đây, hay là nó đang đi 데 gái không chừng. Mình cứ lo cho nó mà nó thì chẳng biết lo lấy thân gì cả...

Người chồng tiếp tục, lời lẽ dịu dàng:

— Hay là mình ra toa hàng ăn kiểm lý cà phê dẫn bụng trước, biết đâu chừng sẽ gặp nó trong đó. Xong rồi mình trở lại cũng chẳng muộn.

Tiếng chân người bước đi xa dần, xa dần. “Mục sư” Kabri thở phào nhẹ nhõm, tạ ơn Chúa đã không để tay con vấy máu thêm hai người vô tội. Kabri lắc đầu nhún vai, tháo ống hãm thanh ra, nhét nó và khẩu súng trở lại vào trong cuốn kinh thánh, lẩm bẩm: “Cái nghề này kỳ quá, nhiều khi không muốn giết người mà vẫn phải giết!”

Mục sư Kabri mở cửa cầu tiêu, khoan khoái bước ra, mặt nghiêm trọng tỉnh táo như sắp sửa bước lên toà giảng.

Mở sang tới toa thứ năm thì Kabri tìm thấy hai thằng sứ giả của

Al Capone đang ngồi ngất ngưỡng trong một cabin sang trọng, đồ ăn thức uống đầy bàn. Đứng trong bóng đêm từ ngoài nhìn vào, Kabri tha hồ quan sát hai ông sứ giả.

Thật chẳng hổ danh cận vệ của hung thần Al Capone, thằng nào cũng to con, mặt mày bặm trợn, ăn mặc sang trọng như những nhà quyền quý. Những bàn tay hộ pháp xé từng mảng thịt gà quay, bỏ lên miệng nhai ngồm ngoàm.

“Tàu gần đến ga mà chúng nó còn ăn uống như vậy thì Chúa giúp con rồi!” “Mục sư” Kabri móc trong túi ra một gói bột nhỏ nhét vào ống tay áo rồi từ từ mở cửa cabin tiến vào, dáng điệu chậm rãi, trang trọng, lịch sự y hệt một nhà tu.

Nghe tiếng cửa mở, với bộ óc bén nhạy luôn luôn đề cao cảnh giác, hai thằng sứ giả của Capone thò tay xuống dưới bàn chụp liền vào cán mấy cây Colt.45 rồi quay đầu lại nhìn. A, thì ra một ông cố đạo. Giờ này cố đạo đi đâu mà khuya vậy không biết. Chúng nó thả mấy cây súng ra, đưa tay lên bàn tiếp tục cầm những chiếc đùi gà béo đang gặm dở, khởi cần lau tay làm chi cho mất thì giờ.

Ông cố đạo đi ngang bàn đó bỗng chậm bước rồi ngừng lại. Một thằng sứ giả ngẩng mặt lên, cười nhẹ nhàng:

— Trời gần sáng, chắc cha... đói bụng?

— Ha lê lúi da! Phúc cho ai có lòng thương xót những người nghèo khổ, vì nước trời là của họ. Kinh thánh đã nói như vậy. Chúa sẽ chúc lành cho các con.

— Phúc đức mẹ gì cha, mấy chục năm chúng con chưa bước vào nhà thờ, thấy cha đói bụng thì mời ăn để gỡ chút tội vậy mà. Mời cha ngồi xuống đây chơi.

Vừa nói thằng sứ giả vừa nhích người sang một bên nhường chỗ trống cho ông mục sư.

— Các con yêu dấu, Thiên Chúa nói rằng ai làm một điều gì cho những người hèn mọn nhất trong anh em chúng con, ấy chính là làm

cho Cha trên trời vậy.

— Thôi, ăn đi cha, để dành mấy bài đó vào nhà thờ hãy nói, bởi sắp dọn dẹp rồi.

Kabri bình thần trải khăn ăn lên đùi:

— Lẽ ra thì cha không được phép ăn uống bữa bái như thế này nhưng hôm nay cha phá lệ ngồi với các con một chút...

— Cha uống chút rượu không?

— Rượu à? Lẽ ra thì cũng không được uống bữa bái như thế này nhưng cha cũng phá lệ một lần nữa để uống một tí với các con cho vui. Để cha rót rượu cho các con...

Nói xong, Kabri tự tiện cầm chai

rượu vang, mở nút rót cho mình một chút rồi rót đầy ly cho mỗi đứa. Ngón tay út của hắn khéo léo khảy vào mỗi ly một chất thuốc màu vàng nhạt dấu kín từ trong ống tay áo.

Ngài mục sư chấp hai tay vào nhau, cúi đầu:

— Chúng con hãy cùng cha đọc kinh cầu xin Thiên Chúa tha thứ cho những tội lỗi của mình. Đã đến giờ sám hối. Các con nên thành tâm vì không biết giờ nào Thiên Chúa sẽ gọi các con đi...

Cặp mắt Kabri nhắm lại, vẻ mặt thành khẩn vô cùng, y hết một cổ đạo cầu kinh sám hối trong nhà

thờ. Mà nó thành khẩn thật vì nó biết chắc là hai thằng này... sắp chết. Đúng hơn, đã đến giờ Chúa gọi chúng nó. Làm dấu xong, Kabri lấy cho mình một đĩa đầy thịt gà, ăn uống tự nhiên ngon lành.

Lúc tàu hoả đến nhà ga chính Grand Central Nữu Ước thì hai thằng sứ giả của Capone vẫn còn ngủ say như chết, không cách nào dậy nổi. Loại thuốc đặc biệt này ngửa lên cơn điên mà chỉ cần nhét một viên vào miệng là xuôi ngay thì người làm sao chịu nổi? Mục sư Kabri dìu chúng nó từng thằng một ra chiếc Limousine đậu sẵn. Ngang qua mấy thằng soát vé, ông cố đạo cầu nhàu than thở, làm ra vẻ bức mình lắm vì những thằng bợm rượu này.

Chất xong hai cái thầy nặng như chì lên xe là Kabri lột hết áo mao mục sư ra, ra lệnh cho tài xế bằng một giọng lạnh lùng:

— Trời sắp sáng rồi, dọt ra bến tàu gấp.

Chiếc xe sang số phóng ào ào. Kabri hỏi liền:

— Mày có đem cái búa của tao theo không?

— Có. Phía sau.

Kabri chồm ra sau chụp cây búa, lấy ngón tay rờ rờ cái lưỡi. Cây búa này, thân cổ thụ to cỡ người ôm, xướng vào một cái là đứt làm mấy khúc thì thân người chịu gì nổi!

Xe vừa đậu ở một chỗ vắng vẻ là Kabri phóng xuống liền với cái búa búa củi trên tay. Hai thầy trò kéo từng thằng một xuống để nằm ngay ngắn trên mặt đất.

— Chúng nó còn ngủ say như chết.

— Trò chơi hôm nay mất vui vì tao bỏ thuốc hơi nhiều. May phước cho chúng nó, chúng nó sẽ chết không đau đớn. Tao khoái nhìn tụi nó van lạy trong lúc tao búa xuống người nó. Vui lắm! Lần trước tao cũng chặt một thằng, nhưng nó đâu có ngủ mê như thế này. Tao nghĩ là nó chết vì la đứt cuống họng trước khi lưỡi búa tao giáng xuống...

Kabri đóng cửa xe, quan sát một vòng chung quanh. Tốt. Bốn bề



vắng lặng không một bóng người.

— Xong chưa?

— Rồi!

— Tao nói trước là nếu mày yếu bóng vía thì đừng nhìn. Cứ ra chỗ đầu xe đứng đợi tao. Chỉ vài phút là xong.

— Tôi nhìn được.

— Tốt. Vậy coi đây!

Kabri vung búa chặt một nhát xuống giữa cần cổ một thằng. Lưỡi búa ngập luôn tới đất. Cái đầu thằng sứ giả bay tuốt ra xa, máu phun có vôi.

Nó tiếp tục giơ búa lên chặt xuống lia lịa, bắt đầu từ ngực rồi đến bụng, đến tay chân. Những tiếng phập phập vang lên nhịp nhàng như người nấu ăn chặt thịt trong nhà hàng. Bỗng có tiếng nôn oẹ thốc tháo. Kabri nhìn sang thì thấy thằng tài xế của mình đang bụm miệng nôn mửa thốc tháo, mặt cắt không còn hột máu. Kabri cười:

— Dù mẹ, giết bao nhiêu mạng người rồi mà vẫn còn yếu bóng vía vậy à? Tao đã nói mà, mày yếu bóng vía vậy thì cả tháng sau chưa chắc đã dám rớ tới miếng thịt bò bí-tết.

Nói xong, nó sửa lại thế đứng, giơ cao cây búa phang xuống cổ thằng thứ hai...

Lúc Kabri thấy mấy khúc thịt xuống đường mương, có một chú mèo hoang đi ăn đêm mò tới, liếm liếm một khúc thịt. Nó mỉm cười, chụp cây búa tiến tới phía sau rồi bụp một tiếng, chặt đứt con mèo ra làm hai khúc. Đầu một nơi mình một nẻo mà cặp chân con mèo còn giãy lên được từng hồi mới là kỳ kỳ. Nó quay sang hét vào tai thằng tài xế:

— Mau xuống đây phụ tao một tay để tẩu tán mấy cái này, đứng đó mà mửa hoài à?

Thằng tài xế lắc đầu:

— Kabri, đàn em xin chịu, không làm được.

Nói xong nó ụp lên một thôi nữa. Lần này chỉ còn nước vàng trong bao tử chảy ra. Kabri lắc đầu, tiếp tục dọn dẹp. Khi miếng thịt cuối cùng được dọn đi thì mặt trời cũng vừa ló dạng. Máu me đọng từng

vũng trên mặt đất như một cái lò đổ tể. Hai thầy trò lên xe. Thằng tài xế hãi quá, tay run lên bần bật, cầm cái chìa khoá công tắc mà mò mãi không nhét được vào ổ.

Bây giờ, đứng trên lầu ba của khách sạn Sherman, ngay trên lãnh thổ của Capone, Kabri chợt nhớ lại những cái xác đã bị nó chặt đứt từng khúc buổi sáng hôm nọ. Nó nhún vai nhìn chủ, giọng không hề có chút sợ hãi:

— Ngài muốn Kabri này xuống dưới đó dạy thằng chó đẻ Al Capone một bài học không? Nó quên nó là ai rồi à?

Nhìn cái mặt hầm hầm của nó, David Yale biết là nếu mình gật đầu một cái thì sẽ có bắn lộn tùm lum dưới nhà liền. Chưa kịp lắc đầu thì thằng Luciano đã lên tiếng can lại:

— Không được đâu mày! Đây không phải như Nữ Ước. Chicago là của Capone, để từ từ kiếm cách giải quyết.

Ngài chủ tịch Yale nhìn sang Luciano:

— Mày xuống dưới nhà dùng lời lẽ ôn tồn nói cho nó biết. Tao chờ trên này.

Kabri hớn hờ:

— Tôi đi theo được không?

David Yale lắc đầu:

— Không, mày ở đây hầu rượu và để tao có chuyện khác còn nhớ.

Luciano đóng cửa phòng, một thân một mình bước xuống cầu thang. Ở lầu một, Capone cùng đám cận vệ đang vây kín hai người thợ ký khách sạn ở văn phòng chính.

— Ngài chủ tịch Yale ở lầu nào?

Hai thằng thợ ký hãi quá. Chúng nó đã nhận được chỉ thị dấu kín tên tuổi của ngài, nhưng nhìn những thằng cô hồn đang đứng trước mặt, biết chúng nó không phải là hạng người thích chờ đợi như khách thường, một đứa cất giọng run run:

— Thưa... thưa quý ông, xin mấy ông cho biết có phải mấy ông muốn gặp ngài David Yale không ạ?

Frank Nitti lên tiếng:

— Xếp Al Capone đây được ngài David Yale mời đến gặp. Tao

tưởng tụi mày phải biết rồi chứ, tại sao mà còn hỏi?

— Dạ biết, nhưng mấy ông chờ cho một chút để tôi thông báo.

— Khởi căn! Mẹ, hẹn nhau cả mấy ngày rồi, bày đặt cái trò thông báo làm gì nữa? Tao hỏi ngài chủ tịch ở đâu, chỉ cần nói một tiếng thôi, tụi tao lên gặp ngài cũng được.

Ngay lúc ấy bỗng có tiếng quát to như sấm rền từ phía cầu thang chính:

— Chủ tịch David Yale ở lầu ba nhưng không ai được lên nếu không có phép.

Mọi người giật mình quay lại nhìn lên cầu thang. Capone và Frank nhận ra ngay thằng Luciano oai phong lẫm liệt đứng ngay giữa cầu thang. Dân Nữ Ước quả là có thần. Nó quát như vậy mà mọi người đang nhón nháo bỗng nhín khe, ngoan ngoãn nhìn lên. Vẫn bộ mặt hầm hầm, Luciano tiếp tục la lớn:

— Al Capone! Mày đến đây phò hội hay dẫn lính đến đây giết người?

Frank Nitti lệ làng thò tay vô nách nhưng chưa kịp móc cây Colt.45 lưng danh ra thì Capone quắc mắt nhìn nó lắc đầu ra hiệu rồi vén cặp môi thịt lên làm một phát cười cầu tài:

— Hello Lucky Luciano, bạn bè lâu ngày mới gặp nhau, chúng mình không chào nhau được một tiếng nào sao?

— Al! Để chuyện cá nhân từ từ nói sau cũng được. Tao hỏi mày tới đây phò hội hay để làm loạn?

— Tao tới đây trình diện ngài chủ tịch.

— Vậy tại sao mày đem tới 16 thằng cận vệ? Nếu tao tính luôn cả thằng Frank Nitti cầm nữa là 17 đứa. Ai cho phép mày?

Frank Nitti lại muốn thò tay vô nách. Tuy biết Luciano là trùm và là bạn của xếp nhưng ai cho nó hạch hỏi bằng cái giọng xấc láo như vậy ngay giữa Chicago này. Nó còn nhớ được cả cái biệt hiệu giang hồ ngày xưa của mình ở Nữ Ước mà lòi ra kêu đích danh thì quả là nó

chẳng coi thầy trò mình ra gì hết.

Capone tiếp tục phân trần:

— Luciano, mày biết tao có nhiều kẻ thù. Người như tao mà đi đứng không chuẩn bị kỹ càng thì làm sao còn sống đến giờ này!

— Vậy là mày nghi ngờ luôn cả ngài chủ tịch?

— Không, tao không dám.

— Tốt. Nếu mày muốn biểu diễn chút lực lượng cho người ta thấy thì mày đã thành công rồi. Chủ tịch Yale đã nhìn thấy. Còn nếu mày cần thận thì là quá đáng vì ngài chủ tịch không phải là hạng du thủ du thực để mày phải đề phòng như vậy.

Lúc ấy Luciano mới từ từ bước xuống cầu thang, chậm rãi chắc nịch từng cấp một. Capone tiến tới bắt tay nó rồi hai đứa ôm nhau hôn chùn chụt. Luciano vỗ vai Capone, cười thân thiện:

— Al, mình quen biết nhau quá mà! Ngài chủ tịch có vẻ không thích cái màn điệu võ dương oai của mày. Cho chúng nó cắt cha hết ra ngoài đi.

Capone hỏi:

— Tao đem theo thằng Frank Nitti được không?

Luciano cố tình nói lớn để Frank nghe:

— Cái thằng Frank cầm đó mặt mày khó thương như quý địa ngục, chẳng ai muốn nhìn. Cho nó cắt cha ra ngoài luôn. Mày lên lầu một mình với tao.

Frank đứng bên cạnh nghe hết. Nó ngứa gan tính xông tới gây chuyện nhưng Al Capone đã quát mắt nhìn đàn em, bảo:

— Frank, mày nghe Luciano nói rồi. Dắt hết chúng nó ra ngoài xe chờ tao. Để mình tao lên gặp ngài chủ tịch cũng được.

Frank quay lui hất đầu một phát. 16 thằng cận vệ lần lượt bước ra cửa chính cũng ào ào như khi chúng bước vào. Frank không bỏ ra ngoài theo chúng nó mà rềnh rang kiếm một cái ghế ngồi xuống nơi phòng khách.

Luciano nhìn nó rồi quay lại nhìn Capone. Capone nhún vai. Hai đứng sững đôi bước lên lầu.

Tới cửa phòng ngài chủ tịch, Luciano gõ ba tiếng. Thằng Kabri lộ đầu ra. Nhìn thấy Capone, nó chĩa tay, khuôn mặt lạnh lùng không đổi sắc:

— Al, lâu ngày không gặp, nhớ tao không mày?

Capone nhìn thằng Kabri một lúc để cố gắng nhớ xem đã gặp thằng này ở đâu. Thấy hơi quen quen nhưng nghĩ không ra. Thói đời xưa nay vẫn vậy, những kẻ tiến mau trên đường công danh thường dễ quên những người bạn nghèo khó ngày xưa.

— Tao đây, Kabri không lẽ đây!

Capone nhớ ra liền. Thằng này ngày xưa cũng lừng lẫy một thời, hung dữ và thủ đoạn không thua gì mình. Capone bắt tay Kabri, nét mặt cũng lạnh như tiền, không đổi sắc:

— Nhớ rồi! Kabri không lẽ!

— Tao bỏ nghề đao búa lâu rồi, hiện đang làm chánh văn phòng cho ngài chủ tịch. Ngài đang chờ mày phía trong, cứ vào ngồi chờ ở phòng khách, để tao vào thông báo.

“Tao bỏ nghề đao búa lâu rồi”, Capone suy nghĩ mãi về câu nói đó. Mình đâu phải là cảnh sát. Chuyện nó còn đi ăn cướp hay không ai thêm để ý tới, tại sao nó phải phân trần với mình làm gì kia? Trong cái nghề này, người ta nhiều khi khôn 30 năm mà rồi chỉ đại vì một câu nói. Linh tính bén nhạy của một ông trùm báo cho Capone biết hình như thằng này thế nào cũng có dính dáng đến cái chết của mấy thằng đàn em mình.

Hai người bước vào phòng. Capone nhìn cái lưng to như cái tủ lạnh của Kabri đi phía trước, tiếp tục suy nghĩ. Giết thằng này cũng khó như là giết voi.

Ngài chủ tịch để Capone ngồi chờ nơi phòng khách khoảng 15 phút rồi mới rềnh rang bước ra. Trông thấy ngài là Al Capone đứng bật dậy mau như cái lò xo. Dù đã chuẩn bị từ trước, một tên trùm Mafia lừng danh như Al Capone cũng không dấu được vẻ kính sợ trước một nhân vật quyền uy bậc

nhất trong xã hội đen. Capone thấy mình đối diện với một người đầy quyền lực và bí ẩn. Tóc ngài bạc phơ, cặp mắt sáng quắc như điện và tuy đã có tuổi, ngài đi đứng cử động một cách chắc chắn, vững chãi lạ thường. Ông trùm của những ông trùm có khác.

Vị lãnh đạo tối cao của Unione Siciliane đứng yên một chút như để cho Capone nhìn ngắm mình rồi mới từ từ tiến tới. Cử chỉ của Capone một mực tôn kính làm mấy người trong phòng, Kabri và Lucianon, cảm thấy hả dạ. David Yale nghĩ thầm: “Nó còn tỏ lòng tôn kính như thế này thì mục đích mình xuống đây chắc không đến nỗi...”

Ngài Yale chỉ cái ghế:

— Mời ngồi.

Capone lúc ấy mới buông tay ngài, ngồi xuống. Thằng Kabri bưng tới một khay rượu. David lấy một ly rồi chỉ vào Capone:

— Mày mời Capone một ly cho biết cái thứ rượu nho quý này. Từ bên nhà đem qua đó, đã chôn dưới hầm trên 500 năm.

Capone kính cẩn đỡ một ly, cái miệng thịt vẫn chưa nói được câu nào ngoài mấy tiếng chào hỏi và cảm ơn.

Uống hết ly rượu, Capone lấy được phần nào bình tĩnh, nhấp đề:

— Thưa ngài, ngài từ Nữ Ước lặn lội xuống đây chắc có chuyện quan trọng muốn chỉ bảo cho Capone này.

David Yale hất đầu một cái. Kabri bước ra khoá hết mấy cánh cửa lại. Dù Chicago là đất của mình và đã cẩn thận gài người ở nhà dưới trong đám bồi bàn, Capone vẫn thấy lạnh sau gáy, nhớ đến bốn cái xác đàn em đã bỏ thây ở Nữ Ước.

David Yale đọc được ngay tư tưởng của thằng trùm ăn cướp, cười:

— Không có gì đâu Capone. Qua muốn giữ kín buổi họp mặt ngày hôm nay vậy thôi.

Capone sửa thế ngồi. David Yale đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng:

— Capone, chắc chú mày còn nhớ cũng tại khách sạn Sherman này cách đây một thời gian, qua quên rồi, hình như là hơn một năm thì phải, mấy anh em chúng mày có ngồi chung với nhau cũng trong một ngày đẹp trời như thế này...

— Thưa ngài nhớ, ngày tụi này ký thỏa ước Sherman.

— Đúng. Thỏa ước Sherman là một sản phẩm lớn, là kết quả văn minh của dân Mafia mà qua cũng như nhiều anh em ở đây, trong đó có cả chú mày, đã ngồi xuống và nói

phải trái với nhau sau hơn hai năm can qua khói lửa giữa chú mày với thằng Colosimo.

Capone ngồi im thin thít. David Yale đứng bước, quay nhìn Capone thả trái bom đầu tiên:

— Mục đích qua xuống đây cũng không ngoài cái thỏa ước này. Al, tại sao chú mày chuẩn bị chiến tranh?

Dù đã phần nào đoán ra mục đích của buổi họp, Capone cũng thấy cổ họng mình muốn nghẹn. Bất ngờ là yếu tố quan trọng nhất

của mọi trận đánh. Mình chưa ra quân, kế hoạch chỉ có mình nắm, tại sao ngài chủ tịch ở tuốt mãi trên Nữu Ước lại biết được kia?

Thái dương Capone đã lấm tấm vài giọt mồ hôi.

— Capone, chú mày nói cho tao nghe, tại sao thỏa ước ký chưa ráo mực mà chú mày chuẩn bị chiến tranh?

Capone ú ớ:

— Làm gì có chiến tranh thưa ngài. Tụi tôi đang sống thanh bình hạnh phúc mà.

David Yale cười:

— Thôi đi, đừng có chối quanh chối quẩn nữa.

Capone vẫn tỉnh bơ:

— Coi, tôi có biết gì đâu. Ngài lấy tin tức ở đâu vậy?

David Yale ngồi xuống ghế trở lại, ngoắc thằng Kabri tới, nói một câu làm Capone muốn té văng khỏi ghế:

— Mày mời ông O'Bannon ra đây tao.

Capone tái mặt. Kabri mở toang cánh cửa phòng bên cạnh cho mọi người nhìn thấy một lão già đang ngồi phì phà ống vố ở đó không biết từ lúc nào. Lão cáo già O'Bannon chớ còn ai nữa!

Bây giờ thì Capone thấy cổ họng mình nghẹn thật, khó thở. Dù mẹ thằng thợ may này may cổ áo chặt quá. Xếp đưa một ngón tay lên thọc vào giữa lớp cổ áo, ngoáy ngoáy vài cái để nới lỏng cái nút cà-vạt.

Cử chỉ của Capone không thoát khỏi những cặp mắt cú vọ trong phòng.

Đánh bài xì-phé, cái quan trọng nhất là con bài tẩy mình nắm trong tay. Bài tẩy lớn thì cứ đi tiền ào ào chẳng sợ gì hết. Thì ra là thằng O'Bannon đã nắm được lá bài tẩy của Unione Siciliane trong tay. Thảo nào chúng nó tự tin quá chừng. Những chi tiết của trận đánh cuối cùng với O'Bannon coi như xong, thằng O'Bannon và trọn ban tham mưu của nó coi như cá nằm trên thớt, chỉ chờ đúng ngày giờ là xuống tay... Vậy mà, ai có ngờ, thằng Do Thái này còn đi



trước mình một nước. Al Capone cứ lăm bằm trong đầu hai tiếng: "Thảo nào... thảo nào..." Có Unione Siciliane đứng sau lưng, bố bảo cũng chẳng thắng nào trong cánh Capone dám ôm súng đi gây chuyện. Dù xếp có uống thuốc liều, muốn gây cuộc can qua đại một lần cũng chẳng được. Đàn em của xếp nhiều thằng là đảng viên kỳ cựu của Unione, nhiều thằng đã được thụ phong, sức mấy chúng nó chịu nghe lời xếp để phản đảng. Chẳng những không nghe lời mà không chừng còn trở cở quay súng ngược lại thì công việc sẽ trở nên phiền phức lắm.

Al Capone ngồi lặng người đi một lúc, không nói được lời nào.

Lúc lão O'Bannon bước ra phòng khách thì Capone đã tìm ra giải pháp cho vấn đề nan giải này. Một giải pháp "coi được" mà chỉ mình Capone này mới dám làm.

Capone hít đầy bụng một hơi dài, thấy mình lấy lại được sự tự tin bình thường dù mồ hôi trán vẫn còn lấm tấm. Ánh mắt của xếp bây giờ bắn ra những tia lửa kỳ lạ. Kỳ lạ và ghê gớm đến độ thằng Luciano nhìn thấy phải giật mình. Đó là ánh mắt của một mãnh thú bị dồn đến đường cùng, sắp sửa nhảy ra ăn thua đủ một lần với thiên hạ trước khi chết.

Làm như không để ý đến những đổi thay trên khuôn mặt Capone, David Yale bình thản tiếp:

— Al, nếu chú mày không biết thì qua giới thiệu lại, đây là O'Bannon. Trùm O'Bannon... Mời ông bạn O'Bannon ngồi xuống đây, chúng mình coi thử có thể nói chuyện với nhau như những người văn minh được không, hay là cứ mỗi chút là mỗi bắn giết như bọn hải tặc thời trung cổ.

O'Bannon từ từ ngồi xuống ghế đối diện với Capone, chỉ vừa cách một sải tay, nét mặt vẫn giữ vẻ điềm đạm của con nhà làm ăn thương mại. Cho đến lúc ấy, lão Do Thái cũng chưa thèm hê răng nói một lời nào.

Chờ cho mọi người an vị đâu đó

đàng hoàng, David Yale cất giọng:

— Alphonse Capone, chú hiểu giùm, qua mời O'Bannon tới đây không phải để làm khó chú. Qua chỉ muốn hai anh em gặp mặt nhau để nói chuyện phải trái. Chú phải biết, chiến tranh chỉ là giải pháp cuối cùng của những con người văn minh. Vì sao vậy? Vì nó tốn kém. Tốn sinh mạng, tốn tiền, tốn thì giờ...

Ngài chủ tịch tiếp tục nói và nói nhiều nhưng Al Capone đâu nghe thấy gì nữa. Bộ óc tội ác trong đầu xếp xoay chuyển mau lẹ chung quanh cái trục Unione Siciliane và O'Bannon. Xếp tính toán. Nếu mình từ chối ngay bây giờ thì chuyện gì sẽ xảy ra kia? Biết đâu chừng trong những cánh cửa kia lại chẳng có cở dăm ba thằng thiện xạ ôm tiểu liên ngồi chờ. Cánh cửa bung ra một cái là lửa khạc thành vòi cho coi. Như mọi người, Capone cũng sợ chết. Chết trong tay không thủ được một cây súng càng đáng sợ hơn.

Bản năng sinh tồn của một tay ăn cướp lừng danh nhất Hoa kỳ trở về. Khởi căn suy nghĩ lâu, Al Capone biết chuyện gì phải làm. Thằng O'Bannon đã đặt tin tưởng vào David Yale đến như vậy thì... cứ để cho nó tin. Mình sẽ quật nó ở chỗ nó không bao giờ ngờ được: Unione Siciliane.

— Sao, Al, chú mày thấy tao nói có đúng không?

Capone bắt đầu vỗ kịch của mình:

— Thưa ngài, từ ngày ký thoả ước Sherman, tôi vẫn luôn nhớ ơn ngài. Nói thật với ngài, trong giây phút nóng giận O'Bannon, tội tôi cũng tính đánh lòn một mẻ. Nhưng hôm nay, ngài đã lặn lội từ Nữ Ước xuống đây để lo dàn xếp thì tôi cũng đành phải nghe lời ngài mà gác chuyện đánh đấm lại.

Mọi người trong phòng thở phào nhẹ nhõm. Kẻ nhẹ nhõm nhất là Luciano. Nó là bạn Capone từ lâu và biết là thằng này rất cứng đầu. Quả thật, Luciano cũng không biết xử trí làm sao nếu Capone từ

chối hợp tác. Capone tiếp:

— Tuy nhiên thưa ngài, chúng tôi đã bị thiệt thòi nhiều quá...

— Thiệt bao nhiêu nói đi?

— Cỡ một triệu đô la.

Yale nhìn Bannon. Tên trùm Do Thái cho đến giờ này vẫn chưa thèm mở miệng, chỉ lác đầu cười cười.

Capone muốn nhét một họng súng vào giữa hai hàm răng đó mà bóp cò liên mấy phát nhưng vẫn rón giũ bộ mặt tỉnh:

— Andy O'Bannon, ông bình tĩnh nghe tôi một chút xiu. Tội tôi đã biết ông xâm phạm bờ cõi tội tôi từ lâu lắm rồi, từ lúc thằng Ness bắt đầu xuất quân...

Capone đi một đường cắt nghĩa dài dòng, tả oán đủ thứ. Với hai thằng cáo già này, mình phải đóng kịch thật khéo. Quan trọng nhất là phải làm sao cho chúng nó tin là mình có thiện chí hoà giải, mọi chuyện rồi sẽ từ từ giải quyết được hết.

Nửa giờ đồng hồ bàn qua cãi lại, Capone đồng ý ở con số 250 ngàn đô-la. Chủ tịch Yale cười hớn hờ:

— Đích thân qua sẽ lo cái vụ này. O'Bannon cứ giao tiền cho qua, qua sẽ đưa lại cho Capone. Dĩ nhiên, chuyện này là vì anh em, qua nhất định không lấy một đồng bạc hoa hồng.

Capone nói luôn:

— Không, ngài chỉ đưa cho tôi 200 ngàn thôi. Tôi xin tặng số còn lại cho ngài.

O'Bannon cũng vui vẻ:

— Phần tôi, tôi sẽ đưa cho ngài 300 ngàn gọi là đền ơn cho ngài. Xin cảm ơn ngài rất nhiều trong việc dàn xếp vụ này cho chúng tôi. Chút xiu nữa thì Chicago này chỉ thấy toàn những máu là máu.

Cặp mắt cú vọ xoáy vào người Capone, lão Do Thái tiếp tục:

— Nhưng tôi chỉ lo một điều là không biết ông bạn Capone ngoài mặt như vậy mà trong bụng có thật lòng muốn hoà giải hay không. Tôi rất sợ những lời hứa không giữ được...

David Yale hiểu ý, đứng lên, hai

tay nắm lấy hai người đặt vào nhau. Ngài chủ tịch nhìn Capone hỏi trước:

— Trước mặt qua, chủ tịch tối cao Unione Siciliane, chú phải thể độc là từ nay về sau sẽ không bao giờ gây cuộc can qua với gia đình O'Bannon.

Capone nghiêm sắc mặt nói liền:

— Trước mặt ngài, tôi xin long trọng thể rằng, ngày nào còn ngài, tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện đánh nhau với gia đình O'Bannon.

Ngài chủ tịch Yale hơi nhăn mặt. Dù mẹ thằng nhãi này, nó trù cho mình chết chẳng? David Yale có vẻ không thích câu nói thông "ngày nào còn ngài" bèn hỏi lại:

— Chú nói "ngày nào còn ngài" nghĩa là sao?

— Thưa ngài, mình là người sống chỉ nên lo chuyện người sống. Hãy để cho người chết lo chuyện người chết.

David Yale vẫn chưa bằng lòng nhưng O'Bannon thì hả hê ngay. Lão biết ngài David Yale tuổi tuy hơi cao nhưng còn lâu lắm mới ngủm được, bèn xiết chặt tay Capone:

— Trước mặt ngài chủ tịch tối cao của Unione, tôi cũng xin long trọng thể rằng, nếu không bị tấn công trước, từ nay về sau sẽ không bao giờ gây chuyện can qua với gia đình Capone. Chúng mình là anh em một nhà.

Capone hỏi:

— Còn cái vụ xâm lăng lãnh thổ thì sao?

— Chấm dứt. Tao sẽ ra lệnh cho tụi nó rút về hết.

David Yale ra lệnh:

— Chúng mày hôn nhau đi.

Capone ôm O'Bannon hôn hai phát. Lão Do Thái cũng đáp lễ hai cái. Kabri đẩy tới một xe rượu. David Yale cầm chai sâm banh, mở nút nghe đến póc một tiếng:

— Tụi mình phải ăn mừng hôm nay, một ngày trọng đại.

Khi Kabri đưa cái ly cho Capone, xếp cầm lấy và chợt nhận ra một điều là thằng ăn cướp này, con

người nó cái gì cũng đồ sộ, từ mặt mũi đến bàn tay bàn chân. Câu nói "Tao bỏ nghề đao búa lâu rồi" lại trở về trong trí xếp. Tại sao tự dừng nó lại buông một câu kỳ quặc như vậy với mình? Mấy cái xác của đàn em bị chặt từng khúc một lại trở về trong trí, rồi bỗng Al Capone nhớ ra một chuyện. Xếp nhớ ngày xưa lúc còn là một thằng ma cô hạng bét ở Nữ Ước, xếp có nghe người ta đồn rằng thằng Kabri mắc bệnh cuồng sát. Các em gái giang hồ đi ngủ đêm với Kabri thỉnh thoảng bị mất tích. Vài ngày sau người ta tìm thấy xác em trong đồng rác, thân thể bầm dập. Có em bị cắt luôn cặp vú, có em bị tống một chai bia vào cửa mình. Cảnh sát được gọi đến nhưng mạng của một con đi đầu có ai coi ra gì. Thủ phạm không bao giờ được kiếm ra nhưng các em giang hồ kháo nhau rằng chính Kabri là tác giả. Mấy chục năm sau, nhận ly rượu từ tay Kabri, nhìn khuôn mặt với cặp mắt lơ đãng của nó, Al Capone chợt nhớ tới chuyện này. Phải rồi, chỉ có thằng Kabri mới giết người như vậy. Chỉ có những đứa bệnh hoạn như nó mới xuống tay tàn nhẫn như vậy thôi.

Xếp biết là ngày nào thằng này còn sống thì khó có ai dám động đến David Yale.

Capone hỏi David Yale:

— Tôi muốn gặp riêng ngài một chút được không?

— Chuyện gì vậy?

— Chuyện Nữ Ước.

Nghe tới hai chữ Nữ Ước, Kabri quắc mắt nhìn Capone. Capone bình thần tiếp:

— Tôi chỉ xin ngài vài phút thôi.

David Yale nhìn Kabri lưỡng lự rồi gật đầu:

— Vào trong phòng này. Luciano, mày ở đây tiếp chuyện O'Bannon giùm qua một chút.

David Yale vừa xoay người là Kabri theo gót liền. Thằng này canh chủ nó kỹ hơn quỷ giữ cửa địa ngục.

Trong phòng, David Yale ngồi xuống ghế, Kabri đứng ngay bên cạnh. Capone ngồi ghế đối diện:

— Thưa ngài, tôi muốn khiếu nại với ngài về vấn đề mấy chiếc xe rượu của tôi...

— Coi, hôm nọ qua biểu em gọi mấy thằng nhỏ xuống điều tra, không thấy em nói gì hết, qua tưởng mọi chuyện yên lành rồi chứ!

— Thưa ngài, hai thằng đàn em của tôi đi luôn một lèo vào... nhà xác.

— Cái gì?

— Thưa ngài, chúng nó không biết bị ai bắt cóc rồi chặt xác chúng nó ra làm nhiều khúc.

— Vậy à! *I am sorry*. Nhưng sao chú không gọi cho qua một tiếng?

Capone giấu nhem chuyện thằng Frank Nitti lên Nữ Ước, bình thần tiếp:

— Sau đó tôi gọi thêm ba thằng nữa lên coi thì hai thằng bị bắn chết tươi, một thằng thoát chết được cảnh sát trả về.

David Yale lắc đầu. Mất Capone nhìn thẳng ngài chủ tịch nhưng đuôi mắt kín đáo để ý quan sát khuôn mặt thằng Kabri. Hình như trong ánh mắt nó rục lên một niềm sung sướng bệnh hoạn.

— Qua xin chia buồn với chú. Qua hứa kỳ này về Nữ Ước qua sẽ để ý coi lại thế nào. Còn cái vụ rượu bị ăn cắp đã hết chưa?

— Thưa hết rồi.

— *Good*. Chú nên nhớ là Nữ Ước bây giờ loạn lắm, không phải như ngày xưa nữa đâu. Ngay cả thằng Luciano mà nhiều khi cũng chịu bó tay, không biết chuyện gì xảy ra trong lãnh thổ mình. Qua khuyên chú nếu có về Nữ Ước thì nên cẩn thận, hay tốt nhất là thông báo cho qua biết để qua lo liệu.

Capone gật gù cái đầu.

— Còn chuyện gì nữa không?

— Thưa không. Xin cảm ơn ngài chủ tịch.

Capone đứng lên. David Yale đưa tay ra, Capone cầm bàn tay, kính cẩn hôn lên đó một cái rồi bước ra.

Ở phòng ngoài, Capone hỏi Luciano:

— Mày tối nay có rảnh xuống Lexington tao đãi một chầu ăn

chơi. Hai đứa mình nói chuyện đời xưa chơi.

Thấy thằng Kabri đứng đằng sau Capone, Luciano lắc đầu từ chối:

— Cám ơn mày, nhưng tao còn nhiều việc làm với ngài chủ tịch.

— Vậy mai được không?

— Mai tao về rồi.

Capone không nói gì, xiết tay Luciano, vẫy tay chào O'Bannon rồi cầm mũ bước ra. Cũng thằng Kabri mở cửa.

Cửa vừa bật ra là Capone nhìn thấy thằng Frank đứng ngoài hành lang, mặt hầm hầm. Ra thằng phụ tá của mình cũng khôn lanh đâu có thua phụ tá của David Yale. Al Capone tự nhiên cảm thấy bứt... cô đơn một chút.

Khi nhìn thấy thằng Frank Nitti đứng ngoài hành lang, một vẻ khó chịu hiện lên trên khuôn mặt sần sùi của Kabri. Ai cho nó đứng ngoài này kia? Luciano đã bảo tất cả phải rút ra ngoài hết kia mà! Kabri nhăn mặt, nhìn Frank Nitti tính nói một câu gì đó nhưng lại thôi. Trong khi đó, cặp mắt thằng Frank Nitti cũng như toé lửa, chiếu vào người Kabri. Một giây đồng hồ sau, chẳng nói chẳng rằng, Kabri đóng cửa một cái rầm sau lưng Capone.

Quay trở vào, Kabri nghe O'Bannon nói với ngài chủ tịch:

— Ngài thấy thằng Capone nó muốn hoà thật không? Tôi thấy miệng nó nói vậy nhưng ánh mắt của nó thì khác. Hình như nó đang âm mưu một cái gì đó trong đầu. Ngài nghĩ thế nào?

David Yale tự tin:

— Người ta đồn O'Bannon đa nghi, bây giờ mới thấy đúng. Nó không dám giở trò gì đâu!

— Nhưng nếu nó giở trò thì sao?

— Cũng chẳng làm gì được. Nếu nó trái lời, qua sẽ hợp anh em lại đập cho nó một trận. Đừng quên một yếu tố quan trọng khác là nó đang còn nằm trong cái thòng lọng của tụi liên bang.

— Nhưng nó mua được tụi liên bang rồi mà.

David Yale ngồi xuống ghế, tự lự:

— Qua có biết một vài chuyện nhiều hơn em. Thứ nhất, liên bang cỡ như Eliot Ness không phải là hạng quay đầu nửa chừng. Qua có kinh nghiệm với thằng chó đẻ này ở Nữ Ước. Không, nói đúng hơn là qua suýt vào tù vì nó. Cái tên "Untoucheable" là do qua đặt cho nó. Nhưng ai biết được, có thể tuổi trẻ thì người ta hăng hái nhưng lớn hơn một chút thì tư tưởng cũng thay đổi đi.

O'Bannon nhú mày suy nghĩ rồi bồng hỏi:

— Nếu tôi cần, ngài cho tôi mượn Kabri một vài tuần lễ được không?

David Yale nửa đùa nửa thật:

— Ngày nào mà qua không nhìn thấy mặt thằng Kabri một lần thì ngày đó ăn cơm không thấy ngon, ngủ không sướng mắt. Nhưng không sao, nếu tình hình đòi hỏi, qua sẽ biết phải nó xuống đây cho ông.

— Xin cám ơn ngài.

Có tiếng rồ máy của bốn chiếc Limousine dưới lầu. Chẳng ai bảo ai, mọi người tự động tiến tới bên cửa sổ nhìn xuống đường. Bốn chiếc xe nối đuôi nhau quẹo ra. David Yale phê bình:

— Người ta gọi nó là thị trưởng Chicago tưởng cũng không phải là quá đáng.

Luciano nói:

— Không, chữ "thị trưởng" cũng chưa đúng để diễn tả uy quyền của nó. Phải nói là "vua" mới đúng.

David Yale nhìn Kabri, nói chậm rãi:

— Về lại Nữ Ước chuyến này, chú mày lo chuẩn bị hành trang đi là vừa. Không biết ngày nào lại sẽ phải khăn gói xuống đây.

Kabri cười nham nhở:

— Gái Chicago có ngón nghề nào đặc biệt hơn gái Nữ Ước không hả ông trùm O'Bannon?

O'Bannon cười:

— Với ai chớ với Kabri thì lúc nào cũng có ngón đặc biệt cho ông...

(còn tiếp)

(tiếp theo)

CHƯƠNG 3

Chiếc bàn gỗ cũ kỹ hình chữ nhật không trái khăn, kê ngay ngắn dưới chùm đèn pha lê giả, toả ánh sáng xanh dịu xuống những đĩa thức ăn vừa được dọn lên, còn đang bốc hơi nhẹ nhẹ. Ông Vũ Tam Phong ngồi ở đầu bàn. Bên phải ông là cụ Hường, nhân vật Quốc Dân đảng kỳ cựu quanh năm ngậm ống pipe. Đối diện cụ Hường là cụ trung tá Chu Kỳ, một thuộc cấp mà chủ nhà rất quý mến, vừa sang Mỹ theo diện H.O. được nửa năm. Rồi đến Phạm Đoàn, Phùng Đắc Kinh Luân và gần mười người nữa ngồi san sát bên nhau trong căn phòng ăn chật chội nối liền nhà bếp.

Bà Vũ Tam Phong cùng cô con gái bưng các thức ra, kiểm soát lại một lần nữa xem có thiếu gì không, rồi rút lui vào trong, ngồi ở cái bàn nhỏ dành riêng cho các bà. Bà vốn không phải là người chú trọng đến việc nấu nướng, cho nên các món ăn gọi là Việt Nam của bà đều lai Tàu, lai Mỹ, chỉ dành cho những người dễ tính như chồng bà thưởng thức mà thôi. Hôm nay bà đãi khách món chả giò, cuốn bằng bánh tráng bột mì giống hệt egg roll của người Hoa. Bà cho rằng loại này vừa giòn hơn bánh tráng bột gạo lại tiện hơn vì không cần rau thơm. Sau chả giò là mấy con vịt tiềm mà bà nhồi hơi quá tay nên ăn vào chỉ thấy toàn mùi thuốc bắc. Nhưng không sao! Người quân tử ăn lấy no, không cần ngon. Các chính khách chỉ mượn bữa tiệc để gặp nhau bàn đại sự, ăn uống là chuyện hoàn toàn phụ thuộc. Chủ nhà nâng ly bia. Cả bàn làm theo và nhao nhao mời mọc. Phùng Đắc Kinh Luân hỏi cụ Hường:

— Thưa cụ, hiện giờ cụ hoạt động trong tổ chức nào?

Cụ Hường cười hiền hoà:

— Hoạt động gì nữa, ông! Tôi già rồi! Vả lại, nói cho ngay, cái nhìn của thế hệ chúng tôi đối với Việt Minh thời trước, không giống

chính khách

TRUYỆN DÀI
Nguyễn Ngọc Ngạn



như bây giờ. Mà chính Việt Minh thời chúng tôi cũng không giống như Việt cộng thời nay. Có phải không, các ông? Thế giới mỗi ngày một tiến bộ. Tình hình đất nước mỗi ngày một đổi khác. Chúng tôi theo không kịp. Đấy, ông cứ xem Mỹ nó đánh Iraq thì mới thấy là người ta tiến bộ ghê gớm đến thế nào! Trạc lưá chúng tôi lạc hậu hết cả rồi! Việt đất nước bây giờ là việc của các ông!

Câu chuyện lại xoay trở lại đề tài chính trị. Cụ Hương dứt lời, quay sang hỏi Chu Kỳ:

— Này chú Kỳ. Chúng tôi xa đất nước lâu quá rồi. Chú mới qua, tình hình hiện nay như thế nào, chú nói cho anh em nghe đi!

Chu Kỳ cười thoái thác:

— Thưa cụ, chúng tôi có biết gì đâu!

Câu từ chối ấy, Chu Kỳ đã lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần mỗi khi có người gặng hỏi. Ngày ngày

ông theo dõi báo chí, thấy không thiếu những điều làm ông bức bối, nhưng ông tự biết mình là “ma mới”, khó lay chuyển được cái nhìn của những người đi trước.

Chủ nhà đưa mắt nhìn Chu Kỳ, gật đầu:

— Phải đấy. Chú là người chưa nhúng chàm, dù sao cũng nắm rõ tình hình trong nước hơn chúng tôi.

Chu Kỳ nâng ly bia rồi lại đặt xuống. Nửa năm ở Mỹ, ông tham dự nhiều buổi họp mặt của thân hữu cũng như hội đoàn, đến đâu ông cũng chỉ nghe nhiều hơn nói. Cái mặc cảm trâu chậm uống nước đục làm ông day dứt không nguôi. Nhưng khác với nhiều chiến hữu cùng hoàn cảnh, thường để lộ nỗi thất chí cho thiên hạ biết, Chu Kỳ che đậy rất khéo. Từ thái độ, cử chỉ, lời nói, lúc nào cũng làm ra vẻ thần nhiên không bận tâm đến sự giàu sang của những người đi trước.

Ngày sắp ra đi, ông cũng đã từng bị choáng ngợp bởi nhiều tin đồn, hình dung những đón tiếp long trọng, những đèn bù tài chánh to lớn dành cho người đi cải tạo lâu năm như ông. Có đưa bảo, chính phủ Mỹ sẽ ra tận phi trường nghinh tiếp, trao chìa khoá nhà, chìa khoá xe và cả tiền mặt để ông làm lại cuộc đời. Chẳng hiểu sao lúc ấy ông lại ngờ nghệch tin ngay, không hề đặt ngược một câu hỏi đơn giản rằng ông có là cái gì của Mỹ đâu mà họ phải biệt đãi ông? Họ cho ông đi là may lắm rồi, ông có quyền gì mà đòi hỏi? Cũng may, cái viễn ảnh huy hoàng giả tưởng đó chỉ kéo dài vừa đủ để giúp ông đỡ mệt mỏi trong chuyến bay dài đằng đẵng mà ông vốn không ưa, bởi từ nhỏ ông đã sợ đi phi cơ.

Xuống đến phi trường, gặp lại đứa con gái hai mươi tuổi bập bẹ nói tiếng Việt và vài người bạn chiến đấu thuở xưa, trao đổi dăm ba câu, ông nhận ra ngay là mình đã lầm. Tuy có thất vọng, nhưng ông tự trấn tĩnh và thầm nhủ: “Mình không đi tìm miếng ăn, không phải tị nạn kinh tế!”. Và để chứng minh đó là ý nghĩ thực của mình, ông tự chống lại bản năng ham muốn của ông, bằng cách tỏ thái độ thần thiện trước tất cả mọi thành công của người khác.

Lẽ tất nhiên những người đi đoàn tụ hoặc theo diện H.O. không phải ai cũng được như Chu Kỳ. Có người thất vọng quá đến độ tự tử. Có người cả ngày chỉ thở than buồn phiền, hờn dỗi cuộc đời, tự hành hạ mình và người thân bằng cách ra garage nằm ngủ. Có người trách thân nhân ích kỷ, “có hai căn nhà mà không tặng mình một căn”. Bằng hữu khuyên đi làm, chẳng những không nghe mà còn hằn học: “Mình chẳng gì thì cũng đã từng đeo lon thiếu tá. Thế mà nó lại dám xúi mình đi làm nghề đồ xăng!” Họ chưa hiểu được đời sống ở Mỹ. Dân biểu, nghị sĩ, giáo sư đại học, thẩm phán.v.v... biết bao nhiêu người thuở còn đi học cũng đã lao vào nhà hàng làm bồi bàn hay rửa

chén. Tất cả chỉ là phương tiện, không vinh không nhục. Quan quyền Việt Nam thì khác, cho rằng lao động chân tay làm hạ thấp giá trị con người và chính vì vậy, họ tự làm khổ mình trong lối suy nghĩ sai lạc đó.

Chu Kỳ cũng đã từng buốt nhói khi ghé thăm những căn nhà tráng lệ của bằng hữu, khi nghe tin hàng loạt đàn em bây giờ đã tốt nghiệp đại học. Nhưng ông phần đầu cưỡng lại sự ganh tị và tủi thân mà ông cho là tầm thường, để hiện ngang ngược mặt nhìn đời một cách điềm tĩnh. Ngay đến việc vợ ông lấy chồng khác, ông cũng không tỏ phản ứng gay gắt nào, bởi ông cho đó là do hoàn cảnh đưa đẩy. Đưa con gái đón ông ở phi trường, ngỏ lời thăm dò, ông chỉ cười buồn: “Bố không giận mẹ con đâu! Xa nhau quá lâu, lại không biết có còn gặp nhau nữa hay không, chẳng lẽ mẹ con cứ phải sống một mình mà đợi bố!”

Đêm đầu tiên trên đất Mỹ, Chu Kỳ ghé thăm và ngủ luôn tại nhà Vũ Tam Phong, thầy trò hàn huyên đến gần sáng. Ngày trước, Chu Kỳ là trung đoàn trưởng có hạng nhất của Vũ Tam Phong, bản tính xông xáo, nổi bật cả về cá nhân chiến đấu cũng như lãnh đạo chỉ huy, tương lai binh nghiệp rất rạng rỡ. Mất nước, ngồi tù mười hai năm, tâm tính ông thay đổi hẳn, trở thành dè dặt trong mọi động tác. Kỷ niệm ngày xưa làm ông nhức nhối. Tương lai trước mặt làm ông náo nức. Chỉ những lúc ngồi vào bàn tiệc, hoặc quây quần trong quán cà phê, ông mới tạm quên nỗi buồn thân phận để hoà mình với cái vui ồn ào của người bên cạnh. Dù vậy, ông vẫn ít nói. Chuyện gì cũng chăm chú lắng nghe nhưng không bày tỏ ý kiến. Vũ Tam Phong rủ về ở chung, nhường cho một căn phòng nhỏ, Chu Kỳ không dám nhận, sợ làm phiền thượng cấp cũ. Ông nương nhờ một đàn em chung đơn vị cuối cùng, bây giờ đang làm tờ tuần báo thương mại. Ở đó, ông thấy thoải mái hơn mà sách báo

thiên hạ gửi về ông tha hồ đọc cả ngày không hết. Nửa đời đi lính và đi tù, Chu Kỳ cũng biết nhược điểm của mình là kiến thức sách vở chưa có bao nhiêu. Bây giờ là lúc rảnh rang để ông trang bị, bù đắp quãng thời gian đã mất. Trên chiến trường, khẩu súng thay cho tiếng nói. Ngày nay cuộc đấu tranh chuyển sang một hình thái khác. Súng đạn không còn nữa, vũ khí tùy thân là những lý luận và kiến thức mà nếu không học hỏi, ông sẽ trở thành người lạc hậu. Hôm nay, tình cờ tham dự buổi mạn đàm về hiện tình đất nước với những khuôn mặt có thể gọi là tiêu biểu cho cộng đồng tại hải ngoại, Chu Kỳ có nhiều điều không đồng ý, nhưng ngại phát biểu. Nể đàn anh Vũ Tam Phong lắm, ông mới ngập ngừng lên tiếng:

— Tôi đọc báo và nghe nhiều người nói chuyện thì thấy ở hải ngoại này người ta suy nghĩ khác trong nước nhiều lắm. Có những tin tức loan sai hoặc người làm báo không hiểu rõ hoàn cảnh trong nước.

Phạm Đoàn ngừng ăn, chăm chăm nhìn Chu Kỳ. Đối với một nhà báo hiểu kỳ như ông, lại sống xa quê hương đã quá lâu, thì bất cứ điều gì một người mới sang phát biểu đều làm Phạm Đoàn hết sức chú ý. Trên chuyển bay qua đây thuyết trình, Phạm Đoàn đã đọc hết cuốn *Tiểu thuyết vô đề* của Dương Thu Hương vừa xuất bản tại hải ngoại, đầu óc bị giằng co bởi nội dung cuốn sách, nên muốn đem ra hỏi ý kiến Chu Kỳ:

— Thưa anh, vụ văn nghệ phản kháng trong nước như thế nào? Trước khi đi, anh có theo dõi không?

Chu Kỳ cười:

— Văn nghệ phản kháng là cái gì, chính tôi chưa được biết! Ra đến ngoài này tôi mới nghe nói. Chẳng hiểu ai đặt cho nó cái tên ấy. Tôi sống với Việt cộng gần 16 năm, đọc sách báo khá nhiều, tiếp xúc với đủ mọi thành phần cán bộ, đảng viên, chẳng cần để ý lắm, tôi cũng biết rõ

một chân lý là, văn hoá văn nghệ là công cụ phục vụ chế độ. Cho nên tất cả mọi phương tiện như giấy báo, nhà in, đều do Đảng kiểm soát. Làm cách nào để họ đưa ra tác phẩm phản kháng được nếu Đảng không cấp giấy phép? Thời xưa, Việt Nam Cộng Hoà mình dân chủ gấp vạn lần Cộng sản, thế mà khi muốn đóng cửa báo chí, ông tổng trưởng Hồ văn Châm chỉ cần cúp “bông” giấy là xong, chẳng cần phải kiểm duyệt hay rút giấy phép gì cả! Thưa anh, những năm sau này quả thực Đảng có cho cởi trói văn nghệ, mượn tay nhà văn nhà báo để chống tham ô hủ hoá, cho nên người dân được đọc nhiều bài phản ánh xã hội trung thực hơn. Chúng tôi ở trong nước, thấy đó chỉ là một chính sách bình thường như bất cứ chính sách nào do nhà nước ban hành và bắt dân học tập. Ở ngoài này, có lẽ chúng ta bị thành kiến quá nặng, nhìn Cộng sản qua một cái khuôn cứng ngắc, cho nên khi thấy Cộng sản thay đổi bộ mặt thì chúng ta giật mình hoang mang, vội vàng đưa ra ngay những phán đoán nông cạn phát xuất từ cảm xúc nhất thời. Những cuốn sách, những bài báo, bài tham luận viết theo khuynh hướng đối mới, phê bình Đảng và chính quyền, được đưa về phương về tổ cho dân học tập, sao lại gọi là phản kháng được?

Tôi xin thú thật là ngày xưa tôi rất ít đọc sách. Học hết trung học là đi lính, làm gì còn thì giờ! Mãi sau này, ở tù ra, chờ đợi giấy tờ, thời gian này tương đối rảnh rỗi, tôi mới đi thuê sách về nhà xem. Tôi có đọc cuốn *Những thiên đường mù*. Chủ điểm của tác phẩm là nói đến những sai lầm trong thời kỳ cải cách ruộng đất. Có gì mới đâu? Những điều này, Hồ Chí Minh và trung ương Đảng đã thú nhận ngay từ năm 56. Tài liệu Đảng nói rằng “Bác Hồ đã khóc khi viết thư xin lỗi nhân dân vì sai lầm trong cải cách ruộng đất”. Trong nước ít ai để ý đến tác phẩm này bởi nó là đề tài cũ. Nhưng ra hải ngoại, tôi giật mình thấy phe ta làm rùm beng lên.

Tôi nói với anh Bình: Hồ Chí Minh khóc xin lỗi, sao không gọi ông ấy là nhà văn phản kháng?

Phải nói thẳng rằng, người đầu tiên mạnh dạn nêu ra những bề bõ trong nước là Nguyễn văn Linh. Lúc đầu, khi đọc loạt bài "Những việc cần phải làm ngay" của Nguyễn văn Linh, dân chúng hả hê lắm. Cả tôi nữa. Chỉ là phản ứng tự nhiên thôi. Nhưng sau tôi nghĩ, thẳng cha này khôn thấy mẹ! Một mặt cứ bảo là Đảng đã sai lầm, nhưng mặt khác không chịu từ chức! Đảng cứ độc quyền lãnh đạo và cứ lớn tiếng tự trách mình sai! Lưu manh thật! Sách báo trong nước do Đảng in và đưa ra hải ngoại cho chúng ta đọc, thì tại sao lại gọi là phản kháng được? Ai phản kháng ai? Anh cứ tự hỏi đi. Khi đang nắm quyền trong tay, có bao giờ anh lại sai người khác viết sách chỉ trích chính anh rồi anh đem in và phổ biến không? Nếu có, thì chắc chắn anh phải có hậu ý gì khác, coi như một hình thức khổ nhục kế! Cái mà nhiều người gọi là cao trào văn chương phản kháng, thực ra là chính sách văn nghệ cởi mở do chính đảng Cộng sản chủ động ban hành!

Bàn tiệc im lặng sau lời phát biểu của Chu Kỳ. Họ không thể không tin. Họ nhớ ra rằng, hầu như chưa có người nào vừa từ Việt Nam qua, mà lại hô hoán lên là trong nước có cao trào phản kháng. Trước sau chỉ là một huyền thoại do những người xa thực tế đã quá lâu, tạo dựng lên để... mua vui mà thôi. Chu Kỳ diễn giải thêm:

— Thừa niên trưởng và quý vị, đầu đuôi nói như thế này. Cái ngày xảy ra vụ Đông Âu, phải nói thẳng rằng miền Nam mình nhốn nháo lên, y như hồi 75 Việt cộng đánh Ban mê thuật. Dân chúng xôn xao, mừng rỡ lắm. Đám cải tạo chúng tôi tìm nhau, bàn tán và nuôi hy vọng. Đảng Cộng sản dĩ nhiên rất lo sợ. Để xoa dịu và đánh lạc hướng, họ phát động chiến dịch tố tham nhũng. Nhưng Đảng rất khôn, không tự mình đứng ra, mà dùng tay của hai lực lượng để diệt tham

huế 1968

Ngày se kéo lạnh vào đông
Bên sông mưa hắt chiều nghiêng ướt chiều
Cá vàng sủi bọt bờ rêu
Tro vùi khoai mọc con mèo gặm xương

Mẹ về một nhớ ba thương
Áo tôi nón lá gió sương bạc đầu
Đội mưa ướt vạt yếm trâu
Đội vành sô trắng giữa cầu gọi con.

cao xuân tứ

những là Mặt Trận Tổ Quốc và báo chí. Mặt Trận Tổ Quốc dù sao trên danh nghĩa cũng là đoàn thể xuất phát từ nhân dân. Còn báo chí thì như quý vị đã biết, tuy phần lớn là Đảng viên, nhưng bản chất của người làm báo vốn hung hăng, lại cần tin giật gân và cần bán báo, nên họ tố rất hăng. Hàng loạt cán bộ Đảng viên đang nắm quyền bị sa thải, có người bị cho về hưu non. Mặt Trận Tổ Quốc cấp quận, cấp thành, họp liên miên, tố cáo Đảng viên tham ô thoái hoá. Báo chí đưa phóng viên đi điều tra khắp các xí nghiệp. Nhân dân phụ hoạ theo, viết thư về tố giác thêm. Có thể nói một cách rõ ràng rằng, phong trào tố tham nhũng này giống hệt chiến dịch cải cách ruộng đất: Đảng dùng tay cốt cán và bản cổ nông để giết địa chủ. Bao nhiêu oán hờn chỉ đổ lên đầu bản cổ nông và cốt cán. Bây giờ cũng thế, nếu Đảng cần sửa sai sau chiến dịch tố tham nhũng, thì đám nhà báo và Mặt Trận Tổ Quốc sẽ bị hy sinh giống hệt bọn cốt cán ngày trước!

Cụ Hường gật gù chen vào:

— Tôi cũng nghe thẳng cháu tôi mới qua trong đợt H.O. 6 nói như vậy.

— Vâng, thưa cụ, cụ cứ hỏi bất cứ người nào ở trong nước mới ra, con chắc là họ sẽ đều nghĩ như con. Cái chiến dịch tố tham nhũng đó do chính quyền phát động, ở ngoài này báo chí gọi là cao trào phản kháng!



Hôm nọ, một số anh em H.O. chúng con ngồi uống cà phê với nhau, bàn nhau làm thế nào để có một tờ báo, mà đành chịu thôi. Bởi chúng con mới qua, chưa có điều kiện. Chúng con muốn phổ biến tin tức cập nhật ở trong nước. Quý vị ngoài này đi lâu quá rồi, không còn nắm vững tình hình nữa, cho nên, con xin lỗi, đôi khi làm những việc vô bổ!

Cái chiến dịch tố tham nhũng này, có người bảo là giống như vụ Nhân Văn, Giai Phẩm. Nhưng thực ra khác nhau xa lắm. Con coi lại tài liệu thì thấy rằng, ngày trước, các nhà văn đi kháng chiến chống Pháp xong, lúc về thành vừa bị đói khổ, vừa bị lãnh đạo văn nghệ chèn ép quá cho nên họ mới phản kháng. Và chỉ mới ra được vài số báo thì bị bắt hết. Quan trọng hơn cả, là những nhà văn đi kháng chiến chống Pháp thời ấy, hầu như không mấy ai là Đảng viên Cộng sản, mà hoàn toàn chỉ vì lý tưởng đánh đuổi thực dân. Họ là nhân dân. Họ chống lại việc đàn áp văn nghệ. Còn ngày nay, nhà văn nhà báo đều là Đảng viên hoặc Đoàn viên. Họ tố tham nhũng theo lời khuyên của Đảng. Điều đáng nói là, nếu chúng ta tin rằng đó là một cao trào văn chương phản kháng, rồi cứ ngồi xoa tay hả hê vì tưởng rằng đại đa số văn nghệ sĩ, Đảng viên trong nước, đều đang chống lại Cộng sản cũng như chúng ta, thì

mọi nỗ lực của chúng ta đều hỏng hết!

Một bà từ dưới bếp đi lên, vui vẻ góp ý:

— Nghe các ông bàn chuyện chính trị với văn chương tôi sốt ruột quá! Hôm nọ anh Bình cho tôi mượn cuốn *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*. Cứ theo các ông ấy viết thì có đến hàng trăm nhà văn phản kháng trong nước. Ai cũng lắm liệt, can đảm cả. Bây giờ nghe bảo bà Dương Thu Hương bị bắt. Bà ta là bạn của họ, hội viên Hội Nhà Văn, Bà ấy bị bắt vì phản kháng thì tại sao các nhà văn phản kháng trong nước không lên tiếng xin tha cho bà ấy? Chuyện nhỏ như thế còn không dám làm thì can đảm, lắm liệt ở chỗ nào? Hay là khi nào Đảng bảo “can đảm” thì mới dám “can đảm”? Cứ nhìn vào việc này thì đủ biết các nhà văn trong nước “lắm liệt” thật hay chỉ “lắm liệt” khi Đảng bật đèn xanh!

Phùng Đắc Kinh Luân tuy rất lơ mơ về chuyện này, nhưng cũng hòa theo:

— Nếu chúng ta chỉ an phận sống ở hải ngoại, thì chuyện phản kháng hay không phản kháng có ăn nhằm gì đến chúng ta! Nhưng tôi thấy đồng bào mình ai cũng tha thiết muốn lật đổ Việt cộng thì phải coi chừng là mình đã đánh giá sai lực lượng địch. Thí dụ: Chúng ta cứ tin rằng trong nước hiện có cả một cao trào phản kháng, tin rằng cán bộ Đảng viên đã chán ghét chế độ, để rồi từ đó cho rằng Việt cộng sắp đổ đến nơi rồi, chúng ta cứ việc an tâm lo bàn bạc về các vấn đề hậu Cộng sản, thì rõ ràng là...

Vũ Tam Phong gật đầu đỡ lời:

— Là mình quá coi thường địch thủ!

— Vâng. Chính vì vậy mà tôi vẫn thấy có những bài báo chống lại sự lạc quan quá đáng của một số người ở hải ngoại.

Phạm Đoàn nhìn Chu Kỳ, dè dặt hỏi:

— Nhưng Dương Thu Hương đã bị bắt! Không phản kháng, sao bị bắt?

Chu Kỳ cười nhẹ:

— Tôi xin lỗi anh Đoàn. Hôm qua anh mới nói chuyện về “hậu Cộng sản”. Tôi không có ý chống đối những cuộc thảo luận đó...

Phạm Đoàn xua tay:

— Tôi hiểu. Thảo luận về xây dựng đất nước chỉ là một hình thức động viên và lôi kéo lớp chuyên viên trẻ để họ chuẩn bị tinh thần sẵn sàng mai sau cho quê hương, chứ hoàn toàn không phải là mục tiêu của chúng ta trong lúc này. Công việc chính của chúng ta là lấy lại được đất nước đã, có phải không ạ?

— Vâng, đúng như thế. Trở lại vụ Dương Thu Hương bị bắt... Cứ cho rằng bà ấy phản kháng thật và bị bắt thật vì phản kháng chứ không phải vì lý do gì khác, thì tỉ lệ có bao nhiêu so với gần 450 nhà văn trong Hội Nhà Văn và gần 1000 nhà văn ở ngoài Hội, chưa kể hàng trăm nhà báo khác! Một mình bà ấy, sao lại gọi là một “cao trào”? Những chuyện bị bắt ở Việt Nam nó buồn cười lắm.

Tôi xin lỗi niên trưởng với quý vị, có lẽ quý vị đi lâu quá rồi, quý vị nhìn Việt Nam ngày nay qua lăng kính các nước dân chủ Tây phương và tưởng lầm rằng pháp lệnh nhà nước cũng được thi hành đồng loạt và bình đẳng như bên này.

Vị nào đã ở lại một thời gian sau 75, chắc hẳn đều phải đồng ý với tôi. Cùng một con đường, bên này là phường 1, tha hồ mở quán cà phê, hát nhạc vàng. Bên kia con đường là phường 2, nghe lên nhạc vàng là đi tù. Hạ tầng cơ sở của Việt cộng toàn quyền phát huy sáng kiến, cho nên nhân dân sống trong cảnh trong nhờ đục chịu, không bao giờ thống nhất lãnh đạo. Ngay cả các trại cải tạo cũng vậy. Có trại khổ như con chó, có trại, nói xin lỗi, thoải mái hơn cả ở ngoài, bởi quân giáo và vệ binh ăn hối lộ...

Nói chung, họ rất cục bộ. Họ là những sứ quân, những lãnh chúa cấp thấp, ở từng địa phương. Họ lại dốt, nên cất nghĩa pháp luật theo ý riêng của mình. Anh Đoàn có thể

là giám đốc một xí nghiệp, nhưng về địa phương, anh vẫn chịu sự chi phối của phường của tổ. Thắng tổ phó an ninh hay công an khu vực có thể làm phiền anh bất cứ lúc nào. Nó có thể bắt anh ra phường làm việc, bắt anh đi họp mỗi buổi tối, cất công tác thủy lợi hoặc tệ hơn nữa là tổng giam anh vì một lý do rất vu vơ. Nhưng điều đáng nói là, Việt cộng rất bênh nhau, hay nói đúng hơn, họ giao cho hạ tầng cơ sở rất nhiều quyền hành. Do đó, dù biết địa phương sai lầm, cấp trên hầu như sẽ không can thiệp, mà ngược lại, còn tìm cách giải thích để bênh vực. Thí dụ: Trung ương kêu gọi Việt kiều du lịch về thăm nhà, nhưng đã có những Việt kiều về các tỉnh, quận bị công an địa phương bắt nhốt vì tội trước kia đã cướp ghe vượt biên hay vì một lý do nào khác. Câu chuyện ông bộ trưởng trong chính phủ Hồ Chí Minh về thăm nhà, bị bắt và bị đem ra đấu tố, chắc quý vị còn nhớ. Hồ Chí Minh không can thiệp, khiến gia đình ông ta uất quá, tự tử chết. Chuyện ấy rất thường trong xã hội Cộng sản. Pháp luật không áp dụng đồng đều như ở một nước tư bản. Cho nên một người như Dương Thu Hương thì tôi tin rằng trung ương Đảng không muốn bắt, mà có thể chỉ là đám công an hạ tầng ngứa mắt, lôi cổ bà ta về phường, tát cho mấy cái mà thôi! Quý vị thử nghĩ đi, nếu bộ Chính trị hay trung ương Đảng muốn bịt mồm một người trong nước, chúng có đủ phương tiện để làm việc ấy hay không? Chúng có quen giết người hay không? Chúng sợ ai mà không thủ tiêu bằng cách này hay cách khác? Tại sao lại chỉ bắt rồi tri hô lên cho cả trong lẫn ngoài nước cùng biết! Tôi sống 16 năm trong nước, tôi chưa hề bao giờ thấy Việt cộng phải “thú nhận” bắt ai! Nó muốn bắt thì bắt, muốn giết thì giết. Việc gì nó phải “thú nhận” là đã bắt Dương Thu Hương! Rõ ràng là nhiều người đang nhìn chế độ Cộng sản y như là một chế độ dân chủ Tây phương!

Bà Vũ Tam Phong từ bếp đi ra, đứng ở đầu bàn, chờ Chu Kỳ nói hết, mới lên tiếng bảo chồng:

— Anh mời khách ăn đi chứ! Thức ăn nguội hết! Chú Kỳ, từ nãy đến giờ thấy chú chỉ lo nói, chưa ăn được miếng nào!

Phạm Đoàn vội đỡ:

— Thưa bà, lỗi tại tôi. Tại tôi hỏi, anh Kỳ bận trả lời. Nhưng không sao, thưa bà, chúng tôi còn ngồi đây lâu, sợ rằng bà phải cho chúng tôi thêm thức ăn nữa đấy!

Ông Vũ Tam Phong chìa bàn tay, thúc giục mọi người vừa ăn vừa nói chuyện. Rồi ông mỉm cười bảo:

— Bữa nay cóc mở miệng đấy! Cái chú Kỳ này, nửa năm nay có chịu nói chuyện với ai đâu! Ai hỏi

chuyện trong nước, cũng bảo là tôi có để ý gì đâu! Hôm nay nói nghe được, phải không các anh?

Cả bọn nhao nhao cười theo và khuyến khích Chu Kỳ phát biểu. Vũ Tam Phong nhắc lại một lần nữa, vài người vội gấp thức ăn vào bát và rót thêm bia. Nhưng Phạm Đoàn lại quay ngay về chuyện cũ. Ông hỏi Chu Kỳ:

— Như vậy, ông kết luận thế nào về việc bắt Dương Thu Hương?

Chu Kỳ buông đũa, nhún vai:

— Tôi chả kết luận gì cả! Chuyện nhỏ nhoi, chẳng đáng để ý. Nếu cứ mỗi lần có người trong nước bị bắt mà mình phải làm lớn chuyện, thì tôi chắc mỗi ngày phải làm lớn chuyện hàng trăm lần! Đối với tôi,

việc Dương Thu Hương hay bất cứ Đảng viên nào bị khai trừ, là vấn đề nội bộ của từng chi bộ. Có thể vì ganh ghét, có thể vì cá nhân hay phe phái. Còn việc bị bắt thì cũng do địa phương, do hạ tầng, chả có gì đáng nói. Chúng ta mâu thuẫn ở một điểm rất cụ thể là, chúng ta vẫn biết Cộng sản tàn ác và bất chấp thủ đoạn, thế mà chúng ta lại tin rằng trung ương Đảng ngờ nghệch đến độ ra lệnh bắt Dương Thu Hương công khai để cả thế giới cùng biết mà làm ồn lên!

Phạm Đoàn vẫn thắc mắc:

— Cứ như ông nói, thì tại sao báo chí và một số nhà trí thức Pháp phải lên tiếng?

Vũ Tam Phong quay nhanh sang Chu Kỳ:

— Chú cho tôi trả lời câu này. thằng Tây nó làm gì kệ nó, bởi nó không nhằm cùng một mục tiêu như mình. Cái nước Pháp, tuy nghèo kiệt xác nhưng lúc nào cũng tự coi mình là cha thiên hạ, nhất là đối với các thuộc địa cũ. Nó tự hào về nền dân chủ của nó. Nó không đủ khả năng chi phối người ta bằng kinh tế, nhưng vẫn luôn luôn muốn gây ảnh hưởng văn hoá ở khắp nơi. Thằng Pháp bao giờ cũng muốn dùng mảnh đất Paris để cưu mang bất cứ thành phần nào chống đối chính phủ ở các nước khác. Ngày xưa, nó cho Mặt trận Giải phóng miền Nam dung thân ở đó, nó nuôi dưỡng hàng trăm chính khách phản chiến, chống chính phủ miền Nam. Truyền thống của thằng Tây là như vậy. Hễ cứ chống chính phủ, bất luận là chính phủ nào, nó cũng dung dưỡng! Đó là cái thái độ kẻ cả, thái độ đàn anh của thằng Tây, chưa kể những hậu ý chính trị. Người Việt mình thì hay có óc vọng ngoại. Cho nên hễ cứ cái gì thằng Tây làm là huà theo ngay, quên hẳn điều căn bản là: thằng Tây không hề có cùng mục đích như mình. Nó có thương gì dân Việt Nam! UNESCO cũng vậy. Họ đã từng tôn vinh Hồ Chí Minh, sao chúng ta không hùa theo?

Nói tóm lại, Pháp hay UNESCO,



hay bất cứ quốc gia nào, làm điều gì cũng chỉ vì quyền lợi của họ, mục tiêu của họ. Mà mục tiêu của họ thì chắc chắn không giống chúng ta.

Ngừng một chút, Vũ Tam Phong tiếp:

— Một điều không ai có thể phủ nhận được là hiện nay nội bộ đảng Cộng sản đang lâm vào tình trạng

hết sức lúng túng, như một đám cá nằm trong lưới, cổ vùng vẫy để thoát ra. Nhưng cái lối thoát duy nhất thì toàn Đảng nhất trí bịt lại, là cương quyết không chấp nhận đa đảng. Thành ra trong cái thế lúng túng không thể tháo gỡ ấy, họ xâu xé lẫn nhau, người này đổ tội cho người kia. Từ đó, xảy ra hàng loạt

bất bớ, khai trừ, cách chức. Tất cả chỉ là chuyện nội bộ mà thôi. Đại hội Đảng chuẩn bị rầm rộ kêu gọi mọi người đóng góp ý kiến vào bản dự thảo cương lĩnh, chỉ là màn kịch dân chủ để xoa dịu quần chúng và dư luận thế giới. Rút cục đâu lại vào đấy. Đỗ Mười hay Đỗ Mười Một cũng chẳng khác gì. Phần mình, mình cứ lo việc của mình thôi!

Phạm Đoàn chống hai khuỷu tay lên bàn, dùng tờ Kleenex lau nhẹ hai bên mép rồi trầm giọng kể:

— Tôi vừa đọc xong cuốn *Tiểu thuyết vô đề*, một người bạn cho mượn trước khi lên máy bay. Trong đó có nhiều ý mới...

Chu Kỳ vội ngắt lời bằng giọng khá gay gắt:

— Tôi cũng đã đọc rồi. Người ta không làm sao tránh khỏi cái nhìn thiên vị. Những cuốn sách in trong nước, chữ miền Nam và ca ngợi cộng sản, thì được chúng ta biện minh giùm tác giả là "phải lách". Bây giờ, cuốn *Tiểu thuyết vô đề* được gửi bản thảo ra hải ngoại in, nghĩa là Dương Thu Hương không phải lách gì cả, bà viết cho hải ngoại đọc, nội dung phản ánh suy nghĩ đích thực của tác giả, thế mà vẫn chữ miền Nam là tay sai ngoại bang, gọi những thằng lính như chúng tôi là "bọn chó" và vẫn nhấn mạnh việc miền Bắc xâm chiếm miền Nam là có chính nghĩa vì chống Mỹ cứu nước! Dương Thu Hương vẽ ra tỉ mỉ những cái hèn, cái ác của quân đội miền Nam, ngoài sức tưởng tượng của tôi. Tôi vừa bực vừa buồn cười cho cái lối tuyên truyền ngậy ngô mà Dương Thu Hương đã bị ngấm vào máu.

Ngay ở đầu cuốn sách, bà ta tả lính biệt kích miền Nam hiếp dâm rồi giết chết cả một đơn vị nữ của miền Bắc. Vậy cũng đã là quá lắm rồi. Nhưng bà ta còn đi xa hơn, cho những người lính biệt kích của chúng ta, sau khi hiếp dâm và giết các cô gái ấy — xin lỗi niên trưởng và quý vị — còn rảnh rang ngồi cất vú và cất cửa mình của các cô này đem vứt rải rác khắp nơi! Quân đội

khóc dương hùng cường

Ta bỗng dưng buồn da diết quá
được tin người chết ở trong tù*
một manh chiếu nhỏ đi về đất
"Dê húc càn" sao khổ thế ư!***

Thời buổi bom rơi, không chịu điếc
muôn điều ngang trái miệng không câm
tính người ta hiểu không hề trách
chỉ nhớ và thương đến mũi lòng

Còn nhớ năm xưa mùa "cải tạo"
rừng xanh Việt Bắc quá âm u
cây không biết chữ người thừa hiểu
mà vẫn tâm tình vẫn khắc thơ

Ta biết người thương "phi trường" lắm
bao là kỷ niệm "chuyện buồn vui"***
từ đây vắng hẳn con tàu cũ
nên những đường bay cũng ngậm ngùi

Người chết đi rồi người vẫn sống
hồn người ta biết sáng như sao,
tình người là cả tình nhân thế,
không tiếc gì thân dầu... thế nào

Ta giữa Sài Gòn có độc quá
tâm tình sao cứ mãi bơ vơ
hồn hoang như muốn chia lìa xác
xác sót hồn đau cũng đại khờ

Ta biết hồn người mê rượu lắm
xin về chung chén một đêm nay
rượu ta ngậm thuốc trường sinh đầy
cứ thế mà tu hết lại đây.

Xong rượu hồn ta đưa tiễn nhé
người về cõi Phật hẳn là vui
còn ta ở lại cùng nhân thế
rượu đắng thơ say đã nghẹn lời.

tô giang

* Cải tạo không bao lâu, DHC bị bắt lại và chết trong nhà giam quận Bình Thạnh.

** Dê Húc Càn, bút hiệu cũng là hồn danh của DHC.

*** Buồn vui phi trường, tên một tác phẩm của DHC.

thời chiến, tất nhiên có những cá nhân bẽ bối. Nhưng không thể quá đáng như vậy được. Huống chi, biệt kích vốn là thứ lính hành quân chớp nhoáng, thì giờ đâu để ngồi lại cắt vú với cửa mình!

Cái máu Cộng sản trong con người Dương Thu Hương không thể gột rửa được. Một nửa sự thật đã là dối trá! Bà ta biết nói câu ấy, nhưng vẫn viết ra những điều sai sự thật! Lính miền Nam thì ác và hèn. Bộ đội miền Bắc khi bắt được tù binh thì đối xử hiền hoà nhân đạo và nổi bật hơn nữa, là bộ đội miền Bắc nói chuyện rất trí thức, anh nào cũng có trình độ!

Một cuốn sách như thế mà phía quốc gia hoan hỉ đem in thì có khác nào kẻ thù vừa giơ bàn tay, mình vội vàng đưa mặt mình ra cho nó vả!

Nói ra những điều ấy, thực sự Chu Kỳ đã tự chế lắm, cố giữ sự điềm tĩnh trước mặt những người mà anh chưa thực sự biết rõ. Thật tình thì mấy tháng nay, anh đi tù thái độ ngạc nhiên sang hơn tủi vì thái độ quá trốn của những nhà báo đề cao một người từ bên kia chiến tuyến. Anh nhớ lại hồi Mậu Thân, anh còn là tiểu đoàn trưởng, đơn vị anh đón nhận khá nhiều cán binh hồi chánh, trong đó có một C trưởng đoái công chuộc tội, giúp anh khám phá cả một hầm vũ khí và dẫn tiểu đoàn anh đánh chiếm hai mục tiêu quan trọng. Đơn vị anh coi người C trưởng ấy như một người bạn mới, đối xử ân cần, quên hết mọi quá khứ thù nghịch. Thì cũng chỉ đến thế thôi! Đưa con hoang trở về, được nghênh tiếp là chuyện thường. Nhưng chẳng lẽ vừa trở về lại gắn ngay bảo quốc huân chương. Dương Thu Hương là đứa con hoang đó. Bà có chín năm tình nguyện vào đánh miền Nam. Cái quá khứ "chống Mỹ diệt ngụy" ấy vẫn còn làm bà hãnh diện qua tác phẩm. Bà có hồi chánh thật thì cũng chỉ là một kẻ trở về. Huống chi chưa chắc bà đã thực tâm muốn bỏ hàng ngũ bên kia mà bên này đã vội vàng cổ võ xây miếu thờ!

Cụ Hương mặt đỏ bừng vì rượu, khề khà bảo Chu Kỳ:

— Tôi thì tôi lại nghĩ thế này. Chúng mình thiếu gì việc phải làm. Tại sao lại cứ lo cho một đảng viên Cộng sản bị bắt hay bị khai trừ! Người của mình còn bị bắt đầy ra đấy đã thả đâu! Nhà văn nhà báo của mình trong nước đã được cầm bút lại đâu, đã được in lại sách cũ đâu? Mấy chục triệu dân sống lầm than cơ cực, tại sao lại cứ lo bò trắng răng như vậy cho mất thì giờ!

Phạm Đoàn nhìn cụ cười nhún nhún nhưng chưa muốn chuyển đề tài. Ông nói:

— Theo tôi, những điều Dương Thu Hương viết về hoàn cảnh chiến tranh chỉ là tiểu tiết, thừa anh. Tiểu thuyết cần có những chi tiết giật gân ấy để thêm phần linh động. Hệ quả của chiến tranh: giết chóc, hãm hiếp... khó tránh khỏi. Cái thông điệp chính của Dương Thu Hương nằm ở mấy đoạn thẩm vấn tù binh mà chắc anh còn nhớ. Tác giả thú nhận: Chúng tao thờ Các-mác, chúng mày thờ ai, mũi lõ, mắt xanh.v.v.. Anh nhớ đoạn đó không?

Thực sự không phải Phạm Đoàn muốn bênh vực Dương Thu Hương. Ông chỉ có ý định sẽ ghi lại buổi mạn đàm hôm nay trên số báo tới của ông, cho nên ông muốn nêu ra thật nhiều câu hỏi, lật đi lật lại nhiều vấn đề để bài ký sự càng thêm phong phú.

Chu Kỳ bình tĩnh đáp:

— Vâng, đó là cái thông điệp chính. Anh Phạm Đoàn thấy sao? Đó là cái thông điệp hoà hợp hoà giải mà Dương Thu Hương nêu lên. Chúng tôi thờ Các-mác là sai lầm. Các anh thờ đế quốc Mỹ cũng sai lầm. Bây giờ cả hai bên nên ăn nằm sám hối quay về với dân tộc! Nghe rất bùi tai. Nhưng từ căn bản, quan điểm này của Dương Thu Hương đã sai lầm rồi! Việt cộng thờ Các-mác thì đúng. Nhưng miền Nam chúng ta chưa bao giờ thờ đế quốc Mỹ cả. Giả như miền Bắc không xâm lăng miền Nam, quân đội đồng minh đổ vào làm gì? Cướp

vào nhà, chúng ta phải tự vệ. Chúng ta đâu có tràn qua vĩ tuyến, xâm lấn miền Bắc. Dương Thu Hương biết mình sai lầm thì cứ việc sám hối. Chứ nói xin lỗi, bảo là tôi lầm, thì đừng có giở mặt! Vừa ăn cướp vừa la làng! Anh cứ thử tưởng tượng, bây giờ có đứa xông vào nhà anh, đánh đuổi anh ra. Rồi ít lâu sau, nó đến bắt tay anh, bảo là cả hai đứa chúng mình đều sai lầm, nên sám hối và hoà giải. Nó kêu gọi anh về, quét dọn nhà cửa cho nó trong khi nó vẫn làm chủ, anh nghe được không? Cho nên tôi nghĩ, dù thực lòng Dương Thu Hương có chán ghét chế độ Cộng sản, mà cái nhìn cơ bản của bà ta về cuộc chiến như vậy vẫn là sai. Chiến tranh Việt Nam hai mươi một năm đâu phải là cuộc nội chiến. Đó là chiến tranh ý thức hệ, là cuộc xâm lăng từ miền Bắc và miền Nam phải tự vệ. Bảo rằng cả Quốc lẫn Cộng đều phải sám hối thì thực tình tôi nghĩ mãi không nuốt nổi lý luận này!

Chu Kỳ ngừng lại, xé miếng bánh mì chấm vào nước *sauce* vớt tiem, đưa lên miệng chậm chậm nhai. Trong bàn tiệc, không phải ai cũng đồng ý với nhận định của Chu Kỳ. Trong thâm sâu, Phạm Đoàn vẫn luôn luôn coi Dương Thu Hương là thần tượng vì cái mặc cảm bản thân ông ngày xưa đã từng theo phía bên kia. Ông muốn tự giải thích với lòng mình rằng không phải ai theo Việt cộng cũng hoàn toàn vì say mê chủ nghĩa Cộng sản, mà có thể, giống như ông một thời, chỉ vì hoàn cảnh!

Phùng Khắc Kinh Luân thì không nắm vững vấn đề vì rất ít đọc sách báo phía bên kia, nhưng nhớ lời dặn của cố vấn, hễ ra trước đám đông, ông không đại gì bênh vực các nhà văn trong nước. Ông cũng chẳng ngu gì mà thẳng thắn kết luận họ là phản kháng giả hay phản kháng thật, bởi chuyện chưa ngã ngũ, có thể bất lợi cho tương lai chính trị của mình. Tham dự bữa tiệc hôm nay, Phùng Khắc Kinh Luân ghi nhận thêm được một số kiến thức, nhưng đồng thời lại nao

nao buồn vì vai trò của mình hoàn toàn bị lấn át. Ông đến đây, chủ đích ban đầu là tự giới thiệu mình với gia chủ, đóng vai thuyết khách để mời gia chủ về hợp tác. Nhưng ông yếu thế quá, so với ai bên cạnh, ông cũng bị mờ nhạt, nhất là tiếng nói của Chu Kỳ đang lôi kéo mọi sự chú ý của cả bàn tiệc. Họ chú ý là phải. Những huấn từ, những diễn văn lập đi lập lại đã mười sáu năm qua ở hải ngoại, chỉ có tính cách thủ tục, lâu dần trở thành nhàm chán như lời Tướng Giới Thạch ngày xưa hô hào giải phóng Hoa lục vào mỗi dịp quốc khánh. Hôm nay họ ngồi nghe Chu Kỳ, không phải vì muốn tìm ở ông một lý thuyết khác lạ, mà vì biết chắc ông là nhân chứng sống mới thoát ra khỏi nước, kinh nghiệm và cảm xúc chắc chắn chưa phai nhạt. Phùng Khắc Kinh Luân thấy tiếc chuyển đi của mình, thì giờ và tiền bạc tốn phí vô ích.

Chu Kỳ vừa nhai bánh mì vừa ngẫm nghĩ và tự hỏi phải chăng vì ở lại trong nước mười mấy năm, ông đã trở thành lạc hậu, không bắt kịp những suy nghĩ cấp tiến của những người đi trước. Nằm ở toà soạn của người bạn, theo dõi hàng loạt báo chí, có lúc ông đang đọc dở một bài viết, bỗng quăng bẹt xuống giường, thờ người ưu tư. Mười hai năm tù, ông chứng kiến bao nhiêu bạn đồng tù ngã xuống vì đủ các nguyên nhân, trong đó đói khổ và bị hành hạ là hai động cơ chính. Hôm nay ra hải ngoại, ông thấy người ta tôn vinh một nhà văn gốc đảng viên Cộng sản mà chưa ai biết rõ đích xác lập trường, ông băng khuâng đến lặng người. Nhưng ông không trách họ. Ông hiểu. Họ là những ai? Có người từng là bộ trưởng, dân biểu, những nhà trí thức của miền Nam ngày xưa, những sinh viên du học rồi ở lại, sống xa đất nước đã lâu, và hàng loạt nhà văn nhà báo, nhà xuất bản, suốt hai mươi năm cuộc chiến chỉ loanh quanh an toàn tại thành thị. Họ mau quên bởi họ không mang trong lòng chút kỷ niệm nào về tình chiến hữu, không

chia sẻ giọt máu nào ngoài trận địa, không chứng kiến cái chết nào trên chiến trường và trại cải tạo. Đến ngay như cái ý niệm về chiến tranh tự vệ của miền Nam, họ cũng chỉ mơ hồ biết đến qua sách vở chứ chưa bao giờ trực tiếp gánh chịu hậu quả. Cho nên họ rất dễ dàng thay đổi cách nhìn. Bảo rằng họ chóng quên thù hận thì cũng không đúng, bởi họ có thù hận gì đâu mà quên! Còn Chu Kỳ, ông chưa xoá được chuyện cũ. Chửi ông là quá khích thì ông đành chịu, chứ khuyên ông quên hết bằng hữu trong tù để ca ngợi một người hồi chánh, dù là hồi chánh thật, ông cũng không làm được, bởi nó bất công và bạc bẽo. Bên tai ông, vừa có tiếng ai hỏi:

— Anh Kỳ ơi! Anh vừa nói là anh có tiếp xúc với nhiều thành phần cán bộ Đảng viên trong nước, nhận xét của anh về họ lúc này như thế nào?

Chu Kỳ giật mình trở về hiện tại, nhú mày đáp:

— Thực ra, nói là tiếp xúc thì cũng không đúng. Nhưng dĩ nhiên ở lại mười sáu năm dưới chế độ, dù muốn hay không cũng phải gặp họ. Nói chung, Đảng viên ngày nay đã mất hết lý tưởng. Lý tưởng của họ ngày xưa là đánh đuổi thực dân Pháp. Khi Pháp đi rồi, Hồ Chí Minh muốn chiếm trọn miền Nam cho nên đưa ra ngụy thuyết chủ nghĩa thực dân mới để nhập nhằng đồng hoá Mỹ với Pháp, cho rằng Mỹ cũng là thực dân y như Pháp. Trên thực tế, Pháp là thực dân, còn Mỹ chỉ là đồng minh do Việt Nam Cộng Hoà mời vào. Hồ hào chống Mỹ cứu nước là hoàn toàn láo lếu, bởi Việt cộng quấy phá ở miền Nam, âm mưu thôn tính miền Nam ngay từ trước khi Mỹ đổ quân sang, ngay từ khi số lượng cố vấn Mỹ có mặt ở miền Nam còn ít hơn cả cố vấn Trung cộng và Liên xô hiện diện ở miền Bắc! Mỹ chỉ mới đổ quân ồ ạt vào miền Nam sau khi áp lực Việt cộng xâm lăng đã quá mạnh. Như thế thì làm sao gọi là chống Mỹ cứu nước được! Nhưng

nhiều người làm bởi Hồ Chí Minh tuyên truyền giỏi.

Sau khi chiếm được miền Nam, những người Cộng sản ngay tình vẫn nuôi lý tưởng thực hiện công bằng xã hội. Đến lúc này thì họ vấp, bởi xã hội không đơn giản như họ nghĩ. Cán bộ Đảng viên bắt đầu tham ô, và cái gì chứ tham ô thì lan truyền nhanh lắm. Tham ô, của quyền đã tạo nên nhiều bất mãn ngay trong hàng ngũ Đảng viên. Cùng chiến đấu với nhau, bây giờ kẻ thì xe hơi nhà lầu, người thì đạp xe đi làm, lĩnh đồng lương cố định. Mâu thuẫn xảy ra rất nhanh. Đám Đảng viên viết văn làm báo chính là tầng lớp tương đối nghèo hơn cả, cho nên họ to mồm chửi bới, vừa để hả giận vừa được lòng quần chúng. Thêm vào đó là chuyện phe phái. Kinh nghiệm dạy họ là muốn sống còn trong chế độ thì phải biết sợ, như Nguyễn Tuân đã nói. Nhưng ngày nay họ dám nói là bởi có những ủy viên bộ Chính trị đứng sau lưng, dùng họ để chống lại những ủy viên khác không thuộc phe mình. Cho nên theo tôi, căn bản của những cái mà ta gọi là phản kháng, thực chất xuất phát từ tranh chấp nội bộ. Nó có thể đi lạc hướng, có thể đi quá đà, nhưng từ ban đầu là mâu thuẫn cục bộ.

Phạm Đoàn nhắc:

— Nhưng anh vừa nói là đa số Đảng viên đã mất hết lý tưởng? Nghĩa là...

Chu Kỳ gật đầu ngất lời:

— Vâng. Đúng như vậy. Nhưng không vì thế mà chúng ta lạc quan cho rằng chỉ cần ngoắc tay một cái, họ sẽ bỏ sang hàng ngũ chúng ta để chống Đảng. Bởi vì, tuy không còn lý tưởng, nhưng cái ràng buộc họ ở lại với Đảng là quyền lợi.

Tôi thí dụ, những sinh viên du học ở nước ngoài theo Cộng sản thì dễ bỏ Cộng sản, bởi họ theo vì lý tưởng chứ không phải vì quyền lợi. Họ đã tưởng rằng chủ nghĩa Cộng sản phục vụ hữu hiệu đời sống con người. Đến khi khám phá ra sự thật trái ngược thì họ bỏ. Còn Đảng viên trong nước thì khác hẳn. Đảng

viên hay Đoàn viên bao giờ cũng là một thứ siêu công dân, hưởng nhiều quyền lợi về chức tước, về lợi nhuận và cả về pháp lý. Những vụ xử án Đảng viên đã cho chúng ta thấy rõ. Pháp lệnh nhà nước không áp dụng đồng đều cho Đảng viên giống như quần chúng. Một anh Đảng viên tầm thường nhất cũng nắm được cái ghế chủ nhiệm hợp tác xã. Bởi vậy, việc lôi kéo họ bỏ Đảng để sang hàng ngũ chúng ta, không dễ dàng như nhiều người lạc quan ở hải ngoại chủ trương. Bỏ Đảng tức là bỏ chính quyền lợi mà họ đã phấn đấu rất lâu mới có được, để đổi lấy một cái gì rất mơ hồ. Chưa kể sự thay đổi chế độ còn có thể gây nguy hiểm cho bản thân họ. Tôi không biết quý vị nghĩ sao, chứ riêng tôi, nếu tôi đang là chủ tịch phường, một địa vị rất nhỏ thôi, mà có người đến bảo tôi là anh bỏ hàng ngũ đi, sang phía chúng tôi,

tôi sẽ cho anh làm... thường dân, thì khó lòng mà tôi có thể chấp nhận!

Vũ Tam Phong giơ một ngón tay, nghiêm nghị tiếp lời đàn em:

— Trừ trường hợp lời khuyên ấy phải có một áp lực khác rất mạnh đi kèm! Chẳng hạn như, chế độ sắp đổ đến nơi rồi, một là anh theo tôi, anh được sống thoải mái. Hai là chúng tôi lật anh, anh khó sống!

Nhận xét này làm Phùng Đắc Kinh Luân nhớ lại lời khuyên của cố vấn Mặc Sầu. Ông hỏi:

— Ý ông muốn nói là chúng ta không nên liên kết với đảng viên Cộng sản trong bất cứ trường hợp nào?

— Không phải thế. Tùy hoàn cảnh và tùy thế đứng của mình mạnh hay yếu. Thời Pháp, đảng Cộng sản liên kết với cả những quan huyện, quan phủ, lý trưởng, chánh tổng, thầy phán, lính tầy, cai

ngục, để làm nội ứng cho họ...

Cụ Hương chen vào:

— Lúc đó họ làm như thế được vì hai lý do: thứ nhất, thực dân Pháp rõ ràng là ngoại bang mũi lõ mắt xanh, nhìn là thấy ngay kẻ thù. Người nào làm tay sai cho Pháp, dân mình cũng nom thấy ngay. Thứ hai, chả cứ gì là đảng Cộng sản, các đảng phái quốc gia chúng tôi thời ấy cũng thế, có tổ chức chặt chẽ, có ban ám sát, thanh trừng, hoạt động bí mật nhưng cứng rắn. Móc nối được người nào mà người ấy còn hai lòng là thanh toán ngay. Còn chúng ta ngày nay ở vào cái thế quá yếu, giữa địch và ta, giữa thù và bạn mập mờ lắm. Giả sử mình liên kết với một đảng viên Cộng sản mà mình tưởng là bất mãn chế độ, rồi nó phản bội đi hai hàng, mình thiệt thòi mà không làm gì được cả! Có phải không ông?

— Thưa cụ, vâng. Tôi có một anh bạn nhận xét rằng, đối với những thành phần trước đây thân Cộng ở hải ngoại, thì việc liên kết có thể dễ dàng hơn, bởi đám này thường là người trí thức, họ không bị thiệt thòi gì về quyền lợi. Còn Đảng viên trong nước, dù họ có phát biểu vài điều bất mãn phù hợp với ý muốn của chúng ta, thì cũng phải cẩn trọng vì những bất mãn ấy xuất phát từ ganh ghét quyền lợi trong nội bộ của họ, chứ chưa hẳn đã vì họ muốn thay đổi chế độ. Ấy là tôi chưa nói đến những âm mưu đối lập giả để đánh lừa chúng ta.

Những điều Chu Kỳ trình bày không phải là không hợp lý nhưng vẫn làm một số người băn khoăn, trong đó có Phạm Đoàn. Ông ngồi tựa lưng ra thành ghế, một tay đưa lên xoa cằm, đầu hơi cúi xuống, đắm chiêu suy nghĩ. Phùng Đắc Kinh Luân cũng cùng một tư thế ấy. Ông thoáng nhớ đến Tiêu Dao, đến những lời đùa cợt của vợ mình khi ông ngỏ ý muốn bỏ việc để làm chính khách *full time*! Rồi ông lại nhớ đến Mặc Sầu, người cố vấn chính trị với khuôn mặt đau bao tử lúc nào cũng nhăn nhó, khó chịu. Ông chợt nảy ra ý định kết nạp Chu



Kỳ bởi ông thấy rõ nội các của mình cần một nhân vật như Chu Kỳ. Kiến thức Mặc Sầu tuy khá, nhưng cái nhìn cũng chỉ như Kinh Luân bởi xa đất nước đã quá lâu. Có thêm Chu Kỳ tả phù hữu bất, chắc chắn ông sẽ học hỏi được nhiều hơn. Ông toan lên tiếng hỏi về sách lược đấu tranh thì Phạm Đoàn đã nói trước bằng một giọng khá ưu tư:

— Nhưng thưa anh, nhìn vào thực tế, ai cũng phải công nhận, ngày nay các nước Cộng sản sụp đổ là do chính nội bộ đảng Cộng sản tự tan rã. Nếu chúng ta cứ giữ ở thế đối kháng cực đoan, không liên kết với các Đảng viên phản tỉnh thì kể như giậm chân tại chỗ mãi hay sao?

Chu Kỳ thở dài:

— Tôi cũng đồng ý với anh. Vấn đề chỉ là sự phán đoán cần trọng mà thôi. Nếu biết rõ một Đảng viên đã bỏ Đảng, thì tại sao lại không liên kết? Còn khi chưa biết rõ thì chỉ có thể khai thác những mâu thuẫn nội bộ của họ. Ý tôi muốn chống lại cái thái độ vơ bèo nhất tép, lạc quan một cách bừa bãi, thấy Đảng viên nào chỉ vừa nói vài câu phê bình chế độ là vội vàng vờ ngay lấy, coi như đã là phe của mình rồi! Vụ văn nghệ phản kháng là một bài học điển hình. “Trăm hoa vẫn nở trên quê hương”! Kiểm lại thử xem, trăm bông hoa ấy, bây giờ còn được bao nhiêu bông? Hồi tháng 4 năm 75, chiếc tàu Việt Nam Thương Tín chở những người tình nguyện quay về xây dựng đất nước, Việt cộng không dung mà còn bỏ tù luôn. Còn mình, sao dễ dãi quá như vậy? Và như tôi đã nói lúc nãy, chính vì lạc quan một cách bừa bãi cho nên ở hải ngoại, nhiều người yên trí Việt cộng sắp sụp đổ đến nơi rồi, không cần vận động đấu tranh gì nữa, cứ họp nhau bàn chuyện “hậu Cộng sản” đi là vừa!

Cụ Hường bập bập cái tẩu, nét mặt khinh bạc ngẩng lên nói:

— Thì tôi đã bảo mà! Chung qui cũng là vì làm chính trị ở ngoài này an toàn quá, cho nên người ta chẳng cần phải cẩn thận. Xưa kia,

chúng tôi kết nạp nhằm một thằng Việt gian, thì cả chi bộ có thể chết mất xác, cả một đường dây công tác có thể tan tành hết. Cho nên phải theo dõi, tìm hiểu rất kỹ lưỡng rồi mới dám kết nạp. Bây giờ thì chả sao, vì mình có ở trong nước đâu mà lo bị bắt bớ! Nói giả dụ, một tổ chức ở hải ngoại có kết nạp nhằm hàng chục thằng Cộng sản thì đã sao! Cách mạng làm chơi cho vui, thành công thì càng tốt, chả thành công thì vẫn bình chân như vại, chứ có mất cái gì! Sở dĩ gặp ai cũng vơ là vì thế! Thử hỏi các ông, đánh bạc mà biết chắc là chỉ có thắng với huê thì ai chả muốn đánh! Nhân dân trong nước họ khổ, chứ mình ở ngoài này có ăn thua gì! Đây là cái lý do tại sao họ vơ bèo nhất tép, chẳng cần lọc lựa gì cả! Nói chơi cho vui, nay mai giả dụ Việt cộng tổ chức bầu cử, thì thiếu gì người từ hải ngoại sẽ chấp nhận tham gia vô điều kiện. Bởi vì nếu không đắc cử thì lại ra ngoài này sống thoải mái, có mất gì đâu!

Ông Vũ Tam Phong tiếp lời cụ Hường bằng giọng đượm buồn:

— Cái chủ trương hoà hợp hoà giải, liên kết dễ dàng với Cộng sản phản tỉnh, cứ ý tôi thì nó bắt nguồn từ tâm trạng tuyệt vọng của một số người. Mười sáu năm qua, họ sốt ruột vì cho là chúng ta chưa làm được gì. Ở trong nước, các tổ chức phục quốc lần lượt bị bắt hết. Ở hải ngoại, các đoàn thể đấu tranh hoặc giậm chân tại chỗ, hoặc làm mất niềm tin của quần chúng. Từ thực tế đáng buồn ấy, một số người chuyển hướng tìm sang phía bên kia, hy vọng có thể tìm được những lãnh tụ mới, xuất thân từ hàng ngũ địch. Đáng tiếc rằng họ dễ dãi quá, đúng như cụ Hường vừa nói.

Cụ Hường ngắt lời:

— Chẳng phải là dễ dãi. Lúc nãy ông nào vừa nói là mình đánh giặc ở nơi không có giặc. Đúng như vậy. Mà đã không có giặc thì dễ sinh ra loạn chiêu bởi không cần phải đề phòng.

Bà Vũ Tam Phong lại xuất hiện, buồn rầu nhìn những đĩa thức ăn

mới voi đi một nửa. Bà thúc giục mọi người cầm đũa tiếp, nhưng xem chừng ai cũng đã ngang dạ, không còn tha thiết đến mấy con vịt tiềm nậm mùi thuốc bắc của bà nữa. Bà hỏi lại một lần nữa rồi gọi con gái lên, phụ dọn xuống bếp.

Chu Kỳ đứng vội dậy, giúp một tay dọn dẹp, khiến vài người cũng nhanh nhẹn làm theo mặc dù gia chủ cản lại. Ông Vũ Tam Phong nhắc con gái pha cà phê rồi lững thững ra phòng khách, ngồi xuống chiếc ghế mây cũ kỹ bên cạnh cái ti-vi cũng rất già nua. Sau lưng là cái kệ ba tầng đặt những chậu bonsai cắt tỉa rất công phu mà bất luận ai ghé thăm cũng phải trầm trồ khen ngợi.

Bên phòng ăn, Chu Kỳ cẩn thận nhặt vỏ bia bỏ vào két rồi lấy khăn giấy lau tay và bước lại ngồi bên cạnh gia chủ. Cụ Hường cũng vừa từ phòng tắm chậm chạp đi ra. Phạm Đoàn, Phùng Đắc Kinh Luân và cả bọn, lần lượt tìm chỗ ngồi. Chỉ còn một mình gã thanh niên, tùy viên của Phùng Đắc Kinh Luân, ở lại phụ mẹ con bà Phong dọn bàn.

Chủ nhà nói tiếp câu chuyện cũ:

— Phức tạp đấy chứ nhỉ! Không khéo mình đành chết già ở nước ngoài mất thôi, cụ Hường ơi!

Rồi ông hỏi Chu Kỳ:

— Tình hình dân chúng ở trong nước ra sao? Họ có thật tâm muốn lật đổ Cộng sản hay không? Chú thấy thế nào? Là bởi vì ở ngoài này dù mình có đấu tranh đến thế nào đi nữa, mà dân chúng trong nước họ không chủ động nổi dậy thì đành bó tay thôi. Chúng mình chỉ là cái ngọn, trong ấy mới là cái gốc.

Chu Kỳ cười buồn:

— Tôi nói ra, niên trưởng với quý vị có thể cho là tôi bi quan, nhưng niên trưởng đã hỏi chẳng lẽ tôi không nói thật.

Vấn tất một điều là dân chúng không ai ưa chế độ Cộng sản cả, nhưng từ chỗ không ưa chuyển thành nổi dậy để chống lại thì cần phải vận dụng rất nhiều. Những năm đầu mới mất nước, miền Nam

mình có nhiều tổ chức phục quốc, nhất là từ các tôn giáo. Nhưng dần dần, các tổ chức ấy bị lộ hết, phần vì mình bắt cần, phần vì chính Việt cộng đứng ra thành lập các tổ chức phục quốc giả để gài bẫy, cho nên đến giờ này thì chìm lắng cả. Những người hoạt động bí mật, hễ gặp khó khăn một chút là bỏ cuộc, tìm đường vượt biên ngay. Dĩ nhiên đây là chuyện thực tế chứ không phải tôi có ý chê trách. Mình ra đi, làm gì có quyền ngăn cản người khác đứng ra đi. Vô lý và ích kỷ! Nhưng tôi đang phân tích tình hình thực tế và tôi cũng chỉ nói đến miền Nam thôi. Còn miền Bắc thì chịu, mình không phán đoán nổi. Nhưng ngay tại miền Nam, tình hình cũng chẳng sáng sủa gì. Phong trào vượt biên, gửi quà, đoàn tụ và nhất là chính sách cho Việt kiều du lịch về thăm nhà đã phá tan gần hết mọi hy vọng. Người trong nước nhìn hình ảnh những Việt kiều về thăm nhà cao sang quá, cho nên ai cũng chỉ mong đi. Chắc tôi không cần phải nói thêm về điểm này. Còn người ở hải ngoại hễ đã nghe theo lời mời gọi của chính quyền mà về du lịch thì đâu còn chống đối gì nữa. Tôi chưa thấy ai đã du lịch Việt Nam hoặc có ý định du lịch Việt Nam mà còn căm thù Việt cộng như ngày trước!

Phạm Đoàn cãi lại:

— Về điểm này, anh có cực đoan quá không, anh Kỳ? Việt kiều du lịch về nước gây lũng đoạn xã hội và kinh tế của Việt cộng. Chính báo chí trong nước phải thú nhận điều này. Như vậy, chưa hẳn du lịch đã có lợi cho Việt cộng!

Phùng Đắc Kinh Luân xòe bàn tay trả lời thay Chu Kỳ bởi ông đã thuộc lòng bài học này:

— Có khi nào anh đang nắm quyền mà anh lại ban hành một chính sách có hại cho anh không? Du lịch là một quốc sách do chính Việt cộng chủ động ban hành, chứ không do người Việt hải ngoại đấu tranh đòi hỏi mà được. Bất cứ chính sách nào Việt cộng chủ động ban hành thì dù bề ngoài có vẻ như

nỗi lòng

*Buồn theo lấm tấm màu bông gạo
Về dưới hiên xưa chợt nhớ người
Xa nhau đã mấy tà dương cũ
Ra vào đời lạnh chút mưa rơi*

*Lòng xôn xao theo cánh thư ngày nọ
Vài hàng thăm, và hẹn buổi trùng phùng
Chiều heo may nghiêng đầu bên miếu cũ
Hương lòng nhẹ bay theo kẻ lênh đênh.*

*Bên thành hoa nắng tàn theo cúc
Người sông hồ đàn nhớ dư âm,
Nhớ buổi rong đời qua cơn lốc
Xa người bên song cửa hoàng hôn.*

*Vén chiến bão che qua chiều chiến quốc,
Buổi xa thành theo yên mã giáo gươm
Theo tiếng gọi người xưa trong cơn bắc
Giữ màu mây bay bên trời biên cương.*

*Giữ chút gió thơm hương trầm đèn miếu
Và nắng hoe vàng bên phố cũ xưa,
Giữ mờ mờ cha ông bên hàng liễu,
Và tiếng cười dòn bên bến lau thưa.*

*Giữ tiếng hò bên những chiều hiu quạnh
Tiếng chuông khuya nào thao thức bên sông,
Và giữ cánh sen hồng bên hồ vắng,
Đưa chút hương qua người bên gian truân.*

phan thịnh



bất lợi cho chúng, mình cũng phải hiểu rằng chúng có hậu ý, và dĩ nhiên lợi phải nhiều hơn hại. Một người bị bệnh, uống thuốc trụ sinh chẳng hạn. Biết rằng uống nhiều trụ sinh thì thể nào cũng có phản ứng phụ, nhưng có lợi ngay trước mắt là khỏi bệnh. Du lịch cũng thế. Nó rất có lợi về kinh tế cũng như chính trị đối với Việt cộng. Đành rằng các tổ chức có lợi dụng phong trào du lịch để gửi người về, nhưng rõ ràng là chưa tận dụng. Một số người về nói rằng mình có công tác đoàn thể, nhưng phần lớn chỉ là nói phét. Bởi nếu thực sự vì công tác mà về thì đã không khoe ra cho ai biết! Chính sách cởi trói văn nghệ cũng vậy. Nếu có hại cho Đảng, thì đời nào Đảng lại ban hành! Tôi cho rằng,

chính sách du lịch và cởi trói văn nghệ là hai độc kế của Đảng, làm phân hoá người Việt hải ngoại không ít!

Một khuôn mặt rất trầm lặng ngồi bên hút thuốc bên Phạm Đoàn, bỗng cất tiếng hỏi:

— Giả như Việt cộng kêu gọi hòa hợp hoà giải để cùng xây dựng đất nước, anh nghĩ thế nào? Có hợp tác hay không và điều kiện như thế nào?

Chu Kỳ chờ Phùng Đắc Kinh Luân trả lời, nhưng Kinh Luân ngồi im. Chu Kỳ liền nhấn mạnh:

— Câu hỏi ấy không cần đặt ra, bởi Việt cộng không bao giờ kêu gọi chúng ta hoà hợp hoà giải! Khi chúng còn yếu, chúng mới giả vờ kêu gọi hoà giải. Khi chúng đã nắm

được cả nước, chúng ta chỉ có hai con đường: Một là đi theo chúng. Hai là chống lại chúng. Sau 75, thiếu gì người miền Nam đã xin hợp tác mà chúng quay mặt đi. Cho nên đừng đặt vấn đề ấy ra, mất thì giờ! Hiện nay chúng chỉ xin hoà giải với Mỹ mà thôi, bởi chúng cần tiền!

Tùy viên của Phùng Đắc Kinh Luân bưng khay cà phê ra đặt trên bàn. Phạm Đoàn khom người bưng ngay một ly, khoảng đường và bột kem rồi trao cho Chu Kỳ:

— Mời anh! Bữa nay nghe anh nói chuyện, tôi biết thêm được nhiều vấn đề bổ ích. Nhất là tình hình trong nước thì tôi mù tịt. Nhưng tôi có một câu hỏi mà tôi để bụng đã lâu, bây giờ xin được đặt ra với anh: Trong hoàn cảnh hiện tại, anh có nghĩ ra được sách lược nào để lật đổ chế độ Cộng sản trong nước hay không?

Phùng Đắc Kinh Luân đang khoảng cà phê giết mình ngẩng lên nhìn Phạm Đoàn. Đây chính là một câu hỏi lớn mà Kinh Luân cần phải

thông suốt bởi chắc chắn nay mai sẽ có người nêu ra với ông. Ông liếc mắt nhìn sang Chu Kỳ chờ đợi. Nhưng Chu Kỳ lắc đầu cười, bảo Phạm Đoàn:

— Anh Đoàn ơi! Tôi chỉ là một người bình thường không biết gì về chính trị. Chẳng qua là vì tôi mới ở Việt Nam qua, được niên trưởng Phong gọi lại chơi rồi vui câu chuyện, làm bàn với quý vị mấy câu thôi. Chứ nói chuyện sách lược thì xin dành cho các tổ chức đấu tranh. Ngay trong phòng này cũng có bao nhiêu người có thẩm quyền hơn tôi, xin để các vị đó lên tiếng thì tốt hơn!

Dứt lời, Chu Kỳ đưa mắt nhìn khắp lượt. Phùng Đắc Kinh Luân thấy nhột, toan mở miệng thì may quá, Phạm Đoàn vẫn nín kéo Chu Kỳ:

— Anh đừng khiêm tốn quá như vậy! Các đoàn thể tại hải ngoại tất nhiên đều có sách lược riêng của họ, nhưng anh ở lại với Việt cộng mười sáu năm, dù sao cũng đi sát tình hình hơn ngoài này. Theo anh

nghĩ thì mình nên chống Cộng cách nào để có thể lật được chúng?

Chu Kỳ đắn đo khá lâu rồi mới miễn cưỡng phát biểu:

— Tôi làm bàn thế này. Hiện nay cả ta lẫn địch đều không nghĩ đến một giải pháp quân sự mà chỉ nghĩ đến áp lực quần chúng. Cái mà Việt cộng đang sợ nhất hiện nay ở trong nước là một cuộc biểu tình qui tụ đông đảo quần chúng. Từ sau vụ Đông Âu, họ đã đề ra những biện pháp đối phó, chẳng hạn như đầu năm 90, họ lập trung đoàn cơ động giống như lực lượng cảnh sát đã chiến chống biểu tình của miền Nam ngày trước. Biểu tình là một thứ áp lực cực mạnh của đám đông, sẽ đẩy tình hình đi rất xa, vượt khỏi sự kiểm soát của chính quyền.

Nhưng làm thế nào để tạo được một cuộc biểu tình? Về mặt tâm lý, người trong nước kỳ vọng rất nhiều vào người ở hải ngoại. Cho nên tôi đã nói, lực lượng thì ở trong nước mà tinh thần thì ở hải ngoại. Theo thiển ý, các tổ chức từ hải ngoại phải lập đầu cầu liên kết với năm thành phần sau đây ở trong nước: Thứ nhất, các lực lượng tôn giáo. Thứ hai, thương phế binh là thành phần thua thiệt và liều mạng hơn cả. Thứ ba, tầng lớp công nhân vốn đi đói khổ quanh năm. Thứ tư, quần chúng nông thôn và thứ năm: sinh viên học sinh là lớp trẻ nhiều nhiệt huyết, dễ bị đám đông lôi cuốn. Cuối cùng đến những người đi theo Mặt trận Giải phóng miền Nam ngày trước, bây giờ mất tin tưởng ở Đảng, những cán bộ hưu trí đang oán Đảng.

Song song với việc gây dựng cơ sở trong các thành phần ấy, phải mở mặt trận thông tin thật sâu rộng, giải thích chính sách và trấn an hàng ngũ cán bộ Đảng viên khi đất nước thay đổi. Hai triệu Đảng viên và bốn triệu Đoàn viên là một lực lượng khá đông, nhưng họ sẽ bỏ hàng ngũ khi thấy áp lực quần chúng có thể làm lung lay chế độ. Chưa kể mặt trận quốc tế vận không thể bỏ qua được. Tôi nghĩ, nếu không tổ chức được cơ sở



trong nước để phát động những đợt nổi dậy, cứ ngồi mà chờ Việt cộng sụp đổ giống như Đông Âu, sẽ chỉ là một ảo tưởng. Không tổ chức được cơ sở trong nước, thì mọi cuộc thảo luận về hậu Cộng sản chỉ là trò “phú quý sinh lễ nghĩa” mà thôi!

Vũ Tam Phong gật đầu:

— Dĩ nhiên lịch sử nhiều khi có những biến động bất ngờ mà không ai tiên liệu được. Trong các thay đổi trên thế giới, đã có ai đoán trước là Iraq sẽ đánh nhau với Mỹ đâu? Rồi khi cuộc chiến bắt đầu, cũng chẳng có nhà phân tích quân sự nào dám cả quyết cuộc chiến sẽ kết thúc nhanh như vậy. Nhưng chúng mình đừng nói đến những trường hợp ngoại lệ đó, chỉ xét trên tình hình thực tế thì những điều chú Kỳ nói nghe có lý!

Nhiều cái đầu chung quanh cũng biểu lộ sự đồng ý. Chỉ có Phạm Đoàn nhìn xa hơn:

— Bây giờ, giả như trong nước xảy ra những cuộc biểu tình như anh mong muốn, thì chính quyền sẽ phản ứng thế nào? Đất nước mình sẽ ra sao?

— Nếu áp lực không đủ mạnh, chẳng hạn như biểu tình lẻ tẻ, thưa thớt, thì chắc chắn sẽ bị đàn áp ngay. Nhưng nếu áp lực đủ mạnh thì đất nước sẽ rối loạn. Từ những rối loạn ấy, có thể nảy sinh ra những lãnh tụ đấu tranh mới, Cộng sản sẽ sụp đổ và cứ sự thường thì đất nước sẽ phải mất một thời gian để ổn định.

Năm 63, sau cuộc đảo chính tổng thống Diệm, miền Nam cũng đã mất hai năm xáo trộn, rồi hai năm chuyển tiếp, tới 67 thì nền đệ nhị cộng hoà mới thành hình. Cũng có thể, khi áp lực đang diễn ra, chính quyền thấy yếu thế, sẽ phải nhượng bộ bằng cách chấp nhận đa nguyên, tổ chức bầu cử để tránh những hậu quả khốc liệt cho họ. Bầu cử là một hình thức chuyển giao ôn hoà mà họ sẽ chỉ chấp nhận khi không còn con đường nào khác. Lúc đó chúng ta sẽ chuyển sang một hình thái đấu tranh khác. Đây là nói xa, và tôi

cũng mơ ước như vậy thôi. Chú thật ra, phải thẳng thắn rằng, đòi Cộng sản cho bầu cử là một chuyện hoang đường mà nhân dân trong nước người ta sẽ phì cười!

Phạm Đoàn gật đầu:

— Vâng. Áp lực quốc nội cũng như quốc tế phải mạnh lắm thì họ mới chấp nhận tổ chức bầu cử. Quyền lực trong tay, đại gì mà nhường cho người khác nếu không có nguy cơ bị hủy diệt! Cứ như tôi nghĩ thì tình hình hiện nay chưa ăn thua gì cả. Tôi đang cầm quả táo mà tôi rất thích, tự dưng có người đòi chia cho một nửa, hoặc đòi lấy luôn cả quả. Phải làm sao tôi mới chịu chứ!

Cụ Hường lắc đầu cười:

— Mà giả dụ chúng nó có cho bầu cử ngay lúc này thì mình cũng bó tay, vì đã chuẩn bị gì đâu! Chẳng lẽ đem đầu về lót đường để hợp pháp hoá chế độ cho chúng nó!

Ông Vũ Tam Phong chống tay vào thành ghế đứng dậy và kết luận:

— Nói tóm lại, theo ý chú Kỳ thì việc bầu cử là bước thứ hai. Mà cái bước thứ hai này có được hay không là tùy thuộc hoàn toàn vào bước thứ nhất, tức là mình có tạo được áp lực đủ mạnh hay không. Bởi vậy trước mắt phải tiến hành bước thứ nhất đi đã. Có phải thế không? Không tạo được áp lực thì đời nào Cộng sản lại nhượng bộ mà nói chuyện bầu cử! Thú thật, cá nhân tôi, tôi đồng ý với chú Kỳ là không bao giờ tôi tin rằng sẽ có giải pháp bầu cử khi đảng Cộng sản còn nắm quyền. Muốn đấu tranh, nên tìm con đường khác thì hơn!

Mọi người cùng gật đầu đồng ý. Ông Vũ Tam Phong bước lại cái tủ gỗ đựng sát tường, lôi ra cuốn băng video. Ông toan nói tiếp thì Phạm Đoàn lại hỏi thêm:

— Anh Kỳ ạ, tôi nghe có người bảo rằng, nếu không huy động được đồng bào miền Bắc, nghĩa là từ vĩ tuyến 17 trở ra, tham dự vào cuộc đấu tranh, thì không thể nào thay đổi được chế độ. Anh thấy đúng không? Cho đến giờ này,

nhiều người miền Bắc rất dửng dưng, bởi họ cho rằng chúng ta chống Cộng là chống lại họ.

Chu Kỳ trầm ngâm:

— Đó cũng là một mối ưu tư. Dĩ nhiên như tôi đã nói, chính quyền Cộng sản luôn luôn coi miền Bắc như một cứ điểm an toàn của họ. Đồng bào miền Bắc sống với chế độ đã quá lâu, có đặc tính chung là kiên nhẫn, chịu đựng. Tổ chức xã hội ở miền Bắc chặt chẽ hơn miền Nam, việc kiểm soát khắt khe hơn nên khó có cơ bùng dậy. Nhưng xét cho cùng, đồng bào miền Bắc là nạn nhân đau khổ hơn miền Nam chúng ta. Một khi có những cuộc biểu tình nổi dậy ở trong Nam thì chắc chắn miền Bắc sẽ bột phát còn mãnh liệt hơn cả miền Nam nữa. Tôi không bi quan về điểm này.

Ông Vũ Tam Phong cắt đứt câu chuyện bằng cách đề nghị mọi người coi phim. Ông giờ cuốn băng lên và nói:

— Đây là cuốn phim đang gây sôi nổi trong nước, là đề tài mà báo chí tổ khổ liên tiếp mấy tháng nay, chắc quý vị cũng đã nghe nói. Phim *Yêu tiếng hát ở Việt Nam* tôi vừa coi xong. Bản tiếng Hoa, phụ đề Anh ngữ do hãng Eternity phát hành. Có thể nói đây là một cuốn phim “đại phản kháng”, tổng hợp hết mọi cuốn sách “phản kháng” của các nhà văn miền Bắc chắc cũng chưa bằng nội dung phim này. Mời quý vị xem cho biết. Tổng giám đốc Liên hiệp Xí nghiệp Điện ảnh băng Phạm Công Cảnh cùng trưởng phòng hành chính Phạm Kim Thành đều đã bị bắt vì ký hợp đồng với hãng Hồng Kông thực hiện phim này.

Ông nhét cuốn băng vào máy, mở ti-vi và giều thêm một câu:

— Coi xong, quý vị thử bản xem có cần phải soạn ngay một “bản lên tiếng” yêu cầu trả tự do tức khắc cho Phạm Công Cảnh và Phạm Kim Thành hay không. Bởi vì rõ ràng hai ông này bị bắt vì làm phim phản kháng!

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

Bút Chì phụ trách.

LUƠNG THIẾT CẦU

Hỏi: 1.—Cháu sinh ngày 20.8 năm Quý Sửu, anh cháu sinh ngày 12.2 năm Quý Mão, xin bác tính họ ra dương-lịch.

2.—Cách tính giữa âm và dương-lịch ra sao?

3.—Về môn lưỡng thiết cầu, có sách nào chỉ-dẫn không? Có đúng là tập theo phương-pháp này con người tăng sức mạnh?

Thiên Kim
Virginia Beach

Đáp: 1.—Ngày 20 tháng 8 năm Quý Sửu là chủ-nhật, 16.9.1973. Ngày 12 tháng 2 năm Quý Mão là thứ năm 7.3.1963.

2.—Cách tính rất rắc-rối. Thường người ra chỉ theo bản đối-chiếu âm dương lịch theo Vạn niên lịch, ấn-hành từ đời nhà Thanh, Trung-quốc.

3.—Cái món "lưỡng thiết cầu" này, bác cũng chỉ mới đọc thấy trong truyện *Al Capone* của ông Lê Xuân Nhị, có dịp sẽ hỏi thêm.

CHẾT MỘT CỬA TỬ

Hỏi: 1.—Cháu nghe các ông bà

già cả nói "chết một cửa tử" trong lúc đàm-thoại. Cửa tử là cửa gì? Có phải là bốn cửa Đông, Tây, Nam, Bắc không?

2.—Trại tị-nạn Pulau Galang, Camp Site I, ở Riau 29112, Indonesia có phải là trại tị-nạn của người Miên không? Nếu người Việt ở trong trại này có được hưởng qui-chế tị-nạn không?

Robert
Pháp

Đáp: 1.—Cửa tử là tiếng lóng, nói trại từ "cửa tử" là cửa chết trong trận thế đời xưa. Chết một cửa tử ý nói về tình-trạng chí nguy, khó-khăn nan-giải.

2.—Trại Galang (Site I và Site II) nằm trên đảo Galang, Nam-dương, đều là nơi tạm-trú của thuyền-nhân Việt-nam. Thuyền-nhân mới tới được gọi là người tẩm-trú (*asylum seeker*) phải trải qua một cuộc thẩm-vấn thanh-lọc và phân-loại, xếp vào thành-phần "tị-nạn" hoặc "di-dân kinh-tế."

H.O.

Hỏi: 1.—Xin ông cho biết về cụ sī-quan và quân-nhân đi theo "diện" H.O.

Hai chữ H.O. viết tắt từ chữ gì?

2.—Tại sao các quốc-gia trên thế-giới lại được phiên-âm ra mà không giữ nguyên. Thí-dụ: Hòa-lan (Holland), Tân-tây-lan (New Zealand)? Cách phiên-âm này căn-cứ vào đâu?

Dương T. Thiện
Nepean, Ontario

Đáp: 1.—H.O. viết tắt từ *Humanitarian Operation* (chiến-dịch nhân-đạo), nằm trong chương-trình ra đi có trật-tự (O.D.P: *Orderly Departure Program*). Chiến-dịch nhân-đạo này do chính-phủ Hoa-kỳ đặt ra để giúp-đỡ thành-phần quân-nhân công-chức VNCH từng bị VC giam-giữ trong các trại cải-tạo từ 3 năm trở lên.

2.—Các chữ "Hòa-lan", "Tân tây-lan" được viết-hóa để dễ đọc, dễ hiểu. Lối này là viết-hóa, hay

hán-việt-hóa (không phải phiên-âm). Báo-chí, sách-vở, đài phát-thanh VNCH thường dùng lối này.

Phiên-âm là viết theo chữ Việt, phỏng theo âm đọc. Thí-dụ: Hô-lăng (Holland), Niu-Di-len (New Zealand). CSVN theo viết lối này.

Nhìn ra thế-giới, chúng ta nhận thấy người Anh có thói quen giữ nguyên cách viết các tên nước và địa-danh ngoại-quốc, nhưng đọc theo lối Anh.

Thí-dụ: France, đọc là /fra:ns/; tháp Eiffel, đọc là /'aifel/,...

Trong khi đó người Pháp dịch tên nước và địa-danh ngoại-quốc ra tiếng Pháp: *United States of America* thành *Etats-Unis d'Amérique*; *England* thành *Angleterre*,...

Trở về với chữ Việt, cả hai lối giữ nguyên tên ngoại quốc và phiên âm đều có khuyết-điểm là không đồng-nhất. Việt-nam chịu ảnh-hưởng cả hai luồng văn-hóa Anh, Pháp. Nếu gặp địa-danh Pháp hay Anh thì còn dễ, chỉ viết theo lối Pháp, hay Anh: London, England hoặc Paris, France là xong; nhưng nếu nói về một nước thứ ba khác, thì viết theo lối Pháp hay Anh? Hay là theo lối của chính nước đó?

Thí-dụ: nước Hòa-lan, nếu viết theo Anh là Netherlands (Ne-đơ-len) hoặc Holland (Hô-len); viết theo Pháp, là Hollande (Hô-lăng-đơ) hay Pays-bas (Pê-i-ba); còn viết theo Hòa-lan, thì là Nederlanden (Ne-đơ-len-đơn). Các bạn chịu ảnh-hưởng văn-hóa Pháp sẽ viết theo lối Pháp, các bạn chịu ảnh-hưởng văn-hóa Anh-Mỹ sẽ viết theo lối Anh, ngoài ra các bạn ở Hòa-lan sẽ viết theo lối Hòa-lan, chưa kể lối Đức, Ý, Áo, Na-uy, Phần-lan, Thụy-điển, Đan-mạch, tây-ban-nha, Bồ-đào-nha, v.v. Tình-trạng không đồng-nhất sẽ xảy ra. Một bản văn bằng tiếng Việt viết ở Đức sẽ khác một bản văn bằng tiếng Việt viết ở Hòa-lan hay Nhật-bản. Sự khác-biệt ấy do có ngoại-ngữ chen vào.

Nhờ lối viết-hoá (Hòa-lan, Pháp, Đức, Nhật-bản, Hoa kỳ.v.v..) giúp

mọi người Việt, dù đang ở nước nào, chịu ảnh-hưởng văn-hóa nào cũng hiểu nhau dễ-dàng.

Chỉ có một điều có thể phàn-nàn, là lối này thường mượn trung-gian chữ Trung-hoa. Người Trung-hoa phiên-âm hoặc dịch nghĩa (có khi vừa phiên-âm vừa dịch-nghĩa) bằng chữ Hán, rồi người Việt chúng ta đọc lại theo âm hán-việt: Gia-nã-đại (Canada), Băng-đảo quốc (Island), Tân tây-lan (New Zealand).

Lối này áp-dụng vào tên quốc-gia, hay các địa-danh quan-trọng chúng ta có thể dùng theo được; nhưng khi dùng phiên-âm tên người, hay các địa-danh nhỏ thì quá dài, khó nhớ, chúng ta nên giữ nguyên tên cũ. Thí-dụ: không nên viết *Mạnh-đức tư-cư*, *Lư-thoa*, *Đa-luân-đa*, *Mộng-lệ-an* mà nên giữ nguyên: *Montesquieu*, *Rousseaux*, *Toronto*, *Montréal*.

GÁI THƯƠNG CHỒNG

Hỏi: Xin bác giải-thích hộ câu tục-ngữ "*Gái thương chồng đương đông buổi chợ, trai thương vợ nắng quai chiều hôm*." Câu này dụng-ý nói gì?

Nguyễn Thị Đành
Brampton

Đáp: Câu này dụng ý chê tình-yêu của người đàn ông đối với vợ thường có tính ích-kỷ, không tràn đầy, vô điều-kiện như tình-yêu của người đàn bà đối với chồng.

Người vợ yêu chồng ngay từ khi mình còn son trẻ, chung quanh còn có nhiều người săn-đón, chiều-chuộng; trong khi đó, người đàn ông lúc còn trai-tráng, nhiều người vẫn chấp-chơi với phụ-nữ khác, chỉ khi về già hay gặp lúc khó-khăn mới "quay lại" và quý-trọng vợ nhà.

CHÂN KHÔNG

Hỏi: Tôi nghe các thầy nói nhiều về sư Chân Không và bài kệ *Trắc địa long xà địa khả cư*. Xin bác cho biết thêm về nhà sư và bài thơ này.

Chơn Kim

Đáp: Chắc bà nhớ nhầm, bài kệ *Ngôn hoài* với câu đầu *Trạch đắc (không phải trắc địa) long xà địa khả cư* của sư Không-Lộ, không phải sư Chân-Không.

Chân-Không thiền-sư người làng Phù-đồng, huyện Tiên-du, sinh vào thế-kỷ thứ 6, tục-danh Vương Hải-thiền, tu ở Từ-sơn, được vua Nhân-tông dời vào cung giảng kinh Pháp-hoa.

Không Lộ thiền-sư họ Dương, người Hải-thanh, con nhà chài-lưới, tu ở chùa Hà-trạch. Bài kệ nổi tiếng của ông là:

NGÔN HOÀI

*Trạch đắc long xà địa khả cư
Dĩ tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiêu nhất thanh hàn thái dư.*

(Không Lộ)

Ý-nghĩa: Hang rồng, hang rắn (nơi thế đất thấp) là phong-thổ thích-hợp với nhà sư, có thể ở được; ở nơi ấy, đời sống thôn-quê giúp người cảm thấy an-lạc cả ngày; những khi rảnh-rỗi, có khi lên núi chum môi huýt sáo chơi; núi cao, cảnh vắng, tiếng huýt sáo làm lạnh cả bầu trời phóng-khoáng.

CỔ HỌA VIỆT-NAM

Hỏi: 1.—Cháu học vẽ, đã được xem nhiều bức cổ-họa giá-trị của Trung-hoa, Nhật-bản, nhưng cổ-họa Việt-nam thì hiếm quá, chắc phải đợi khi nào đất nước hết cộng-sản, mới có thể về quê tìm kiếm mà xem được. Bác có biết nơi nào còn lưu giữ các bức tranh cổ ấy xin mách hộ.

2.—Câu thơ *tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong* của Hoàng Cầm, là nói về tranh của ông họa-sĩ Đông Hồ (hình như cũng là nhà thơ) hay tranh của làng Đông Hồ ngoài Bắc. Tranh này màu sắc ra sao?

Nguyễn Từ-Liêm
Paris

Đáp: 1.—Hiện nay chỉ có một ít cổ-họa còn sót lại, thường treo ở miếu mạo, đình chùa.

2.—Tranh Đông-hồ (cũng có thể viết thường chữ *đông-hồ* như một danh-từ riêng đã trở thành danh-từ chung) là một sản phẩm của làng Đông Hồ; còn thi-sĩ Đông Hồ (Lâm Tấn Phác) ở Hà-tiên, không dính-dáng gì tới tranh đông hồ ngoài Bắc.

Về tranh dân-gian, Việt-nam nổi tiếng về hai loại: tranh đông hồ xuất-xứ từ làng Đông Hồ và tranh hàng trống, xuất-xứ từ hàng Trống, tất cả đều in màu trên giấy dó.

Làng Đông-hồ, còn gọi là Đông Mái hoặc Kiều Mái, tên nôm là làng Mái (Ca-đao: *Hỡi cô thắt lưng bao xanh, Có về làng Mái với anh thì về, Làng anh có lịch có lễ, Có ao tắm mát có nghề in tranh*).

Về sau, một số nghệ-nhân Đông-hồ dọn ra hàng Trống, Thăng-long, mang theo kỹ-thuật in tranh để sinh sống. Tranh hàng Trống màu sắc tươi sáng hơn, sử-dụng nhiều kỹ-thuật và nét vẽ cầu-kỹ hơn.

Các loại tranh dân-gian này khắc vào gỗ, in thành khuôn, phết màu rồi đóng lên giấy, thường vẽ gà, lợn (tượng-trung cho sự sung-túc), thầy đồ cóc, đám cưới chuột, đánh ghen, chơi kéo co, đu tiên, hứng dừa, v.v.

Về màu, tranh dùng các màu nguyên-thỉ: hòe, hiên, chàm, đỏ, đen và trắng điệp; áp-dụng bốn kỹ-thuật in, tô, cần, bồi.

gôm

TỔNG-BIỆT HÀNH

Làng Văn 83, trang 32, phần chú-thích dưới bài thơ *Ngũ ngôn tổng-biệt* ghi: "Quý bạn đọc có thể xem lại nguyên-tác *Tổng biệt hành* trên *Làng Văn* số 80, trang 86."

Thực ra, bài thơ *Tổng-biệt hành* (Thâm Tâm) đăng trên *Làng Văn* số 81, trang 88. Tòa-soạn xin tạ lỗi.



Đầu Làng Cuối Xóm

ĐỒNG-LŨA

ĐỊNH-TÌNH SU-THÁI

Tháng 4.1991, trong khi chiến-dịch cổ-võ cho phong-trào văn-nghệ phản-kháng quốc-doanh sắp phá-sân, Hà-nội tung ra một chương cuối cùng mong giải vây cho đồng bọn, đó là tin "Dương Thu Hương... bị bắt." Lập tức tại hải-ngoại, các nhà chính-khách trở cờ, chính-khách cơ-hội chủ-nghĩa, chính-khách con buôn nhao nhao lên như bọ đánh hơi người.

Thụy Khuê, nhà phê-bình lãng-xãng nhất hải-ngoại liền móc hồ bao ra chi đẹp cho một nhà xuất-bản ở Nam Cali in ngay cuốn tiểu-thuyết được quảng-cáo là "mới nhất" của "nữ anh-hùng" Dương Thu Hương, người được coi là tiêu-biểu cho phong-trào văn-nghệ phản-kháng quốc-doanh trong nước.

Đã ném tiền ra mua danh, tất-nhiên bà Thụy Khuê phải xí phần viết lời giới-thiệu, chia-sẻ chút hơi-

hám của người mà bà hằng thờ-phượng. Nhà phê-bình lại múa bút vi-vút, vừa xưng-tụng văn-nô Hà-nội, vừa thọc lia-lĩa vào lưng người lính thua trận VNCH.

Nguyên trong cuốn *Tiểu-thuyết vô-đề* in tại Nam Cali, DTH nhắc tới người lính miền Nam hơi nhiều. Có điều sau 16 năm chung đụng với đồng-bào miền Nam, họ Dương vẫn chưa hiểu gì về đời sống và tâm-tình của quân dân vùng tự-do cũ. Bà ta vẫn giữ nguyên cái nhìn hằn-học và lệch-lạc về "người miền Nam", như cái khuôn mẫu do trường dạy viết văn Nguyễn Du đặt ra. Trường viết văn dạy rằng, hễ phụ-nữ thành-thị miền Nam thì phải diêm-dúa, dâm-đăng, sẵn-sàng bán rẻ lương-tri và thân-xác trước tiền tài và danh-vọng; hễ là lính miền Nam thì phải tàn-ác bất-nhân, hãm-hiếp, xâu tai người, khi lọt vào tay "nhân-dân" thì hèn-nhát, không từ hành-động hạ-tiện nào chỉ cốt để cầu sống.

Hình-ảnh "hạ-tiện", "hèn-nhát" của người lính miền Nam, một lần

nữa lại được Dương Thu Hương vẽ-vời, tô đen đậm nét trong cuốn sách "mới nhất" của bà. Người-lính ấy gọi thượng-cấp bằng... "Ngài", khi bị bắt run-rẩy như một bó giẻ, gọi kẻ thù bằng "ông" và xưng "con"...

Bàn về những đoạn văn này, bà Thụy Khuê viết: "...có những đoạn, những lời đối-thoại có thể gây cái xốc* đối với cộng-đồng di-tản, nhất là những cựu quân-nhân (như cái chết thảm-khốc của sáu nữ thanh-niên xung-phong và thái-độ sợ-sệt quí-lụy của tù-binh VNCH trước họng súng của kẻ có quyền sinh sát mình).

Bà Thụy Khuê viết: "đọc đến những đoạn ấy, những cựu quân-nhân VNCH có thể chau mày khó chịu." Và ngay sau đó, bà khuyên anh em đừng có khó chịu, vì đó chính là sự thật, và "nhà văn chỉ có phận-sự ghi lại sự thật, không có phận-sự chiều lòng ai."

"Sự thực" nào? Chuyện tù-binh VNCH run-rẩy gọi VC bằng "ông" xưng "con" để cầu sống là sự thực? Chuyện lính "ngụy" hãm-hiếp cả một đơn-vị nữ giao-liên VC rồi cắt vú, khoét bộ-phận sinh-dục của họ làm đồ chơi là sự thực? Đành rằng chiến-tranh có những qui-luật tàn-bạo của nó, nhưng chuyện người lính VN hãm-hiếp, cắt vú nữ tù-binh này họ Dương nghe được ở đâu? Do óc suy-tưởng bệnh-hoạn của mình hay rập theo khuôn mẫu do trường dạy viết văn đưa ra? Người miền Nam không có thói quen gọi thượng-cấp bằng "Ngài", gọi người khác bằng "ông" xưng "con", dù rằng người đó nắm sinh mạng mình trong tay. Một tập-thể quân-đội nếu gồm toàn những hạng đốn-hèn, dâm-man như vậy chắc-chắn đã không chống-đỡ nổi cuộc xâm-lăng của CS ròn-rã suốt 1/5 thế-kỷ.

Dương Thu Hương thường

* Có lẽ Thụy Khuê muốn nói là /sốc/ (shock): sự va-chạm, kích-động, sửng-sốt, bất-ngờ.

nhắc lại một câu danh-ngôn của người Âu rằng *nửa cái bánh mì vẫn là bánh mì, nhưng nửa sự thực không phải là sự thực*. Khi cố ý dựng nên những nhân-vật “ngụy-quân” hèn-mạt như vậy để đối-chiếu và đề-cao bộ-đội anh-hùng, họ Dương đã cắt mất một nửa sự thực, nhắm mắt tung-hô lòng nhân-ái, tính kiên-cường, sự quả-cảm của bộ-đội miền Bắc và trút hết hận-thù lên quân dân miền Nam.

Nhưng cái nhìn lệch-lạc của người nữ cán-bộ CS Dương Thu Hương không làm ai ngạc-nhiên; chính nhận-định của bà Thụy Khuê mới khiến người ta lấy làm chua-chát. Dương Thu Hương, một cán-bộ ở bên kia chiến-tuyến có thể viết sai, có “quyền” viết sai hoặc giả bị bắt-buộc phải viết sai, theo yêu-cầu của công-tác, phù-hợp với “chức-năng” tuyên-truyền; nhưng bà Thụy Khuê, một người nhờ hột

cơm quốc-gia mà thành người, nhờ sự xả thân chiến-đấu của hàng triệu chiến-sĩ miền Nam mà được xênh-xang áo mũ sang Pháp du-học (dù chẳng nên người), bà không thể và không có quyền toa-rập, a-tòng với họ Dương để mạt-sát những người đã cuu-mang bà, bảo-vệ thân-nhân bè-bạn, cha mẹ anh em của bà.

Đối với một cuốn tiểu-thuyết, nhất là sách báo tuyên-truyền của CS, người ta có thể cho rằng tác-giả đã “hư-cấu” quá lố; nhưng sự xác-nhận “đó là sự thật” của Thụy Khuê, một người ở bên này giới-tuyến, là một lời buộc tội oan-khiên, làm cho cổ cây cũng phải xao-xuyến.

Trong bài giới-thiệu, Thụy Khuê còn nhấn mạnh rằng cuốn tiểu-thuyết này “chưa hề được in trong nước”, với dụng ý nói rằng “tác-giả không nhắm làm lợi cho CS” hay “tuyên-truyền gián-tiếp cho CS.”

Cuốn tiểu-thuyết “mới nhất” này in tại hải-ngoại (nghĩa là viết mà không cần *lách*). Thụy Khuê đã nói lời Dương Thu Hương mạt-sát người lính miền Nam một lần nữa, mạt-sát những người đã ngã ngựa, đã bị tước khí giới, đã giam thân trong tù-ngục, đã nằm xuống trong một góc rừng lao-cải, hay sống kiếp lưu-vong không định được ngày về.

Lời mạt-sát này, tệ-hại hơn, được in trang-trọng ở đầu sách, xác-nhận đi xác-nhận lại là “Nhà văn (DTH) chỉ nói lên một sự thật: sự thật đó là các anh là đồ ác-gian, hèn-nhát!”...

Đọc hết tác-phẩm *Tiểu-thuyết vô-đề*, chưa thấy họ Dương “phản-kháng” Bác và Đảng, chỉ thấy bãi nước bọt khinh-miệt của tác-giả nhổ lên năm mớ oan-khuất của những người lính hào-hùng khi còn sống từng xả thân ngăn chặn bước chân xâm-lãng của đoàn quân Các-Mác trong suốt 21 năm, từ 1954 tới 1975. Thái-độ hần-học bôi nhọ những người ngã ngựa cùng hành-động trả thù tàn-bạo trên một xác chết, phải chăng đó là “chức-năng” của một nhà văn?

Trong bài phát-biểu năm 1987, Dương Thu Hương viết và đọc rằng: “những ai thấu hiểu sứ-mạng chân-chính của văn-ngệ đều không chấp-nhận những ngôn-từ giả-trá,” thì ở đây, tại hải-ngoại, tệ-hại hơn nữa, có những kẻ đã dùng trí thông-minh của mình để chứng-minh, a-dua, đồng-lỏa với những điều giả-dối!

Người ta chưa quên DTH đã có mặt trong đoàn quân xâm-lãng miền Nam năm 1967, công-tác tại Bình Trị Thiên; và trong buổi nói chuyện tại Câu-lạc-bộ hiệp-hội các hội khoa-học và kỹ-thuật Hà-nội hôm 9.2.1990, họ Dương xác-nhận “đó là những năm tháng sung-sướng và trong-sáng nhất của đời tôi.” Vâng, trong “những năm tháng đó” có hàng chục nghìn xác người bị trói tay bằng dây thép gai và chôn sống tại Ba-đồn trong chiến-dịch Mậu Thân 68, có hàng chục ngàn người khác vui thây



trong cát nóng dọc theo Đại-lộ Kinh-hoàng trong mùa hè đỏ lửa 1972 ở Quảng-trị. Những xác thân đồng-loại đồng-bào ấy có thể đã góp phần xây-dựng cho cái dĩ-vãng "sung-sướng và trong sáng nhất đời" mà họ Dương luôn luôn hãnh-diện nhắc tới. Những nắm xương vô-định ấy có thể đã bị bụi thời-gian xóa nhòa trong tâm-tưởng những kẻ đào-nhiệm tại hòa hội Paris như Trần Thanh Hiệp, Đặng Tiến, hay những người con vô tổ-quốc như Thụy Khuê. Nhưng ngược lại, máu xương đồng đội đồng-bào, lương-tri và danh-dự của người lính không cho phép các ông Khánh Trường, Vũ Huy Quang, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Mạnh Trinh,... cúi gằm mặt xách dép râu cho cán-bộ CS mãi được!

NHỮNG CHUYỆN MỜ-ÁM CHUNG QUANH 94 CHỮ KÝ DƯỚI KHÁNG-THƯ DƯƠNG THU HƯƠNG

MỖ (LÀNG VĂN)

Bản kháng-thư can-thiệp cho Dương Thu Hương được quảng-cáo là có 94 người ký tên trong số gần 2 triệu đồng-bào Việt-nam tại hải-ngoại, tính ra cứ 20 ngàn người thì có 1 người thò bút ký vào. Cái tỉ-số 1/20.000 này đã xác-định trình-độ trưởng thành chính-trị của người Việt sau bao nhiêu lần bị CS bịp. Đã vậy, con số "94" này cũng lại là ... bịp nốt. Sau khi bản kháng-thư được các "hãng tin" tiêm cho các báo, nhiều vị có tên trong bản kháng-thư đã kêu oái lên rằng họ không hề đồng ý ký, nhưng vẫn bị in đại tên vào, điển-hình là trường-hợp nhiếp-ảnh-gia Lê Quang Xuân, họa-sĩ Vi-Vi, thi-sĩ Bắc Phong, Luân Hoán, nhà văn Võ Kỳ Điền, v.v.

Sự đối-trá của con số "94" khiến người ta phải xét lại con số "400" trí-thức Pháp ký trong bản kháng-

thư bên Tây. Làm sao kiểm-chứng được những Simone, những Paul, những Jean những Jaques này là người bằng xương bằng thịt, không phải của giả? Có một vài tên tuổi quen quen thì đã lem-luốc từ khi mấy ông tây bà đầm trí-thức này thò bút ra ký kháng-thư ủng-hộ Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam "chống Mỹ cứu nước", những chữ ký đã giúp CSVN nhận chìm dân-tộc VN vào bể máu. Và cũng trong "400" chữ ký máu ấy, có cả những tên tuổi đỏ lòm như Bùi Tín, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Ngọc Giao, Đặng Tiến.

Hoá ra cũng chỉ là một trò lừa bịp rẻ tiền và cũ rích...

NÓI VỚI 79 NHÀ VĂN "LẦM-LIỆT"

MỖ (LÀNG VĂN)

Người ta còn nhớ, hồi tháng 7 năm 1990, các ông Đỗ Hữu Tài và Nhật Tiến xuất tiền ra in cuốn "Trăm hoa vẫn nở trên quê-hương" dày 800 trang, bao gồm bài viết của "27 tác-giả ngoài nước", hầu hết đều nức nở ca-tụng 79 nhà văn trong *cao-trào văn-ngệ phản-kháng* quốc-doanh trong nước, với đủ thứ tính-từ thậm xưng: *yêu nước, can-đảm, anh-hùng, lẫm-liệt*, v.v.

Trong số 79 khuôn mặt "lẫm-liệt" này có Dương Thu Hương, người được CSVN loan tin "bị bắt" hồi tháng 4.91 vừa qua.

Nhận được tin lớn này, các ông Khánh Trường, Vũ Huy Quang liền ra một cuốn "bach-thư", trong đó in bản kháng-thư mang 94 chữ ký (giả cũng như thật) can-thiệp cho họ Dương.

Tấn mẩn so lại danh-sách 94 tên người ghi dưới bản kháng-thư và "27 tác-giả ngoài nước" có bài trong cuốn *Trăm hoa vẫn nở*, Mỗ nhận thấy có nhiều "tác-giả" không ký vào bản kháng-thư, như Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Đức Lập,

Nguyễn Hưng Quốc, Đỗ Thái Nhiên, Thi Vũ, Christian Hoche, Hoàng Sử Mai, Nguyễn Trần Ngọc Thu, Phạm Trần,... Có vài người cũng đứng tên vào, nhưng chọn một bút-hiệu ít người biết nhất để ký. Lại có người đọc danh-sách ký trong bản kháng-thư, thấy có kẻ trùng tên mình, cũng phải nhờ các báo nói rõ về sự trùng tên đó. Thậm chí, những người chuyên in trộm sách VC để bán như ông *tiêm* sĩ Nguyễn Vũ cũng im như thóc, không thò bút ký vào.

Tại sao lại có hiện-tượng này? Tại sao khi "người ta" còn tự-do gào-thét thì ca-ngợi đủ điều, lúc "người ta" vào tù thì làm thỉnh không can-thiệp? Nếu Dương Thu Hương anh-hùng lẫm-liệt thực-sự chống đảng cứu nước thật, chắc mọi người không phải e-dè như vậy.

Phải chăng thời-gian một năm (từ tháng 4.90 tới 4.91) đã quá đủ để 9 (trong số 27) tác-giả có bài trong cuốn *Trăm hoa* nhìn ra cái rừng ngồn-ngang ấy cũng chỉ rất một loài hoa đỏ?

Hoặc giả trong số "27 tác-giả ngoài nước" ấy thực ra không tới 27 người, mà trong đó có người ký dăm ba bút-hiệu khác nhau, góp lại cho có vẻ đông người, nhiều bài để bịp độc-giả? Cho dù giải-thích cách nào đi nữa, người ta vẫn thấy tình-trạng loạc-choạc, lũng-cung giữa những con số không biết nói này!

Trở lại với con số "79 tác-giả trong nước" mà Đỗ Hữu Tài đã vơ bèo nhặt tép, gom cả tên tuổi những ông trùm văn-ngệ như Trần Bạch Đằng, Trần Độ, Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Quang Sáng tương hết vào. Các quan văn nghệ lương to bút dài này im thin-thít khi Dương Thu Hương "bị bắt" đã đành; nhưng những người còn lại, các vị anh-hùng "lẫm-liệt" khác bây giờ ở đâu mà không lên tiếng, dù là chỉ lên tiếng xin-xỏ, thỉnh-cầu thượng-cấp nhẹ tay cho họ Dương?

Chả lẽ ngày trước các ông các bà này công-kích Nhà nước nhờ có lệnh Đảng, còn bây giờ thì chưa

nhận được tín-hiệu báo lên tiếng nên còn thủ khẩu như bình, ngồi im thín-thít?

Lạ thật, viết bài “đánh” cả chế-độ mới đáng sợ, chứ đáng kiến-nghị xin ân-xá cho đồng-nghiep, có gì mà phải sợ? Hay vì họ ở ngay trong nước, thuộc nằm lòng bài bản của Bác và Đảng nên sáng mắt hơn các đảng “giao-lưu” ở hải-ngoại. Họ không cần phải lên tiếng xin tha cho Dương Thu Hương, vì ai nấy đều biết tổng rằng bà cán-bộ này hiện đang nghỉ mát ở một nhà viết văn nào đó, Ba Bể hay Đà-lạt chẳng hạn, lên tiếng “can-thiệp” chỉ tổ làm trò cười cho con trẻ.

TIẾNG KÊU TRONG SA-MẠC

DƯƠNG THUƠNG NGÃ

Trên báo. Ngày Nay Houston số ra ngày 15.7 vừa qua, ký-giả lão-thành Nguyễn Tú đưa ra một lời kêu-gọi cảm-động. Trong bài “*Đội quân trong bóng tối, những người bị bỏ quên trong cuộc chiến chống Cộng ở Việt-nam*”, cụ gọi lại hình ảnh những chiến-sĩ điệp-viên tình-nguyên xâm-nhập vào đất địch. Đó là những thanh-niên lứa tuổi 22-30, thay vì chỉ cần thi-hành bốn-phận công-dân một cách bình-thường như mọi người, bằng cách gia-nhập địa-phương-quân, nghĩa-quân, bộ-binh, hay cùng lắm, nhảy dù, biệt-động-quân, thủy quân lục chiến,.. với lòng yêu nước cao-độ và sự quả cảm khác thường, họ đã xin vào các toán biệt-kích đặc-nhiệm, tình-nguyên ra Bắc hoạt-động giữa hậu-phương của địch. Công-tác của họ là theo dõi, thu-nhặt tin-tức quân-sự, phá-hoại ngầm và liên-lạc với các điệp-viên đã được cài sẵn trong vùng. Họ hoạt-động gần như đơn lẻ, bốn bên là địch-quân, không có

tiếp-liệu, không được yểm-trợ, không ai cứu-giúp, tải thương, thậm chí, lúc chết cũng không ai biết để gửi giấy báo tử về gia-đình.

Trong cuộc chiến, những người lính trẻ liều thân sống chết cho lý-tưởng tự-do này mới thực là những chiến-sĩ vô-danh, trong cái nghĩa tuyệt-đối của hai chữ “vô danh”: tên tuổi của họ rút gọn lại chỉ còn là một bí-số, dù chết hay sống.

Vậy mà họ bị bỏ quên, những điệp-viên thầm-lặng của chúng ta, những người thực-sự anh-hùng của dân-tộc. Khi bị địch bắt, họ không có đơn-vị, không có cấp-số để khai, không được ghi vào danh-sách tù-binh. Sau Hiệp-định 1973 và các đợt trao-đổi tù-binh, cho tới khi CS chiếm nốt miền Nam, họ vẫn tủi-nhục, ê-chề sống lây-lắt trong bàn tay tàn-bạo của CS.

Sau khi cuộc chiến-tranh xâm-lăng đã chấm-dứt, họ vẫn bị liệt vào hạng tù đặc-biệt, không có ngày về. CS giam-cầm, tra-tấn, hành-hạ, cách ly, theo dõi họ một cách cẩn-mật.

Ở hải-ngoại, cộng-đồng Việt-nam gần như đã quên mất họ. Người ta bận đua đòi những mốt chính-trị thời thượng, Mốt dân-chủ đa-nguyên. Mốt ca-ngợi những người bên kia chiến-tuyến. Người ta sắp quên, hoặc đã quên hẳn hình ảnh người tù, để sẵn-sàng vỗ tay hoan-hô cai ngục. Người ta không còn đếm-xỉa đến những đồng-đội vô-phúc nhất trong các lò cải-tạo, vì còn bận viết sách ca-ngợi hay ra kháng-thư “can-thiệp” cho cán-bộ quản-giáo...

Ôi những chiến-sĩ anh-hùng! Cộng-đồng hải-ngoại có thể quên họ, nhưng CS thì không bao giờ quên. Mười sáu năm sau ngày “chiến-thắng”, CSVN vẫn coi họ là một kẻ tử-thù, cần phải lột da, róc xương, tẩy-não. Hình ảnh họ vẫn được các nhà văn cộng-sản nhắc tới với một giọng căm-hờn, khinh-miệt.

Trong *Tiểu-thuyết vô-đề*, cuốn sách “phản-kháng” mới nhất, Dương Thu Hương vẫn tiếp-tục

đâm những nhát dao chí-tử vào thân-thể những người mà bà ta gọi là “lính thám-báo.”

Bằng ngòi bút thô-bạo của một người tốt-nghiệp trường viết văn cộng-sản, Dương Thu Hương “bắt” những người lính thám-báo VNCH cưỡng-hiếp, cắt vú, cắt cửa mình rồi hạ-sát những thiếu-nữ trong đội thanh-niên xung-phong mà họ bắt được.

Khi mô tả tù-binh thám-báo VNCH lọt vào tay bộ-đội, Dương Thu Hương “bắt” họ lọt tả toàn-vẹn sự khiếp-đảm, và “cường điệu” sự hèn-nhát của những con-vật-người, đặt vào mồm họ lối xưng-hô hèn-hạ không thực (như gọi bộ-đội bằng *ông* và xưng *con*).

Kẻ thắng trận tuy đã chiếm trọn cả một dải giang-sơn gấm-vóc, làm chủ toàn bộ tài-sản của nhân-dân và nắm trong tay những số-mệnh nhỏ-nhoi của con người, kể cả tù-binh, vẫn chưa đủ lửa căm-thù và tâm-trạng khao-khát giày-xéo cơ-thể và cân-não những người thua trận.

Những “anh-hùng bộ-đội vũ-trang” này cùm xích, đày-đọa thân-thể, và chà-đạp danh-dự, nhân-phẩm tù-binh, nhất là tù-binh thám-báo. Mười sáu năm dài, những người con của tổ-quốc, những thanh-niên sa-cơ thất-thế này vẫn chưa có được một phút ngẩng mặt làm người. Họ không có quyền sống và cũng không có quyền chết. Và đồng-đội của họ ở hải-ngoại, có nhiều người đang gián-tiếp lãng-nhục họ bằng thái-độ thỏa-hiệp với kẻ thù chung. Nào *Trăm hoa vẫn nở*, nào *Tiểu-thuyết vô-đề*, nào *giao-lưu văn-hóa*, nào *du-lịch Việt-nam*.

Cùng một người lính miền Nam khốn-khổ, ở đây có hai cách nhìn, hai lối diễn-tả, hai quan-niệm khác nhau. Tiếng kêu van “xin đừng quên họ” của cụ Nguyễn Tú nghe như những âm-vọng từ chốn xa-xôi nào, bị lấn-át giữa đô-thị ồn-ào hay lịm tắt trên sa-mạc hoang-vu!...

□

NHẬN ĐƯỢC, GIỚI-THIỆU



LÀNG XUA PHỐ CŨ II

Tuyển tập thơ, văn, nhạc và biên-khảo nhiều tác-giả, do Hoài Việt, Từ Nguyên và Hồ Trọng Khôi chủ-trương, Việt Bình xuất-bản.

Phần truyện ngắn, tùy bút, biên-khảo của Nguyễn Điều, Ngọc Dạ Lý Hương, Đinh Tiêu, Thiện Thành, Hoài Việt, Thanh Phương, Quán Thụy Hoài, Viễn Chi, Từ Nguyên, Huyền Thanh Lữ, Phương Oanh, Trần Sĩ Lâm.

Sách dày 370 trang, giá 18 mỹ-kim, 23 gia-kim, liên-lạc: Làng Văn.

LE MANGER ET LE BOIRE VIETNAMIENS A TRAVERS LA LITERATURE POPULAIRE

Biên-khảo của cố BS Nguyễn Đình Cát (1916-1987), do Hội Y-sĩ VN tại Gia-nã-đại ấn-hành, 134 trang in đẹp, giá 15 gia-kim.

Liên-lạc: Hội Y-sĩ VN tại Gia-nã-đại, 5851 Viau, Montréal, Québec H1T 2Y2, Canada.

DANH SÁCH Y SĨ VN TRÊN THẾ GIỚI TỰ DO

Niên-biểu Y-sĩ VN sinh sống tại các nước tự-do, bản cập-nhật 1991, Hội Y-sĩ VN tại Gia-nã-đại ấn-hành, gồm danh-chỉ các hội Y-sĩ VN, danh-chỉ y-sĩ VN xếp theo tên họ và địa-chỉ, xếp theo họ tên và địa-chỉ, xếp theo địa-phương, danh-biểu luận-án tiến-sĩ y-khoa (Đại-học Y-khoa Hà-nội và Sài-gòn) cùng phụ-lục các địa-chỉ thất-lạc.

Sách dày 328 trang in đẹp, giá 15 gia-kim. Liên-lạc địa-chỉ trên.

THƠ TAGORE

Gồm ba tập *Lời dâng*, *Tâm tình hiến dâng* và *Tặng-vật*, thơ Rabindranath Tagore, Đỗ Khánh Hoan dịch, An Tiêm tái-bản tại hải-ngoại với bản chữ mới và bản-thảo có sửa-chữa của dịch-giả.

Thơ Tagore hồn-nhiên và giản-dị, tư-tưởng Tagore cao-rộng, tâm-tình Tagore bén-nhạy và trong-sáng. Ở đây, chúng ta có thêm bản dịch bằng thơ xuôi của Đỗ Khánh Hoan, một người không chủ ý làm thơ, nhưng viết ra thơ.

Sách dày 166 trang, giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.



nhắn tin tị-nạn

(lệ-phí: 10 mỹ kim; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại)

Em **PHẠM THỊ PHƯỚC** cùng hai con **VIỆT**, **NAM** hiện ở đâu, liên-lạc với anh chị **CẢNH**, **MAI**, rất mong tin em. Quý vị ân-nhân nào biết tin em Phước, xin vui lòng nhắn giúp, chúng tôi vô cùng cảm tạ. **PHẠM THỊ MAI**, 24 Bunting Dr., Brampton, Ontario L6Y 2H5, ĐT: (416) 451-6535.



Cựu trung-úy, kỹ-sư **TẠ HUY SÁNG**, trước 75 dạy ở Võ-bị QG Đà-lạt, hiện ở Canada, xin liên-lạc

bạn cũ là **LÊ VĂN SƠN**, 9215 Bellwood Ln., #365A Houston, TX 77036, USA.

NGÔ VĂN CHÂU, em của trưởng Hướng-đạo **NGÔ VĂN RỒ**, trước ở Tây-ninh, qua Mỹ năm 1982 rồi bắt tin luôn. Liên-lạc về gia-đình, hoặc trưởng **PHẠM VĂN KHẨM**, D-27 ấp Thái-chánh, đường Trần Hưng Đạo, Tây-ninh, Việt-nam.

Tìm Di Dượng **HUỲNH VĂN HẢI**, cựu Đại-úy Phó Trưởng ty Cảnh-sát quận 8, trước 1975 ở đường Dương Bá Trạc, quận 8 Sài-gòn, vợ là Nguyễn Thị Lan Phụng, đi cùng 6 con, định-cư tại Hoa-kỳ. Tìm bạn **MAI VĂN VŨNG**, **MAI VĂN DŨ** định-cư tại Hoa-kỳ, con ông Mười Sim (An-thạch I, Hậu-giang) và **MAI VĂN PHỤC** định-cư tại Gia-nã-đại, con ông Mười Hạnh (An-thạch II, Long-phú, Hậu-giang). Tìm chị nuôi **NGUYỄN THỊ THU** tự Bé, chồng tên Quới, hiện định-cư tại Úc-đại-lợi; **NGUYỄN THỊ HẠNH** định-cư tại Hoa-kỳ, con ông Nguyễn Trọng Sáu tự sáu Bắc (Cư-xá Bình-minh, quận 8 Sài-gòn). Được tin này xin liên-lạc: **CAO THẾ ĐỨC**, MC: 495001, Sungei Besi Camp, MRCS/TMS, P.O.Box 12468, Kuala Lumpur 50778, Malaysia.

Tìm cậu **TRỊNH VĂN THOAN** trước ở #206 2441 Countess St., Clean Brook, BC V2T 4G3, Canada, lâu nay chị em cháu không được tin cậu, không biết cậu hiện giờ ở đâu, xin cậu liên-lạc cháu **VŨ KIỀU TUẤN ANH**, MC: 364.050; ID: 160.597, Sungei Besi Camp, MRCS/TMS, P.O.Box 12468, Kuala Lumpur 50778, Malaysia.

Tìm bà **ĐOÀN BẠCH YẾN**, vợ cố trung-úy Vũ Việt Hồng, trước phục-vụ tại tiểu-khu Biên Hòa, cùng 3 con rời Việt-nam tháng 12.1989, xin liên-lạc **VŨ ĐÌNH CHUÔNG**, 49 Taylor, Apt. 106, Chatham, Ontario N7L 2T4, Canada.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH. rẻ . nhiều quyền-lợi khác

1. — Mua báo dài hạn:

Độc-giả mua báo dài hạn nhận được báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, buru, chi-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại trả bằng gia-kim.

Độc-giả tại Hoa-kỳ trả bằng mỹ-kim.

Độc-giả ở các nước khác xin gửi bằng bưu-phiếu (mandat; postal money order mua tại bưu-điện, trả bằng gia-kim) hoặc ngân-phiếu quốc-tế (international money-order, trả bằng mỹ-kim). Muốn trả bằng chi-phiếu tiền địa-phương, xin để tên người đại-diện *Làng Văn* tại địa-phương và gửi về địa-chỉ liên-hệ. Trong trường-hợp này, xin theo giá báo đã tính ra tiền địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả số Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại.... 40 gia-kim, thêm \$2.8 GST

Hoa-kỳ:..... đường bộ 45 mỹ-kim/máy bay 50 mỹ-kim

Các nước khác:..... đường thủy 45 mỹ-kim (hoặc 54 gia-kim)

máy bay: 75 mỹ-kim (hoặc 90 gia-kim)

Nếu trả bằng tiền địa-phương, gửi về các văn-phòng *Làng Văn* tại địa-phương, xin theo giá sau (số đầu là giá báo đường thủy, số sau là giá báo máy bay): Đức 80/130 Đức mã: Hòa-lan 90/150 gulden; Nhật 7 000/12 000 yen; Pháp 270/450 quan; Úc 65/110 úc kim.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên khoảng từ 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) tới 8 tuần (đường thủy, bộ) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu không nhận được báo, xin cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả dài hạn sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu nhãn địa-chỉ ngoài phong bì gửi báo, xin quý vị cắt nhãn này để dành, khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, gia-hạn báo, mua sách, đổi địa-chỉ, v.v.) xin gửi kèm để tránh nhầm-lẫn. Mã-số này gồm hai nhóm số: nhóm số thứ nhất là mã-số độc-giả, không bao giờ thay-đổi; nhóm số thứ hai là hạn báo của quý vị. Thí-dụ: 4536-100. Quý Độc-giả mới, hoặc độc-giả cũ vừa tái hạn, xin vui lòng kiểm-soát nhóm số này và thông-báo ngay cho tòa-soạn mọi sự sai sót, nếu có.

2. — Đổi địa-chỉ:

Mỗi khi đổi địa-chỉ, xin báo ngay cho tòa-soạn để tránh mất báo. Tòa-soạn không gửi bù các số bị trả về. Khi báo địa-chỉ mới, xin cho biết mã-số độc-giả, hoặc ít nhất, phải có địa-chỉ cũ.

3. — Mua báo cũ:

Giá báo cũ bằng giá báo hiện hành.

Bạn đọc muốn mua từ số 1, xin gửi tiền cho 8 năm báo. Tòa-soạn sẽ gửi một lúc từ số 1 cho tới số mới nhất, sau đó sẽ gửi hàng tháng cho đến khi hết hạn.

4. — Bài đăng báo:

Bài gửi cho *Làng Văn* xin đừng gửi cho báo khác và ngược lại. Ngoại trừ tin-tức và một số vấn-đề có tính-cách khẩn-cấp hay đấu-tranh, tòa-soạn không đăng bài trùng. Bài gửi đăng xin đánh máy, hoặc chép tay thật rõ-ràng. Bài không đăng không trả lại dù có kèm tem. Quý vị có bài đăng báo sẽ nhận được báo biểu, nhuận bút hay quà văn-ngệ, tùy mức độ đóng-góp.

5. — Quảng-cáo:

Có hai loại quảng-cáo trên *Làng Văn*: quảng-cáo quốc-tế (đi khắp nơi, kể cả Toronto) và quảng-cáo địa-phương (Toronto). Giá biểu áp-dụng chung cho quảng-cáo và chúc tụng cá nhân (chúc mừng, chia buồn, cáo-phó,...) trên ấn-bản quốc-tế như sau: 1 trang 200\$; 1/2 trang 110\$; 1/4 trang (tối-thiểu): 60\$. Các cơ-sở ngoài Toronto, xin gửi chi-phiếu kèm theo mẫu quảng-cáo. Tòa-soạn sẽ gửi tặng tờ báo có đăng mẫu quảng-cáo hay chúc tụng.

6. — Bản quyền:

Tất cả bài vở, tranh ảnh, quảng-cáo đăng trên *Làng Văn* thuộc quyền sở-hữu của *Làng Văn of Canada Inc.* Quyền này đã được đăng bạ đương-nhiên tại Thư-Viện Quốc-Gia Gia-nã-đại, Hội Bảo-Vệ Tác-Quyền Hoa-Kỳ và Tổ-Chức Đăng-Bộ Tác-Quyền Quốc-Tế (ICPA). Muốn trích đăng, xin liên-lạc: trước với tòa-soạn *Làng Văn* và phải được thỏa-thuận bằng thư.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, chữ lót, tên:

Địa-chỉ:

Mua.....năm, từ số.....kèm chi-phiếu.....

Chi-phiếu xin đề: "*Làng Văn*", địa-chỉ ở trang 1

(Dùng chi-phiếu: gửi thư thường. Tiền mặt: xin gửi bảo-đảm).

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:

để tặng cho:

Địa-chỉ:

Xin ghi: "Do.....tặng"

Kèm theo đây là chi-phiếu:.....\$, đề và gửi: "*Làng Văn*"

VĂN-PHÒNG "LÀNG VĂN" ĐỊA-PHƯƠNG:

VP "LÀNG VĂN" ÂU CHÂU:

Association Culturelle Loi 1901 · Đại-diện tại Anh-quốc:

Làng Văn (Village Littéraire):

Bạch Thái Hà

7 B-1 rue de Rethondes

95100 Argenteuil, France

ĐT: 34-10-26-46

Đại-diện tại Đức-quốc:

Ngô Việt Dũng

Postfach 104122

4600 Dortmund 1

Germany

ĐT: 656-949

Đại-diện tại Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến

Lijster 77

1628 Am-Hoorn-NH

Holland

ĐT: 02290-31666

Hoài Châu

19 Abdale Rd.

London W12 7ER

England

VP "LÀNG VĂN" ÚC-CHÂU:

Ngọc Hân

P.O. Box 231

Villawood, NSW 2163

Australia

ĐT: (02) 726-8269

VP LÀNG VĂN Á CHÂU:

Đỗ Thông Minh

T 140 Tokyo-To

Shinagawa-Ku

Yashio 5-12-69-115

Japan

ĐT: (03) 799-1763

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

TRÊN ẤN-BẢN CANADA:

Bìa sau (hai màu):..... 300.00 gia-kim.

Bìa trong (trước, hoặc sau):..... 200.00 gia-kim

Trang-trong:.....120.00 gia-kim

Nửa trang:..... 80.00 gia-kim

1/3 trang:..... 60.00 gia-kim

1/4 trang:..... 40.00 gia-kim

1/8 trang:..... 25.00 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN CÓ GIÁ ĐẶC-BIỆT

TRÊN ẤN BẢN QUỐC-TẾ (GỒM CẢ CANADA)

Nguyên trang trong:..... 200 mỹ-kim

Nửa-trang:..... 110 mỹ-kim

1/4 trang (tối-thiểu):..... 60 mỹ-kim

Thư Đi Tin Lại

Nguyễn Hương phụ-trách



Anh PHÙNG NHÂN, Úc.—Đã gửi "15 truyện ngắn giải VHNT" cho anh, có lẽ sắp tới. Thân.

Anh NGUYỄN VĂN THÍN, Hương-cảng.—Anh chờ lâu, bức-dọc than "*Làng Văn... gia-đình trị*" là hỏng rồi! Làng ta không "gia-đình trị" mà cũng không "đảng trị." Cái khó của làng là đất hẹp (120 trang bài) mà người đông (còn khoảng 300 bài sẽ đăng) nên việc sắp-xếp đôi khi chậm chạp, nhất là thơ.

Về báo, tòa-soạn đã thử gửi nhiều lần cho các anh chị ở Hương-cảng, nhưng đều bị trả về. Cách duy nhất để phổ-biến vào các trại Hương cảng, đều do Thạch Văn và Trần Thìn cùng các cộng-sự-viên bên ấy chuyển lên vào, rất khó, nhưng vẫn phải làm và làm được. Sẽ gia tăng lượng báo gửi vào trại, khi có thêm tiền tem. Kính.

Nhà văn DIỆU TẦN, San Jose.—Đã nhận được bài mới. Lâu nay đọc báo nào cũng thấy bài của ông, người miền biển Monterey sáng-tác khỏe thật! Kính.

VÕ THỊ KIM THOA, Úc-đại-lợi.—Báo của bà đã gửi cùng lúc với báo bà gửi tặng hai người bạn. NH dò lại địa chỉ, vẫn đúng. Xin chờ thêm ít lâu. Kính.

Anh PHẠM VĂN CƯƠNG, Mã-lai.—Sẽ theo cách gửi ấy, gửi thêm báo cho anh và đồng bào đọc. Kỳ đầu gửi 10, tới được 6 là hay rồi. Kính.

Anh PHAN KHƯƠNG THÁI, Đức.—NH thỉnh thoảng vẫn chơi ô chữ của anh trên *Măng non* (cắm cươi), vui lắm. Muốn in sách thiếu

nhì, phải gõ cửa nhà Ngô công tử; còn muốn góp bài cho *Xóm Măng* thì cứ gửi về làng. Thân.

Anh VŨ THÁI HÒA, Pháp.—Đã gửi thêm một ít báo Xuân để anh tùy nghi. Xin tiếp-tế thêm tranh đen trắng, khan rồi. Thân.

Anh HỒ CÔNG TÂM, MA.—Cảm ơn anh về lời khích-lệ. Bếp đã phổ-biến 2 (trong 3) bài thơ chưa của anh qua bản tin hàng tuần của làng, gửi cho 220 tờ báo tại hải-ngoại. Phen này mưa át-xít sẽ tưới ướt cả trái đất cho xem. Còn cái nhà ông Tang Hải chương môn ấy, NH xin anh tạm tha, chờ khi nào người ta lại lên tiếng lèm-bèm, sẽ "quai" sau. Đã nhận được tập bản thảo thơ HCT. Lại cảm ơn anh.

THIÊN MẠC, Ottawa.—Việc không đăng trùng bài đã thành cái lệ của làng báo. Độc-giả bỏ tiền ra mua báo không phải để đọc lại một bài đã đọc rồi, dù là bài đó hay đến thế nào đi nữa. Đối với một cuốn phim hay, anh có thể xem đi xem lại nhiều lần ở nhiều rạp khác nhau; nhưng với một bài báo hay đã có sẵn trong tay, anh không cần phải bỏ tiền ra đi mua thêm một tờ báo khác để đọc lại chính bài đó. NH thỉnh thoảng vẫn nhận được thư độc giả cầu nhau nhức xương vì tòa soạn vô tình đăng trùng bài, nghĩ lại hãy còn "ê óc", không muốn chuyện đó lặp đi lặp lại mãi.

NGỌC DUY, Durham.—Mừng Ngọc Duy có đại tác-phẩm đầu tay (cậu Jeremy Duy Lại, nặng 7 pounds 10 ounce). Gửi cho em cái đĩa chữ Việt, để em nghịch cho vui. Thân.

Anh NGUYỄN TẤN HUNG,

Salem.—Không phải làng hời đó *thịnh* dữ, mà vì Bếp chọn bài càng ngày càng gắt. Thí-dụ hồi đó ông Trùm chưa thành danh, chữ nghĩa có thể "xinh-xái" cân non. Bây giờ ông Trùm đã thành "*trùm*" rồi, phải lấy cái "khuôn" nhà văn mà đo, khó "dàng trời" chớ bộ giỡn sao!

Tờ báo cũng vậy, năm ba năm trước làm báo cho hải-ngoại đóng cửa đọc với nhau, xuề xòa một chút cũng được; bây giờ báo gửi về nước, đấu với cả nước, đâu có lỗi thôi được. Châm ngôn của làng là "phẩm hơn danh". Bếp chọn đăng theo giá-trị mỗi bài, không theo tên tuổi. Nếu phải chọn giữa một bài xuất sắc của một người chưa có tên tuổi và một bài "phóng bút" của một tác giả thành danh, NH thà chọn cái trước. Ông Trùm... sợ chưa?

Nhà Đại Nam cho biết đang in cuốn *Một kỷ niệm đẹp* và Viên Giác in *Một lần xuống núi*, tất cả đều của ông Trùm. Oai há! NH nghĩ là từ nay văn giới đã có thể gọi anh là ông "Trùm Một" được rồi đó: tựa sách nào cũng bắt đầu bằng chữ "một": *Một đời để học, Một chuyến ra khơi, Một thuở làm Trùm, Một kỷ niệm đẹp, Một lần xuống núi...*

Anh VŨ PHÁI, Durham.—Đã chuyển bưu-thiếp cho anh Trần Văn Nhã, mong anh sớm bắt được liên-lạc với bạn cũ. Kính.

Cô VŨ THỊ MINH-NHÃ, Shatin.—Đã nhận được các bài thơ, cảm ơn cô, xin tiếp-tục.

Anh LUÂN HOÁN, Montréal. Nhân dịp người ảnh LQX ghé Toronto, hỏi ra mới biết các anh bị cánh đội ...dép râu chơi xỏ, ghép đại tên vào cái bản kháng thư nhập nhằng phong thánh nhà văn nón cối. Kể ra thì bậy thật! Thôi thì năm xui tháng hạn, bị... liếm mặt vậy mà. Thân.

Bà THI NGUYỄN, TX.—Hai câu thơ ấy của Quang Dũng. Nếu ông xã của bà nhất-định cái là của Thâm Tâm, chắc là ông ấy đùa cho

vui, chứ trong *thâm-tâm* cũng biết là thơ Quang Dũng! Theo yêu cầu, xin ghi lại trọn bài thơ như sau:

ĐÔI BỜ

*Thương nhớ ở hồ thương nhớ ai
Sông xa từng lớp lớp mưa dài
Mắt kia em có sầu cô quạnh
Khi chớm thu về một sớm mai.*

*Rét mướt mùa sau chùng sắp ngự
Kính thành em có nhớ bên kia
Giăng giăng mưa bụi quanh phòng tuyến
Hiu-hắt chiều sông lạnh đất tề.*

*Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ
Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ.*

*Xa lắc rồi em người mỗi ngả
Bên này đất nước nhớ thương nhau
Em đi áo mỏng buồn hờn tủi
Dòng lệ thơ ngây có dạt-dào.*

Quang Dũng

Bài thơ này có lẽ về sau tác giả phải "khai tử" nó theo lệnh đảng, nên không thấy in lại tập *Mây đầu ô* (nxb Tác-phẩm mới, hội Nhà văn VN, 1986).

Anh ĐAN HÀ, Thái-lan.—Gửi tặng anh cuốn sách, đọc cho qua ngày, mong tới tay anh. Anh chúc Bếp Mập ngày càng thêm mập thì... hại quá. Càng mập càng lười. Anh có muốn 5 tuần đọc báo một lần thì cứ việc chúc ngược đời. Kính.

TRẦN HUY PHƯƠNG, San Jose.—Đã chuyển thư cho LHD. Nghe nói người thơ ấy dạo này say sóng triền miên, mấy tháng mới vào bờ một lần. Thân.

PHÙ-LUU LÃO THÁI.—“Không hiểu rõ thì không ký”, lão thái thái cần-trọng như vậy là quý rồi. Lỡ tay làm vỡ ...sơn hà lần nữa, mai mốt chết xuống mồ làm sao dám nhìn mặt tổ tiên!

Ông LÊ PHỤNG, PQ.—Ông có thể nhờ người quen ở Cali mua đĩa chữ Việt của VN-Lab, rất tiện

dụng. Kính.

NGUYỄN THỊ LIÊN HUƠNG, Nhật-bản.—Đã gửi sách và báo. Gửi chậm vì bưu phiếu đến chậm; phần thì thư đi riêng, bưu phiếu tới riêng, phải đợi cả hai tới đủ rồi mới “ráp-nối” xem tiền của ai và sách của ai, và gửi. Thêm cái nạn đường tàu chậm chạp, sách tới tay LH thì đã hơn... nửa năm, báo hại cô bạn chờ mỏi cả cổ, thật tội!

Lần sau viết thư, LH chịu khó thay chữ “of” lạc lõng trong văn Việt, thành chữ “của” nha, NH sẽ cảm ơn hết mình! Thân.

Bạn NGOC HÀ, Regina.—Đã nhận và đang đọc, có hứng làm thơ thì cứ gửi, đăng được hay gửi đi recycle (như bạn bảo) đều có lợi, thì viết mạnh lên chứ, sợ gì!

Bà PHẠM THỊ NGUYỆT, VA.—Đã gửi bù tờ báo bị vướng lại đầu đó. Thành thực tạ lỗi (giùm ông bưu-điện). Kính.

Ông LẠI VĂN PHẠM, tổng giám-đốc công-ty Kevine, Canada: Xin liên lạc toà soạn nhận thư nhờ chuyển.

Ông NGUYỄN HUY PHƯỚC, Mã-lai.—Đã nhận được hai bài thơ “chuyển lửa”, cảm ơn ông, xin tiếp-tục. Kính.

MI-MI, VA.—Làm thơ xong, đọc lại, cảm thấy thơ mình còn non, tức là thi-sĩ đã “già” hơn một chút rồi đó. Cứ tiếp-tục.

Cụ LÃNG NHÂN, London.—Toà soạn đã nhận được mấy trang bổ chính, xin cụ an tâm. Kính.

Bạn TRẦN ĐÌNH THƯƠNG, Providence.—Hai câu thơ bạn hỏi nằm trong bài *Hành phương Nam* của Nguyễn Bính. Riêng *Tình quê-hương*, có 4 bài của bốn tác giả khác nhau, bạn muốn hỏi bài nào, xin ghi lại một vài câu còn nhớ.

Lần sau gửi thư, xin xếp làm ba hay làm tư là đủ. Cái thư xếp thành hình con chim của bạn hại NH mở đúng một phút mới xong, suýt tí nữa nó đã phóng mình bay bổng

qua cửa sổ...

Anh VŨ NAM, Đức.—“Thông cảm” thì thông cảm lắm, nhất là nêu tới lý do kinh tế thì không *thông* cũng phải *thông* mà! Mừng anh sắp có sách mới. Sẽ liên lạc với VG để trao đổi. Kính.

Ông ĐỒ MÂY GIÓ, CT.—Hóa ra ông đồ bác du có một mình, tội nghiệp há! Đã được đọc thơ của ông đồ ở khắp các báo, đề tặng đủ các bà, âu cũng là thuận lẽ trời đất. Vẫn tạm gửi báo về Cali, cho đến khi ông đồ chấm dứt tình trạng ...vô gia cư. Kính.

Anh NGÔ VĂN NGHỆ TRÈ, Đức.—Nhắm khi nào ViDi cư mang hết nổi, ới lên tiếng nữa để còn kịp lo thủ tục đón tiếp đại giá. Đã nhận được tiền sách. Thân.

VIỆT PHƯƠNG, Texas.—Tội chưa, chịu khó lặn lội tới tận quận 13 Paris tìm báo mới, không có xụ mặt ra về! Bao giờ mới trở lại vùng đại mạc? Thân.

Ông MAI THÌN CHUNG, Toronto.—Đã gửi Thư-mục 1991 và bản cập-nhật tới ông. Mua trên 500 gia-kim một lần, được bớt 25%, nếu đến lấy sách tại toà-soạn, được bớt thêm một món tương-đương với cước-phí gửi sách (chỉ khoảng 10\$, vì là cước-phí địa-phương). Kính.

Anh HUỖNH MẠNH TÙNG, Mã-lai.—Sẽ gửi báo cho anh. Chúc nhiều may mắn.

Anh NGUYỄN MẠNH DẠN, Mã-lai.—Đã nhận được thư nói thêm về vụ “vạ tin.” Sẽ căn cứ theo tin của anh và THS làm chính. Mong tình hình sinh-hoạt ở Sungei Besi sẽ chóng ổn định và qui củ như Bidong. Đã nhận được cái truyện và bài viết về thơ NHN, đang đọc. Kính.

Ông ĐÌNH HUỖNH, Cali.—Đã nhận được bức thư của Dân-biểu Wally Herger, cảm ơn ông. Kính.

Bà HUỆ THU, Sunnyvale.— Nghe đồn nhà bà có nhiều gốc *bonsai* “chiềng” lắm, nhất-định là phải ghé rồi! Cảm ơn về các bài thơ, xin theo dõi cột bài sẽ đăng. Kính.

Thi-sĩ TRẦN THIỆP HIỆP, WA.—Đang chờ đọc *mặt trời lưu-vong* xem... nóng đến cỡ nào!

Mấy lần trước không nhận tin trên báo, vì Bếp giành viết thư riêng. Bếp thì vừa bận vừa bận, cái món thư riêng này có khi tới 5, 6 tháng mới dọn ra thì mọi chuyện đã trễ tràng. Su-ca không giận là may rồi, lời an ủi ấy NH không dám lãnh. Kính.

Anh LÊ QUANG XUÂN, Montréal.—Xem lại cái danh-sách anh nhờ phân-ưu, NH xin phép không đứng chung với 3 người anh em cũ, nay đã chạy sang về phía đối-phương. Thà mang tiếng “quá-khích cực-đoan”, để chịu hơn việc giao-du với những kẻ nhập-nhằng. Xin tạ lỗi, và NH tin rằng anh cũng

thấu hiểu cho chuyện đó. Kính.

Ông HOÀI CHÂU, London.— Hiện nay Gia-nã-đại chưa công-nhận tín-chỉ Việt-ngữ. Tiếng Việt chỉ được giảng dạy ở một số trường tiểu-học mà thôi.

Trong chuyến Mỹ-du, có dịp xin mời ông bà ghé qua làng. Kính.

Anh TRẦN NGUYỄN HÃN, Bidong.—Anh cứ viết thư bằng *aerogram* cũng được, hoàn-cảnh khó khăn, không nên bày vẽ! NH không phải là bí-thư của ông Hoàng trong chuyện Z-28, cũng như anh không phải là ông tướng Trần Nguyên Hãn đời Lê vậy mà. Kính.

Anh TRẦN HÒA NHÃ, Mã-lai.—Rất thú-vị về chuyện anh kể “viết 6 trang thư đánh phủ đầu vịt.”

Nếu còn giữ, xin gửi cho NH xem “kê” 4 trang thư “chống-chế trật chia” ấy!

Mừng anh thoát lưới thanh lọc, và sắp sửa sang xứ con chuột có túi

mà định cư. Vùng Queensland, Bếp đã tới ba lần, đồng-bào bên ấy rất tích-cực. Kính.

Anh LẠI THẾ PHONG, Đức.—Đã gửi sách. Tờ báo anh hỏi đã thay ngôi đối chủ mấy phen, hiện nay cả hồn lẫn xác đều lạ hoắc, rất tiếc!

Nhà văn TRẦN LONG HỒ, VA.—Mừng nhà Minh Văn đã ra mắt ấn-phẩm đầu tay. Sẽ lấy sách qua nhà Alpha (nếu anh có giao cho Alpha). Thân.

Anh ĐỖ THÔNG-MINH, Nhật-bản.—Đã tăng số gửi. Ai đoán trước được rằng đồng-bào bên ấy lại “thương” tờ báo gấp đôi lên như vậy. Thân.

Anh VŨ ĐÌNH KH., Vancouver. Đã gửi bản chiết-tính cho anh về việc nhờ *Làng Văn* xuất-bản và phát-hành. Kính.



TẬP SÁCH ẢNH
QUÊ-HƯƠNG
XỨNG-ĐÁNG
TRONG MỌI
TỦ SÁCH
GIA-ĐÌNH:

VIỆTNAM
quê hương
muôn thuở

của Nhiếp-ảnh-gia
TRẦN CAO-LĨNH

Dải giang-sơn gấm-vóc của quê-hương Việt-nam yêu-dấu,

đã được tôn-vinh qua nghệ-thuật nhiếp-ảnh của một con tim và khoé nhìn đặc-thù Việt-nam,

đã gửi gắm sâu-đậm trong 9 chương ngợi ca đất tổ ba miền, với phong-cảnh, di-tích, đời sống và con người VN.

212 trang khổ lớn, 3 thứ tiếng Việt, Anh, Pháp và 118 tác-phẩm nhiếp-ảnh nghệ-thuật, màu và đen trắng, in trên giấy thượng hạng, đóng chĩ, bìa dày.

Giá: 40 mỹ-kim (50 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

(Độc-giả dài hạn có mã-số được bớt 10% như lệ làng).

Anh ĐÔNG NGHI, PQ.—Rán học mà đi thi, đừng đọc báo, đừng làm thơ vài tháng, NH bảo đảm không có... chết đâu. Thân.

HOÀNG DU THUY, Edmon-
ton.—Có ngừng cánh ở Toronto,
cứ gọi. Đã nhận được truyện mới.
Thân.

Bà PHẠM THỊ NHUNG,
Paris.—Đang chờ đọc bài về VHC
của bà. Mong “ráp” kịp vào Văn Xã
4. Kính.

Ông TRẦN VĂN THÀNH.—
Bốn chữ ông hỏi là *Cửu huyền thất*
tổ, có bán ở các tiệm văn-hóa-phẩm
/ tặng-phẩm của người Tàu. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

VĂN: Phạm thị Nhung, Hoàng
Du Thuy, Lê thị Thẩm Vân, Phạm
Quang Ngọc, Tô Kiều Phương (2),
Ngô Nguyên Dũng, Diệu Tần (2),
Lăng Nhân, Nguyễn Mạnh An
Dân, Trần văn Tích, Cao Xuân Lý,
Thái văn Kiểm, Bùi Tinh, Đỗ

Thông Minh.

THƠ: Mi mi (2), Đan Hà (6),
Mãn Địa Hà Nhân, Vũ thị Minh
Nhã (2), Nguyễn văn Ngọc (4),
Nguyễn Huy Phước, Khắc Quý (3),
Ngữ An (7), Phạm văn Cương (3),
Minh Trí (7), Trần Văn Lệ (3), Trần
thị Bạch Vân (15), Trần Hoà Nhã
(2), Huệ Thu (5), Phạm Quang
Ngọc (2), Trần Thiện Hiệp, Luân
Hoán, Lê Thụy Vi (2), Lê Huỳnh
(2), Vạn Giả, Nguyễn văn Thuyết
(2), Nguyễn Thanh Giản (4),
Nguyễn thị Thoi (2), Trần văn Xốp,
Nguyễn Xuân Lê, Đông Vũ (4),
Vân Nương, Lê Phương Đông,
Tương Huyền, Kinh Tân, Thúy
Sơn.

TRANH: Vũ Thái Hoà, Ba Bui,
Vệt.

BÀI SẼ ĐĂNG

VĂN: Từ (TVT), Tóc bạc gắm
mây sầu xã tắc (TVK), Cơn sốt lên
trời (NND), Chị Thúy (HDT),
Ngày về (CXL), Vĩnh biệt tình em

(BT), Gửi hương cho gió (NTTV),
Ba mũi giáp công, Những viên hồng
ngọc (DT), Tản mạn về văn hoá văn
nghệ... (TKP), Công nương Ngọc
Vạn và Ngọc Khoa (LN), Tóc chị
Hoài (PQN), Làm ăn (NMAD).

THƠ: Ca dao Huệ Thu, Chiều
tan cuộc rượu (HT), Trả lời anh
vớ, Còn đó Đường thi, Mưa đêm
(TVL), Bạch hạc qui sào (KT),
Thông điệp (VN), Tai ương (VG),
Yêu (LH), Tôi ngả nón chào
(TTH), Khi tôi chết (PQN), Bài thơ
cho bạn..., Mùa xuân ơi..., Xuân vô
lượng, Thề, Về chào tiếng lạ, Tình
ơi (NA), Ở một nơi, Nghìn thu,
Thư gửi một người bạn, Về đâu
cũng vậy... (ĐV), Phù hoa, Lau kỳ
(TS), Rời mùa thu..., Cửa một thời
đã mất (LTV), Thông điệp nổi lửa
(NHP), Đông đưa nhịp võng, ba
bài lục bát (NVN), Nổi dậy (PVC),
Quạnh hiu, Trường giang sầu,
Phấn bụi hồng, Chia xa, (TTBV)

TRANH: Vũ Thái Hoà, Ba Bui,
Vệt.

PHÂN-ƯU

Nhận được tin

CỤ VỖ VĂN ĐỒ

nhạc-phụ của:

- BS Nguyễn Mạnh Khải (Winnipeg)
- BS Trần Văn Dũng (Montréal)

Vừa từ-trần tại Sài-gòn ngày 8.6.1991, hưởng
thọ 69 tuổi,

Xin thành-kính phân-ưu cùng tang-quyển

ÔB Nguyễn Ngọc Ngạn

Cuốn sách đã được đọc già chờ
đợi từ lâu.

Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẢN

của Trần Long Hồ



Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường,
tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và
Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quý vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng
hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là \$10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ
là \$12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

GIẢI VĂN-HỌC NGHỆ-THUẬT LÀNG VĂN 1991

Nhằm mục-đích đẩy mạnh phong-trào sáng-tác bằng Việt-văn, tạo cơ-hội cho những cây bút mới có dịp đóng-góp cho nền văn-học Việt-nam hiện-đại, hàng năm, tạp-chí *Làng Văn* tổ-chức giải Văn-Học Nghệ-Thuật. Giải này mở rộng cho các cây bút sáng-tác bằng Việt-văn, không phân-biệt quốc-tịch, tuổi-tác, đã viết từ lâu hay mới bắt đầu viết, có hay chưa có tác-phẩm xuất-bản.

Giải Văn-Học Nghệ-Thuật Làng Văn 1991 gồm hai bộ môn: truyện ngắn và thơ. Mỗi môn đều có các giải nhất, nhì, ba và nhiều giải khuyến-khích.

Thành-phần ban giám-khảo gồm:

* Văn:

- Võ Phiến
- Nguyễn Ngọc Ngạn
- Hồ Trường An
- Mai Kim Ngọc
- Tòa-soạn *Làng Văn*

* Thơ:

- Cao Tiều
- Đỗ Quý Toàn
- Vi Khuê
- Nguyễn Hưng Quốc
- Tòa-soạn *Làng Văn*.

THỂ-LỆ DỰ THI:

- Bài đánh máy trên một mặt giấy, *photocopy* ra 5 bản. Trong trường-hợp bất-khả-kháng, có thể viết tay thật rõ ràng trên hai mặt giấy, không cần *photocopy*.

- Bài dự thi không đề tên tác-giả. Tên, bút hiệu (nếu có), địa-chỉ cùng danh-sách các bài dự thi xin ghi trong một phong-bì dán kín gửi kèm theo bài.

- Một người có thể dự thi cả hai môn.

- Mỗi tác-giả được quyền gửi tối-đa 3 truyện ngắn, 3 bài thơ.

- Truyện ngắn không nên quá 40 trang đánh máy (80 trang viết tay). Thơ: không hạn-định số câu.

- Tất cả mọi người đều có quyền dự thi, trừ quí vị giám-khảo và nhân-viên tòa-soạn *Làng Văn*.

- Đề-tài nội-dung: tự-do chọn-lựa (nhưng không lợi-dụng cuộc thi để tuyên-truyền cho chủ-nghĩa và chế-độ cộng-sản).

- Bài dự thi chưa từng đăng báo hoặc in sách.

- Tòa-soạn *Làng Văn* có toàn quyền sử-dụng các bài dự thi trong vòng ba năm, kể từ ngày 30.4.1991 này.

Các bài qua vòng loại sẽ được lần-lượt đăng báo. Các bài trúng giải, hoặc được tuyển-chọn đặc-biệt, có thể sẽ in thành sách. *Làng Văn* trả nhuận-bút và tặng sách cho tác-giả có bài in sách theo lệ làng.

- Bắt đầu nhận bài: 30.3.1991

- Ngày hết hạn nhận bài:
30.10.1991

- Ngày công-bố giải thưởng:
Tết Nguyên-đán Nhâm-thân
1992

- Địa-chỉ gửi bài dự thi:
Làng Văn (Giải VHNT 1991)
P.O. Box 310, Station "W"
Toronto, Ont. M6M 5B9
Canada

Về các giải thưởng, giá-trị vật-chất căn-bản do tạp-chí *Làng Văn* ứng tặng như sau:

* Truyện ngắn:

- Giải nhất: 300 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải nhì: 200 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Giải ba: 100 gia-kim và các loại tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm

* Thơ:

- Giải nhất: 150 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải nhì: 100 gia-kim và tặng-phẩm

- Giải ba: 50 gia-kim và tặng-phẩm

- Các giải khuyến-khích: tặng-phẩm.

Tặng-phẩm gồm một năm báo dài hạn của *Làng Văn*, một số sách-vở do *Làng Văn*, thân-hữu và các nhà xuất-bản bạn ấn-hành cùng các loại quà tặng khác của các cơ-sở thương-mại Việt-nam (nếu có).

Ban tổ-chức đang vận-động các cơ-sở truyền-thông, xuất-bản, thương-mại Việt-nam góp thêm hiện kim và quà tặng cho các giải. Danh-sách các nhà mạnh thường quân yêu sinh-hoạt văn-học nghệ-thuật sẽ được công-bố đều-đặn trên *Làng Văn* cho tới ngày trao giải, và in vào tập truyện của Giải VHNT *Làng Văn* 1991. Giá-trị thực-sự của các giải sẽ cao hơn các con số ghi trên, và sẽ được cập nhật cho tới ngày chót.

BÀI DỰ THI NHẬN ĐƯỢC

* VĂN:

(Số đầu là mã-số bài, số thứ hai là mã-số tác-giả)

- 001—Mưa chiều (005, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 002—Giọt máu (005, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 003—Chuyến đi xa (027, Montréal, Gia-nã-đại)
- 004—Những cơn mưa rào (028, Calgary, Gia-nã-đại)
- 005—Hoa bá-tử-kinh (029, Panatnikhom, Thái-lan)
- 006—Lửa đảo (030, Maryland, Hoa-kỳ)
- 007—Giải-thoát (030, Maryland, Hoa-kỳ)
- 008—Ngày qua tháng lại (031, Miami, Hoa-kỳ)
- 009—Sau cơn mưa (026, Texas, Hoa-kỳ)

THƠ:

- 1001—Tâm-sự với nắng (001, Montréal, Gia-nã-đại)
- 1002—Hương vấn thiên (002, Vancouver, Gia-nã-đại)
- 1003—Nhớ (002, Vancouver, Gia-nã-đại)
- 1004—Vọng nhớ (002, Vancouver, Gia-nã-đại)
- 1005—Mùa xuân tuyết (003, Ottawa, Gia-nã-đại)
- 1006—Thương hận ca (004, Panatnikhom, Thái-lan)
- 1007—Ưu uất (004, Panatnikhom, Thái-lan)
- 1008—Quê hương bỏ lại (005, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 1009—Gió buồn (005, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 1010—Chiều nao (005, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 1011—Văn-tế quốc-tổ (006, Kingston, Gia-nã-đại)
- 1012—Đầu-tư (007, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1013—Đổi-lập cuối (007, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1014—Tự-do thứ thiệt (007, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1015—Sao em chẳng hề nói yêu anh (MA, Hoa-kỳ)
- 1016—Nhớ em (MA, Hoa-kỳ)
- 1017—Trong ngôi giáo-đường (MA, Hoa-kỳ)
- 1018—Thiên-đàng hay địa-ngục (009, OR, Hoa-kỳ)
- 1019—Niềm tin và hi-vọng (009, OR, Hoa-kỳ)
- 1020—Nhắn bạn (009, OR, Hoa-kỳ)
- 1021—Đêm cuối cùng (010, LA, Hoa-kỳ)
- 1022—Mây tần (010, LA, Hoa-kỳ)
- 1023—Ai bảo em đừng khóc (010, LA, Hoa-kỳ)
- 1024—Thông-diệp (011, Bangkok, Thái-lan)
- 1025—Xin thưa (011, Bangkok, Thái-lan)
- 1026—Định-nghĩa (011, Bangkok, Thái-lan)
- 1027—Hy-vọng (012, TX, Hoa-kỳ)
- 1028—Tình thu (012, TX, Hoa-kỳ)
- 1029—Về thăm quê (012, TX, Hoa-kỳ)
- 1030—Ngày mai em (013, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1031—Hoài cảm (013, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1032—Trả lại em (013, Mississauga, Gia-nã-đại)
- 1033—Mưa (014, Feyzin, Pháp)
- 1034—Anh, người mộng (014, Feyzin, Pháp)
- 1035—Cô-đơn (014, Feyzin, Pháp)
- 1036—Bình minh (032, Poruba, Tiệp-khắc)
- 1037—Bài thơ tự vấn (032, Poruba, Tiệp-khắc)
- 1038—Người yêu (032, Poruba, Tiệp-khắc)
- 1039—Sau cơn giông (015, Montréal, Gia-nã-đại)
- 1040—Người xưa (015, Montréal, Gia-nã-đại)
- 1041—Tình trao (016, TX, Hoa-kỳ)
- 1042—Tình nhận (016, TX, Hoa-kỳ)

- 1043—Thư nhà (016, TX, Hoa-kỳ)
- 1044—Hoài hương (017, San Jose, Hoa-kỳ)
- 1045—Quê tôi (018, Cựu-kim-sơn, Hoa-kỳ)
- 1046—Trong trại cấm Chimawan (018, Cựu-kim-sơn, Hoa-kỳ)
- 1047—Ai về bên đó (018, Cựu-kim-sơn, Hoa-kỳ)
- 1048—Tình quê vẫn đẹp (019, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1049—Đóng cửa cuộc đời (019, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1050—Chiến-sĩ vô-danh (019, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1051— (003, Ottawa, Gi-nã-đại)
- 1052—Sự tích thơ (020, Baiersdorf, Đức-quốc)
- 1053—Với Nguyễn Bình (020, Baiersdorf, Đức-quốc)
- 1054—Lá thư chép lại (020, Baiersdorf, Đức-quốc)
- 1055—Tại sao? Mẹ ơi! (021, Etobicoke, Gia-nã-đại)
- 1056—Mai em về (022, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1057—Thơ gọi cổ nhân (022, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1058—Nhớ tình thơ cũ (022, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1059—Bến Cát thân-yêu (023, Oakland, Hoa-kỳ)
- 1060—Từ Cửu-long (023, Oakland, Hoa-kỳ)
- 1061—Tôi đối đời (023, Oakland, Hoa-kỳ)
- 1062—Việt-nam tên mẹ (024, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1063—Vọng chờ cổ-nhân (024, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1064—Cho em giấc ngủ an-bình (024, Garden Grove, Hoa-kỳ)
- 1065—Biệt-xử (025, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1066—Hư không (025, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1067—Kiếp nhân (025, Santa Ana, Hoa-kỳ)
- 1068—Xuân thanh-bình (031, Miami, Hoa-kỳ)
- 1069—Hồi-tưởng (031, Miami, Hoa-kỳ)
- 1070—Thơ gửi mẹ (031, Miami, Hoa-kỳ)

DANH-SÁCH ỦNG-HỘ GIẢI VHNT LÀNG VĂN 1991

(Làng Văn nhận được các sự ủng-hộ sau đây, xin trang-trọng cảm tạ quý đồng-nghiep, ân-nhân, văn-hữu, thân-hữu và độc-giả):

- Tòa-soạn tạp-chí *Tự Chủ* (Nhật-bản)200 gia-kim
- Tòa-soạn *Văn-Nghệ Trẻ* (Đức)3 năm báo VNT
- Tòa-soạn nhật-báo *Chiêu Dương* tặng-phẩm văn-nghệ, đã gửi, trên đường tới
- Nhà văn Nguyễn Nghĩa (Toronto)10 cuốn *Chờ chết*
- Nhà văn Nguyễn Trung Tâm 15 cuốn *Vũ môn*
- Nhà văn Diệu Tần (Cali) 10 cuốn *Trên bờ kinh An Hạ*
- Nhà văn Anh Vân (Cali)10 cuốn *Lưới tình*
- Thi-sĩ Nguyễn-đức Bạt-ngàn (Edmonton) ..10 cuốn *Từ-giã* ngày
- Thi-sĩ Hoài Việt (Pháp)3 cuốn *Làng xưa phố cũ 2*
- Nhạc-sĩ Mai Đăng (Toronto) 100 gia-kim
- Độc-giả Lê Văn Thân (Pháp) 1 năm báo *Làng Văn*
- Độc-giả Hồ Thị Thảo (Santa Ana)50 mỹ-kim
- Độc-giả Nguyễn Hồng Văn (Toronto) 25 gia-kim

NHẮN TIN RIÊNG:

Bạn>NNL (Anne Michèle), Pháp.—Bạn gửi tới 6 bài thơ dự thi. Theo thể-lệ, mỗi tác-giả chỉ được gửi 3. Ban tổ-chức tự-động ghi 3 bài đầu vào hồ-sơ dự thi và loại 3 bài sau.

CÁO PHÓ

Chúng tôi đau-buồn báo tin cùng thân-bằng
quyến-thuộc,

Bà VÕ VĂN CHẤM
khuê-danh NGUYỄN THỊ NĂM

Vừa tạ-thế tại Montréal (Canada) ngày 10
tháng 7 năm 1991 (tức ngày 29 tháng 5 năm Tân
Mùi) hưởng thọ 81 tuổi,

Tang-lễ được cử-hành tại Montréal ngày 13
tháng 7 năm 1991.

Tang-gia đồng khắp báo:

Chồng: Ông Võ Văn Chấm (Laval, Canada)

Các con: - Võ Ngọc Diệp, chồng và con (Laval)

- Võ Tấn Vinh, vợ và các con (Texas)

- Võ Tấn Phước (bút-hiệu Võ Kỳ Điền),
vợ và con (Laval)

- Võ Bạch Mai (Laval)

- Võ Tấn Đức, vợ và con (Montréal)

- Võ Tấn Tài, vợ và các con (Toronto)

- Võ Bạch Tuyết, chồng và con (Toronto)

- Võ Bạch Lan, chồng và con (Ottawa)

PHÂN-ƯU

Nhận được tin buồn,

Cụ Bà **VÕ VĂN CHẤM**
khuê-danh NGUYỄN THỊ NĂM

đã tạ-thế tại Montréal, Gia-nã-đại hôm 10
tháng 7 năm 1991 (29 tháng Năm năm Tân Mùi)
hưởng thọ 81 tuổi,

Tang-lễ được cử-hành tại Montréal ngày 13
tháng 7 năm 1991,

Chúng tôi xin thành-kính phân-ưu cùng
anh chị **VÕ KỲ ĐIỀN** và quý tang-quyến.

- Ông Nguyễn Hữu Nghĩa

- Ông Nguyễn Tấn Hưng

- Ông Lưu Nguyễn

- Ông Lê Quang Xuân

- Ông Luân Hoàn

- Ông Trang Châu

- Ông Nguyễn Đông Ngạc

- Ông Nguyễn Nghĩa

- Ông Hồ Trường An

- Ông Bắc Phong

- Ông Vi-Vi Võ Hùng Kiệt

- Ông Nguyễn Văn Ba

PHÂN-ƯU

Được tin buồn

Bác NGUYỄN THỊ NĂM

Thân-mẫu của anh chị Dược-sĩ **VÕ TẤN ĐỨC**
và anh chị Bác-sĩ **VÕ BẠCH TUYẾT**

đã thất-lộc vào lúc 8 giờ 45 sáng ngày 10 tháng 7 năm
1991 tại Montréal, hưởng thọ 81 tuổi.

Xin thành thật chia buồn cùng anh chị Dược-sĩ Đức và
anh chị Bác-sĩ Tuyết cùng tang-quyến; cầu-nguyện chư
Phật tiếp độ cho hương linh bác gái sớm được vãng sanh
về cõi Phật.

Gia-đình Dược-sĩ Võ Thành Tân (Toronto)

Gia-đình Dược-sĩ Nguyễn Đình Đức (Ottawa)

PHÂN-ƯU

Khóc bạn,

NGUYỄN TUỜNG VŨ

đã vĩnh-viễn từ-biệt bạn-bè vào ngày 30 tháng 6 năm 1991 tại Manila, Phi-luật-tân, trong khi chăm-sóc cho đồng-bào tị-nạn, hưởng dương 53 tuổi,

Muôn vãn thương-xót,

Thành thực phân-ưu cùng tang-quyến,

- Vợ chồng Nguyễn Trùng Khánh
- Vợ chồng Lưu Nguyễn Đạt
- Vợ chồng Trần Danh San
- Vợ chồng Phạm Hữu Trác
- Vợ chồng Đào Trọng Hiệp

THƯƠNG TIẾC

Vô cùng tiếc thương,

Anh NGUYỄN TUỜNG VŨ

đã tạ-thế ngày 30 tháng 6 năm 1991 tại Manila, Phi-luật-tân, trong công-tác giúp-đỡ đồng-bào tị-nạn, hưởng thọ 53 tuổi,

Xin chia buồn cùng quý Anh Chị NGUYỄN TUỜNG BÁ, NGUYỄN TUỜNG QUÝ, kính chúc hương-hồn anh VŨ an-lạc vĩnh-viễn.

- Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa
- Vợ chồng Nguyễn Ngọc Ngạn

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn,

Anh NGUYỄN TUỜNG VŨ

đã qua đời ngày 30 tháng 6 năm 1991 tại Manila, Phi-luật-tân, hưởng dương 53 tuổi,

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng quý tang-quyến.

Hoàng Song An
Hoàng Song Hy
Hoàng Phương Minh

3
6
7
-
3
3
3
3
3
3

367-3333

367-3333

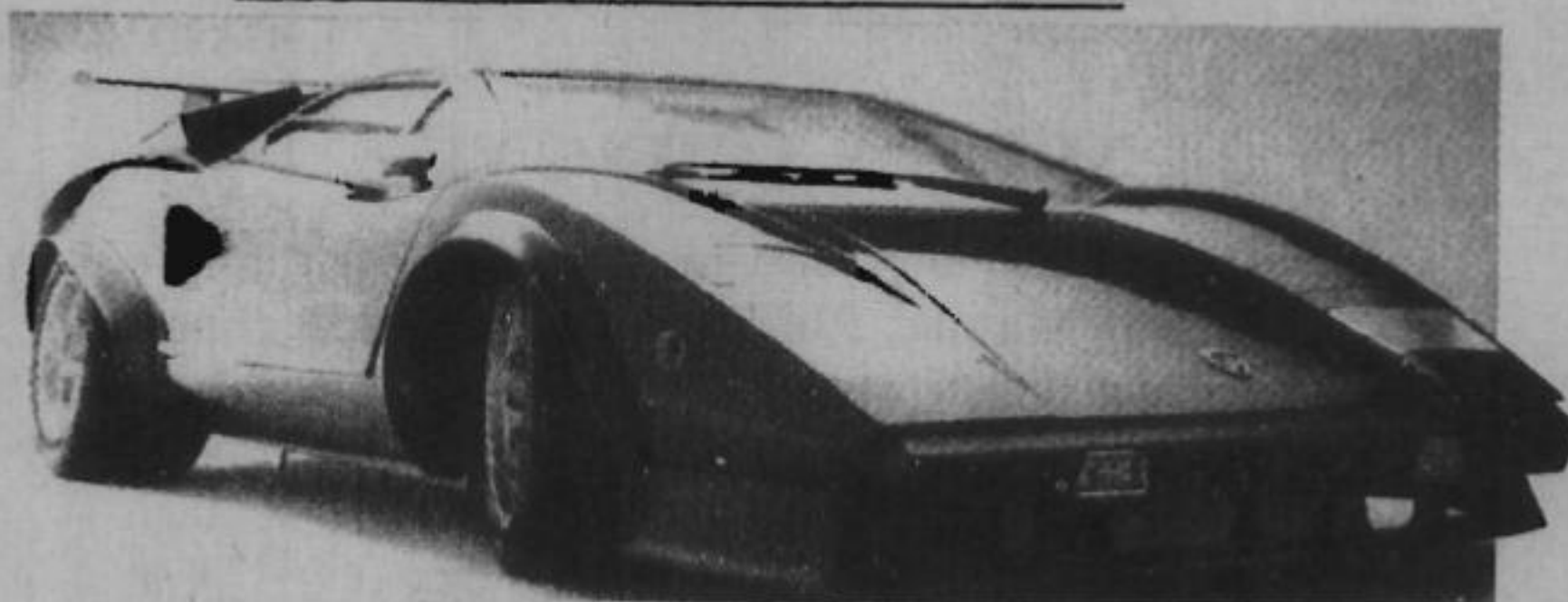
367-3333

367-3333

367-3333

3
6
7
-
3
3
3
3
3
3**EXELCAR**

CANADA INC.

**No Fault Insurance - No Problem****Hãy gọi : EXELCAR 367-3333 & Fax.: 367-5977**

Downtown Location
133 Tecumseth Street
 Toronto, Ontario, M6J 2H2

Mississauga Location
26 Melanie Drive Unit 5 & 6
 Brampton, Ontario, L6T 4K2

CHUYÊN LÀM ĐỒNG, SƠN, SỬA LẠI NHƯ MỚI ĐỦ LOẠI XE ÂU, MỸ, NHẬT**Đến với Excelcar Canada Inc. các Bạn sẽ được:**

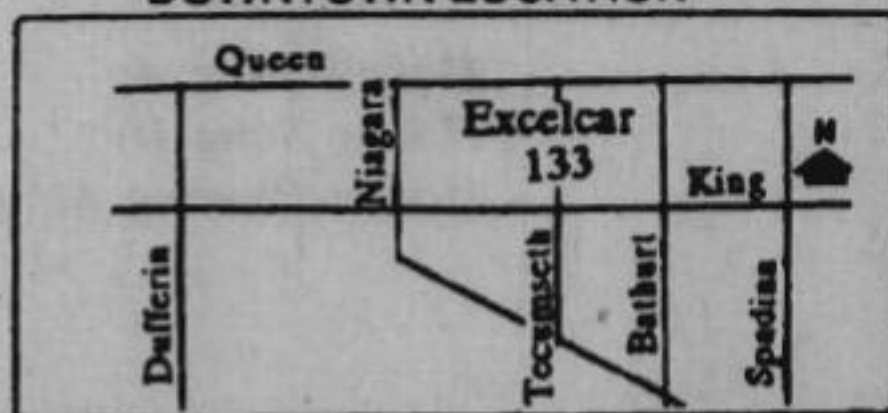
- Làm toàn bộ thủ tục với bất kỳ hãng bảo hiểm nào.
- Kéo xe 24 hrs miễn-phí; định giá sửa chữa miễn-phí

**FREE PICK-UP
 DELIVERY 24 HRS
 TẬN NHÀ**

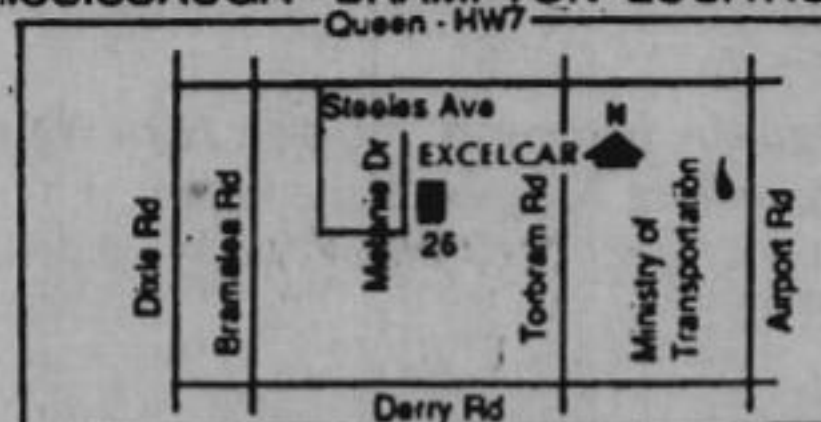
**ĐẾN VỚI EXELCAR CANADA Inc., QUÝ BẠN SẼ HOÀN TOÀN HÀI LÒNG HƠN BAO GIỜ HẾT
 TẬN TÂM PHỤC VỤ ĐỂ VUI LÒNG KHÁCH ĐẾN VỪA LÒNG KHÁCH ĐI**

- Chuyên-nghiệp sửa-chữa Frame và Unit Body với dàn kéo tối-tân và chính-xác nhất.
- Cho mượn xe miễn-phí trong lúc sửa-chữa, toàn xe **Brand new 1991: Toyota Corolla, Chevrolet Cavalier.**
- Hệ-thống pha sơn bằng computer, sơn Sikkens (được dùng cho BMW, Mercedes) cộng với tất cả kinh-nghiệm sẵn có trên các loại xe đắt tiền Âu-châu. Phòng sơn downdraft tối-tân nhất hiện nay. **Excelcar** cùng chủ-nhân sẽ làm cho xe bạn trở lại hoàn-hảo như original.

- **Free deductible** cho bạn UP TO \$500 (tùy trường-hợp), đặc-biệt dành cho xe không có bảo-hiêm.
- Muốn có một nước sơn thật mùa HÈ 91, mời các bạn đến với Excelcar, tặng **FREE** sơn chống sét, bớt 25% cho việc tu-bổ, sơn sửa.
- Thật là vinh-dự cho Excelcar, kể từ tháng 2.1991, có sự hợp-tác của anh **Andy-Le Anh**, nguyên là Office Manager của các Body Shop lớn nhất Toronto.

DOWNTOWN LOCATION

EMERGENCY, gọi LEE-TRAN
367-3333 or Mobile 518-1512

MISSISSAUGA - BRAMPTON LOCATION

EMERGENCY, gọi ANDY - LE ANH
458-4201 or Mobile 931-0828

NHỚ ƠN MẸ

Sách Công-giáo, Trương Văn Thục
5MK—7GK

NHỮNG BÍ-ẨN TRÊN KHUÔN MẶT VÀ BÀN TAY

Biên-khảo, Đoàn Văn Thông
14MK—18.50GK

NHỮNG KHUÔN MẶT VĂN-NGHỆ ĐI QUA ĐỜI TÔI

Hồi-ký, Tạ Tỵ
16MK—21GK

NHỮNG NGƯỜI ĐANG TỚI

Truyện dài, Đỗ Thúc Vịnh
9MK—11.50GK

NHỮNG PHẢN-ẢNH THỜI-SỰ CHÍNH-TRỊ MIỀN BẮC

Tài-liệu 7MK—10GK

NƯỚC MẮT TRONG TIM

Bút ký, Lê Đại Lãng
11MK—14GK

NUÔI-DƯỠNG TRẺ CON

Kiến-thức phổ-thông, Phạm Côn-Sơn
10MK—13GK

PHẢN THÔNG VÀNG

Tạp-bút, Xuân Diệu
6MK—8GK

QUỶ-CỐC TOÁN MỆNH

Tài-liệu, Dương Đình Lê Thứ Chi
18MK—23.50GK

NGHỆ-THUẬT LÂM MẸ

Kiến-thức phổ-thông, Trịnh Lê Hoàng
5MK—7GK

RÈN LUYỆN TÂM-THUẬT HUYỀN LINH

Triết-học, Phạm Công Thiện
10MK—12GK

SÁCH LỄ GIÁO DÂN

Sách Công-giáo
27MK—35GK

SÀI-GÒN CƯỜI MỘT MÌNH

Tạp-bút, Nhã Ca
12MK—15.50GK

SÁO TRÚC CHỈ-LINH

Truyện dài dã-sử, Vũ Xương
(trọn bộ 2 cuốn) 16MK—21GK

SƠN-LÂM ÊM-ĐỀM

(Les cosaques) Truyện dài, Leon Tolstoi, Nguyễn Trọng Đạt dịch
10MK—13GK

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Truyện dài, Nguyễn Mộng Giác

- Cuốn I:18MK—24GK
- Cuốn II:20MK—26GK
- Cuốn III:20MK—26GK
- Cuốn IV:20MK—26GK

SỬA BƯỚC SANG NGANG

Kiến-thức phổ-thông, Harold Shryock
8MK—11GK

TẠP-CHỦNG

Truyện ngắn, Hồ Trường An
10MK—12GK

THEO ÁNH TINH-CẦU

Tạp-bút, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh
15MK—19.50GK

THƠ TAGORE

Thơ, Đỗ Khánh Hoan dịch
8MK—11GK

TIỂU-ĐOÀN TRÙNG-GIỚI

Truyện dài, Heinz-Gunther Konsalik, Tâm Vũ dịch
12MK—16GK

TIỂU THƯƠNG TẠI HOA-KỲ

Kiến-thức phổ-thông, Kiêm Thêm
13MK—17GK

TÌNH-YÊU VÀ HÔN-NHÂN

Kiến-thức phổ-thông, Muriel James, Lê Quốc Hưng dịch
7MK—10GK

TRỜI XANH TRÊN MÁI NON CAO

Truyện dài, Nguyễn Thị Hoàng
5MK—7GK

TRUYỆN DÂN-GIAN TRUNG-QUỐC

Truyện cổ, Lâm Ngữ Đường, Nguyễn Quốc Đoan dịch
8MK—11GK

TRUYỆN LOÀI VẬT

Truyện ngắn tiền-chiến, Tô Hoài
6MK—8.50GK

TRUYỆN MỘT CẬU BÉ “CHÚ NHỎ”

Truyện dài, Alphonse Daudet, Nguyễn Thị Hạnh dịch
9MK—12GK

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

Truyện ngắn, Hoàng Minh Thủy
7MK—10GK

TƯ-BẢN KARL MARX

Tài-liệu, Nguyễn Văn Tuyển dịch
(trọn bộ 2 cuốn).....35MK—45GK

TỪ-NGỮ ĐẶC-BIỆT TRONG ĐỘNG-TỪ ANH-VĂN

Kiến-thức phổ-thông, Hoàng Năng Oanh
8.50—11.50GK

TỰ-ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH

Tự-điển, Lê Bá Kông
12MK—15.50GK

TỰ-ĐIỂN CHUYÊN-MÔN**VIỆT-ANH ĐỐI-CHIẾU**

Tự-điển, Quỳnh Lâm
9MK—12GK

TỰ-ĐIỂN DANH-TỪ Y-KHOA ANH-VIỆT

Tự-điển
14—18GK

TỰ-ĐIỂN Y-HỌC

Tự-điển
30MK—39GK

TỰ-HÀO LÀ NGƯỜI VIỆT-NAM

Biên-khảo, Cao Thế Dung
12MK—16GK

VÀI CHÚ-GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN-NGỘ

Biên-khảo, Phan Tấn Hải
8MK—11GK

VIỆT SỬ TIỂU AN

Tài-liệu, Ngô Thời Sĩ
14MK—18GK

VĨNH-BIỆT SÀI-GÒN

Bút-ký, Jean Lartéguy, Phạm Kim Vinh
12MK—16GK

VÕ-THUẬT TỔNG-HỢP VÀ THỰC-HÀNH

Kiến-thức phổ-thông, Lạc Hà và Phạm Xuân Thảo
6MK—8.50GK

VŨ-MÔN

Truyện ngắn, Nguyễn Trung Tâm
10MK—12GK

XẾP AL CAPONE

Truyện dài, Trương Sơn Lê Xuân Nhị
- Cuốn I: 15MK—19.50GK
- Cuốn II: 15MK—19.50GK

15 TRUYỆN NGẮN**GIẢI VẤN HỌC NGHỆ THUẬT LÀNG VĂN 1990**

Truyện ngắn, Ngọc Duy, Trương-sơn Lê Xuân Nhị, Đông Nghi, Trâm Lương, Tam Thanh, Phùng Nhân, Đinh Hiếu, Võ Hoài Nam và Nguyễn Quốc Ngân.
14MK—17GK

● *Độc-giả dài hạn Làng Văn (có mã-số độc-giả), được bớt 10% lúc mua sách qua tòa-soạn, xin trừ trước trong chi-phiếu khi đặt mua.*

Thư-từ, chi-phiếu xin đề:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Station “W”

Toronto, Ontario, M6M 5B9
Canada

TRƯƠNG THỊ KIM ANH
NORWAY

Đã phát-hành khắp nơi:

THẠCH KIỂM

TỰ TÌNH

phóng-tác



Cuốn I và II, mỗi cuốn 350 trang, giá 15.00MK (18GK)

HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH, HOẶC GỬI CHI-PHIẾU VỀ:

LÀNG VĂN

P.O. Box 310, Stn. "W", Toronto, Ontario M6M 5B9 Canada

Tel. (416) 249-4195 / Fax. (416) 240-0342